

TAO ĐÀN

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

CHẾT GIỮA MÙA HÈ



Nguyễn Nam Trân
chủ biên

YUKIO MISHIMA

YUKIO MISHIMA (1925-1970)

Tên thật là Hiraoka Kimitake. Thuở nhỏ, Mishima được dạy dỗ theo truyền thống khắc kỷ như quân đội. Sau khi tốt nghiệp đại học, đầu đổ vào ngạch công chức cao cấp Bộ Tài chính, ông đã từ chức sau một năm sống đời “sáng vác ô đi tối vác về” để chọn con đường viết văn gian nan gai góc hơn.

Là người có lý tưởng tôn quân bảo hoàng, ông đã cùng các bạn đồng chí hướng đánh chiếm doanh trại của quân đội Nhật ở Ichigaya ngày 25/11/1970 nhằm kêu gọi binh lính ở đó hành động, gây áp lực lên dư luận để sửa đổi hiến pháp cho phép Nhật Bản tái vũ trang. Giữa sự thờ ơ và chế nhạo của mọi người, Mishima đã mổ bụng tự sát.

CHẾT GIỮA MÙA HÈ

Yukio Mishima

Nguyễn Nam Trân chủ biên

ISBN: 978-604-9959-22-6

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Tao Đàn, 2020

Truyện *Ưu quốc* (*Yuukyoku*) được Miêng dịch từ bản Pháp ngữ: *Patriotisme* của Dominique Aury, trong Tuyển tập truyện ngắn *La Mort en été*, Gallimard, 1997.

Truyện *Onnataga* và kịch *Đạo Thành tự* (*Dojoji*) được Nam Tử dịch từ bản Anh ngữ ở cuốn *Death in Midsummer and Other Stories*, Penguin Books, 1971.

Truyện *Đôi cánh* (*Tsubasa*) - *Dì Haruko* (*Haruko*) - *Chết Giữa Mùa Hè* (*Manatsu no shi*) - *Hồn bướm* (*Chôchô*) - *Chim công* (*Kujaku*) - *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga* (*Shigadera shônin no koi*) - *Bồn phun nước giữa cơn mưa* (*Ame no naka no funsui*) và kịch *Nàng Aoi* (*Aoi*) được Nguyễn Nam Trân tuyển chọn và dịch từ nguyên tác tiếng Nhật, trong *Tuyển tập Manatsu no shi (Chết giữa mùa hè)*, 1970, Shincho, ấn bản lần thứ 57, Tokyo, 2013, và *Toàn tập Mishima Yukio*, Shincho, Tokyo, 1973. Có tham chiếu thêm bản dịch Pháp ngữ.

MISHIMA YUKIO

CHẾT GIỮA MÙA HÈ

Tuyển tập truyện ngắn

NGUYỄN NAM TRÂN

Chủ biên

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Bìa Gập Sau

Những lúc chú tâm nhìn khuôn mặt một người đàn bà hay chiêm nghiệm về con người thật của mình, tôi đều cảm thấy một nỗi khiếp sợ dâng lên trong cơ thể. Cách thức của tôi là phải làm sao để tìm ra cho được hình dáng của một “thằng tôi đang phản tỉnh” rồi cuối cùng mới có thể an tâm để bắt đầu xử lý vấn đề của mình. Nhưng cái giờ đây đang từ từ siết chặt tôi lại chỉ gây ra một sự đau đớn đầy khoái cảm. Bởi vì dù Haruko có thái độ hững hờ đối với tôi trong lời ăn tiếng nói và hành động, nhưng ở chỗ sâu thẳm nào đó, dì đang đi tìm ở nơi tôi một cái gì mà chính dì cũng không biết. Tôi cảm thấy mình đã khám phá ra điều đó [...] Chỉ cần nghe tới cái tên Haruko thôi, đã thấy đủ để mơ tưởng đến một cái gọi là “hạ cấp mà kiêu sa”, không khác gì hình ảnh một con thú lười khô bong, hỗn hển băng qua cánh đồng dưới con nắng lửa, tóm lại, đó là một đam mê tôi chưa từng nếm.

Bìa: *Evening at Ushigome* (1939), Tsuchiya Koitsu

Bìa Sau

CHẾT GIỮA MÙA HÈ là tập truyện kết tinh những lý tưởng sống cốt lõi cùng những góc khuất ẩn ức thậm sâu trong con người Yukio Mishima. Đó là sự ngợi ca và nỗi ám ảnh thường trực dành cho cái chết, là tiếng khóc hoang lạc và bi ai của những tâm hồn đang yêu muốn được giải phóng khỏi sự hạn hẹp của giới tính và xác thịt, là nỗi cô đơn vĩnh cửu của nhân loại lúc bình sinh...

Văn chương của Mishima uyển chuyển, tinh tế, kết hợp nhuần nhuyễn những ảnh hưởng của Đông phương và Tây phương, của truyền thống lẫn hiện đại. Nhưng với lý tưởng tôn quân bảo hoàng cùng tư tưởng cực đoan cá nhân, văn tài của ông bị xem là chỉ nở ra những bông hoa ác, bởi thế, văn chương và con người Mishima luôn là đối tượng để mổ xẻ nghiên cứu của các nhà phê bình và người đọc trên khắp thế giới.

Lời ngỏ

Mishima Yukio là một tác giả dễ gây tranh cãi. Ông có lắm người yêu và không thiếu gì kẻ ghét. Tất cả chỉ vì ý kiến chính trị và lối sống khác đời của ông. Tuy nhiên, chúng ta đều phải công nhận rằng Mishima là một tài năng đích thực và là một tồn tại hãn hũu, không những ở giữa lòng văn học sử Nhật Bản mà cả trong văn học thế giới. Việc cho ra đời một tuyển tập truyện ngắn tại Việt Nam nhân kỷ niệm 95 năm sinh và 50 năm mất của ông thiết tưởng chỉ là một sự đền bù xứng đáng cho một tài năng hiếm có.

Vì Mishima là một người thường xuyên bị ám ảnh bởi cái chết nên chúng tôi xin phép được dùng **“Chết giữa mùa hè”** - tên một truyện khá dài được chọn dịch ở đây - làm nhan đề cho toàn bộ tập truyện. Tuy nhiên, ở Mishima, chúng ta có thể hiểu rằng cái chết chỉ là một phần của cuộc sống và là cái mốc đánh dấu đỉnh cao nhất trong tình yêu của con người đối với cuộc sống ấy.

Mặc dù đã cố gắng hết sức, nhưng chúng tôi hãy còn nhiều khuyết điểm trong khâu trình bày lẫn nội dung. Mong quý vị độc giả vui lòng chỉ giáo để chúng tôi có thể khắc phục trong những lần ra mắt tới.

Tokyo, 01/01/2020

Nguyễn Nam Trân

ƯU QUỐC (Yuukyoku)

1

Ngày 28 tháng Hai năm 1936 (tức ngày thứ ba sau cuộc Binh Biến 26 tháng Hai), Trung úy Takeyama Shinji thuộc trung đoàn bộ binh cận vệ Thiên hoàng - đau đớn biết rằng các bạn thân nhất của mình đã tham gia cuộc nổi loạn, và cảm phẫn trước tình thế bắt buộc các toán quân Hoàng gia sẽ phải tấn công nhau - đã mổ bụng theo đúng nghi lễ bằng thanh kiếm tùy thân, trong căn phòng tám chiếu tại nhà riêng thuộc quận Yotsuya, khu 6 xóm Aoba-chô. Vợ anh, Reiko, noi gương chồng, cũng tự vẫn theo. Lá thư từ biệt của Trung úy chỉ gọn một câu: “Quân đội Hoàng gia muôn năm”. Còn vợ anh, sau khi tạ tội song thân sẽ phải nghịch đạo hiếu vì làm con mà chết trước cha mẹ, chấm dứt thư mình: “Ngày phải đến đã đến với vợ một quân nhân...” Những giây phút cuối cùng của đôi lứa trung trinh tiết liệt này đã khiến thánh thần cũng phải khóc. Nên lưu ý rằng Trung úy chỉ mới ba mươi một tuổi và người vợ mới hai mươi ba; chưa tới nửa năm trôi qua kể từ ngày cưới.

2

Ai thấy hình cưới cũng chóa mắt chẳng kém người đã tham dự hôn lễ, không tiếc lời khen ngợi đôi trai tài gái sắc. Viên Trung úy đứng oai vệ trong bộ quân phục, tay phải trên đốc kiếm, mũ lưỡi trai trong tay trái, như đang che chở cô vợ thanh xuân. Anh có vẻ mặt oai nghiêm, và dưới cặp chân mày đen rậm, cái nhìn của đôi mắt to toát ra nét trẻ trung, ngay thẳng. Thật khó tưởng tượng nổi cái gì có thể sánh với nhan sắc cô vợ trong tấm áo cưới mà sự gợi cảm và nét tao nhã hòa quyện vào nhau; môi đầy đặn, mũi thanh tú, mắt bình thản dưới đôi mày mềm dịu. Bàn tay cầm cây quạt e ấp nhô khỏi cánh áo kimono, và các đầu ngón tay chụm lại như mầm mấu đon.

Sau cuộc tự vấn, khi cầm lại tấm hình quan sát, ai cũng buồn bã than trách, sao những cuộc hôn phối bề ngoài có vẻ hoàn hảo như vậy lại đã ngầm chứa điềm gở. Có thể chỉ là tưởng tượng, nhưng nhìn tấm hình sau thăm kịch, trông đúng là đôi trẻ bất động trước tấm bình phong sơn mài dát vàng kia đều có đôi người trong vắt hết nhau, đang chăm chăm nhìn thấu suốt trước cái chết đang chờ đợi họ.

Nhờ sự giúp đỡ của ông mai hôn lễ, Trung tướng Ozeki, họ kiếm được căn nhà mới ở xóm Aoba-chô quận Yotsuya. Nói nhà mới thì cũng hơi quá. Thực ra là thuê căn nhà cũ ba gian phía sau trông ra vườn nhỏ. Vì cả gian sáu chiếu lẫn bốn chiếu rưỡi ở tầng trệt không hưởng được ánh mặt trời, họ dùng gian tám chiếu ở tầng trên làm phòng tiếp khách và phòng ngủ. Không có người giúp việc nên Reiko trông nhà một mình khi chồng đi vắng.

Họ miễn chuyện đi hưởng tuần trăng mật, viện có đất nước đang trong tình trạng báo động, và qua đêm tân hôn trong căn nhà này. Hôm đó trước khi đi ngủ, Shinji ngồi trên chiếu, thẳng ngực,

cây kiếm đặt trước mặt, thuyết cho vợ một bài huấn thị về đạo đức nhà binh. Đàn bà làm vợ quân nhân phải biết rằng chồng mình có thể chết bất cứ lúc nào, và phải chấp nhận chuyện đó một cách dứt khoát. Có thể là ngày mai. Hay ngày kia. Nhưng thời điểm nào không quan trọng, điều quan trọng là em đã hoàn toàn vững chí chấp nhận chuyện ấy chưa? Reiko đứng lên mở ngăn kéo bàn viết, lấy ra vật quý giá nhất trong mấy món hồi môn, thanh đoản đao mẹ tặng. Trở về chỗ ngồi, cô đặt thanh đao trước mặt không nói tiếng nào, hệt như người chồng đã đặt thanh kiếm của anh. Họ như kết ước với nhau tức khắc trong im lặng, và viên Trung úy không bao giờ còn phải tìm cách thử thách quyết tâm của vợ nữa.

Trong những tháng đầu sau đám cưới, nhan sắc Reiko ngày càng rực rỡ, cô rạng ngời với vẻ trong sáng trầm tĩnh của mặt trăng sau cơn mưa.

Vì cả hai đều trẻ trung khỏe mạnh, họ yêu nhau với tất cả đam mê. Và không phải chỉ về đêm thôi. Nhiều lần về thẳng nhà sau buổi thao diễn, vừa bước vào, ngay cả không kịp cởi bỏ bộ quân phục đầy bùn, viên Trung úy đã vật vợ xuống sàn. Reiko phơi phơi độ nồng nhiệt tương đương. Khoảng một tháng sau đêm hoa chúc, Reiko thực tình tràn trề hạnh phúc, khi nhận biết điều ấy, Trung úy cũng sung sướng như cô.

Thân thể Reiko trinh tiết trắng ngần. Biết chống cự mãnh liệt như muốn giữ gìn vẻ thanh khiết nhưng vừa thuận tình là bộ ngực ể ấp tròn trịa đã hào phóng tỏa ra hơi ấm. Ngay cả trên giường, hai vợ chồng đều nghiêm trang đến sợ. Trên tột đỉnh điên cuồng nhất của nỗi say đắm cùng cực, họ cũng giữ con tim nghiêm chỉnh trong trắng.

Trong ngày, Trung úy nghĩ đến vợ vào lúc tạm nghỉ tập huấn, và suốt ngày ở nhà, Reiko hình dung bóng dáng chồng. Ngay cả lúc vắng anh, cô chỉ cần nhìn tấm hình cưới để nhận chân hạnh phúc của mình. Reiko không mấy may ngạc nhiên khi thấy người đàn ông chỉ mấy tháng trước còn hoàn toàn xa lạ, nay bỗng trở thành mặt trời mà toàn thể vũ trụ của mình xoay chuyển chung quanh.

Tất cả những điều đó đều có cơ sở đạo lý: theo điều dạy trong sắc lệnh về giáo dục của Thiên Hoàng mà họ tuân phục, vợ chồng phải “sống trong sự hòa hợp”. Chẳng lần nào Reiko nói trái ý chồng, và viên Trung úy không có dịp nào phiền trách vợ. Trên bàn thờ Thần Đạo dưới cầu thang bên cạnh tấm bảng đề Thần Cung Hoàng Tộc có đặt tấm hình Thiên Hoàng với Hoàng Hậu, đều đặn mỗi sáng trước khi tới nhiệm sở, Trung úy cùng vợ dừng lại chỗ thiêng liêng này cúi đầu thật thấp. Nước cúng thay mỗi ngày, và nhánh cây thiêng sakaki luôn luôn tươi xanh. Họ sống dưới sự phù hộ của thánh thần và từng chân tơ kẽ tóc trên người đều rung động một niềm hạnh phúc tràn trề.

3

Căn nhà Bộ trưởng Bộ Tư pháp Saito nằm cùng trong khu; vậy mà hai người không nghe tiếng súng nổ tảng sáng ngày 26 tháng Hai. Chỉ mười phút sau thảm kịch, hồi kèn gọi tập hợp trong buổi bình minh ngập tuyết đã đánh thức viên Trung úy. Nhảy vội khỏi giường không một lời, anh mặc quân phục, giắt thanh kiếm vợ trao rồi vội vã lao ra; đường sá phủ đầy tuyết và trời hãy còn đêm. Anh chỉ trở về chiều tối ngày 28.

Về sau nghe đài phát thanh, Reiko mới hiểu mọi chi tiết về sự bùng nổ bạo lực thành linh ấy. Trong hai ngày tiếp đó, cô đã sống một mình trong sự yên tĩnh tuyệt đối, cửa kín then cài.

Trên gương mặt Trung úy khi anh bước ra dưới tuyết, Reiko đã đọc thấy lòng quyết tử. Cô tự quyết định là nếu chồng không trở về, cô cũng sẽ chết theo thôi. Cô bình tĩnh phân phát tài sản của mình. Chọn mấy tấm kimono trang trọng nhất để làm quà kỷ niệm cho các bạn thời thơ ấu và bạn học, gói ghém cẩn thận rồi viết tên với địa chỉ trên mỗi gói. Bởi chồng thường ngăn cấm nghĩ tới ngày mai, Reiko không bao giờ viết nhật ký và mất đi cái thú đọc tới đọc lui rồi đốt dần các trang giấy ghi lại từng chi tiết hạnh phúc của mình mấy tháng sau này. Bên cạnh máy phát thanh là con chó nhỏ bằng sứ đứng cạnh đám cỏ, sóc, gấu, chồn. Có cả chậu hoa nhỏ và bình nước con. Reiko không sưu tập gì khác. Nhưng khó phân phát mấy món đó làm di vật, cho chúng theo vào quan tài bằng được thì cũng không đáng. Khi miên man như vậy, cô cảm thấy sắc diện các con vật kia càng u buồn xa xăm hơn.

Reiko cầm con sóc lên nhìn. Rồi tâm trí hướng về miền thăm thẳm cao xa, nơi có cái gì đáng cảm phục vượt lên hẳn nỗi quẫn luyện quá trẻ con của mình, đó là cái nguyên tắc sáng rõ như mặt trời mà chồng cô là hiện thân. Reiko sẵn sàng lao nhanh vào chỗ chết và sung sướng được tháp tùng chiếc linh xa chói lọi thái dương... nhưng trong vài giây phút cô đơn, cô dịu dàng thả lòng mình về những phù phiếm ngây thơ vô tội ấy. Xa quá rồi, cái thời cô thật sự yêu thích mấy món vật vĩnh đó. Từ nay chỉ còn yêu cái kỷ niệm là xưa kia đã từng yêu thích chúng, và chỗ các món ấy đã chiếm lĩnh trong tim cô thuở trước giờ đây tràn trề niềm đam mê

mãnh liệt hơn nhiều với hạnh phúc điên cuồng... Bởi ngay cả tận đáy lòng Reiko cũng không bao giờ gọi tên những lạc thú nhục dục say sưa đêm ngày kia là khoái lạc. Cái lạnh tháng Hai và sự tiếp xúc bằng giá với con sóc bằng sứ làm tê cóng những ngón tay thanh tú; dù sao đi nữa, với ý nghĩ giây phút hai cánh tay mạnh mẽ của chồng vươn ra chờ đón mình, cô cảm thấy trong phần thân còn lại, dưới làn lót có nét vẽ đều đặn của tấm kimono sít sao bằng tơ *meisen*, toát ra chất mồ hôi hâm hấp xác thịt nóng hổi làm tan được cả băng tuyết...

Cô không hề sợ cái chết đang trần trở trong đầu. Chờ ở nhà một mình, Reiko tin rằng những gì chồng mình cảm nhận, ta thán, lo buồn hay suy nghĩ cũng đều đưa cô tới cái chết hoan hỷ - chắc chắn như quyền lực thịt da anh trên thân thể cô vậy. Có cảm tưởng mọi ý nghĩ dù nhỏ nhoi của chồng cũng sẽ dễ dàng biến chất loãng tan trong thân xác mình.

Lắng tai trước thông tin đồn dập trên đài phát thanh, cô nghe xướng tên nhiều bạn đồng ngũ của chồng trong số sĩ quan nổi dậy. Loại tin tức đó loan báo cái chết. Chăm chú theo dõi biến cố và khi tình hình ngày càng trở nên không thể đảo ngược, cô lo âu tự hỏi sao không có sắc lệnh của Hoàng gia can thiệp, để đến nỗi cái mà lúc đầu người ta xem là phong trào nhằm tái lập danh dự quốc gia lại dần dà biến thành điều ô nhục bị gọi là phiến loạn. Không tin tức gì từ trung đoàn. Dường như người ta có thể lại tác chiến bất cứ lúc nào trên đường phố còn đóng đầy tuyết.

Ngày 28, vào khoảng mặt trời sắp lặn, tiếng đập ầm ầm trên cửa ra vào khiến Reiko giật bắn người. Cô vội vã đi xuống. Vừa vụng về kéo ổ khóa và thoáng thấy lò mờ qua lớp kính dày một

bóng người lặng lẽ, cô biết ngay là chồng. Chưa bao giờ ổ khóa cứng đến vậy. Nó không chịu nhường bước. Cửa không chịu mở.

Giây sau, khi cô vừa biết mình mở được cửa thì viên Trung úy đã đứng bên cạnh trên nền xi măng tiền sảnh, cổ rút vào tấm áo choàng ka ki, đôi ủng dính bùn nặng cứng. Anh đóng cửa lại sau lưng và đẩy chốt khóa. Cử chỉ này nghĩa là gì? Reiko không hiểu.

- Anh mới về.

Reiko cúi người thật thấp nhưng chồng không đáp. Vì anh vừa tháo kiếm và sắp cởi áo choàng, Reiko vòng ra sau giúp anh. Tấm áo ẩm lạnh trĩu nặng trên tay cô không còn mùi phân ngựa bình thường vẫn toát ra dưới nắng. Cô treo nó lên móc, ôm chặt chiếc dây nịt da và cây kiếm trong đôi tay áo rộng, chờ chồng tháo ủng để cùng anh lên phòng khách. Đây là căn phòng sáu chiếu ở tầng trệt.

Dưới ánh đèn, khuôn mặt người chồng phủ lớp râu quai nón dày đã hai ngày không cạo trông hốc hác tiêu tụy khó nhận ra. Má hóp vào mắt vẻ tươi sáng rần rỏi. Thường thì anh thay đồ ngay và đòi ăn tối, nhưng lần này cứ ngồi trước bàn, vẫn còn mặc quân phục, đầu cúi thấp, nặng trĩu âu lo. Reiko không dám hỏi có phải làm cơm tối không. Một lát, anh nói:

- Anh hoàn toàn không biết gì hết. Họ không thèm rủ anh nhập bọn. Chắc tại vì anh mới cưới. Kano, Homma nữa, và cả Yamaguchi.

Reiko thấy lại trong chốc lát khuôn mặt các sĩ quan trẻ đầy nhiệt tình, những người bạn của chồng thỉnh thoảng mời về nhà.

- Có thể ngày mai Thiên Hoàng sẽ xuống chiếu. Anh nghĩ họ sẽ bị gọi là bọn phiến loạn. Anh sẽ được giao quyền chỉ huy một đơn vị và nhận lệnh tấn công họ... Anh không làm được. Không thể nào làm một việc như vậy.

Rồi tiếp:

- Người ta miễn phiên gác của anh và cho phép về nhà đêm nay. Nhưng sáng mai, nhất định anh sẽ phải trở lại để tấn công họ. Anh không làm thế được, Reiko.

Reiko ngồi thẳng thớm, mắt nhìn xuống. Cô hiểu rõ ràng chồng nói về cái chết. Viên Trung úy đã dứt khoát. Bắt rẽ từ cái chết, mỗi lời anh mạnh bạo nhả ra ý nghĩa trọn vẹn của nó, sáng rõ như được ghi trên nền đen bất động. Mặc dầu Trung úy nói như thể còn bị đặt giữa hai con đường phải chọn, nhưng thâm tâm anh không có chỗ cho lòng do dự.

Dù sao, sự im lặng giữa hai người có cái gì rất minh bạch, như nước trong vắt của dòng suối khởi từ băng tuyết tan. Ngồi trong nhà mình sau hai ngày dài thử thách, lần đầu tiên Trung úy cảm thấy yên ổn thực sự. Vì anh hiểu ngay rằng vợ đã đoán biết quyết định của chồng ẩn sau lời nói, dù cô không phát biểu chi cả.

Đôi mắt viên Trung úy mở thật to. Dù mệt mỏi cùng cực, cái nhìn của anh vẫn mạnh mẽ trong sáng, và lần đầu tiên chiếu thẳng vào mắt vợ: "Vậy thì... tối nay anh sẽ mổ bụng."

Reiko không hề dao động.

Cái nhìn bình tĩnh của cô căng ra tựa sợi dây đàn đánh âm cao. Cô nói:

- Em đã sẵn sàng. Em xin phép được theo anh.

Viên Trung úy cảm thấy gần như bị thôi miên trước sức mạnh ánh mắt cô. Anh trả lời nhanh chóng dễ dàng như người ta nói trong cơn mê sảng; và chính anh cũng không hiểu làm sao một sự xin phép mang hậu quả nặng nề dường ấy lại có thể được chấp thuận nhanh nhẹ dường này:

- Được rồi. Chúng ta sẽ cùng ra đi. Nhưng trước hết anh cần em làm nhân chứng cho cảnh tự sát của anh cái đã. Em hiểu không?

Khi điều đó thốt ra, một niềm hạnh phúc mãnh liệt bất ngờ bao phủ lấy hai người. Tim Reiko xúc động mạnh trước lòng tin cậy trọng đại của chồng. Điều chính yếu đối với Trung úy là, dù gì xảy ra sau này chẳng nữa, cái chết của anh phải hoàn toàn đúng nghi thức. Cần phải có người chứng kiến. Sự kiện chọn vợ là bằng cứ thứ nhất của lòng tin cậy. Biểu hiện thứ hai còn quan trọng hơn, là sau khi đã cam kết với nhau cùng chết, anh không có ý định giết vợ, nghĩa là anh đã trì hoãn cái chết của vợ cho đến lúc chính mình không còn sống nữa để kiểm chứng. Nếu Trung úy là người chồng đa nghi, chắc chắn anh sẽ phải giết vợ trước, như trường hợp thông thường khi hai người cùng tự vẫn.

Khi Reiko nói “Em xin phép được theo anh”, Trung úy có cảm tưởng lời ấy là kết quả sự dạy dỗ chính anh đã gieo cấy từ đêm tân hôn, khi dạy vợ phải nói thẳng những gì phải nói, không ngần ngại khi đúng lúc. Anh cảm thấy tự hào về cách hành xử của mình. Bởi vì dù không hợm mình cũng không lãng mạn, anh chẳng hề tưởng tượng rằng lời lẽ Reiko có thể tới một cách bộc phát từ tình yêu chồng.

Đôi tim tràn trề hạnh phúc khiến họ không thể không mỉm cười với nhau. Reiko tưởng như đang sống lại đêm ngày trăng mật.

Trước mắt cô không có đau khổ cũng chẳng có chết chóc. Chỉ thấy cảnh sắc tự do vô biên mở ra trên chân trời vô tận.

- Nước nóng rồi. Anh muốn tắm bây giờ chưa?

- Thế à, tắm chứ.

- Rồi ăn tối?

Mấy tiếng đó phát ra với giọng trầm tĩnh thân mật đến nỗi trong tích tắc, Trung úy suýt tưởng tất cả những gì đã xảy ra chỉ là ảo giác.

- Anh nghĩ mình không cần ăn tối. Nhưng có lẽ nên hâm chút rượu sake?

- Tùy anh.

Đứng dậy lấy áo choàng tắm cho Trung úy, Reiko cố tình khiến chồng để ý những gói quà trong ngăn kéo. Anh đứng lên bước tới bên tủ áo nhìn. Anh đọc từng địa chỉ ghi trên mỗi món kỷ niệm đã được bao bọc sắp xếp cẩn thận. Bằng chứng này của sự dũng cảm và dứt khoát, không khiến anh buồn mà lại làm tim anh tràn ngập yêu thương. Như người chồng được cô vợ trẻ phô khoe những món quà thơ dại, sau lưng cô, viên Trung úy quàng tay ôm vợ hôn lên gáy.

Reiko cảm thấy chiếc cảm chồng xù xì râu không cạo áp vào gáy. Thay vì chỉ giản dị là một trong muôn chuyện ở đời, cái cảm giác này đối với cô không chỉ như gói ghém toàn thể cuộc sống, mà còn chiếm hữu cô dữ dội hơn bao giờ, bởi vì cô biết mình sắp mất

nó vĩnh viễn. Mỗi giây phút trôi qua đều mang lại nét gì mới mẻ với mãnh lực đặc biệt, và đánh thức mọi giác quan trong mỗi phần cơ thể. Đón nhận cơn trớn của chồng không động đậy, Reiko nhón mình trên đầu ngón chân trong đôi tất vải, cho khoái cảm tủa tràn khắp mọi thớ thịt.

Trung úy thì thầm bên tai vợ:

- Tắm cái đã, rồi uống chút sake... rồi thì mở giường trên nhà ra, em nhé?

Reiko im lặng thuận tình.

Trung úy cởi bỏ quần phục đi tắm. Reiko vừa lắng nghe tiếng nước khuấy, vừa kiểm lại lửa trong lò sưởi phòng khách và bắt đầu hâm rượu sake; rồi cầm áo khoác tắm, sợi dây lưng và đồ lót, cô vào phòng tắm xem nước đã đủ nóng chưa. Giữa làn hơi nước, Trung úy đang cạo râu, ngồi bệt dưới đất, chân co vào hai đầu gối mở rộng, bắp thịt trên tấm lưng trần khỏe mạnh ẩn hiện ăn nhịp với động tác cánh tay.

Tất cả những thứ đó không mang ý nghĩa đặc biệt nào lúc này. Reiko chú ý đến công việc mình, sửa soạn mấy món nhắm. Tay không run. Cô còn làm việc dễ dàng chính xác hơn thường lệ. Thực ra, thỉnh thoảng một nỗi lo âu kỳ lạ dấy lên làm tim đập mạnh. Như tia chớp từ xa, có cái gì dữ dội đâm vào cô rồi biến ngay không dấu vết. Ngoài điều đó ra, không có chi khác thường cả.

Ngồi cạo râu trong phòng tắm, thân thể ấm lên, cuối cùng Trung úy cảm thấy cơn mệt mỏi tuyệt vọng xác thân được chữa lành một cách thần diệu khỏi dằn vò dằn đo do dự, anh còn thấy khơi lên sự chờ đợi hân hoan, bất chấp cái chết đang đón chờ mình.

Anh nghe vắng vắng tiếng vợ di chuyển ở phòng bên. Nỗi ham muốn lành mạnh mãnh liệt bỗng bộc phát sau hai ngày rỗng quên lãng.

Trung úy tin chắc không có gì vẫn đục trong niềm hoan lạc mà cả hai cùng cảm thấy khi quyết định sống chết có nhau. Mặc dù tất nhiên họ không ý thức được gì rõ ràng, lúc ấy cả hai cùng nhận biết một lần nữa rằng những lạc thú mà họ chia sẻ trong phòng the vẫn luôn luôn được đặt dưới sự che chở của Thánh Thần, rằng Thiên Tâm và Đạo Lý là bảo đảm của họ. Khi cùng nhìn nhau để phát hiện trong mỗi ánh mắt lòng quyết tử cao cả, một lần nữa họ lại có cảm giác an toàn sau những bức tường thép vững chắc, được bảo vệ bởi chiếc áo giáp không thể xuyên thủng của Chân và Mỹ. Đến nỗi viên Trung úy không hề nhìn thấy mâu thuẫn hay xung khắc nào giữa đòi hỏi xác thịt và sự chân thành của lòng ưu quốc, mà chỉ trông thấy ở đó hai mặt của cùng một hiện thực.

Ghé mặt thật sát tấm gương tối rạn men mờ mờ hơi nước trên tường, Trung úy chăm chú cạo râu. Đó sẽ là gương mặt anh mang khi chết. Không nên để sót dấu vết khó ưa nào. Khuôn mặt sạch nhẵn đã tìm lại nét rạng rỡ tuổi trẻ dường như làm sáng hẳn tấm gương mờ. Anh tự nhủ, đặt cạnh bộ mặt tử thần, gương mặt chói chang sức khỏe này hẳn phải thanh lịch lắm.

Diện mạo anh bây giờ thế nào thì khi chết cũng sẽ thế đó. Trên thực tế nó đã thoát ly một phần khỏi Trung úy rồi, không còn hoàn toàn thuộc về anh nữa: đấy là bức tượng bán thân sẽ đặt trên mộ quân nhân. Anh thử nhắm mắt lại. Tất cả đều bị bóng đêm bao phủ, anh không còn là sinh vật sống và thấy nữa.

Từ phòng tắm ra, vết dao lướt trên hàm râu mới cạo hầy còn ánh trên đôi má bóng láng, anh ngồi xuống cạnh lò sưởi nhỏ. Để ý thấy Reiko dù bận bịu cũng tìm ra chút thời giờ tô nhẹ phấn son. Đôi má bong bóng, môi ươn ướt. Không thấy nơi cô đáng vẽ u buồn nào. Trước bằng có tính khí cô vợ trẻ, viên Trung úy tự nhủ thực ra anh đã chọn đúng người vợ mà anh phải chọn lựa.

Vừa uống xong ngụm sake, anh chìa ngay cho vợ. Reiko chưa bao giờ uống rượu nhưng đón nhận không do dự và bẽn lễn ghé môi.

Trung úy gọi: “Đến đây!”

Reiko tiến sát bên chồng, anh vòng tay ôm rồi lật nhào cô lên đầu gối. Ngực bùng lửa như thể nổi buồn, niềm vui và rượu mạnh pha lẫn đang ấu đả trong cô. Trung úy nghiêng đầu nhìn mặt vợ. Đây là khuôn mặt cuối cùng anh nhìn thấy trong thế gian này, khuôn mặt đàn bà nhìn thấy lần chót trên đời. Trung úy chăm chú quan sát với cặp mắt của du khách nói lời vĩnh biệt cảnh quang khả ái mà mình sẽ không bao giờ tái viếng. Đó là gương mặt anh nhìn không biết chán - đường nét đều đặn không tẻ lạnh, môi dịu dàng đầy đặn khép hờ. Trung úy bất giác đặt lên đôi môi ấy nụ hôn. Và thình lình, mặc dầu khuôn mặt kia không hề biến dạng vì tiếng nấc đáng hổ thẹn, anh thoáng thấy những giọt lệ chói ngời dưới hàng mi dài đang chậm chậm thoát khỏi đôi mắt khép, đầm đìa, tràn lan.

Lát sau khi anh đề nghị về phòng ngủ, Reiko trả lời tắm xong cô sẽ theo anh ngay. Lên thang lầu một mình và trong căn phòng đã sưởi ấm bằng lò sưởi ga, anh soãi người trên chiếc giường vừa mở, dang chân duỗi tay. Ngay cả giờ khắc chờ đợi vợ như vậy cũng là

thời điểm bình thường, không sớm hơn cũng chẳng muộn hơn thường lệ.

Đan chéo tay dưới gáy, anh ngấm những cây mè đen trên trần nhà mà ngọn đèn chong không chiếu tới. Anh đang chờ đợi cái chết chẳng? Hay sự say sưa nhục cảm điên cuồng? Cái này quẩn quện vào cái kia như thể đối tượng của ham muốn nhục thể cũng chính là cái chết. Dù sao chắc chắn là Trung úy chưa bao giờ cảm thấy hoàn toàn tự do siêu thoát như vậy.

Có tiếng gầm rú máy xe dưới phố, tiếng bánh xe hơi nghiêng rào rào trên tuyết đổ dọc bên vệ đường, tiếng còi xe chạm tường dội lại. Trung úy có cảm tưởng nhà mình là ốc đảo cô đơn trong đại dương xã hội vẫn náo động như thường lệ. Chung quanh anh, khoảng bao la hỗn độn trải dài suốt miền đất nước đã làm anh đau khổ. Anh sắp hiến thân cho nó. Nhưng cái đất nước vĩ đại mà anh sẵn sàng can gián đến độ sắp hủy hoại đời mình này, liệu có màng đến dù chỉ là cái chết của anh chẳng? Anh không biết; mà thôi mặc kệ. Anh sẽ chết trên một chiến trường không vinh quang, nơi chẳng ai có thể lập chiến công, vì đây là cuộc chiến đấu tinh thần.

Bước chân Reiko vang vang trên cầu thang. Bậc gỗ khô cứng của căn nhà cũ kêu cọt kẹt. Tiếng động này gợi lên bao nhiêu kỷ niệm êm đềm, đã rất nhiều lần anh nằm trên giường hân hoan chờ đợi nó. Với ý nghĩ sẽ không bao giờ còn nghe tiếng động ấy nữa, anh chăm chú gấp đôi để âm vang bước chân dịu dàng lên thang lấp đầy từng phút từng giây của thời gian quý báu còn lại. Mỗi khoảnh khắc trở thành một hạt trân châu ngời sáng.

Reiko quấn thắt lưng đỏ siết chặt eo tấm yukata, nhưng ánh sáng yếu làm màu bớt thắm khi Trung úy đưa tay, Reiko giúp anh

tháo nút buộc và chiếc thắt lưng lỏng ra buông xuống chiếu. Reiko đứng trước mặt anh, mảnh yukata vẫn còn trên người. Chồng luồn tay vào khe dưới tay áo siết cô vào người; khi đầu ngón vừa chạm vào da thịt trần nóng bỏng, bàn tay vừa siết vào nách là cả thân thể anh bốc lửa.

Lát sau cả hai trần truồng nằm trước ánh lò ga nóng sáng.

Không ai nói lời nào, nhưng ý nghĩ đó là lần cuối cùng khiến tim họ đập mạnh, lồng ngực muốn vỡ tung. Như thể những tiếng “yêu nhau lần cuối” vô hình đã được viết rõ ràng trên từng phân từng ly thân thể.

Trung úy kéo vợ áp sát mình, hôn tới tấp như vũ bão. Lưỡi họ mon man tìm kiếm nhau đến từng ngõ ngách trơn ướt trong miệng; chẳng khác nào ngọn lửa tôi thép, nổi đau về cái chết hầy còn xa lạ thối rục giác quan họ. Những đau đớn còn chưa cảm biết, nỗi kinh hoàng của cơn hấp hối còn xa xôi khiến sự đón nhận khoái cảm càng thăm thẳm.

Trung úy nói: “Đây là lần cuối anh nhìn thấy thân thể em. *Nằm yên anh ngắm.*” và anh nghiêng chao đèn cho ánh sáng chiếu dọc suốt người Reiko đang duỗi dài.

Reiko nhắm mắt nghỉ yên. Ánh sáng thấp của ngọn đèn chiếu hiện những đường cong dài các, thịt da nồn nà. Với đôi chút ích kỷ, Trung úy mừng là mình sẽ chẳng bao giờ phải chứng kiến cảnh tượng sự kiêu diễm ngàn ấy tan nát trước tử thần.

Thật nhẫn nha, anh để quang cảnh khó quên này khắc sâu vào trí nhớ. Tay luồn vào tóc, tay kia ve vuốt dịu dàng gương mặt yêu kiều, anh đặt môi hôn lên bất kỳ nơi nào ánh mắt mình nấn ná.

Chiếc trán cân đối mát mẻ trầm lặng như đỉnh ngọn Phú Sĩ, riềm mi dài dưới đôi mày mỏng trên cặp mắt nhắm, sống mũi thanh tú, hàm răng bóng ngời giữa môi mọng đều đặn, hai má mềm mại và chiếc cằm ngoan xinh xinh... tất cả những nét ấy gọi lên trong đầu Trung úy hình ảnh gương mặt người chết thật rạng rỡ, và không ngừng đặt môi lên chỗ hõm của cổ họng trắng ngần - nơi rồi đây tay Reiko sẽ đâm vào - yết hầu cô hực đỏ vì những nụ hôn. Rồi anh trở lại miệng, môi anh mơn trớn từ phải sang trái, từ trái qua phải, tròn trành như chiếc thuyền con. Anh nhắm mắt, cả vũ trụ chao theo.

Mắt anh lướt đến đâu, đôi môi theo sát đến đấy. Cặp vú căng cứng khi Trung úy cắn nhẹ đầu nhũ hoa hồng tươi như nụ anh đào dại. Hai bên ngực, đôi tay bóng nhẵn tròn trịa cân đối đuổi dài rồi thuôn dần ở hai đầu, nơi những ngón tay thanh tú cầm quạt ngày cười, đang từ từ khép lại. Mỗi bận Trung úy đặt môi hôn, từng ngón tay lại bẽn lễn gấp vào... Chỗ đi từ ngực xuống bụng càng lúc càng hẹp, nơi thắt đáy, đường cong vừa căng vừa mềm bỗng gấp lại không muốn cho thể xác quá buông thả trước khi tỏa về phía mộng hứa hẹn thể khối no tròn. Bụng và mộng lấp lóe màu trắng sáng của ly sữa tràn đầy. Bóng mờ đột ngột chấm rốn tựa giọt mưa bỗng từ đâu rơi xuống cùng lúc, đậm đen dần nơi nở ra mảng lông mềm mại, và khi thân thể không còn thụ động nữa, cứ mỗi khoảnh khắc kích thích một mùi hương ấm nóng lại thoang thoảng nhả ra.

Cuối cùng Reiko nói giọng run rẩy:

- Để em xem... Em cũng muốn được ngắm anh, lần cuối.

Chưa bao giờ anh nghe một đòi hỏi mãnh liệt rõ ràng như vậy từ miệng vợ. Như thế cái gì đó mà đức hạnh của Reiko muốn che giấu tới cùng đã xô vỡ mọi bờ chắn. Trung úy ngoan ngoãn đuổi

người phó mặc cho vợ. Run rẩy ngồi lên, mềm mại trắng trẻo, thiêu đốt với khát khao vô tội là đáp đãi lại ve vuốt của chồng, cô đặt hai ngón tay lên đôi mắt đang đau đáu nhìn mình, nhẹ nhàng khép chúng lại.

Đôi má hừng hực thứ cảm xúc quay cuồng, Reiko bất thần choàng hai tay ôm đầu chồng, rối loạn thắm thiết. Tóc viên Trung úy ngắn cứng như bàn chải chích vào đôi ngực. Cô cảm giác trên làn da mình là sống mũi mát lạnh cùng lúc với hơi thở ấm. Cô dang ra để nhìn rõ gương mặt rắn rỏi của chồng. Đôi mày nghiêm nghị, cặp mắt khép, vòng mũi cong tuyệt vời, đôi môi đậm chắc mím chặt, hai má rạng rỡ điểm đốm xanh dấu dao cạo lướt qua. Reiko đặt môi lên đấy, trên chiếc cổ rộng, trên đôi vai thẳng và đầy, trên quầng ngực cường tráng vòng lên như đôi khiên với hai núm vú đo đỏ ở đầu. Từ nách và chùm lông chìm khuất dưới cơ bắp to chắc của vai rồi ngực toát ra mùi dịu dịu buồn buồn; như thể từ nơi êm ái này rỉ ra tinh chất của sự yếu mệnh, bằng cách nào không biết nữa. Làn da trần của viên Trung úy ánh ngời như đồng lúa mạch chín vàng, trên khắp người bắp thịt chắc nịch nổi lên lồ lộ rồi cùng tụ lại trên bụng, quanh chấm rốn nhỏ kín đáo. Nhìn chiếc bụng trẻ trung sắc sảo lạng lẽ chìm dưới lớp lông rậm này, tự nhủ là chỉ lát nữa thôi nó sẽ bị mũi kiếm đâm rách thô bạo, Reiko nức nở hôn trộm lên với nỗi thương xót não người.

Khi cảm nhận nước mắt vợ, Trung úy biết là anh đã sẵn sàng chịu đựng những đau đớn khủng khiếp nhất của cuộc tự vẫn với tất cả can đảm.

Sau cơn trốn đó, người ta có thể mừng tượng nổi say đắm nào sẽ cuốn cuộn họ vào cuộc giao hoan. Trung úy nhồm lên ghì

chặt cô vợ đã kiệt sức vì đau khổ và nước mắt. Má kề má, họ mê mẩn quấn chặt nhau. Reiko run rẩy. Ngực họ hâm hấp mồ hôi bám sát, mỗi gang tấc của thân thể trẻ trung đẹp đẽ này hòa quyện vào thân thể người kia, hoàn hảo đến độ tưởng chẳng bao giờ có thể cách ly được. Reiko rên rỉ. Từ đỉnh cao nhào xuống đáy vực sâu, rồi từ vực sâu họ lại chấp cánh bay lên đến những độ cao chóng mặt. Viên Trung úy thở hổn hển như sĩ quan vác cò sau chiến dịch dài. Chu kỳ như vậy vừa chấm dứt thì cơn sóng khác lại trào lên, và họ lại cùng đưa nhau lên đỉnh sóng trong cùng một hơi thở và cử động, không dấu hiệu mỗi một nào.

4

Cuối cùng rồi Trung úy cũng rời Reiko, không phải vì kiệt lực. Một phần không muốn mất sức mà anh biết là sẽ cần nhiều để hoàn tất việc tự sát. Phần khác, để khỏi tự trách đã làm hỏng cuộc ái ân êm dịu cuối cùng chỉ vì quá thỏa mãn.

Vì Trung úy ngừng, Reiko cũng theo gương anh với sự phục tùng thường lệ. Cả hai trần truồng, nằm ngửa chăm chú nhìn những mảng tối trên trần, tay đan ngón vào nhau. Chiếc lò sưởi tỏa ấm căn phòng và họ không cảm thấy lạnh ngay cả khi thân thể không còn rịn mồ hôi nữa. Bên ngoài, tiếng di chuyển ồn ào cũng im bật trong đêm thanh vắng. Tiếng rì rầm tàu lửa và tàu điện quanh ga Yotsuya không vang tới tận nhà: sau khi dội vào hệ thống thành lũy hố hào, cái ồn ào mất hút trong khu đất trồng cây dọc đại lộ trước điện Akasaka. Khó lòng tưởng tượng lại sự khẩn trương đã bao trùm cả khu phố, nơi hai thành phần thù địch của quân đội

Hoàng gia tự xâu xé một cách đấng cay đang đợi chờ phút giây chạm súng.

Tận hưởng hơi ấm bao quanh, họ nghỉ ngơi và sống lại từng chi tiết phút giây hạnh phúc. Hồi tưởng không chán hương vị từng nụ hôn, sự cọ xát thịt da trần trụi, và từng cơn chóng mặt tuyệt vời của hai người. Nhưng từ giàn vi kèo gỗ đen bên trên, tử thần đã giương mắt nhìn. Niềm hoan lạc lần này là cuối cùng rồi, và hai thân thể sẽ không bao giờ còn nắm biết niềm đời ấy nữa. Nhưng hoan lạc mãnh liệt dường ấy - cả hai cùng lúc nghĩ như nhau - chắc chắn sẽ chẳng bao giờ tìm thấy nữa, cho dù sống đến cả trăm năm.

Sự êm ái của ngón tay âu yếm lồng vào nhau cũng sẽ mất đi. Ngay cả đường nét và nút gút thớ gỗ tối tăm trên trần nhà họ đang cùng ngắm cũng sẽ không còn nữa. Họ cảm thấy cái chết đến cận kề từng bước. Không nên chần chờ thêm. Phải có can đảm đứng trước nó, chiếm lĩnh nó.

Trung úy nói: “Nào, chúng ta sửa soạn đi!” Sự dứt khoát trong giọng nói chồng quá hiển nhiên, nhưng chưa bao giờ Reiko nghe thấy nơi anh sự nồng nàn ngọt ngào dường ấy.

Vừa đứng lên họ có bao nhiêu việc phải làm.

Trung úy trước đây chưa hề giúp vợ thu dọn chăn giường, vui vẻ đẩy cửa tủ hộc tường, tự mình cuộn tấm nệm lại mang xếp vào.

Reiko tắt sưởi ga và đẩy lui đèn chong. Trong khi chồng vắng nhà, cô đã cẩn thận chăm sóc căn phòng, quét dọn, lau bụi, và nếu người ta không lưu ý đến chiếc bàn gỗ huê mộc trong góc, căn phòng tám chiếu tạo cảm tưởng đây là phòng tiếp tân sẵn sàng đón rước khách quý.

“Mình đã nhiều lần ngồi uống ở chỗ này em nhi? Với Kanô, cả Momma và Noguchi...”

“Vâng, các anh ai cũng uống nhiều.”

“Mình sắp gặp lại họ ở thế giới bên kia. Chắc chắn các bạn sẽ trêu tui mình khi thấy anh mang em theo.”

Khi xuống cầu thang, Trung úy quay lại nhìn căn phòng yên tĩnh sạch sẽ, giờ đây sáng rực dưới ánh đèn trần nhà. Khuôn mặt những sĩ quan trẻ đã từng cạ ly cười đùa vô tư lướt qua đầu anh. Chưa bao giờ anh nghĩ hôm nào đó mình sẽ mổ bụng trong căn phòng này.

Ở hai phòng tầng dưới, đôi vợ chồng âm thầm chuẩn bị. Trung úy vào phòng vệ sinh, xong vào phòng tắm rửa ráy. Trong khi đó Reiko xếp áo choàng lót vải bông của chồng, dọn sẵn trong phòng tắm bộ quần phục, cái khố rộng mới bằng vải bông trắng, và đặt trên bàn phòng khách giấy mực để thảo thư vĩnh biệt. Rồi mở nắp hộp đựng nghiên mực bắt đầu mài. Về phần thư mình, cô biết là sẽ viết gì rồi.

Tay cô ấn mạnh mặt dát kim nhũ vàng lạnh của thỏi mực, nước trong nghiên nhỏ trở đen tức khắc như thể đám mây nào tỏa ra trong ấy. Cô thôi không thăm nhủ nữa, rằng động tác của các ngón tay, sự cạ cọ và tiếng nghiên kin kít khe khẽ kia, tất cả các thứ đó chỉ để chuẩn bị cho cái chết. Cần phải xem đấy như việc nhà, một việc đánh dấu thời gian một cách bình thường cho đến cái chết. Vậy mà khi mài mực càng lúc càng nhẹ nhàng trên nghiên, mùi xông lên từ nghiên mực mỗi lúc mỗi đen vẫn làm nảy sinh một cách lạ kỳ bao u ám không tả xiết.

Gọn gàng trong bộ quân phục sít sao, Trung úy ra khỏi phòng tắm. Không một lời, anh ngồi xuống bàn, ngực thẳng, tay cầm cọ, mắt đắm chiêu nhìn tờ giấy trắng trước mặt.

Reiko đã mang vào phòng tắm chiếc kimono lụa trắng. Khi trở ra phòng khách với tấm kimono trắng trên người và lớp phấn mỏng trên má, lá thư vĩnh biệt viết xong đã nằm trên bàn dưới ánh đèn. Hàng chữ đậm nét chỉ ghi giản dị:

“Quân đội Hoàng gia muôn năm. Trung úy Takeyama Shinji.”

Suốt thời gian Reiko thảo di thư, Trung úy lặng lẽ ngắm với vẻ trang nghiêm tuyệt đối, ngón tay vợ trắng trẻo đang điều khiển cây cọ hết sức vững chãi.

Mỗi người cầm thư mình trên tay, Trung úy với thanh kiếm giắt bên dây nịt, Reiko với thanh đoản đao luồn dưới thắt lưng kimono - cả hai bất động trước bàn thờ và cầu nguyện trong im lặng. Rồi họ tắt hết đèn ở tầng trệt. Khi bước lên cầu thang, Trung úy quay nhìn bóng vợ đang cúi mặt bước sau mình, áo trắng lung linh nổi bật trên nền tối của khoảng trống sau lưng.

Thư vĩnh biệt đặt cạnh nhau trong hốc kê giường căn phòng trên. Họ hỏi nhau không biết có nên gõ tấm liễn trên ấy xuống không, nhưng bởi nó mang bút tích ông mai hôn lễ, Trung tướng Ozeki, hai chữ Hán “Chí Thành”, họ để yên không tháo. Ngay cả nếu nó bị máu văng tung tóe dính lên, chắc rằng Trung tướng cũng sẽ hiểu cho.

Viên Trung úy ngồi thẳng thớm, lưng tựa vào cột hốc kê giường, thanh kiếm đặt trước mặt.

Reiko ngồi đối diện, cách nhau một chiều. Màu hồng đôi môi trên tấm thân cô tuyền trắng, trông càng lôi cuốn đặc biệt.

Từ hai bên chiếc chiếu chia cách họ, mắt trong mắt, hai người nhìn nhau thật lâu. Thanh kiếm nằm trước đùi viên Trung úy nhắc Reiko nhớ tới đêm đầu tiên đôi lứa, và nỗi buồn tràn ngập cô. Viên Trung úy nói với giọng khàn khàn:

“Vì không có người thứ hai kết liễu giúp, anh sẽ phải đâm thật sâu. Chắc chắn sẽ là điều không dễ chịu đựng, nhưng xin em đừng sợ. Cái chết luôn luôn khó chứng kiến. Đừng mất can đảm vì những gì em sắp nhìn thấy. Em rõ chứ?”

“Vâng!”

Reiko cúi rạp xuống.

Nhìn vợ, cái bóng mong mỏng trắng trắng trước mặt, một sự kích thích kỳ lạ bùng dậy trong lòng viên Trung úy. Những gì anh sắp hoàn tất thuộc về đời công, cuộc đời quân nhân mà vợ chưa bao giờ chứng kiến. Hành động này cũng đòi hỏi nhiều ý chí như khi ra trận cần nhiều can đảm; đây là cái chết mà nhân phẩm và tư cách không kém gì kẻ vong thân trên tuyến đầu trận mạc. Những gì anh sắp phải biểu hiện, chính là phong cách hành xử của anh nơi chiến địa.

Ý nghĩ này đưa Trung úy tới những tư tưởng kỳ lạ. Chết cô độc trên chiến trường, chết dưới cái nhìn của người vợ đẹp... có phải anh sắp vĩnh biệt cuộc đời cùng lúc cho cả hai cái chết đó, thực hiện sự đồng nhất bất khả thi ấy, một sự êm đềm mà không lời nào có thể diễn tả? Tất cả mọi khoảnh khắc anh ra đi sẽ được đôi mắt đáng yêu kia theo dõi - làn hơi ấm trăm hoa và mùa xuân sẽ đưa anh đến

cõi vĩnh hằng. Đó là ân huệ hiếm hoi. Anh không hoàn toàn thấu hiểu, nhưng nó thuộc vào lĩnh vực mà người khác không thể biết, một hồng ân chưa ai từng được hưởng duy chỉ ưu ái dành riêng cho anh. Trước mặt Trung úy, hình ảnh vợ trong tấm kimono lụa trắng tuyền giống màu áo cưới trinh bạch rạng rỡ là hiện thân tất cả những gì anh đã yêu thích, những gì khiến anh sẽ hy sinh đời mình - Hoàng gia, Tổ quốc, Quân kỳ... Và hết người vợ đang ngồi trước mặt, những thứ cao quý ấy cũng đang đổi mắt theo anh, bất động mà tỏ tường.

Reiko cũng vậy, say sưa chiêm ngưỡng chồng, người chỉ lát nữa thôi sẽ từ giã cuộc đời, tự nhủ mình chưa bao giờ thấy gì đẹp hơn trên thế gian. Trung úy luôn luôn rất đẹp trong quân phục, nhưng hôm nay đối diện cái chết, chân mày thẳng và môi mím chặt, có lẽ anh là hình ảnh tuyệt vời nhất của vẻ đẹp nam nhi.

Cuối cùng, Trung úy nói: “Nào, đi thôi!”

Reiko rạp người chào. Không dám ngẩng đầu lên. Cô sợ những giọt nước mắt sẽ làm hỏng phấn son trang điểm, nhưng không dần được.

Khi cuối cùng nhướng mắt lên, xuyên qua màn lệ mờ, cô thấy Trung úy đã tuốt kiếm khỏi bao và bọc chung quanh lưỡi kiếm bằng vải trắng, chỉ để lộ mũi nhọn khoảng mười lăm phân thép trần.

Anh đặt cây kiếm bọc vải như vậy xuống chiếu trước mặt, nhô trên hai gối, rồi ngồi chéo hai đùi lại, bắt đầu mở móc cổ áo. Mắt anh không trông thấy vợ nữa. Chậm chạp, anh mở dây khuy đồng từng cái một. Bộ ngực đen nhạt hiện ra, rồi đến bụng. Anh gỡ thắt lưng, mở nút quần, để lộ cái khố trắng sạch siết chặt bên hông.

Với cả hai tay, Trung úy kéo khố để bụng trống hơn, rồi cầm lưỡi kiếm. Bàn tay trái anh xoa xoa bụng, mắt nhìn xuống.

Để chắc chắn rằng lưỡi kiếm thực sự sắc nhọn, viên Trung úy kéo ống quần trái lên, vén hở một khoảng đùi cứa nhẹ trên da. Máu trào ngay lên vết thương tựa con suối nhỏ, ngòi đỏ dưới đèn.

Đó là lần đầu tiên Reiko trông thấy máu chồng, tim cô đập loạn trong lồng ngực. Cô nhìn mặt chồng. Anh nhìn dòng máu rỉ ra với sự hài lòng điềm tĩnh. Trong một thoáng, Reiko cảm thấy nhẹ nhõm - nhưng nhận ra ngay đấy chỉ là một an ủi giả dối.

Đôi mắt Trung úy dán vào vợ cái nhìn mãnh liệt bất động của loài chim săn mồi. Quay vũ khí về mình, anh hơi rướn người để phần thân trên chúc vào mũi kiếm. Vai áo bộ quân phục căng cứng tổ cáo anh đã cố gắng dùng hết sức bình sinh. Anh nhắm vào chỗ sâu nhất bụng, phía trái. Tiếng thét lạnh lạnh chọc thủng sự calm lặng của căn phòng.

Tuy đã dùng tận sức tự đâm mình, Trung úy có cảm giác như bị ai quật thanh sắt vào sườn. Anh thấy choáng váng một, hai giây. Không biết chuyện gì đã xảy ra cho mình nữa. Mười lăm phân thép trần đã biến mất trong da thịt và cái băng vải trắng nắm trong tay co quắp áp trực tiếp lên bụng.

Anh lấy lại tri giác. Tự nhủ lưỡi kiếm chắc chắn đã xuyên thủng thành ruột rồi. Anh thở khó nhọc, tim đập dữ dội, và từ nơi thâm sâu nào đó không thể tin hẳn là một phần của chính mình đang trôi lên cơn đau đón kinh hoàng, ghê gớm, như thể mặt đất vừa nứt để trào ra mảng nham thạch đất đá cháy lỏng. Cơn đau dồn dập với vận tốc kinh hồn. Trung úy cắn môi để khỏi vô tình rên rỉ.

Anh tự hỏi *Seppuku* là thế ư? Có thể nói đây là sự hỗn độn tột cùng, như thể trời vừa sập xuống đầu, như thể cả vũ trụ đang say sưa, chao đảo. Ý chí và lòng can đảm của anh cứng rắn là thế trước khi mổ bụng, đã xù lại chỉ còn bằng độ dày của cọng thép mỏng tang sợi tóc, anh cảm thấy bất ổn ghê gớm khi ngỡ rằng mình vẫn phải men theo và bám víu vào nó một cách tuyệt vọng. Nắm tay co quắp âm ỉ. Anh nhìn xuống. Bàn tay và băng vải trắng bọc lưỡi kiếm đã đầm máu. Khố cũng đã nhuộm đỏ. Anh kinh ngạc thấy rằng giữa cơn đau khủng khiếp như vậy, những gì có thể nhìn vẫn thấy được, những gì tồn tại vẫn hiện hữu. Thật khó tin.

Lúc thấy Trung úy đâm kiếm vào mạng trái và màu xanh xao tử thần trùm xuống mặt anh như tấm màn hạ trên sân khấu, Reiko phải cố hết sức ghìm mình để đừng nhào tới bên chồng. Dù gì xảy ra đi nữa, cô cũng phải canh chừng. Phải làm người chứng cho anh. Đây là nhiệm vụ đặc biệt mà người chồng đã giao phó. Cách một chiếc chiếu trước mặt, cô thấy anh cắn môi dần cơn đau. Cơn đau đốn nằm đó, chắc chắn, tuyệt đối, dưới mắt cô. Nhưng Reiko không có cách nào giải thoát anh hết cả.

Mồ hôi lóng lánh trên trán chồng. Anh nhắm mắt rồi mở mắt như muốn nhận biết. Đôi mắt đã mất vẻ trong sáng, trông vô tội, trống vắng chẳng khác nào đôi mắt con thú nhỏ.

Cơn đau đốn mà Reiko đang chiêm ngưỡng cũng chói lọi tựa mặt trời mùa hạ, nhưng hoàn toàn xa lạ với nỗi đau xé nát hồn cô. Cơn đau ấy cứ tăng lên, tăng lên không dứt. Reiko thấy chồng mình đang bước qua thế giới khác, nơi mà con người tan biến vào cơn đau, bị giam hãm trong cơn đau đốn và không bàn tay nào có thể tới gần. Nhưng cô, Reiko, không cảm thấy chút cơn đau nào. Nỗi đau

của cô không phải cơn đau này. Đến nỗi có cảm tưởng người ta đã xây lên bức vách thủy tinh vôi vọi, tàn nhẫn chắn giữa cô với chồng.

Từ ngày cưới nhau, đời chồng là đời cô, hơi thở chồng là hơi thở cô. Và bây giờ, khi cơn đau đớn là hiện thực của đời chồng, thì trong nỗi đau riêng mình Reiko không tìm thấy bằng chứng nào về hiện hữu của cô cả.

Bàn tay phải nắm trên kiếm, Trung úy bắt đầu rạch từ hông vào bụng. Nhưng lưỡi kiếm gặp chướng ngại vì vướng phải chùm ruột nhằng nhịt đàn hồi cứ đẩy ngược nó ra; Trung úy hiểu anh cần phải dùng cả hai tay để giữ lưỡi kiếm lún sâu; anh ấn mạnh rạch ngang. Nhưng không dễ dàng như anh tưởng. Anh dồn hết sức bình sinh vào chỉ bàn tay mặt kéo về phía phải. Vết cắt mở rộng thêm khoảng mười phân nữa.

Chầm chậm, cơn đau lan khắp bụng từ vết sâu bên trong. Bao quả chuông điên cuồng rung lên, cả ngàn tiếng chuông cùng rung trước từng hơi thở, từng nhịp mạch đập, làm cả thân thể anh lao xao. Trung úy không kìm nổi tiếng rên nữa. Nhưng lưỡi kiếm đã rạch thẳng tới rốn, và anh hài lòng lấy lại can đảm khi nhận ra điều này.

Lượng máu tràn cứ đều đặn tăng lên và bắt đầu phụt ra từ vết thương theo cùng nhịp mạch đập. Máu văng tung tóe nhuộm đỏ cả chiếc chiếu trước mặt Trung úy, tiếp tục chảy thành vũng đọng dọc theo các nếp xếp trên quần bộ quân phục. Một giọt duy nhất bay như con chim nhỏ đến tận chỗ Reiko rồi đậu trên đầu gối làm hoen áo trắng.

Cuối cùng, khi bụng Trung úy đã hoàn toàn bị rách, lưỡi kiếm hầu như không còn lún vào trong, đầu nhọn lộ ra, bóng nhẫy mỡ và máu. Nhưng thành lĩnh bị cơn buồn nôn ào tới, Trung úy để thoát tiếng kêu khàn đục. Nôn mửa khiến cơn đau đã khiếp đảm càng khiếp đảm hơn, và cái bụng cho tới bây giờ hãy còn khép bất ngờ phồng lên, vết đứt mở toang và chum ruột tủa ra như thể đến lượt vết thương cũng thốc tháo. Rõ ràng không ý thức được sự đau đớn của chủ, nó trượt ra dễ dàng rơi tóe giữa hai đùi, gây ấn tượng khó kham về sức khỏe lực lưỡng đầy nhựa sống. Đầu viên Trung úy gục xuống, vai so lên, mắt mở hé, một dòng nước dãi mỏng thoát ra từ miệng. Ánh vàng ở ngũ vai quân phục rực dưới ánh đèn.

Khắp nơi, máu là máu. Trung úy ngập máu đến tận đầu gối và kiệt quệ không còn chút hơi sức nào, một bàn tay buông thõng trên đất. Mùi tanh nồng tràn ngập căn phòng. Đầu lắc lư, Trung úy không ngừng nấc cụt và cứ mỗi lần nấc thì vai rung lên. Anh vẫn giữ lưỡi kiếm mà chum ruột đẩy ra trong bàn tay phải, mũi kiếm lộ lộ.

Khó lòng tưởng tượng cảnh quang nào anh hùng hơn lần cố gắng bật dậy của viên Trung úy khi bất thần thu toàn lực ngẩng đầu lên. Động tác của anh mạnh bạo tới nỗi phía sau đầu đập vào khúc ngang hốc kê giường. Cho đến lúc ấy, anh vẫn luôn luôn cúi gằm như thể bị mê hoặc bởi vũng máu chảy tới đầu gối mình, Reiko nhướng mắt lên, ngạc nhiên vì tiếng động.

Gương mặt Trung úy không còn là gương mặt của người sống nữa. Mắt lõm sâu, da nhẵn nhúm, má và môi trước kia tươi mát là bao nay chỉ tuyền màu bùn khô quéo. Chỉ bàn tay phải còn động đậy. Khó nhọc nắm chặt thanh kiếm, nó vừa giờ lên vừa run lẩy bẩy

tựa bàn tay con rồi cố điều khiển mũi nhọn về cổ họng. Reiko nhìn chồng thực hiện cố gắng cuối cùng này, vô ích, xé lòng. Bóng loáng mỡ và máu, mũi kiếm nhọn một lần, hai lần, mười lần hướng về cổ họng. Mỗi lần đều hụt đích. Hơi sức đáng lẽ phải hướng dẫn nó đã kiệt quệ. Mũi nhọn đung vào cổ áo quân phục và phù hiệu thêu. Các khuy móc đã mở tung nhưng cổ áo lính thô cứng tự động khép lại bảo vệ chiếc cổ thịt da người.

Reiko không thể chịu đựng cảnh tượng này lâu hơn nữa. Muốn đến giúp chồng nhưng đứng lên không nổi. Cô lết bằng đầu gối ngang qua vũng máu, chiếc kimono trắng tinh nhuộm màu đỏ rực. Cô lướt sau lưng chồng và không làm gì khác hơn là mở cổ áo ra. Mũi nhọn run rẩy cuối cùng chạm vào thân cổ trần. Lúc đó Reiko có cảm tưởng đã đẩy chồng về phía trước; nhưng không đúng. Đây là hành động tự giác cuối cùng của Trung úy, cố gắng ý chí kiệt cùng. Anh bất thần gieo người xuống, lưỡi kiếm xuyên thủng cổ họng. Dưới ánh đèn điện, một luồng máu phụt ra khủng khiếp, Trung úy lao đảo rồi nằm bất động; lưỡi thép lạnh và xanh nhô ra sau gáy.

5

Reiko xuống cầu thang chậm chậm vì máu ướt đầm đôi vớ ngắn khiến chúng trơn trượt. Tầng trên hoàn toàn tĩnh lặng.

Cô mở đèn tầng trệt, kiểm tra lại mấy vòi nước và máy đo ga, rồi rẩy nước vào than hầy còn hồng trong lò sưởi. Cô nhìn mình trong tấm gương lớn của căn phòng bốn chiếu rưỡi. Trên nửa phần dưới áo kimono trắng toát, vết máu tạo thành bức tranh ngang tàng

bạo liệt. Khi ngồi xuống trước gương, cô cảm nhận có cái gì lạnh lạnh ẩm ướt trên đùi; đấy là máu chồng cô. Reiko rùng mình. Rồi thong thả chuẩn bị. Cô đánh phấn: đỏ đậm trên má, trên môi. Không phải điểm trang để làm đẹp lòng chồng nữa. Mà là trang điểm cho cuộc đời sắp bỏ lại sau lưng; có cái gì lộng lẫy đầy kịch tính trong sự chăm chú của cô. Khi đứng lên, chiếc chiếu trước gương ướt máu. Cô không còn quan tâm về điều đó nữa.

Từ phòng vệ sinh ra, Reiko đứng trên nền xi măng phòng ngoài. Tối hôm trước, chồng cô đã khóa cửa lại là để chuẩn bị cho cái chết. Cô đâm ra tư lự. Có nên kéo khóa lại không? Nếu đóng cửa, hàng xóm sẽ không nhận ra ngay cuộc tự sát. Ý nghĩ thân xác họ sẽ hư thối trong vài ngày trước khi được khám phá khiến Reiko khó chịu. Dù sao, có lẽ cũng nên để cửa mở... Cô rút khóa và mở hé cánh cửa kính mờ... Luồng gió băng giá thốc vào. Không còn ai trên đường, đã quá nửa đêm, sao lạnh lẽo lóng lánh xuyên qua cây cối ngôi nhà lớn trước mặt.

Cô để cửa hé hé, lên thang. Bước tới bước lui chút đỉnh, hai chiếc vớ ngắn không còn trơn nữa. Từ lưng chừng cầu thang, cô nhận ra đã có mùi rất đặc biệt thốc vào mũi rồi.

Trung úy nằm phủ phục trong biển máu. Mũi nhọn chìa ra từ gáy dường như lòi thêm ra. Reiko bước thẳng vào vũng đỏ, ngồi xuống cạnh xác chết chiêm ngưỡng thật lâu gương mặt chồng, một bên áp lên chiếu. Mắt mở to như thể có gì khiến anh chú ý. Cô nâng đầu anh lên bọc vào tay áo, chùi vết máu trên môi và đặt lên đấy chiếc hôn.

Xong cô đứng dậy lấy trong tủ cái chăn trắng mới, và sợi dây lưng. Để kimono không bung ra, cô quấn chăn quanh người và

buộc sợi dây ngang eo.

Reiko ngồi cách xác Trung úy khoảng nửa thước. Cô rút thanh đoản đao dưới dây nịt, nhìn thật lâu lưỡi thép bóng và đưa lên miệng. Thép có vị gì ngòn ngọt.

Reiko không chần chờ nữa. Tự nhủ mình sắp biết nỗi đau đón khi này đã đào cái hố sâu giữa chồng với cô, rằng cơn đau đón này sẽ trở thành một phần của chính mình, và chỉ nhìn thấy ở đấy niềm hạnh phúc được tới phiên mình bước vào khoảng không gian mà người chồng đã thực hiện cho chính anh. Trên gương mặt tuần đạo của chồng có cái gì không giải thích được chỉ mới thấy lần đầu. Cô sắp giải đáp được điều bí ẩn. Reiko cảm thấy rời ra cuối cùng, mình có khả năng nắm biết, ngay trong tinh chất của nó, hương vị vừa đắng cay vừa dịu ngọt của nguyên tắc đạo đức lớn mà chồng đã tin yêu. Điều mà cho tới nay chỉ cảm nhận qua tấm gương của chồng thì cô sắp được nắm biết bằng chính miệng mình.

Reiko sửa thật ngay ngắn mũi đoản đao trước cổ họng và bất thần ấn mạnh. Mũi đâm cạn thôi. Đầu bốc lửa, hai tay run rẩy, cô kéo nó về bên phải. Một dòng ấm áp trào trong miệng, trước mắt cô mọi thứ đều đỏ tươi xuyên qua vòi máu. Thu hết sức lực, cô ấn sâu thanh đoản đao vào tận cùng cổ họng.

Miêng dịch

ĐÔI CẢNH (Tsubasa)

Hai đứa thường gặp nhau nơi người bà của chúng sống ẩn dật. Cứ mỗi tuần hai lần, Yôko có thói quen đem bánh ngọt và thức ăn mẹ làm riêng ở nhà đến cho bà. Và bà của cô cũng có thói quen mỗi ngày là đánh một giấc trưa dài bốn tiếng đồng hồ.

Ở nhà, bà chỉ có một chị giúp việc tính khí khờ khạo tên là O-Tetsu làm bạn. Vì O-Tetsu ngớ ngẩn như vậy nên đôi khi đùa, bà hay sai bảo kiểu: “Cô ngốc ơi, mang trà lên cho bà!”, “Cô ngốc ơi, khách ra về rồi đấy nhé!”

Còn Yôko thì mỗi ngày thứ bảy, sau khi tắt tả từ trường về nhà thì phải đem ngay bánh trái hay các thức ăn mà mẹ cô đã làm sẵn, giống như cô bé quàng khăn đỏ, đến nơi bà ở khoảng một tiếng đồng hồ trước khi cụ già thức giấc.

Nơi bà của cô sống đời ẩn dật nằm lưng chừng một quả đồi cao nhìn xuống dòng sông Tamagawa. Nhà chỉ có năm buồng nhưng vườn thì rộng thênh thang. Ở một góc vườn là hòn giả sơn với cái đình hóng mát. Từ chỗ đó là con đường, một phía đi về hướng cây cầu nhỏ bắc ngang dòng suối của khu vườn, một phía ăn thông dưới cái cổng vòm luôn ra tới bên ngoài. Để khỏi làm vướng tầm mắt nhìn xuống dòng sông, hòn giả sơn được xây hơi chếch về một bên vườn. Vì có những bụi cây con bao bọc chung quanh từ phía ngôi nhà chính nên khi đưa mắt nhìn ra đình hóng mát, trừ những

ngày mùa đông lá rụng thưa thớt, thường người ta chỉ có thể thấy mỗi cái mái.

Ngày nào trời đẹp, sau khi mang quà của mẹ đến giao cho O-Tetsu xong, Yôko thường ra ngoài vườn, leo lên đình hóng mát, rồi lại trở xuống, ra mở cánh cửa cổng vòm đứng chờ. Sugio trên đường từ trường về cũng canh chừng giờ giấc để đến đó. Xong, hai đứa lúc thì cùng nhau tản bộ dọc bờ sông Tamagawa, có khi thì Sugio leo theo cô lên đình hóng mát để trò chuyện. Hai đứa rất yêu cái đình. Tâm ngắm từ ngôi đình này thật đẹp mà lại có cái thú là kín đáo, ở đây không bị người nhà bắt gặp. Khi nào thỉnh thích thì có thể hôn nhau tí ti.

Sugio là con trai ông bác của Yôko, vị chi cậu là anh họ. Nhưng thực ra, lợi thế tự nhiên đã làm cho cậu trở thành ông anh họ kiêm cả chức người yêu. Vì hai đứa giống nhau ở nhiều điểm nên đôi lúc còn bị người ta nhầm là anh em ruột. Sự giống nhau như người nhà thường đem đến cho chúng một thứ tình cảm ngọt ngào. Hai đứa chẳng phải chỉ giống nhau đơn thuần. Có thể nói trong cái giống nhau của chúng có một sự đồng điệu không lời, một sự thông cảm từ trong ý nghĩ, và một lòng tin tưởng thâm lắng của người này đối với người kia. Đặc biệt hai đứa có cùng đôi mắt trong vắt. Đôi mắt ấy giống như một cái máy lọc nước, biết gạn đi mọi loại nước bẩn để trở thành thứ nước tinh khiết có thể uống được. Nó không ngừng tẩy sạch chất ô uế đang làm vẩn đục cuộc đời. Không chỉ thế thôi đâu! Ta có thể hiểu là cái máy lọc nước này lại còn cung cấp nguồn nước trong trẻo đó cho người sống chung quanh. Ngày nào dòng nước tuôn ra từ đôi mắt của chúng thấm đẫm được thế giới này thì nhất định bao ô trọc của cõi đời sẽ trở thành tinh khiết.

Một buổi sáng, Sugio và Yôko chợt nhận ra hai đứa đang đứng đầu lưng với nhau trong một toa xe điện chật. Chúng đang trên đường đến lớp. Thường ngày, cơ hội gặp nhau như thế này hầu như không thể có, nhưng vì hôm trước, Sugio qua đêm ở nhà một người bà con khác và đi thẳng từ đó đến trường cho nên cả hai đều không hay rằng chúng đã bắt cùng một chuyến xe. Dạo đó đang độ mùa thu nên trong không khí thoang thoảng hương hoa cúc.

Cả Sugio lẫn Yôko đều cảm thấy sau lưng có một làn hơi ấm nhưng không giống hơi ấm có thể cảm thấy được từ da thịt người thường. Hai đứa nghĩ thầm không hiểu có phải do ánh sáng mặt trời đang chiếu rọi vào lưng của mình hay không? Nó tựa hồ hơi ấm do một luồng ánh sáng thanh tĩnh tự cõi xa xôi nào đó mang đến. Lúc đó, không đứa nào có ý lên nhìn gương mặt người đứng sau lưng để xem sao. Thế nhưng Yôko thì cảm nhận được bờ vai rộng của một anh con trai trong bộ đồng phục may bằng vải séc màu đen, còn Sugio cũng cảm thấy có đôi vai nhỏ nhắn mềm mại của một cô con gái trong bộ đồng phục nữ sinh kiểu lính thủy. Rồi giữa khi đó, cùng với sức chèn ép xô đẩy vào nhau của đám hành khách trong toa xe điện nghẹt người, hai đứa đều cảm thấy trên vai của mình một sức mạnh phấn khích đang chuyển động. Cả hai đều tự hỏi chẳng lẽ mình đang mọc cánh. Hình như có mấy cái cánh đang chồng lên nhau thành tầng, xếp lại và nằm ép trên lưng khiến chúng phải kín đáo ghìm lấy hơi thở. Đôi khi, có một sức đẩy nào từ bên ngoài làm cho hai cái lưng cọ xát vào nhau thì cả hai đều ngượng chín người. Chúng đang muốn giấu đi đôi cánh của mình nên có xấu hổ cũng là điều hợp lý. Ngay giờ đây, bất cứ ai nếu phải giấu giếm một vật gì thừa thãi và lạ lẫm như chúng thì đều có cảm giác bối rối cũng là chuyện bình thường.

Hai đứa muốn bật lên cười khúc khích vì cảm thấy sau lưng đôi cánh như đang cù lét chúng. Lúc đó, lần đầu tiên chúng mới lách người qua một bên để hai khuôn mặt có thể nhìn thẳng vào nhau, “Ừa, em Yôko đấy à?” Sugio mắt mở tròn và kêu lên. “Lâu rồi mình không gặp nhau đấy nghe anh!” Yôko đáp lại.

Hai anh em họ hôm đó thực ra không có chút hứng thú nào để lên lớp, chúng bàn với nhau hay là mình đi xem phim. Thế nhưng không muốn cuộc gặp gỡ tình cờ này đem đến một kết quả thiếu nghiêm túc, rốt cuộc Sugio chọn đi đến trường thay vì rong chơi và Yôko cũng nghe theo ý kiến ấy. Ở nhà ga nơi Sugio phải đổi tàu, sau khi cậu xuống xe, Yôko đi theo tiễn chân đến tận cửa toa của đoàn tàu mà hành khách đã xuống vui quá nửa. Chỉ một khoảnh khắc trước khi cánh cửa khép lại, cô mới chìa tay ra bắt một cách vội vã như biết sắp có một sự chia cắt đột ngột.

Hôm đó, trong giờ Anh văn, Yôko khựng lại trước một chương sách khá lạ lùng. Đó là một tiểu truyện về nhà văn William Blake được viết khá dễ hiểu. Đầu chương, cô thấy những câu như sau đây đã làm rung động lòng mình: *“Khi còn nhỏ, chú bé Blake có lần một mình đi chơi ngoài cánh đồng vắng và bất chợt nhận ra ở trên ngọn một thân cây lớn có đoàn thiên sứ đông đảo đang vẫy cánh lượn bay. Chú bé bèn chạy về nhà kể lại cho mẹ. Không những chẳng thêm tin con, bà mẹ còn mắng chú là ngu xuẩn và tấn cho một trận.”* Vừa nghe ông thầy dịch đoạn văn đó, thiếu nữ vừa đọc đi đọc lại những dòng chữ ấy và ngẫm nghĩ: *“Câu chuyện thấy được thiên sứ chỉ khiến cậu bé Blake dăm ra nửa tin nửa ngờ. Thế nhưng rõ ràng là cậu bé đã tin chắc như đinh đóng cột về điều đó từ khi bị mẹ mắng và cho ăn đòn. Hẳn là sự trừng phạt hay roi vọt của bà*

mẹ là một thủ tục tất yếu để củng cố hoàn toàn lòng tin nơi chú bé. Ông thầy chỉ biết cười trước hành động của bà mẹ Blake, thái độ của ông như thế là sai lầm. Bà mẹ là người đã đóng một cách trung thực vai trò của mình mà thôi.”

Lỗi suy luận kiểu này tình cờ phảng phất một hương vị sắc tình (erotic). Có phải chăng đó là kiểu trừng phạt mà thiếu nữ đang muốn nếm?

Cũng trong thời gian đó, Sugio đang ngồi trong lớp nhưng cậu chẳng để vào tai những lời thầy giảng. Cậu chỉ nghĩ đến cô em họ, sau mấy năm không gặp, bây giờ đã lớn như thôi. Đầu óc cậu tập trung vào chuyện đôi cánh của Yôko. Loanh quanh luẩn quẩn, cậu tự hỏi vì có gì Yôko lại có thể mọc cánh như thế. Từ đó trở đi, ý tưởng muốn nhìn cho được đôi cánh của Yôko không bao giờ lìa khỏi tâm trí cậu. Để đạt được việc đó, cậu phải được thấy Yôko khóa thân. Khổ là Sugio chỉ mong mỏi được thấy đôi cánh của Yôko chứ không phải muốn nhìn cô em họ trần truồng.

Cậu ta nghĩ: “Nhất định em ấy có cánh! Chỉ vì nó mọc ra từ từ theo tuổi tác nên dù là người thân trong nhà cũng không thể nhận ra được.” Được cái thuận lợi là em ấy đã đến tuổi đi tắm o-furo^[1] một mình nên chẳng bao lâu nữa đã có thể tự để cho đôi cánh phát triển mà không bị ai nhìn thấy. Chắc chắn là như thế. Nếu không thì dù có muốn giữ cho mình sự bí mật, em ấy cũng không tài nào giữ nổi. Một người bà con lắm chuyện nào đó đã phải loan tin đồn về nó đến tai mình rồi chứ!”

Sau đó ít lâu, Sugio đã bắt đầu thấy một Yôko mọc cánh trong những giấc mơ của cậu. Cậu chỉ nhìn được hình ảnh khóa thân mờ nhạt trong ánh hoàng hôn của cô bé, người đang tựa vào thành cửa

sổ và quay lưng lại phía mình. Một đôi cánh trắng bọc lấy khoảng thân thể từ vai xuống lưng giống như tấm áo khoác. Khi Sugio tiến lại gần thì thiếu nữ dù vẫn đứng nguyên tư thế nhìn ra cửa sổ nhưng đôi cánh bỗng xòe ra, bộ lông vũ đập vào nhau như muốn ghì chặt cậu lại. Sugio ngọt ngào đến nỗi phải la toáng lên rồi choàng tỉnh cơn mê. Thế nhưng cậu không hề hay biết là, về phía người con gái, trong lòng cô đã âm thầm nuôi ý nghĩ rằng Sugio có một đôi cánh mọc sau lưng giống như cô.

“Mùa hè sang năm chắc mình sẽ có cơ hội đi tắm biển cùng với Yôko. Mình sẽ quan sát tấm lưng trần của em ấy xem có dấu hiệu gì của một đôi cánh đang mọc ra từ đó hay không. Chắc mình cũng có thể đưa tay sờ thử. Nhưng bây giờ mới là mùa thu, phải còn lâu lắm mình mới thỏa mãn được nguyện ước thầm kín đó.” Sugio còn lo sợ thêm một nỗi: nếu như cậu không thấy được một phần nhỏ của đôi cánh ấy lộ ra thì có lẽ nỗi thất vọng nảy sinh sẽ làm cho cậu không còn yêu cô ấy nữa.

Sau đó, dù hai người có đôi ba dịp để gặp nhau nhưng họ không bộc lộ những hoang tưởng hơi trẻ con, những điều ao ước hay nỗi lo sợ của riêng mình. Nhất định là nếu một trong hai bày tỏ cho kẻ đối diện điều mình tin là người ấy có cánh thì sẽ chuốc lấy sự cười cợt hay khinh miệt từ phía kia. Hơn thế nữa, làm sao họ có thể bắt người kia chấp nhận một ảo tưởng trẻ con như thế trong khi chính mình còn không có lý do rõ rệt nào để tự thuyết phục về điều đó... Hai anh em họ mỗi người nhìn vào mắt người kia như dò xét. Giữa đôi đồng tử trong xanh xinh đẹp của người đối diện, hình như cả hai đều thấy tựa hồ có một lối mòn đưa thẳng, thẳng mãi về hướng một cánh đồng xa diệu vợi để rồi khuất hẳn bên kia chân trời.

...Yôko mở cánh cửa cổng vòm và đứng đợi bên lề đường. Đó là một ngày đầu mùa hạ năm Shôwa 18 (1943). Bởi vì nơi đây hơi xa trung tâm Tokyo nên khả năng bị dội bom có lẽ cũng ít hơn, nhà cửa chưa phải sơ tán và chủ nhân những ngôi nhà đó cũng không vội ra đi. Hồ phòng không nếu đào thì cũng chỉ làm cho có nên cái hầm tránh bom nằm theo chiều ngang và rất kiên cố mà bà của Yôko cho đào ở một bên hòn giả sơn đã thành đầu mối cho sự ganh tỵ và cười cợt trong chòm xóm. Nói cách khác, khi nhìn thấy một cái hầm tránh bom kiên cố như thế, thiên hạ ngược lại chỉ cảm thấy lo lắng thêm. Có lẽ những người xấu miệng đang kháo nhau là cái hầm an toàn đó nay mai sẽ thành kim tinh đựng tro cốt của bà già, lại chính là những kẻ đang lo sợ cho sự an toàn của bản thân hơn cả.

Yôko đứng trước cửa cổng vòm. Thay vì mặc quần dài - thứ cô ghét - bên dưới cái áo kiểu lính thủy cộc tay, Yôko mặc thêm một chiếc váy xếp nếp thẳng li lai. Trước ngực, cô thắt một dải “no” trắng, mỗi khi gió thổi, nó ngập ngừng không dám bay lên như cả thẹn vì sợ phải làm phồng ngực áo. Hai cánh tay trần của cô trắng muốt, nhìn mà cứ ngỡ là hai dải lụa lấp lánh ánh sáng. Dù mùa hè đã đến mà chúng vẫn giữ màu trắng như tuyết tàn đọng lại.

Rốt cuộc, bóng Sugio với chiếc áo lao động mang trên tay, áo sơ mi trắng và quần dài bó lại trong đôi ghệt, đã thấy từ trên dốc đi xuống. Hai đứa vui mừng đưa ngay hai bàn tay còn đầm mồ hôi ra bắt lấy nhau.

Lúc đó hoa đỗ quyên hầu như mãn khai chung quanh đình hóng mát. Trắng có, hồng tươi có. Hoa cánh nhiều màu pha lẫn vào nhau cũng có. Ngoài tiếng ong vo ve như hơi thở nhẹ của người

đang chìm trong giấc ngủ trưa, con đường lát sỏi vắng vẻ của ngôi đình chỉ in rợp bóng thẫm của những lùm đỗ quyên im ắng. Ở một nơi như vậy, không ai có thể ngờ rằng mình đang sống giữa thời buổi chiến tranh.

Hai đứa ngồi bên nhau trên chiếc ghế dài làm bằng loại ván thô đóng thuyền, cùng đưa mắt nhìn dỗi về mặt sông xa sáng lóa trong cái nắng của buổi chiều tháng Năm. Thoáng thấy một sợi dây cần câu ve vẫy trong không gian, nhưng khi vừa ánh lên thì nó chợt biến mất. Sugio đặt câu hỏi:

- Em có nhìn thấy cá không?

- Không anh!

- Anh cũng không. Dám chắc cái mà mình thấy giống như con mòng là cái phao thôi.

Thế rồi hai đứa cùng tưởng tượng ra khuôn mặt bí xị của ông thợ câu vừa bắt hụt cá và cười như nắc nẻ. Sau tiếng cười giòn chỉ còn cái im lặng của một tấm kính vỡ. Và hai đứa đều hiểu lý do gì đã khiến cho chúng phải trầm ngâm.

Ngoài xa, trên khung trời rộng, những đám mây tản ra rồi cuộn vào nhau tạo thành hình thù những đóa hoa diên vĩ. Vượt lên khỏi màu xanh của bờ bên kia là màu vàng của những chiếc ghế gắn trên một guồng xe quay để dạo chơi giữa không trung, đang được treo lơ lửng một cách lạ lùng. Chúng có vẻ như nôn nao chờ đợi một ai đó từ trên trời giáng hạ. Từ khi chiến tranh đến hồi khốc liệt, máy móc đủ loại trong khu giải trí này đều đã phải ngưng hoạt động để tiết kiệm điện. Hôm ấy đúng là một ngày tạnh ráo nên khung trời rộng ra và xanh ngấn ngắt. Bầu trời Tokyo nếu có thể xanh như thế,

đêm đến lại trong vắt và đầy sao như thế, cũng là vì kỹ nghệ sản xuất không còn phần chần, làm cho bụi khói trong khu vực thủ đô giảm đi nhiều. Tuy nhiên hãy còn lý do khác nữa. Vẻ đẹp của thiên nhiên trong giai đoạn trận chiến sắp tàn này đã làm ta tự hỏi, phải chăng có sự góp sức âm thầm của linh hồn những người đã chết để tạo ra. Thiên nhiên có đẹp là vì được chăm bón bằng cái chết. Nếu vào giai đoạn cuối cuộc chiến mà bầu trời cứ đẹp và xanh ngấn ngát như thế này, chẳng phải cũng bởi vì màu xanh trong những khu mộ địa càng ngày càng mọc mà óng ả hay sao?

Thực thế, phong cảnh hai đứa đang nhìn ngắm được bao trùm bằng ánh sáng huy hoàng của sự chết. Mỗi viên cuội dưới lòng sông dường như đều mang hình ảnh ấy. Như thế, hai người anh em họ trẻ trung, đầy sức sống, đã ngưng đôi cánh của chúng lại, cùng lắng tai nghe tiếng trái tim hai đứa đang đập mạnh. Tiếng vọng họ nghe từ trái tim của người bên cạnh như có cùng một nhịp điệu, ăn khớp với tiếng đập của trái tim mình làm sao! Làm như hai người là một sinh vật duy nhất trên mặt đất này mà đôi tim cùng chung nhịp đập vậy.

Giữa lúc này, những điều họ suy nghĩ cũng chỉ là một. Thế nhưng khi họ chưa nói thành lời thì nó đã trôi qua cho nên hai người vẫn không hề hay biết về điều người kia đang ấp ủ trong đầu. Về phần Sugio, anh nghĩ: “Người con gái này chắc có một đôi cánh và bây giờ cô đang chực bay lên đấy. Chuyện này mình không thể làm được!” Yôko thì lại nghĩ như sau: “Người con trai này nhất định phải có đôi cánh. Khi anh ấy bất chợt ngoái đầu nhìn lại phía sau lưng thì không phải vì muốn xem có ai đang đi đến hay không đâu! Như hồi học tiểu học, nhiều khi học trò phải quay đầu lại kiểm soát cái cặp đựng sách vở đeo trên lưng, anh cũng bất chợt quay

nhìn nơi có đôi cánh quen thuộc đang mọc ra đấy thôi. Anh ấy làm sao che mắt mình được!”

Việc xác nhận được điều đó trong ý nghĩ của mình làm cho hai đứa vừa vui nhưng cũng vừa buồn. Nói cách khác, nếu chúng để mặc cho sức mạnh nội tại của tình yêu cổ vũ thì ngay tức khắc cả hai đã có thể cùng nhau bay bổng đến bất cứ đến một khung trời nào trong tầm mắt - như từ nơi đây đến tận bên kia bờ của con sông xa tắp kia. Khi nghĩ như vậy thì việc mang đôi cánh đã nhuốm được một chút màu sắc hiện thực lên những ý tưởng viển vông của chúng. Thế nhưng cả hai đều tin rằng chỉ người kia mới là kẻ có đôi cánh trên vai, và họ thấy khó nói làm sao cho người mình yêu hiểu về sự mất mát khi người ấy cất cánh bay đi để mình phải ở lại. Hai đứa hầu như đoán chắc rằng người mình yêu một ngày nào đó sẽ ra đi và không còn ở bên cạnh nữa.

Sugio bảo:

- Tuần sau anh phải rời Tokyo đấy!
- Sao vậy anh?
- Lao động quân sự ở thành phố M.
- Trong quân xưởng ấy à?
- Ở một nơi chế tạo máy bay.

Yôko tưởng tượng Sugio sẽ đi đến một nơi người ta chế ra nhiều đôi cánh. Cậu bị bắt buộc trình bày mẫu mã chế tạo cho công nhân lao động ở đó xem. Nếu thế thì cậu chỉ cần đem đôi cánh trắng to lớn lấp lánh sẵn có trên vai ra cho họ là đủ. Sau đó, chắc phải đến giai đoạn thực nghiệm, trình bày những tính năng của đôi

cánh. Cậu hẳn phải bay một vòng cho họ xem thử chứ. Có khi phải ngừng lại một chốc trong không trung. Rồi còn vẽ bản thiết kế nữa! Như khi đo ni tắc để làm mẫu, người ta chắc sẽ đo cả ni tắc đôi cánh. Tuy nhiên đó là một đôi cánh thiên nhiên nên không ai có thể chế được một cách hoàn hảo. Chắc người ta sẽ nhìn cậu với cặp mắt đầy đố kỵ. Rồi họ sẽ bắt cậu bay thử thêm một lần nữa. Cậu bay. Lúc đó họng súng sẽ nhắm ngay vào đôi cánh của cậu. Đôi cánh sẽ nhuộm đầy máu và thân xác cậu rơi thẳng xuống. Như một con chim bị đạn, trong chốc lát, đôi cánh ấy sẽ đập cuồn cuộn loạn khi cậu ngã lăn chiêng trên mặt đất. Cậu sẽ chết... Đôi mắt cậu không còn động đậy, chúng chứa chất sự u ẩn của một con chim nhỏ bị người ta giết.

Nghĩ đến đây, Yoko cảm thấy bất an và muốn ngăn Sugio lại nhưng cô thừa biết làm sao mình có thể để chuyện ấy không xảy ra. Cô lo lắng hỏi thăm chừng nào hai đứa lại có dịp gặp nhau. Lúc đó, để cô vững bụng, Sugio mới cho biết là mỗi tháng một lần nhằm ngày nghỉ, dù chỉ ngắn ngủi thôi nhưng hai đứa sẽ tìm ra cơ hội.

Thực ra, trong lòng Sugio, sự tiếc nuối vì không thực hiện được điều mong muốn buổi đầu nào có kém nỗi buồn chia tay. Mùa hạ còn chưa tới. Cứ nhìn chiến sự bây giờ thì việc có được một ngày hè để đi tắm biển là điều không ai dám chắc. Lại nữa, mối liên hệ hãy còn rụt rè giữa hai người khiến cho Sugio không sao có được cơ hội kiểm soát cái chỗ Yoko mang đôi cánh trên người.

Thấy dáng điệu lúng túng của Sugio khi định mở miệng nói điều chi nhưng lại cứ chần chờ, Yoko đâm ra hiểu theo một cách khác. Hay là anh ấy định thú thực với mình là đang có cô nào, nếu không phải điều đó thì hẳn là... cái điều chưa nghĩ tới mình đã đủ

mắc cỡ. Chắc chắn chỉ một trong hai thôi. Thế nhưng cách phỏng đoán nào cũng làm cho cô bé cảm thấy không hài lòng. Cô làm mặt giận, cứ ngồi làm thinh.

Điều Sugio mở miệng nói ra sau đó là điều cô không hề chờ đợi. Vẫn cái giọng bình thường mỗi ngày, anh phát ra một câu nói tỉnh bơ giống như đang theo thói quen đưa mũi giày đá lăn những hòn sỏi dưới chân:

- Hay là hai đứa mình qua thăm bà đi em. Mấy lần anh muốn lên bà nhưng lại ngại nên không dám gặp, đi về luôn. Coi bộ lâu lắm anh sẽ không có dịp gặp bà.

- Vậy thì tốt quá! Để em thưa bà là trên đường về em tình cờ gặp và kéo anh cùng đến chơi, nhen? Thế nào bà cũng mừng lắm.

Cô bé vui vẻ làm lành và trả lời như thế.

Hai người quay lại nhìn về phía ngôi nhà thì thấy trên ống khói, thỉnh thoảng có vài đợt khói mỏng bay lên. O-Tetsu đang đun nước tắm cho bà. Cứ hai ngày một bận, sau khi ngủ trưa dậy, bà có thói quen ngâm mình trong bồn tắm. Không hiểu lời đề nghị của Sugio có liên quan gì đến việc những làn khói nhẹ đang tỏa lên bầu trời xanh hay không, ai mà biết được!

Bà của họ vừa mới thức dậy sau giấc trưa. Cạnh bên gối bà nằm hãy còn đặt sấp một cuốn tiểu thuyết của Kyôka^[2] mới xuất bản lần đầu. Bìa sách trông thật đẹp với hình ảnh một đóa hoa phù dung to tướng in kiểu tranh khắc gỗ. Bà ngồi bệt xuống giường tiếp hai đứa, trên vai khoác một chiếc áo thêu màu xanh lam trông rất nhã. Bên cạnh bà và ngay trên sàn là cái bàn thấp bày nón sắt và bị vải dày để trùm đầu phòng khi phi cơ oanh tạc. Nếu ngay giữa ban đêm mà

có còi hự báo nguy thì bà sẽ lấy cái bị trùm lấy đầu, đội nón sắt lên trên rồi nằm mọp dưới sàn, mở radio theo dõi tin tức.

- Lâu lắm bà mới gặp lại Sugio đấy nhé! Ngoảnh đi ngoảnh lại mà cháu đã ra dáng đàn ông rồi. Cháu thì có xinh trai đấy nhưng chưa bằng ông chúng mày ngày xưa đâu đó. Cháu chỉ đẹp tầm tạm thôi nghe. Còn con Yôko cũng vậy. Cháu chỉ trên bình thường một nấc. Nhưng như thế đã đủ. Cũng như đi xin xăm, nên tránh xin quẻ Đại Cát. Nhìn nét mặt, bà thấy các cháu là những kẻ biết phải trái, như vậy là có được quẻ Cát rồi đấy.

Bà nói vui như thế rồi phá lên cười.

Hai cô cậu quay mặt lại nhìn nhau. Thế nhưng khi bà quan sát thấy ánh mắt long lanh của Sugio và Yôko thì lại nói thêm:

- Ôi chao, hai đứa bay coi bộ khăng khít với nhau quá rồi mà còn muốn giấu cả bà à. Anh em họ như bay thì dễ phải lòng nhau. Thôi, dẹp chuyện đó qua một bên là tốt hơn nghe các con. Bà cũng không ngờ Sugio lại có thể đi yêu con bé ranh này. Cháu phải kiểm cô nào xinh xắn cỡ bà mới được nha con. Nhưng trên đất Nhật này chắc không có người thứ hai đẹp như bà đâu!

Bà chẳng tiếc lời tấn công tới tấp làm Sugio thiếu điều muốn lĩnh đi cho nhanh; thế nhưng bà đã cắt chiếc bánh bông lan mà Yôko vừa mang lại khiến cậu phải nấn ná ở thêm. Vừa khi đó O-Tetsu xuất hiện, báo cho bà hay là nước tắm vừa đủ nóng. Bà đi tắm trước tiên, sau đến phiên Sugio rồi cuối cùng là Yôko. Lúc đầu Yôko không định bụng đi tắm nhưng vì Sugio bảo mình cũng đi nên cô bắt chước theo. Trong một tình huống đột ngột như thế này, cô gái nào cũng không quên chiều ý người cô thương. Qua hành động bắt chước, cô nàng như muốn biểu lộ tình yêu của mình. Đó là đặc

điểm mà ta phân biệt được rõ ràng tình cảm của một thiếu nữ như cô nếu đem so sánh với một người đàn bà ở tuổi trung niên.

Sugio và Yôko hơi bối rối khi phải đụng đầu nhau ở cánh cửa vào buồng tắm. Sugio ra ngoài, ngồi xuống bên hàng hiên của gian tiền đường trước cửa phòng tắm và đưa mắt nhìn lên bầu trời đang từ từ ngả bóng chiều. Có tiếng động cơ của một đơn vị máy bay trinh sát bay về căn cứ rền lên từ xa.

Giờ đây, chắc Yôko đã cởi bỏ cái áo tay ngắn kiểu lính thủy nên thế nào những vùng da thịt trắng nuột hơn cả hai cánh tay trần của cô cũng đang in lên trên tấm kính trước mặt. Chắc giờ đây đôi cánh của cô đang bị hơi nước nóng phủ mờ và như được quét lên trên bằng một lớp sơn trắng óng ả. Có lẽ cô đang quỳ trên tấm ván dùng để gạn nước làm bằng gỗ trắc bá, đôi cánh co rút lại vì xấu hổ. Nếu như Sugio xuất hiện ngay nơi đó vào lúc này thì nhất định sẽ làm cô thẹn thùng đến độ làm ửng hồng như có màu ánh hồng đông đang nhuộm lên tận đầu mút của đôi cánh ấy.

Sugio không khỏi xua đuổi ý tưởng có lẽ đây là dịp may cuối cùng để cậu có thể nhìn thấy đôi cánh của Yôko. Cậu đứng ngồi không yên, cuối cùng bật dậy và ra chỗ đằng trước phòng tắm; chần chừ ở đó một hồi rồi đi qua đi lại dọc hành lang, tự giận mình sao mà mình thiếu can đảm đến thế.

Cánh cửa làm bằng kính mài nhám của gian phòng tắm vì ẩm hơi nước nên từ từ đổi qua màu trắng đục như sữa, tựa màu của mặt hồ vào buổi sáng. Có tiếng róc rách như tiếng sóng nhỏ tấp vào kè đá vọng lại từ bên trong phòng tắm. Cuối cùng cô gái cũng từ cái bồn bằng gỗ bước ra. Cô không ngờ rằng cánh cửa kính thô ráp nửa trong nửa đục đang làm lộ những đường nét vàng kim trên thân thể

không che đậy của mình. Yôko xoay qua xoay lại, nhanh tay lau da thịt cho khô. Trong khi đó, Sugio chăm chú theo dõi động tác của đôi cánh, tuy nhiên hơi nước mờ mờ không cho phép cậu thấy những đường nét rõ ràng hiện ra sau từng động tác. Cậu chỉ muờng tượng như có một vầng sương mù, một đôi cánh trắng hư ảo đang treo lên trên bờ vai nhỏ nhắn. Thế mà Sugio tin rằng cậu đã thấy được đôi cánh ấy.

* * *

...Gần một năm trời trôi qua kể từ ngày hôm đó. Sugio vẫn chưa nhìn thấy được đôi cánh của Yôko. Cơ hội gặp gỡ của họ cũng hiếm. Tuy nhiên hai kẻ yêu nhau vẫn không ngại là việc trao đổi thư từ. Hai cô cậu hứa sẽ yêu nhau và còn thề thốt cho tương lai. Thành thực mà nói, họ chỉ mới thề thốt mà thôi. Những lời ước nguyện của hai đứa trẻ trong trắng kia nếu chôn lấp được, để cho nỗi lo âu của thế giới và của thời đại không thể lan rộng ra, thì sẽ khiến cho ta có cảm tưởng rằng, giống như khi dùng vữa hồ để đặt được từng viên gạch một lên nhau một cách vững vàng, ta sẽ xây lên được một mái nhà kiên cố và ấm cúng một ngày nào đó. Hai đứa trẻ này không có một sức mạnh nào khác. Đứng trước một nỗi lo lắng, chúng chỉ có thể phóng ra một câu nói. Như cách những người dân bán khai sắp sửa bị tiêu diệt phải nương tựa vào thần chú, hai đứa chỉ còn biết gửi lòng tin vào ma lực của những lời thề thốt vô hiệu quả.

Yôko chết trong một trận oanh tạc vào tháng Ba năm sau. Lúc đó, trường của cô gửi các nữ sinh lên một tòa nhà thuộc trung tâm thành phố để giúp đỡ quân đội lo một số công chuyện. Trên con đường đến chỗ làm, cô tử nạn vì trúng bom.

Nhóm của cô còn có ba người bạn khác nhưng mỗi một mình cô là ăn mặc áo cộc tay kiểu lính thủy với cái váy có đường nếp thật thẳng thớm. Trong khi cả nhóm vừa bước ra khỏi nhà ga gần trung tâm thành phố thì bất chợt có vài hồi còi báo động vang lên. Ba người bạn vội vàng nhảy xuống cái hào tránh bom gần nhất mà họ thấy. Thế nhưng không hiểu sao Yôko lại chậm chạp và lạc lối đằng sau. Từ trong bờ hào, giữa bom nổ đạn bay, mấy người bạn gào lên gọi tên Yôko. Rốt cuộc họ thấy cô xuất hiện và đang băng qua con đường lớn lúc đó chợt sáng rõ, im ắng, không có một bóng ma. Cô gái đang gấp rút chạy đến một nơi ẩn nấp và khi chỉ còn khoảng hai mươi mét nữa là tới đích thì một mảnh bom đã đánh trúng cô từ phía sau lưng.

Yôko bị bom cắt mất đầu. Cô gái dù mất đầu vẫn tiếp tục quỳ trên mặt đường, và như được một sức mạnh lạ lùng nâng lên nên không chịu ngã. Duy, hai cánh tay xò ra như đôi cánh, đập lên đập xuống tất bật...

Nghe được tin này, Sugio than thở khôn cùng, cậu chỉ muốn chiến tranh giết chết cả mình cho xong. Thế nhưng cũng như bao nhiêu người vẫn tiếp tục sống, Sugio hãy còn sống cho đến bây giờ. Tốt nghiệp đại học xong, cậu trở thành nhân viên mẫn cán trong một hãng buôn.

Sugio không hề hay biết là Yôko đã từng tin rằng cậu cũng mang một đôi cánh sau lưng. Về đôi cánh của Yôko thì thực sự cậu tin chắc chắn chúng hiện hữu. Yôko đã chết để cho điều cậu tin là có bằng có.

Đi xuống con dốc rất đứng ở trước nhà về hướng đại lộ nơi xe điện chạy qua chạy lại vào một ngày thu nắng đẹp, Sugio có cảm

tưởng như có ai đang đặt một bàn tay trên bờ vai mình. Cậu quay lại nhìn nhưng không thấy bóng dáng nào cả. Cậu thử sờ lên vai. Vẫn hoàn không. Thế nhưng không hiểu vì sao kể từ hôm ấy, cậu cảm thấy trên vai có cái gì nặng nặng. Cậu lắc đầu với vẻ ngỡ vực, lắc vai rồi lại bước tiếp.

Lần đầu tiên Sugio có cảm tưởng mình đang đeo một đôi cánh trên vai là đúng vào ngày hôm đó. Dù vậy, cậu không nhận ra chúng là những cái cánh. Những người khác chung quanh cậu, có lẽ vì quá bận rộn cũng không nhận ra nốt. Chỉ có cậu nhân viên hãng buôn chân chỉ lấm lỉ này phải khổ sở vì vai mình căng cứng một cách lạ lùng, mỗi ngày mang hai cái cánh đồ sộ và vô tích sự mà đến sở làm. Một lao động đáng buồn cười như thế mà bản thân cậu cũng không nhận thức được, cứ việc sáng sáng đeo theo đôi cánh phất phơ đến hãng, chiều chiều phất phơ đeo chúng về nhà. Hầu như cậu không bao giờ quét một đường chổi phủi bụi cho nó nên đôi cánh kia đã ố bẩn đi, lông cánh xám xỉn giống như cánh của một con chim nhồi rom.

Mang đi rồi cứ thế mà mang về. Hai món đồ đòi hỏi biết bao nhiêu là cố gắng vô ích này có hình thù như thế nào, Sugio cũng không biết nữa. Nếu chỉ cần không có đôi cánh ấy thôi thì có lẽ cuộc đời của cậu cũng phải nhẹ nhõm đi đến bảy phần mười. Đeo đôi cánh để mà bước trên mặt đất quả là không tiện chút nào.

Mùa xuân đã đến. Từ hôm qua Sugio phải cởi áo choàng.

Nói thế chứ dù đã bỏ áo choàng nhưng vai cậu vẫn còn đau cứng như có vật gì nặng trĩu tụ lại bên trên.

Sự thực là đôi cánh đáng bực mình mà cậu không thể thấy được đang bấu lấy cái vai như có một con chim ung đứng bất động

trên đó, đưa đôi mắt nhìn ngang khuôn mặt của cậu một cách trang nghiêm.

...Rồi sẽ có hay chẳng một người biết khuyến cáo Sugio về điều mà cậu không hề lưu ý, là đôi cánh trên vai tiếp tục là một trở ngại kín đáo cho con đường tiến thân của mình và để nhắc cậu rằng cần phải vứt bỏ chúng đi?

Nguyễn Nam Trân *dịch*

DÌ HARUKO (Haruko)

Melitta: Thưa, cô nói đóa hoa hồng này đây ạ?

Sappho: Đóa hoa đó thế nào cũng sẽ làm cháy bỏng môi người.

Franz Grillparzer (1791-1872) trong nhạc kịch *Sappho*

1

Biết có ai trong chúng ta còn nhớ tới Sasaki Haruko không nhỉ? Chắc phải thấy quen quen như nghe ở đâu rồi. Có thể chỉ là một ấn tượng lơ mờ, nhưng cái tên ấy gợi nhớ một điều gì huy hoàng pha lẫn thương đau, tựa như những âm thanh xôn xao còn vang dội khi cánh màn nhung hạ xuống và tấn tuồng đã vãn. Phải rồi, Haruko - cô Xuân - cái tên nghe không được kêu cho lắm của mấy người con gái thuộc một thế hệ xa xưa, thường để lại cho ta ấn tượng như thế.

Câu chuyện xảy ra khi tôi mới lên chín, lên mười thì phải. Vì người trong gia đình đem mấy tờ báo giấu đi, chủ ý không cho đọc nên tôi chỉ nhớ loáng thoáng cái tên của bà dì trẻ tuổi đã bỏ nhà ra đi biệt tích. Bốn, năm năm sau, một ngày tôi mới tình cờ biết được cơ sự xảy ra. Kể từ hôm ấy cho đến suốt thời thanh niên, cái tên Haruko đối với tôi là một tượng trưng, giống như đóa hoa nở rực rỡ mà tôi có lần bắt gặp trong tập sách có tranh cây cỏ đọc được vào giờ Khoa học. Nhớ ra tưởng để rồi quên ngay nhưng cái tên đó cứ

bám vào ký ức tôi chẳng chịu rời, chẳng khác nào một con sâu đo lì lợm. Dần dần, nó ngưng đọng lại trong đầu tôi như một đóa hoa hồng được khắc hẳn lên mặt kim thuộc và chỉ còn nằm đó để đợi tô màu.

Ngoài ra, cái tên này có khuynh hướng tự ràng buộc vào tất cả những gì gọi là kỷ niệm xấu hổ của đời tôi. Nó cũng gắn chặt với cái tính hiếu kỳ bệnh hoạn và lòng tôn sùng của tôi - không biết bắt nguồn từ đâu - đối với sự thèm khát xác thịt nữa. Như thế, cái tên Haruko này đối với tôi phải gọi là gì nhỉ, một điều húy kỵ hay một lá bùa để trấn yểm cũng không chừng.

Vụ Haruko xảy ra hồi đó không có gì khác hơn là chuyện gái bỏ nhà theo trai. Thời ấy, trên những tờ báo mà mục quảng cáo kẹo làm thơm miệng Jintan và mấy món mỹ phẩm khác hãy còn chiếm gần hết cả trang, những dòng chữ như: “Tiểu thư con một Bá tước cuốn gói theo bác tài”, kèm thêm tấm ảnh phóng to của cô gái chụp hôm làm lễ tốt nghiệp chắc đã đập vào mắt người ta. Tôi không được đọc tờ báo như thế, nhưng đương nhiên tấm ảnh cô gái nhà lành ấy đã được chụp hai năm trước ngày sự việc xảy ra. Không hiểu vì có gì mà cô thiếu nữ trong bức ảnh lại xụ mặt và có dáng điệu của một người đang giận dữ. Hay chỉ vì cô đang bị những tia nắng phản chiếu từ bãi cỏ sân trường làm chói mắt? Dù sao, một tấm ảnh trong ngày tốt nghiệp lại được tờ báo đem ra để dẫn chứng cho mục tin “bỏ nhà theo trai” như thế đã đánh thức sự nghi ngờ trong tôi vì có một chi tiết trùng hợp với nó. Số là hôm lễ trao bằng tốt nghiệp, ông già tài xế chính thức của gia đình chúng tôi vì bị người ta ép uống rượu mừng quá lố, đã lăn đùng ra chết trong đêm do tai biến mạch máu não. Ông lão này tuy không có tài sản gì nhưng cứ đến ngày Tết thường viết một tấm di chúc cho nhà chủ,

mỗi năm cứ lặp đi lặp lại là sẽ nhường chức cho một anh tài xế tập sự trẻ tuổi mà ông ta hết sức tin cậy. Gia đình tôi đã đi đến kết luận là một anh tài xế trẻ chắc được việc hơn ông. Dù tính khí anh ta có lẽ hãy còn hăng nhưng muốn một người trẻ như thế vẫn còn an toàn hơn là trông cậy vào một ông già có thể chết trên tay lái bất cứ lúc nào. Vì lý do ấy, chàng trai kia mới được phong làm tài xế chính thức cho gia đình Sasaki của ông tôi.

Haruko vai em mẹ tôi. Chính xác là em cùng cha khác mẹ. Mẹ của dì, bà ngoại sau, là vợ kế ông tôi. Tuy xuất thân từ làng sơn phấn nhưng cùng với năm tháng, như một thứ gỗ lên nước có vân bóng, nên dáng dấp của bà cũng lộ ra chút cung cách đài các.

Hồi nhỏ Haruko mũm mĩm như cậu bé trái đào Momo Tarô trong cổ tích nên thường được gọi là em bé Momo. Đến tuổi dậy thì, da thịt săn chắc lại, tuy dì dáng gầy gầy nhưng vẫn có đường cong, thân thể tràn trề sức sống. Ai thấy cũng thương. Dì hợp với các bạn trai nhưng đặc biệt thích đi lại với đám con gái. Nói chung, dì vui vẻ với tất cả mọi người và điều đó làm cho không ai gặp dì mà không quyến luyến. Phần dì cũng không bao giờ nghĩ rằng có một ai đó lại không thích mình.

Kỳ cục là thời kỳ ở trường nữ trung học, dì bỗng đâm ra chán những bọn trai hàng phố. Mấy cậu theo ngành công nghệ, dân buôn bán, dân lêu lổng ngoài đường phố, giới lao động. Không những chỉ bọn đó thôi đâu. Khi nghe đám bạn bè của mình khen ngợi về một ông thầy kèm trẻ, dì cũng nhíu mày. Khi đi dạo với chúng bạn, gặp một anh chàng chắc làm công ở một cửa hiệu, đang đạp xe trên đường bỗng quay ngoắt lại nhìn dì, suýt lão đảo, Haruko chỉ có một cử chỉ khinh miệt đối với cậu ta, như thể dì đang

gặp chuyện đau khổ. Điều đó tự nhiên làm thiên hạ đi đến kết luận là người tính khí hóm hỉnh như Haruko thì chỉ có thể đi thích khuôn mặt của những cậu công tử xác lảo thuộc tầng lớp trên trước trong xã hội của dì. Thế nhưng, thiên hạ lại đồn rằng ngay cả với các cậu đó, dì cũng chỉ giao thiệp hời hợt bề ngoài, chưa thấy cậu nào xin dì được một cái hôn.

Đột nhiên, Haruko đã bỏ nhà để theo anh tài xế! Mấy cô bạn cùng lớp náo loạn cả lên, lúc khóc lúc cười mất đến hai, ba hôm. Họ mất hết bình tĩnh, cứ như chính mình mới là người đang trốn nhà theo trai. Nhớ có lần một người trong bọn đã kháo nhau về mảng trời xanh in bóng lên cái rìa nón lưỡi trai của người tài xế, từ dạo ấy đã trở thành chồng của Haruko, cũng như nụ cười không gì gọi cảm hơn với hàm răng trắng toát của anh ta dưới bóng của cái vành lưỡi trai ấy. Lúc đó chỉ thấy bên khóe môi của Haruko một thoáng ngượng ngùng, gương mặt dì cau lại và dì chỉ im lặng.

Thôi bỏ qua chuyện đó đi! Chỉ biết Haruko đã về sống chung với anh tài xế. Nghe nói ngoài hai người, gia đình còn có cô em gái út mới lên tám của anh ta. Từ đó, dì cắt đứt liên lạc với gia đình chúng tôi nhưng hình như ông ngoại đôi khi vẫn lén nhà dăm dúi chút tiền nuôi dì.

Điều lôi cuốn tôi không phải là biến cố bỏ nhà ra đi của dì Haruko với tất cả những lớp lang hơi hướm cải lương của nó mà là quãng đời dài và đầy những bí ẩn của dì từ đó về sau. Những lúc nhàm chán với cuộc sống quá đổi bình thản của mình, tôi mơ ước được sống như dì cái cuộc đời đi ngoài quỹ đạo thường, cuộc đời gắn liền với nguy hiểm và cô đơn như một người nữ diễn viên cố giữ thăng bằng trên dây xiếc.

“Cái con nhỏ gây tai tiếng, miếng mồi ngon cho báo chí”, rồi cũng bị thiên hạ quên bẵng. Không ai còn biết dì trôi dạt về đâu. Như thế, bản thân dì cũng cảm thấy mình bị con người trong quá khứ của mình bỏ rơi không nhớ tới. Lý do là cái con người trong quá khứ của dì đã cùng với ký ức của người đời biến đổi đi, nhưng con người hiện tại vẫn còn bị ký ức của những trang ký sự trên mặt báo chấp nê đuổi miết. Do đó, khi dì đứng trước mặt mọi người thì thiên hạ không cần biết con người hiện tại của dì mà chỉ nhớ về cái cô Haruko trong quá khứ. Hơn thế nữa, khi con người hiện tại của dì quay nhìn về con người trong quá khứ của mình một cách thiết tha, con người ngày xưa ấy hoàn toàn đứng đưng trước con người hiện tại của dì.

Một lần trong quá khứ, bao nhiêu miệng lưỡi đã nói ra nói vào về dì, bao nhiêu lỗ tai nghe ngóng chuyện dì, bao nhiêu cặp mắt đã ngẫu nhiên những hình ảnh của dì, thì làm sao có thể nói là đời dì không bị những điều đó ám ảnh. Dì chỉ còn hai cách mà thôi: một là sống theo lối họ chờ đợi nơi dì, hai là sống để làm cho họ phải thất vọng. Dì không còn lối sống nào gọi là của mình.

Tuy nhiên, có thể nào dì không còn một con đường khác ngoài lối sống như trước? Một cuộc sống vừa không đúng theo dự tưởng mà cũng không ra ngoài dự tưởng chẳng hạn. Một cách sống khác, dữ dội, phù hợp với cá tính của dì. Đó là cái mà tôi mơ ước và ngưỡng mộ nơi dì.

* * *

Nhưng tất cả chỉ hoài công. Dần dần, tôi được biết người có cái tên Haruko trong trí tưởng tượng đó không chút tương xứng với bà dì Haruko của tôi ngoài đời. Bởi vì Haruko đã quay về nhà. Sau khi

chồng tử trận, dì dắt theo cô em chồng đến nương dựa ông ngoại tôi.

Ông ngoại Sasaki của tôi xưa nay vẫn có tiếng là người tính tình khác đời. Ví dụ ông ghét điện thoại, không bao giờ muốn đặt nó trong nhà. Mấy năm sau này, từ ngày bị liệt nửa người, mỗi sáng ông có thói quen phải thỏa mãn một điều mình thích từ lúc mới mở mắt dậy. Khi thì mượn lại một người làm công đã cho nghỉ việc từ cả chục năm, khi thì bỏ cả ba ngày trời để đi tìm trong kho cái ống vố hút thuốc đã mua hồi năm 1902 ở Berlin, khi thì tặng không tiếc một bức tranh của nhà danh họa Vlaminck^[3] để làm lành với một người bạn mình đã tuyệt giao mười lăm năm về trước, khi thì đòi ăn cá chình giữa thời buổi chỉ có những trung tâm phân phối lương thực, và đã cho người đi lục lọi khắp Tokyo để kiếm cho ra. Chỉ có thể nói ông ngoại tôi là người hết sức gàn bướng mà thôi! Một buổi sáng, ông phán: “Kêu con Haruko về cho tao!” ngoài gia đình ruột thịt, mấy người bà con quen biết ai nấy đều lên tiếng phản đối. Thế nhưng ông ngoại tôi xưa nay hễ gia đình thân thích chống đối bao nhiêu thì ông càng thích chí, làm cho bằng được. Không biết nghe tin từ ai mà em trai ông ta ở Kyuushuu, vai ông chú của tôi, đã đánh lên bức điện tín: “Tuyệt đối không tán thành việc con Haruko quay về”. Ông vui vẻ cất bức điện tín đó dưới gối, mỗi khi có ai tới thăm đều mở ra cho xem và mặt mày rạng rỡ. Bà ngoại tôi cười bảo chỉ trong những giây phút như thế, mới thấy ông là một ông già tốt bụng, dễ thương.

Đầu mùa hè năm 1944, để đi gặp dì Haruko, ngoại trừ cha tôi đã định cư vĩnh viễn ở Osaka, cả nhà gồm mẹ, tôi và cậu em út, có ghé qua thăm gia đình ông ngoại Sasaki. Sau khi chiến tranh bùng nổ không lâu, ông ngoại tôi đã dọn ra ngoại ô. Trước hôm lên

đường đi thăm dì, hầu như cả đêm tôi không sao chợp được mắt. Lạ lùng thay, hình ảnh của Haruko mà tôi ôm ấp và tô chuốt bấy lâu nay không hiện ra trong đầu. Ngược lại, tôi chỉ nghĩ đến tin đồn chung quanh tính tình ác độc của bà cố ngoại tôi, ngày xưa đã từng hung dữ đến độ đem ngải cứu đốt khắp chiếc lưng trần của một cô giúp việc mà ông cố ngoại tôi tỏ ra say đắm. Đêm đó, tôi cũng bị ám ảnh bởi câu chuyện ma quái, rùng rợn về một hòn đá trong ngôi nhà thừa tự của dòng họ Sasaki, xưa từng dùng làm chỗ hành hình, trước khi ngôi nhà ấy cháy rụi trong một trận động đất. Người samurai trẻ phạm tội ngoại tình đã bị xử tử, máu của anh ta bắn vọt lên trên hòn đá và từ đó nơi ấy có tiếng rên rỉ mỗi lúc đêm về.

Haruko đã đứng trước cửa đợi sẵn. Bàn tay phải đi găng da của dì nắm cái dây xích con chó tên Schalk, một chú béc giê Đức thuần chủng, nghe đâu là dòng dõi trực tiếp gì đó của một con chó Đức nổi tiếng. Dì Haruko mặc một cái quần Tây phòng, ống rộng, màu xám, cắt theo kiểu đàn bà, bên trên là một cái áo khoác ngắn kẻ ô vuông hơi chói. Chung quanh cổ, dì đeo một chuỗi hạt cổ tình làm ra vẻ xoàng xĩnh, có lẽ được làm bằng gỗ hay thứ gì đó và đem sơn trắng. Bộ lông đen tuyền của con chó Đức tương phản và nổi bật một cách thanh lịch bên cạnh cái áo khoác kẻ ô kiểu Scotland có màu sắc diêm dúa của dì. Nom dì thật trẻ, không có gì chứng tỏ là đã đến ba mươi. Ngoài ra, không có gì đáng chú ý hơn.

- Ôi chao, chị chịu khó đến chơi!

Haruko ngỏ lời với mẹ tôi. Cả hai không có vẻ gì là cảm động cả.

- Chị tới hôm nay là để giới thiệu mấy cháu với em đó!

- Mau lớn quá đi thôi. Chắc Hiro-chan^[4] bây giờ đã tốt nghiệp trường Gakushuuin rồi hử cháu?

- Dạ chưa. Còn hai năm nữa cơ!

Để che giấu nỗi thất vọng, tôi làm bộ như e thẹn.

- Cái cậu này ăn nói vớ vẩn như người dưng không bằng. Cứ còn nhìn xa lạ kiểu đó dì sẽ theo ám cháu cho coi. Chị đưa mấy cháu vào trong đội dùm một chốc đi, em còn phải đưa con gấu con này đi tản bộ một lát rồi về ngay.

Schalk chợt phóng nhanh về phía trước. Cái xích bị kéo đi siết vào găng da kêu thành tiếng. Không hiểu vì sao tôi thấy lồng ngực mình cũng đang rên siết. Haruko thì chẳng nói chẳng rằng, cứ mặc cho con chó kéo mình đi. Đến tận đầu đường, dì mới quay lại nhìn chúng tôi và nở một nụ cười. Nụ cười ấy không có vẻ gì thân mật. Nó không tươi tắn mà cũng không sáng ngời, nó chỉ ỉu xiu và khô khan như biểu tượng của một sắc đẹp lạnh lùng.

- Tại sao cả mười năm không gặp nhau mà dì đối xử hững hờ với con và em Akira như thế hử mẹ?

Không trả lời thẳng câu hỏi của tôi, mẹ vừa bước qua cửa vừa phát biểu qua kẽ răng một nhận xét không mấy nhã nhặn:

- Em thì là em chứ đàn bà nó quái quỷ lắm!

Tất cả chỉ là sự thất vọng.

Bỏ qua thái độ tảng lờ của bà tôi cũng như mẹ tôi đã lợi dụng cảnh hỗn loạn của thời chiến để chặn không cho cái “sự việc xấu xa của gia đình” lọt ra bên ngoài, do đó nó hợp lý. Thế nhưng trong trí tưởng tượng tôi, Haruko không thể nào tảng lờ như họ được. Dì

phải là hiện thân của “sự việc xấu xa” ấy. (Có lẽ không biết từ lúc nào tôi vô tình đã học theo cách nhìn của những độc giả mấy tờ báo.) Haruko chính là một đằm dũ, một tai vạ cho cả gia đình. Dì tượng trưng cho một cách sống mới, nó vừa uy hiếp vừa làm tôi mê mẩn. Tin người ta đồn rằng không bao giờ dì hé môi nhắc đến người chồng xấu số cũng là một điều làm tôi thất vọng về dì. Bị lôi cuốn vào trong một khung cảnh mà mọi người làm bộ đứng đưng không cảm động, dì đã xử sự như thể tìm cách tranh đua trong sự đứng đưng để cho biết ai vô tình hơn ai. Thế nhưng cách sống của dì không hề có gì chứng tỏ dì mong manh và dễ bị tổn thương như hình ảnh con người của dì mà tôi vẫn ước mơ.

Mẹ tôi không muốn mời dì về nhà, và rồi, trong suốt một mùa hè, tôi bỏ đi ngao du với chúng bạn nên hầu như mất hẳn liên lạc với Haruko.

Thật ra thì trong suốt vụ hè, nếu trong lòng thất vọng về Haruko bao nhiêu thì đầu óc tôi lại càng bị ám ảnh gấp bội bởi hình ảnh Michiko, cô em chồng của dì mà tôi đã làm quen được lúc đến gặp Haruko lần đầu tiên. Để Michiko khỏi bị trưng dụng làm công việc nhà nước, Haruko đã nhờ cha tôi ghi danh trên hình thức cho nàng vào làm trong hãng của ông. Thế nhưng mẹ tôi lại đối xử với nàng như một cô giúp việc, ý chừng bà xem nàng chỉ là em gái của một anh tài xế. Khi nhận ra điều đó, tự nhiên tôi đâm ra ghét mẹ không tả nổi, đồng thời cũng lấy làm ngạc nhiên về tình cảm đó của mình.

Michiko ăn mặc đơn sơ thanh nhã, không khỏi có chút quê mùa, nhưng ngược lại nó khiến nàng thêm tươi mới. Hai hàng lông mày bình lặng, tiếng cười của nàng tươi vui nhưng hiền hòa. Nàng

được gửi nuôi ở nhà một cặp vợ chồng làm việc ở nhà và chưa có con. Nghe đâu họ sắp chính thức nhận nàng làm con nuôi.

Không hiểu sao tôi không làm cách nào quên được người con gái ấy. Tôi đã nhìn ra được là thân thể nàng đã đến độ chín tới, cho dù khuôn mặt hãy còn mẫn sữa. Trong ngôn ngữ cũng như trong thái độ, nàng có cái gì không minh bạch để làm người ta ớn ớn, cho dù nàng thường tỏ ra ít lời. Tuy nhiên trong cái vụng về của nàng, tôi thấy như có cái gì khiêu gợi.

Tiếng là quen biết nàng nhưng mỗi khi đi đến nhà ông ngoại, tôi ít khi có dịp gặp. Hơn thế, nàng lại quá câm nín nên tôi không tạo ra được dịp để nói chuyện tay đôi với nhau. Và cứ như thế, cho đến khi mùa hè trôi qua mất.

Một đêm tôi bỗng choàng tỉnh giấc vì ý nghĩ Michiko đang lâm bệnh. Tôi không biết ý tưởng đó đã đến với tôi lúc đang tỉnh táo hay trong một giấc mơ nữa. Cho rằng ý nghĩ đó là điên khùng cho nên hôm sau tôi cũng chẳng buồn đến nhà ông ngoại để hỏi thăm sự thể. Thế nhưng kết quả của cái việc không chịu cất công đi kiểm chứng những gì đã xảy ra như trong cơn ác mộng về sau sẽ thể hiện qua nhiều hành động sơ xuất của tôi. Ví dụ đánh rơi và làm vỡ một cái tách, định leo lên xe điện đi trong Tokyo thì lại nhầm chuyển xuống Yokohama, để quên đồ đạc ở nhà một người bạn, rơi mất túi tiền lẻ, gọt đi gọt lại đầu bút chì mà cứ để bị gãy. Đến khi tôi cố gắng dẹp bỏ lòng tự ái để đi thăm nàng thì Michiko tỏ ra không biết gì đến mối lo âu thầm kín của tôi, cứ chăm chú làm công việc của mình và chào hỏi tôi một cách lễ phép giống như đang đứng trước một người xa lạ. Tôi làm ra mặt giận nhưng khi về đến nhà, lòng tôi lại tràn ngập hạnh phúc. Và khi nhìn mình trong gương, tôi thấy rõ

ràng là mình đang có cái bản mặt ngu ngơ khờ khạo của một kẻ đang yêu.

Mẹ và em trai tôi, vốn nhút nhát, định vào đầu thu sẽ đi sơ tán ở một vùng sâu trong núi thuộc tỉnh Y nơi nhà một người quen, bỏ mặc tôi ở lại, vì lúc đó tôi phải làm nghĩa vụ lao động tại chỗ trong cơ xưởng nhà trường. Một tuần lễ trước khi dọn nhà ra đi lâu dài, mẹ và em tôi đã làm một chuyến thăm dò đường đất vài đêm, để lại nhà cả đống lớn hành lý.

2

Mùa hè đã chấm dứt nhưng trời vẫn còn nắng, có khi còn gắt hơn cả những ngày nắng dịu giữa hè. Những cánh én chao qua chao lại đến chóa mắt không biết từ lúc nào đã trở nên thừa thớt.

Từ trường về nhà, khi đang đứng đợi chuyến tàu chợ trên sân ga, tôi nhận ra hai cánh én, có lẽ hai cánh én cuối mùa về chậm. Phía bên kia đường sắt và con lộ chạy song song với nó, có một căn nhà xây bằng đá vôi mái hiên. Chim én hay về làm tổ dưới mái. Hai con chim ấy lao mình vun vút theo những đường bay táo bạo như đang làm xiếc, nhiều khi xẹt qua xẹt lại tưởng chừng sắp chạm vào nhau. Hết đuổi cánh ra lại cụp cánh vào, cả hai như không cần biết trời đất nằm ở chỗ nào. Tôi cảm thấy tâm hồn đơn sơ và trong sáng của đôi chim én đó đã ghi khắc như một ấn tượng vô cùng mãnh liệt trong trái tim mình.

Lúc đó tôi mười chín tuổi. Còn nàng, có lẽ độ mười tám. Mỗi khi nghĩ đến chuyện tuổi tác, tôi có cảm tưởng ai đó đang bắt gặp

mình làm chuyện quấy và điều đó thường khiến tôi đỏ mặt. Đeo theo mớ tuổi đáng phải tội như thế này đối với tôi là điều đáng xấu hổ như đi ngoài đường mà đeo dính theo một cái chổi trên hông. Tôi ý thức rõ ràng mình đang chờ đợi điều gì chứ. Thế nhưng bởi là người duy nhất có thể đóng vai cố vấn cho chính mình và cũng vì chỉ có một dúm tuổi như thế, tôi cảm thấy thiếu tự tin. Tựa một con mèo đuổi theo chính cái đuôi của nó, tôi cũng chạy vòng vòng như thế.

Dường như hai con én đã dạy cho tôi bài học về cách sống nhẹ nhàng thanh thoát. Nếu như tôi có được đôi mắt với hàng mi dài của người con gái ấy thay vì đôi mắt của tôi bây giờ, tôi mong ước sẽ được quan sát hướng bay của chúng thêm một lần nữa. Rõ ràng là chúng chỉ mới thoáng cho tôi thấy có một nửa bài học.

Nhà có khách hiếm có đến chơi. Đó là dì Haruko tình cờ ghé qua và vì nhà vắng, dì ngồi đợi xem thử có ai về... Nhưng tôi không thấy bóng dì ở chỗ mà chị giúp việc chỉ cho. Trên chiếc ghế mây đầu hành lang tắm trong ánh nắng phản chiếu từ phía ngoài vào, tôi thấy ai để ở hờ một món đồ màu xanh đang đan dở chừng với những mẫu hình trang trí thật tinh tế.

Ở mọi căn phòng trong nhà, chỗ nào cũng bừa, đầy nhóc những món đồ phải dọn đi sơ tán vào hôm sau. Đằng sau cái đóng đồ chất tối thui, tôi thấy những cánh cửa sổ sáng sủa của căn nhà bên cạnh nhô ra. Có tiếng đàn bà cười từ phía đó vọng tới, một tiếng cười tôi chưa từng được nghe bao giờ. Không hiểu sao tôi có cảm tưởng nghe được cả những tiếng đàn ông nữa.

Tôi vội vàng đi qua dãy nhà ngang bên cạnh bằng một hành lang lát chiếu nhưng bỗng nhiên đứng khựng lại khi thấy có một

người đàn bà, tay kẹp một điếu thuốc, mặc một cái quần rộng lưng thùng, đang chống tay tựa vào thành cửa sổ của dãy nhà ấy, nhìn ngoái lại phía tôi với một cái nhìn sắc cạnh. Màu xanh của cây lá bên ngoài có phản chiếu trên khuôn mặt của người đàn bà ấy thực đấy, thế nhưng thấy màu xanh đó như đọng lại, lấp lánh khắp khuôn mặt, quét lên đó một vẻ diễm lệ. Trước khi nhận ra người đó là dì Haruko, tôi bất chợt liên tưởng đến câu nói lạ lùng mà một người bạn đã thốt ra trong giờ nghỉ giải lao hôm nay: “Hình như vợ của mấy người thủy thủ lúc nào cũng trát phấn tô son một cách khác thường”. Khi nghe người bạn nhận xét như thế, tôi đã thả lỏng cho trí tưởng tượng của mình lan man về những điều dâm dăng và tồi bại nhất... Tôi có hơi loạng quạng nhưng cố nhú mắt nhìn thẳng khuôn mặt của Haruko như thể nhìn người mới gặp lần đầu, và như thế lấy lại được bình tĩnh.

- Sao? Mới về đấy à?

Haruko lên tiếng, vẫn cái giọng thờ ơ như người đang ở đâu đâu.

Tôi cố gắng bằng mọi cách nghĩ rằng kẻ đối diện với khuôn mặt trang điểm như bôi như trát ấy là “bà dì” của mình chứ không phải thiếu phụ mang cái tên là Haruko. Làm như thế để khỏi sợ bà ta khám phá ra cái trẻ con của tôi. Bởi vì “bà dì” là một loại người sẵn sàng nhìn đứa cháu dưới cái tuổi cho là tương xứng với nó mà chẳng thèm đặt vấn đề.

Tôi đứng lại để giải thích dài dòng với dì là mẹ và em trai tôi đang đi thăm dò chỗ họ sắp sửa dọn xuống để đi sơ tán và hy vọng rằng họ thế nào cũng trở về nhà trước tối nay. Dì Haruko, lúc đó

đang ngồi lên trên vè khung cửa sổ bỗng nói một câu lửng lơ không ăn nhập đâu vào đâu:

- Hầm tránh bom của nhà này rộng ghê nghe!

- Ồ không! Hầm để cho người núp nằm ở chỗ khác cơ! Cái hầm này chỉ để chứa đồ đạc lúc cần thôi. Hầm này chắc chẳng được việc gì!

Trong ánh nắng chiều còn le lói để nhận ra tôi, hai người phụ việc làm công cho chi nhánh hãng của cha tôi trên Tokyo ra hiệu chào. Họ có nhiệm vụ phá ngôi nhà con trước mặt dãy nhà ngang này một quãng, xưa vẫn dùng làm trà thất, nay đã đổ nát vì thiếu chăm sóc. Thế rồi, phải đào một cái hầm trú ẩn đơn sơ hình vuông ở vị trí khu vườn nhỏ cạnh nó. Tuy nhiên hai người này rất lười, mới khuôn được hòn đá để đặt làm mố trên đường là đã nghỉ mệt mất cả tiếng đồng hồ và khi trời mới nhỏ một giọt mưa là họ đã cuốn gói đi về.

Tôi xưa giờ vẫn không thích cái anh người cao cao mặc một manh áo dùng khi tập chạy bộ, hay tỏ vẻ mình làm việc giỏi, mới mười chín tuổi mà cứ làm như cái gì cũng biết. Từ khi nghe cô giúp việc kể lại là anh ta đã nói xấu tôi trước mặt cô về sự non nớt trong lĩnh vực ái tình thì tôi ghét cay ghét đắng anh ta. Ở cái tuổi của tôi mà bị coi là còn con nít thì không có gì là sỉ nhục hơn. Vì vậy khi anh ta tiến gần đến mấy cái chấn song của cánh cửa sổ nhô ra rồi nói chuyện với Haruko bằng một giọng thân mật và xem như tôi không có mặt thì tôi tức đến ná thở:

- Tụi tui đã đào sâu thêm được năm tấc nữa rồi, cô có thuốc lá cho xin một điếu!

Nhưng cái làm tôi ngạc nhiên hơn nữa là thái độ của bà dì. Haruko quỳ bên thành cửa sổ, một tay nắm lấy chấn song và trả lời:

- Thế thì cho một điếu nhưng phải chịu lấy điếu thuốc tôi đang hút dở chừng nghe. Như hồi nãy, đưa miệng ra hứng nó đi!

- Cô kỳ quá, điếu thuốc còn đang cháy kìa!

Anh chàng phụ việc vừa nói như vậy nhưng thân hình chắc nịch và gọn ghẽ của anh ta run lên như có một làn sóng ham muốn không kìm hãm nổi lướt qua. Đực người ra như một con chó, anh ta thèm thuồng đón nhận điếu thuốc cháy đỏ từ bên trên đưa xuống. Tôi có cảm tưởng mình đang chứng kiến một cảnh tượng làm mình chóa mắt nên mới quay mặt ra chỗ khác.

- Sao, có thích không? Bằng lòng chưa?

Haruko hỏi anh ta bằng một giọng mon tron làm tôi liên tưởng đến mùi thơm nồng nàn của hoa dành dành, nó rõ ràng từng chữ đến nỗi người ta không thể không nghe dù đang bịt cả hai tai.

Tôi trốn chạy về phòng, thờ người suy nghĩ, khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, khi xuống lại chỗ cũ thì thấy Haruko vẫn ngồi thảnh thờ đan áo trên chiếc ghế mây dưới hàng hiên như lúc nãy. Điều mà tôi phải thờ người suy nghĩ suốt nửa tiếng đồng hồ đó chỉ là tìm sao cho ra cái có mà mình nghe lọt tai để có thể xuống dưới nhà tìm lại dĩ thôi. Đó là điều vẫn xảy ra cho tôi ở vào cái tuổi này khi phải tập trung suy nghĩ về điều gì. Những lúc chú tâm nhìn khuôn mặt một người đàn bà hay chiêm nghiệm về con người thật của mình, tôi đều cảm thấy một nỗi khiếp sợ dâng lên trong cơ thể. Cách thức của tôi là phải làm sao để tìm ra cho được hình dáng của một “thằng tôi đang phản tỉnh” rồi cuối cùng mới có thể an tâm để bắt

đầu xử lý vấn đề của mình. Nhưng cái giờ đây đang từ từ siết chặt tôi lại chỉ gây ra một sự đau đớn đầy khoái cảm. Bởi vì dù Haruko có thái độ hững hờ đối với tôi trong lời ăn tiếng nói và hành động, nhưng ở chỗ sâu thẳm nào đó, dì đang đi tìm ở nơi tôi một cái gì mà chính dì cũng không biết. Tôi cảm thấy mình đã khám phá ra điều đó. Thế nhưng lúc ấy, tình cảm này đã bất chợt biến dạng và khơi gợi trong tôi hình ảnh xấu xa của quang cảnh tôi vừa chứng kiến mới đây. Phải rồi, nó cũng không khác gì những tin đồn không tốt hời xưa khi Haruko bỏ nhà ra đi, nguyên nhân từng gây xôn xao cho đám nữ sinh cùng lớp. Phần tôi thì chỉ cần nghe tới cái tên Haruko thôi, đã thấy đủ để mơ tưởng đến một cái gọi là “hạ cấp mà kiêu sa”, nó không khác gì hình ảnh một con thú lười khô bong, hỗn hển băng qua cánh đồng dưới con nắng lửa, tóm lại, đó là một đam mê tôi chưa từng nếm.

Ý tưởng này làm tôi đưa mắt nhìn trộm Haruko với chút oán trách, đó là cách bày tỏ sự không vừa ý cố hữu của tôi giống như hôm dì tìm cách hỏi để đoán biết tuổi tác tôi. Cùng một lúc, tôi nhớ rõ mồn một từng chữ câu dì nói lúc đó: “Cứ còn nhìn xa lạ kiểu đó, dì sẽ theo ám cháu cho coi”.

- Hình như chiến tranh sẽ chấm dứt nội mùa thu này thôi. Mấy người bạn của cháu nghĩ rằng nội các Koiso^[5] muốn điều đình để có hòa bình. Đầu hàng hay không, quyết định nhanh đi cho người ta nhờ!

- Thế à? Cháu ghét chiến tranh sao?

Tưởng là Haruko sắp gợi lại kỷ niệm người chồng đã bỏ mạng ngoài chiến trường nên tôi cảm thấy mắt mình bỗng long lanh. Thế nhưng sự chờ đợi này là không tưởng và nó chỉ làm cho tôi mất tự

tin. Không hiểu sao tôi đâm ra sợ hãi nếu Haruko kể lại chuyện về người chồng quá cố của dì, cho nên vừa hỏi vừa trả lời nhanh như lắp liếm:

- Không, nhưng mà chúng mình bây giờ đã đến đường cùng rồi.

Thực ra trong lòng tôi thì không nghĩ đường cùng thế kệt gì cả. Chỉ vì mỗi khi đứng trước mặt Haruko, trong tôi bỗng bùng lên một xung động ngọt ngào xúi giục tôi phải chứng tỏ cho dì thấy mình cũng là một kẻ sa đọa như ai.

Trong lúc chuyện trò như thế, chưa có lần nào tôi hỏi thăm dì về tin tức của Michiko. Tôi nghĩ việc hỏi thăm như thế không thể chấp nhận được. Và tôi cũng không hiểu tại sao chưa bao giờ dì Haruko đã động đến nàng nữa.

Việc không một lần mở miệng nhắc đến cái tên Michiko, phải chăng là dấu hiệu của tình yêu, một thằng tôi khác ở trong thằng tôi đang cười cợt này. Như một thiếu niên không muốn cho người khác xem những vần thơ vụng về mình viết ra vì sợ họ chê cười, tôi cũng e ngại tất cả mọi người, chứ không phải Michiko, khám phá ra tình yêu của tôi đối với nàng. Sự cao ngạo này làm tôi càng thêm mê tín, nghĩ rằng chỉ cần thốt ra một lần cái tên của Michiko thôi thì sẽ làm cho mọi người đâm ra nghi ngờ tôi có tình ý gì. Nhưng tôi đâu ngờ rằng chính vì tránh đã động tới tên nàng mà tôi đã khơi dậy nhiều hoài nghi hơn nữa.

Hoàng hôn buông xuống khu vườn. Mẹ và em tôi vẫn chưa thấy về. Chị giúp việc thông báo nước tắm đã chuẩn bị xong. Haruko được mời, bèn vào tắm trước.

Lúc đó đột nhiên tôi bỗng ngồi đứng không yên, đầu óc cứ bị ám ảnh bởi những gì đang xảy ra trong buồng tắm. Trí tưởng tượng của tôi không rời cả hình ảnh của tấm cửa kính đầm ướt mà hơi nước đọng đang chảy xuống thành dòng. Tấm ván cọ chắc hẳn còn khô và gan bàn chân của Haruko sẽ cảm thấy mùa thu đang đến khi tiếp xúc với những thanh gỗ bách *hinoki* lát trên đó. Dưới ánh sáng yếu ớt của gian phòng tắm, thân thể của người đàn bà ấy đang bị từng mảng bóng tối phủ lên như vết tích của những nỗi buồn và tư lự. Tôi nghe cả tiếng mở nắp bồn nước nóng và tiếng nước bắt đầu xối. Chắc dì phải quỳ gối xuống để tưới những vốc nước nóng bóng ấy từ bờ vai nên một luồng chảy óng ánh lò mờ sẽ tiếp tục lên xuống giữa hai vai, qua đôi ngực rồi sau cùng trôi về vùng tối tắm lẫn khuất nhất...

Tiếng muỗi vo ve bên tai kéo tôi về với thực tại. Trên thành chiếc ghế mây tôi đang ngồi, có một cái gì đang rung rinh nhẹ nhẹ. Đó là một con bướm đêm thật to có những điểm xanh lục và đỏ in rải rác trên đôi cánh trắng. Tôi có cảm tưởng nó mang theo cái mùi bệnh hoạn của những đóa hoa úa nẫu. Khi tôi đưa tay ra nắm lấy cái kim đan màu bạc lấp lánh mà dì Haruko bỏ lại bên cạnh để đuổi nó đi thì, vụt một cái, con bướm đêm bay lên và chạm cả vào khuôn mặt tôi. Trong tay tôi chỉ còn cây kim đan màu trắng bạc và nhọn hoắt.

Mỗi khi thấy một người đàn bà đẹp đan áo và nhìn công trình khéo léo đang thành hình, tôi lúc nào cũng có một cảm xúc lạ lùng. Cảm tưởng đó là của một người đang được ai gián tiếp vuốt ve một cách hững hờ nhưng thành thạo.

Bàn tay tôi ghi nhận chất lạnh của chiếc kim đan với tất cả khoái cảm. Và bây giờ tôi mới nhận ra rằng mình đã cầm cái vũ khí đáng yêu này với ý định ngấm ngầm là dùng nó để đâm xuyên qua thân thể của con bướm kia.

- Mẹ cháu vẫn chưa về à?

Dì Haruko quẹo qua góc hành lang, tiến về phía tôi và hỏi bằng một giọng còn muọt mà hơn sau khi đã tắm xong. Tôi vội vàng đặt cây kim đan trở lại trên bàn và quay mặt lại. Haruko đang mặc chiếc áo tắm *yukata* có lẽ chị giúp việc đã sửa soạn sẵn trong phòng tắm cho mẹ tôi. Thoạt nhìn thấy cảnh đó, tôi bỗng lạng người. Lúc này không còn là mùa nóng để mặc *yukata* nữa, nếu Haruko dùng nó làm áo ngủ, chẳng lẽ dì có ý định ở lại qua đêm chẳng? Tuy nhiên cái làm tôi lạng người nhất quyết không phải là câu hỏi vừa đến trong đầu đó. Lý do chỉ là nội cái việc dì mặc chiếc áo của mẹ tôi đã đủ để làm tôi run sợ. Phải gọi nó là một cảm giác đạo đức khiến ta buồn nôn, nó giống như cái đau đớn thật sự và không tài nào thoát nổi mà trẻ con thường thấy trong những giấc mơ.

Haruko hoàn toàn không biết về sự bối rối của tôi, ở trong phòng tắm bước ra, cả người dì còn đang thom ngát mùi hương của một thân cây đang thời hoa nở rộ dưới ánh nắng chói chang của mặt trời chiều. Dì ngồi trên cái ghế đối diện với tôi, bắt đầu châm một điếu thuốc lá bằng lửa ở đầu một vòng hương dùng để xua muỗi. Một ánh lửa đỏ lóe lên trong mắt dì làm thấy rõ hai hàng mi dài thanh tú. Tôi nhìn không chớp mắt. Khoảng tối sâu thẳm bao trùm chung quanh hai người từ từ đưa tôi trở về tìm lại được niềm hạnh phúc ngọt ngào mà tôi mới cảm nhận được trước đó không

lâu. Rồi bỗng nhiên tôi lại thấy mình như muốn phá lên cười vì đã tìm lại được sự bình thản trong lòng.

Buồn cười làm sao, cái tình cảm gọi là bình thản ấy cũng giống như sự đau đớn không chịu nổi vừa xảy ra trước đó có vài mươi giây đều đến từ chiếc áo tắm *yukata*. Bây giờ chính tấm áo ấy đang cứu vớt tôi ra khỏi sự bất loạn, nó như bảo với tôi rằng: “Thôi cứ yên trí, bây giờ có làm gì đi nữa thì cũng không còn phải lo sợ mình đang đi trên một con đường tình cảm lầm lạc”. Nếu như sự đau đớn của một khoảnh khắc trước đây đã đánh thức cái phần vững chắc và bình thường nhất của lòng tôi qua hình ảnh tấm *yukata*, thì nó là gì nếu không phải chính là sự che chở âm thầm của mẹ tôi, người có lẽ hiện nay đang ngồi đong đưa theo chuyến tàu.

Trong bữa cơm tối mà hai dì cháu dùng trong phòng ăn và cũng như trong những giờ phút dài tiếp theo sau đó, dưới tấm màn đặc biệt che ánh đèn dùng vào giờ giới nghiêm, tôi đã có thể đối đáp với Haruko với tất cả sự chân thành và tự phát. Mãi đến 10 giờ tối mà mẹ và em tôi vẫn chưa về. Dì Haruko ở lại qua đêm trong phòng khách dưới tầng trệt.

Tôi lên phòng mình trên gác hai, chui vào trong chiếc màn trắng che muỗi treo trên giường. Không lẫn ra nằm ngay, tôi vẫn theo thói quen ngồi bên giường, ngắm nghía một cách vô vị những đồ vật vây chung quanh mình trong căn phòng tối đặng sau lớp màn. Vừa lúc đó ngay trên nóc nhà có tiếng động cơ của một máy bay tuần phòng gầm lên. Tôi có cảm tưởng bầu trời trên đó, vàng trắng phải sáng biết bao nhiêu. Tôi thém ngáp đến gần sái quai hàm.

Khi một ngày chấm hết nhưng không thực sự hoàn tất, lưu lại cảm giác hẫng còn có gì thiếu thiếu, người ta thường buông mình vào giấc ngủ say nhờ sự ù lì của một con thú khi được lười biếng trong ấm cúng. Ta sẽ ngủ thật nồng và nếu có ai nhẹ nhàng quay nắm đấm mở cửa thì không đủ để làm rộ. Thế mà lúc đó tôi bỗng choàng mình thức dậy. Trăng đã xế và bóng tối tràn ngập gian phòng.

- Ai đấy?

Tôi lên tiếng hỏi. Không có trả lời.

Tôi bật ngọn đèn đầu giường đặc biệt chỉ dành cho giờ giới nghiêm nhưng chỉ thấy một bóng trắng mờ hồ phía ngoài cửa.

- Mẹ đấy hở mẹ? Có gì thế?

Cái bóng đó tiến lại gần và tôi nhận ra rõ ràng là tấm *yukata* của mẹ tôi.

- Mẹ phải không? Sao vậy?

Khi tôi đang nghĩ rằng ai đó đang đứng sát bên cạnh tôi và đang cố gắng để khỏi bật ra một tiếng cười khỏi cổ họng thì tấm màn chắn muỗi đã được giật mạnh ra và ai đã vào ngồi trên đầu giường phía trong màn rồi. Lúng túng mãi tôi mới đưa được ngọn đèn lên soi. Trước mắt tôi là khuôn mặt tô đậm và bóng loáng như mặt của những cô vợ mấy chàng thủy thủ.

- Mẹ với chẳng mẹ, cái cậu nhút nhát này! Hiroshi mấy tuổi rồi hở?

Tôi chợt hiểu ra. Nghĩ là mình đã đoán ra được nhưng trong một khoảnh khắc vẫn lơ ngơ thấy như không phải chuyện có liên

can tới mình. Bất giác một cái rùng mình êm ái truyền lan khắp châu thân.

Phân nửa thân hình của Haruko đã ở trên mặt giường. Tôi ngửi thấy cái mùi chua ngòm của cái giường trộn lẫn vào mùi hương của khuôn mặt trát phấn thành một cái mùi giống như mùi gia súc. Ánh sáng nhờ nhờ của gian phòng, giữa đôi môi mấp máy, hai hàng răng trắng đẹp tràn trề sức sống ánh lên.

Tôi lại rùng mình thêm một lần nữa và hồi hộp đến nỗi không cầm vững được cây đèn. Thêm nữa, ngón út của bàn tay đang đỡ cây đèn run rẩy như một con trùn đất và tôi nghĩ thầm không biết nó có gây ra tiếng động lập cập khi phải chạm vào những ngón khác.

Thế nhưng sự kích động vừa đến với tôi đã biến thành một sự chán ghét cũng mạnh mẽ chẳng kém khi tôi nhác thấy tấm *yukata* của mẹ. Đó là một sự chán ghét mãnh liệt mà tôi không thể nào nhịn nổi. Rồi thì sự kích động kỳ lạ kia không biết từ đâu lại hiện ra quấy phá lần nữa. Tiếp đến là tình cảm chán ghét lại trở về làm se sắt con tim.

Tôi cảm thấy ngọt ngào, không còn làm chủ được ý chí. Tôi nhớ lúc đó mình đã nói hờn như lạc giọng một câu như sau, và phải mất một hồi lâu nó mới thành lời:

- Không được. Đừng mặc cái áo *yukata* của mẹ! Không được mặc cái áo này!

- Muốn cởi nó ra hở? Để dì cởi ra cho Hiroshi nghe!

Dì Haruko lặp đi lặp lại cho tôi hiểu một cách ngắn gọn lạ lùng. Giọng nói khó thể nào quên của một người đàn bà từng trải và biết

yêu chiều. Không có một chút gì cột nhả trong đó.

Vừa dứt lời - không biết Haruko đã tháo thắt lưng từ lúc nào? - dì hơi vươn nhẹ người và tôi thấy tấm *yukata* của mẹ từ từ trượt xuống khỏi bờ vai tròn lẳn.

3

Tôi vẫn còn nhớ ấn tượng về quang cảnh đường phố buổi sáng hôm sau khi tôi đi trên đường đến trường. Nó sáng sủa, trống vắng và cô quạnh. Hàng cây viền hai bên đường lấp lánh trong ánh nắng mai. Hình ảnh trống trải của những chòm cây và nhà cửa phù hợp với cái không khí trong vắt của mùa thu. Cái trống trải thấy qua những ngôi nhà đã được lệnh cưỡng bách phải phá dỡ bớt cho thoáng đi để sơ tán. Dù mới tảng sáng như thế này, mấy người đàn bà đã đến thụ huấn về phòng không ở vùng kế cận nhà ga. Họ vui vẻ chuyền tay nhau những xô nước trong vắt, đầy đến sóng sánh. Một bản tin truyền thanh buổi sáng đang phát ra với âm lượng chói tai nhất. Không có một dấu vết gì của nhục cảm in lại ở đâu đây. Nó chỉ là một cảnh sắc bình dị, thanh thản như người ta vẫn thấy ở trong sách giáo khoa cho các học trò tiểu học. Thật đúng như thế, khi còn nhỏ, tôi vẫn thức giấc trở dậy với đầu óc không có gì trong sáng hơn, giống như cảnh sắc của buổi sáng hôm nay. Và ấn tượng về con đường đi đến trường của tôi mỗi buổi sớm mai cũng sáng sủa, được thu vén ngăn nắp như một căn phòng in rõ nét trong đầu của một chú học trò tiểu học. Lá trên cành cây trong công viên cũng đang thì thầm với làn gió nhẹ. Và tôi không thể cầm lòng để không

dừng chân trước cánh cửa sổ lau chùi bóng láng của một cửa tiệm bán súng hơi...

Xin lặp lại, ấn tượng tôi có là sự cô quạnh. Tôi có thể bày tỏ lòng cảm ơn, một cách miễn cưỡng, mà không sợ người nhận lời tôi cảm ơn mỉm cười một cách vờ khiêm tốn. Bởi vì tôi muốn cảm ơn chính tôi chứ không phải cảm ơn dì Haruko.

* * *

Nói là nói như vậy, chứ mấy hôm sau khi mẹ tôi dọn nhà để đi sơ tán, Haruko lại đến nhà ngủ lại một lần nữa. Đêm đó còn nồng nhiệt hơn cả đêm hôm trước.

Thế nhưng tôi bỗng bị đánh thức bởi một tiếng gọi xa vắng: “Mit-chan...”^[6]. Giọng nói đó muốn cho tôi hiểu rằng chính tôi là người mang cái tên Michiko. Tôi không biết làm sao để miêu tả sự bối rối của mình bởi vì Haruko chỉ lên tiếng gọi Michiko chứ không gọi cái tên của người chồng yêu dấu nay đã quá cố. Dù sao, khi nghe tiếng gọi thiết tha như thế, tôi thử trả lời dì qua màn lệ như chính tôi là Michiko. Tiếng gọi của dì nghe như tiếng của một người đàn bà đã vượt qua bao nhiêu cánh đồng tịch mịch trong màn đêm để đến nơi đây. Hình như trong những câu chuyện có màu sắc tôn giáo thời Trung cổ, người ta thường kể về những kẻ đợi chờ tiếng gọi của người yêu vọng về từ một cõi u linh nào đó. Nó giống như âm hưởng tiếng kêu của loài thú trước nỗi bi thương của cuộc đời. Tôi cảm thấy từ trong đáy cổ họng của mình phát ra những tiếng nấc nghẹn như tiếng kêu quàng quạc của ngỗng trời. Thế rồi, tôi nhận ra nụ cười vui hiền hòa của Michiko đang trôi nổi lênh bênh trên đôi môi tôi như một ảo ảnh.

Tôi nghĩ lúc đó mình chưa hoàn toàn tỉnh táo hẳn. Tuy vậy tôi cũng không tin tưởng hoàn toàn mình không phải là Michiko. Thế nhưng tôi không hiểu tại sao khi trở thành Michiko, tôi lại như thềm trả lời cái tiếng gọi buồn vọng từ xa đến thế. Tôi mới nâng cây đèn lên để nhìn cho rõ.

- Mit-chan... Mit-chan oi!

Cái tiếng gọi như nấc nghẹn đó là của dì Haruko. Tôi thấy mình đang soi nhìn một cảnh tượng không được phép. Đó là cảm giác “tội lỗi” không thể nào không có khi người ta đi tìm lạc thú, đó cũng là cảm giác làm lộ ra một cái gì người ta cất giấu mà muốn có sự lạc thú thì tuyệt đối không được nhìn thấy. Trong trường hợp này, vật ấy là khuôn mặt của Haruko. Răng của nàng cắn chặt, đôi mắt lim dim như một bức tượng Phật Bà, trên trán lộ ra những đường gân căng phồng. Những giọt lệ đọng lấp lánh bên khóe mắt, làm ướt những lọn tóc.

- Dì sao thế?

Tôi không thể nào nhìn lâu thêm nữa. Tôi lay người dì để đánh thức. Như thế vừa được cứu thoát ra một giấc mộng ghê tởm, nàng nhìn tôi gượng cười với khuôn mặt xinh đẹp của người vừa tỉnh giấc.

- Mới mơ thấy một con ác mộng. Hãi hùng quá!

Dì chỉ nói nói bằng một giọng đủ buồn như những người vừa nằm mơ một con mộng dữ chứ không có gì khác. Rốt cuộc, tôi cũng chẳng hỏi dì tại sao trong con mơ, dì đã nói mớ tên của Michiko. Thật ra, trong tôi lúc đó có hai tình cảm phức tạp đang giao nhau: một mặt, nếu có ghen thì tôi chỉ bực với chính mình bởi vì tôi đã

đóng vai nhân vật Michiko, mặt khác, ngược lại, nếu tôi từ chối không đóng vai Michiko thì điều đó có nghĩa là tôi yêu nàng và đã hết yêu Haruko.

Những lời dì Haruko thốt ra giữa cơn mơ tối qua làm tôi nhớ lại Michiko, người con gái mà tôi có hơi quên lãng. Vì là ngày chủ nhật, tôi và dì Haruko chậm rãi ngồi ăn sáng. Chỗ dì ngồi có ánh mặt trời rọi xuống và tôi bắt gặp mình đang đưa mắt quan sát một cách xoi mói, cố ý tìm cho ra một nếp nhăn trên trán, ở khóe mắt, bên bờ môi, trên cổ của dì. Tôi có cái khoái cảm khi nghĩ rằng cái nhìn của mình chứa tất cả sự tàn nhẫn của một người đàn ông từng trải. Thế nhưng, cho dù cố tình tìm cho ra, tôi vẫn không bắt gặp một nếp nhăn nào. Một cơn giận hung bạo bùng lên trong tôi. Phải chi tìm ra được một nếp nhăn thì tôi đã tha thứ cho dì rồi! Nhưng tôi không hiểu tha thứ đây là tha thứ cái gì.

- Kìa, làm gì mà nhìn người ta chăm chăm vậy hở?

Dì vừa đặt câu hỏi vừa phất tay như làm động tác đuổi ruồi.

- Đâu, đâu có gì!

Tôi nở một nụ cười khinh khỉnh như để tự trào và nhận ra rằng cái thằng tôi chỉ mới là một gã thanh niên vừa mười chín tuổi. Lúc đó, trong tôi một niềm vui bệnh hoạn bỗng dâng tràn.

Lần gặp gỡ thứ ba, mọi việc không còn êm thấm. “Không phải nó. Không phải cái thân xác này!”, tôi tự nhủ, thấy mình đang lạc hướng như chàng thanh niên trong truyện *Decameron*, tưởng mình chui được vào giường của cô gái trẻ, nào ngờ vợ phải bà mẹ của cô ta. Cái nỗi buồn có tính động vật đáng lẽ bao giờ cũng xảy ra sau, bây giờ lại đến trước. Chắc là cái bản mặt của tôi lúc đó cũng xanh

rót và buồn thiu như gương mặt của một người làm từ thiện đang đi bố thí.

Chắc Haruko cũng dự đoán có điều gì đây nên dì bắt đầu kiểm chuyện với tôi một cách hạ cấp. Trong cơn giận dữ, tôi suýt nói toạc ra những gì tôi đã nghe dì thổ lộ lúc nằm mơ. Tôi bỏ mặc cho dì đi về mà không hẹn rõ ngày giờ cho cuộc gặp gỡ lần tới. Tôi lặng lẽ nhìn bóng dì bước ra khỏi cửa. Lúc đó khu vườn đã chìm trong một thứ ánh sáng một ngày thu trông như hơi khói nước nóng. Không phải tôi không yêu Haruko nhưng thử hỏi làm sao tôi có thể lại bắt đầu yêu “Haruko-này” cho được? Đuổi nàng ra khỏi nhà tôi, phải chăng tôi đã cho nàng hoàn toàn tự do để có thể sống cuộc đời cô đơn và nguy hiểm của một người hát dạo. Hay là khi vừa có được tia mắt nhìn quý quái của người thủy thủ nhờ khoái lạc dạy cho mà biết, tôi đã bắt đầu đứng ngồi không yên, bởi vì tôi sẽ tìm cách chạy đi tìm khoái lạc khi thuyền vừa cập vào một hải cảng nào hứa hẹn điều đó với tôi.

Dĩ nhiên dì sẽ ở trong tư thế cầu xin và tôi là người ra lệnh. Tôi bực mình vì Haruko không hiểu rằng được cầu xin không làm tôi khổ tâm hơn là phải đóng vai người ra lệnh. Sai khiến một người đàn bà hơn mình những mười tuổi không làm tôi vui mừng hay hãnh diện hơn, ngược lại, khiến cho tôi có cảm giác bị hạ nhục. Tất cả những chuyện này dì ấy không chịu hiểu cho.

- Thế thì dì biết làm sao bây giờ?

Lúc đó Haruko đã đặt một câu hỏi với nụ cười mệt mỏi và yêu chiều, như hôm đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Đến bây giờ tôi vẫn nghĩ khuôn mặt của dì đẹp nhất là lúc đó.

Tôi bảo chỉ cần dàn xếp cho tôi gặp Michiko.

- Được để dì lo việc ấy cho. Có khó gì đâu!

Dì đã chấp nhận một cách quá dễ dàng làm tôi ngỡ rằng dì đã đoán biết trước việc tôi nhờ.

- Dì có hẹn với cô ấy ngày mai ra phố để mua món quà cưới tặng một người bạn gái. Hiroshi cứ đến, rồi mình đi cùng!

Kiểu nói âu yếm như thế chỉ có thể thốt ra từ miệng của một người đàn bà dành cho anh con trai mà nàng đã đoạt mất cái đêm đầu đời. Nói cách khác, đó là cái cử chỉ có thể dùng để xoa dịu đi những gì thù địch hoặc oán hờn.

Ngày hôm đó, từ hừng đông, đã có những giọt mưa óng ánh rơi xuống như quang cảnh một ngày chớm hạ. Buổi sáng như thế khơi gợi trong ta nỗi hồi hộp mong ngóng, mong manh như hình ảnh của chiếc dù đàn bà làm bằng lụa mỏng.

Đi bên cạnh một người đàn bà đẹp thì người đàn ông tỏa ra sự tin cậy, còn như đi bên cạnh một lúc hai người đàn bà thì chỉ đáng tức cười. Để làm ra vẻ hai nàng là chị em trong nhà, tôi đã cố tình mặc bộ đồng phục, lại đội cả mũ đồng phục của nhà trường nữa. Không mang ủng cao đế ra ngoài đường, đối với tôi hồi đó là một sự kiêu hãnh ngầm ngấm.

Lúc tôi đang chờ đợi hai người ở ga S., thì thấy từ trên sân ga nơi chuyển tàu điện ngoại ô đáp xuống, có một chiếc dù nhàn nhạt màu quả mơ tiến lại gần. Họ cầm chung chiếc dù với nhau, và dù trời mưa không lớn lắm (quên mất tôi đứng ở một góc đâu đó), họ có vẻ chụm đầu vào nhau, sát đến nỗi gò má của hai người gần như chạm phải. Hai mái tóc cũng kề gần, nhìn kỹ tôi mới phân biệt được là tóc của ai.

Không một thoáng ghen tuông, tôi còn bị mê hoặc trước cảnh đó, quên luôn cả việc đây là lần đầu tiên mình có hẹn với Michiko. Rõ ràng tôi đang có một ấn tượng giống như là khoái cảm đến với mình.

Cứ dán sát vào với nhau như thế, họ không thể nào cùng nắm được một chiếc dù cả. Khi họ càng tiến lại gần, tôi nhận ra bàn tay nhợt nhạt của Haruko đang giữ cái cán dù màu ngọc mã não. Vì ướt đầm nước mưa, nó gọi cho tôi một vẻ quyến rũ lạnh lẽo. Cách hai khuôn mặt chập lại với nhau dưới ánh sáng nhàn nhạt màu quả mơ làm tôi liên tưởng đến một lẳng trái cây đầy và ngon lành.

Khi hai người nhận ra tôi, họ mỉm cười. Tôi ngạc nhiên khi nhận ra nụ cười của họ giống nhau. Khi chào tôi, nếu là một cô gái hay e thẹn thì đã phải đỏ mặt, thế nhưng như một người mắc chứng thiếu máu, không thấy có một sắc hồng nào tô lên má của Michiko, và chắc nhờ đó mà tôi mới phân biệt được nụ cười của họ. Hôm nay, Haruko không trang điểm lòe loẹt kiểu vợ thủy thủ, dì trông trẻ và đẹp ngoài sức tưởng tượng. Trong khi đó, Michiko trang điểm rất kín đáo chẳng khác nào một đóa hồng mùa đông nên càng làm lộ ra cái nét đẹp mong manh bệnh tật của một người mắc chứng thiếu máu. Đó là một vẻ đẹp yếu đuối mà ta có thể nghĩ rằng nó làm tôn nét đẹp của Haruko.

Trong chuyến tàu điện đi về trung tâm thành phố, tôi ngồi cùng một ghế bên cạnh Michiko mà trong lòng có một nỗi buồn nặng trĩu từ đâu vào xâm chiếm, nó như là chứng cứ tình yêu của tôi đối với nàng. Tôi chán nản như đang thấy những hạt cát chảy tuôn qua kẽ ngón tay mình. Trong lúc đó thì Michiko bắt đầu nói

chuyện một cách chậm rãi đến mức khó chịu. Thế nhưng trong cung cách chậm rãi của nàng, tôi thấy có cái gì như luyện tiếc.

- Cô bạn em đó anh, con gái nhà giàu, gia đình tản cư về vùng Chigasaki. Cô ấy vui tính lắm, vui đến lạ luôn! Lúc anh chồng chưa cưới một sáng sớm đến thăm, cô ấy cứ mặc nguyên quần áo ngủ rồi hai người dắt nhau ra ngoài bãi biển chơi trò đấu vật *sumô* với nhau. Vậy mà anh chồng chưa cưới coi bộ lại thích cái tính tự nhiên của cô ấy. Còn một tuần nữa họ làm đám cưới.

Tôi lấy làm bằng lòng vì Michiko tỏ ra nàng đúng là một cô con gái khi quan tâm đến những chuyện cưới hỏi. Thế nhưng dù có nói thế nào đi nữa, cái cách thân mật hai người đi chung một cây dù của nàng lúc này, tôi thấy nó như là một hành động thách đố làm tôi không khỏi chột dạ. Để làm ngược lại, trên đường về, tôi mới bảo cây dù của tôi khá rộng, có đi chung với tôi không, thì nàng hỏi lại thế anh định đưa em đi đâu.

- Michiko chưa tới nhà tôi chơi lần nào, phải không? Trên đường về, nhớ ghé qua cho biết nhé!

- Đi với chị hai thì em mới đi!

Đây không phải là một công thức nàng có sẵn trên đầu môi, làm như nó giống như là sự đòi hỏi một quyền lợi đương nhiên của mình.

Chúng tôi đi về phía khu Ginza nhưng hôm ấy là một ngày mưa nên hiếm khách bộ hành đi mua sắm, ngoài ba đứa chúng tôi chỉ có dăm người lính trẻ, điệu bộ nhà quê với cặp má còn đỏ ửng. Khi đi ngang hai chị em đang che chung chiếc dù, họ cứ nhìn chòng

chọc một cách thềm thường như khi họ tìm ra được mấy chú lính mới, đối tượng cho họ ăn hiếp.

Vào mùa thu năm 1944, trên đại lộ Ginza, những cửa hiệu lớn đã bắt đầu chuẩn bị sơ tán và trong những khung cửa kính trưng bày hàng hóa chỉ còn độc những độc bình thật to để chưng hoa, được dùng vào việc che lấp khoảng trống. Chúng nhiều đến nỗi thấy như đang chiếm đóng cả đường phố. Cảnh đó tạo nên một bầu không khí xa lạ và vô tình khác thường. Như để phô trương sự hào nhoáng vô nghĩa một lần cuối trước khi những trận không kích bắt đầu, những hiệu buôn danh tiếng bán đồng hồ, nữ trang, đồ cổ, đồ sứ và những cửa hàng bách hóa trưng bày trong những khung kính sạch tinh tươm những độc bình cắm hoa khổng lồ, lộng lẫy chói ngời này mà chắc chắn sẽ không có lấy một người hỏi mua. Những cái độc bình vì quá dễ vỡ, vì quá hoa lệ, vì không thể di chuyển một cách dễ dàng, sẽ không thể nào chịu nổi quả bom đầu tiên, chúng sẽ tan ngay thành muôn ngàn mảnh vụn. Chúng đang được bày trong những hộp kính đặt vào tận sâu trong giá trưng hàng nhưng cả bình lẫn hộp kính cũng đều mỏng manh như nhau. Nó toát ra mỗi vẻ đẹp buồn thương vượt ra khỏi sự tiên liệu của con người. Đặc biệt là chung quanh những chiếc độc bình vĩ đại và hoa lệ ấy như thể có một bầu không khí hư vô, nặng nề, không thích hợp chút nào với chúng, đang chập chờn bủa vây.

Mưa đã tạnh. Những khung cửa sổ của tòa nhà trước mặt mà trên đó người ta đã dán những mảnh giấy để chặn bớt gió lùa do chấn động của bom gây ra, bắt đầu ánh ngời lên. Đứng đằng sau một chiếc độc bình, tôi ngấm không biết chán hai người đàn bà khi họ đi men theo chúng, lúc ngẩng đầu lên lúc hạ mắt xuống để quan sát. Khung cảnh đó để lại trong tôi tình cảm giống như một niềm

vui đơn sơ không tính toán. Thế nhưng một người thôi thì không đủ. Phải là hai người bước bên cạnh nhau. Cái áo khoác màu thiên thanh của Michiko và cái áo khoác màu đỏ gạch của Haruko phản chiếu qua những khung kính, in lên trên nền sứ trắng muốt của những chiếc độc bình. Ngoài cái vẻ dịu ngọt không pha lấy một chút ngượng ngùng toát ra và trôi lãng đãng mỗi khi hai người đàn bà trẻ đẹp dựa sát vào nhau, người ta có cảm tưởng như những mảnh sứ trắng kia cũng phải quy hàng trước vẻ yêu kiều tràn trề và táo bạo, không hề biết hoảng sợ trước con người và trước cả thần linh.

- Ở đây không có món nào vừa ý hết nhỉ. Thôi mình cứ đi dạo cầu may thêm chút nữa nhé!

Tôi chợt như tỉnh ra vì câu nói của Haruko. Hôm nay tôi đến đây để làm gì vậy? Từ khi chúng tôi đi vào khu phố Ginza, tôi không nói với Michiko một câu nào. Tôi đã nôn nóng biết bao nhiêu để có cái cơ hội nhìn thấy Michiko, đến bên cạnh nàng, trò chuyện với nàng! Như thế sau khi tỉnh ra từ một giấc mộng mà mình thấy trong một giấc mộng khác, tôi thoát ra khỏi một giấc mộng thực và được kéo trở về với hiện tại khi hai người đàn bà chọn mua trong một ngõ hẻm một bộ hai cái độc bình màu hồng nhạt, rõ là khiêu thẩm mỹ trẻ con của mấy cô gái.

- Ủa, mua làm gì hai cái giống nhau thế?

Haruko trả lời:

- Nhưng nó đi một cặp với nhau.

Mời hai người về nhà thì thế nào tôi cũng phải là người khuôn hai cái lọ đó lên dốc. Tôi tự nhủ phải chi họ mua những độc bình

nặng và trang trí hoa lệ để cánh tay công tử bột của tôi không đủ sức mang. Tôi ước mơ rằng chiếc bình mà Michiko sẽ giao cho tôi trọng trách mang lên càng nặng và càng đẹp chừng nào thì càng hay chừng nấy.

Khi ba đưa chúng tôi ra khỏi tiệm thì trời chỉ còn mưa lất phất. Những đám mây bắt đầu xếp lại như lá quạt.

Hai người đồng ý tới nhà tôi chơi. Khi ngắm đi ngắm lại hai cái bình, tâm tình tôi có một sự thay đổi (có khi đó chỉ là kết quả mưu kế của Haruko mà thôi), tôi nghĩ kể từ đây mình sẽ không thể nào gặp riêng Michiko mà không có Haruko đi cùng. Thế nhưng khi ra khỏi nhà ga thì trời đổ mưa lớn, cây dù phụ nữ của Haruko vì quá hẹp không đủ che và hai người có thể bị ướt ngay, tôi mới từ tốn chìa chiếc dù đàn ông rộng của tôi cho Michiko vào trú. Trên con dốc dựng đứng trước mặt nhà, vốn rất khó đi giữa cơn mưa to như thế này, Michiko bỗng mất thăng bằng và quy xuống vì muốn tránh một chiếc xe đạp đang từ trên dốc xuống. Trong khi đó, tôi thì tay trái mắc ôm gói đồ, tay phải lại cầm dù, không nâng nòng dậy lên kịp. Dù gặp cảnh khó khăn, nàng vẫn khéo léo giữ được tư thế như một người đang quỳ xuống. Khi chiếc xe đạp đã vượt qua, trong một giây, tôi không kịp ý thức những gì vừa xảy ra. Michiko nhòe dậy, nhưng khi thấy nàng tay áp lên đầu gối, người vươn về phía trước như cánh chim nhận, tôi bèn gọi dì Haruko lúc đó đang từ phía sau tiến đến.

Từ lúc đó, tôi không còn nhớ bằng cách nào mình đã đưa Michiko vào đến tận phòng tắm. Điều duy nhất tôi còn giữ được trong ký ức là một cảm giác khoan khoái trong sự lảng xảng và một niềm vui hoang dại.

Chắc chắn là tôi đã tức tốc trao tất cả gói đồ trên tay trái cho Haruko. Thế rồi, với sự lo lắng vô có sợ dì ra tay trước, tôi nắm lấy tay Michiko, quên cả việc chân nàng đang khập khiễng, kéo đi vùn vụt về hướng nhà. Khi nhìn phần dưới áo xống của nàng lấm lem bùn đất, trong lòng tôi không khỏi dậy lên một tình cảm kích động. Haruko lúc đó cũng vừa đuổi theo kịp đến nơi, bám lấy ngay Michiko nhưng tôi nói như thế này chắc để kiểm lý do nhốt dì trong phòng khách:

- Ngồi đợi ở đây nhé. Dì không biết làm thuốc với băng bó đâu!

Michiko run rẩy đứng trên tấm ván cọ trong phòng tắm. Nàng giống như một đứa bé lem luốc bùn đất sau khi vừa đánh nhau với chúng bạn. Trong khi tôi kiểm thuốc sát trùng và băng cứu thương, nàng cứ đứng yên một chỗ không làm gì cả.

- Vết thương ở đâu? Phải sát trùng ngay kéo nó nhiễm trùng!

Không nói một lời, Michiko kéo vạt áo trong lên không chút ngượng ngùng, như một người đang làm một cử chỉ lúc còn đang ngái ngủ. Hai chiếc tất bằng len của nàng giống kiểu con trai mặc cao lên đến tận đầu gối, tất cả đều đầy bùn. Một vết xước nằm trên đầu gối giữa vệt bùn, làm nổi bật làn da trắng đến không tưởng được. Tôi đặt đầu gối của nàng dưới vòi nước, một dòng nước trong vắt đổ xối xả lên trên, làm lộ ra cái đầu gối tươi màu hoa hồng và căng đầy. Trước đó, ở chỗ này không thấy gì cả nhưng nhờ nước xối lên rửa sạch mới lộ ra một vết rách khá lớn trên làn da mịn. Khi đang dầm trong nước, màu của vết thương chỉ hồng nhạt và tươi tắn như màu quả đào, nhưng khi để dòng nước lệch qua một bên, thì máu, với cái màu đỏ đẹp làm người ta tỉnh người, bắt đầu rịn ra rồi từ từ lan khắp nơi chung quanh.

- Trông máu rịn ra kìa! Đẹp không!

Tim tôi đập dồn dập, cảm động vì một tình cảm mới mẻ vừa đến. Tôi bỏ mặc qua một bên thuốc dầu lần băng cứu thương. Tưởng chừng như cái khó ở trong người bao phủ tôi như bức màn sương từ mấy tuần nay trong liên hệ giữa tôi và Haruko đã bị đánh cho tan bởi một cái gì tươi sáng. Tôi nghĩ thầm khi nhìn thấy màu máu, tôi đã tìm lại được một vật mình đánh mất.

4

Bởi vì ngôi nhà của ông ngoại tôi là nơi hai người đàn bà không thể làm ồn, kể từ hôm đó, trong một khoảng thời gian, họ thường tụ họp ở nhà tôi hay cả ba chúng tôi hẹn nhau bên ngoài. Dù Haruko đã giới thiệu tôi với Michiko chỉ để đánh đổi lấy tình yêu của tôi, nhưng thành thực mà nói, kể từ hôm ấy, lạ lùng thay, dì không còn tỏ ra muốn đòi hỏi tôi gì nữa. Đi đâu dì cũng đi cùng với Michiko và sau khi đã nô đùa với nhau như hai cô bé con, họ lại ra đi cùng một lúc. Lấy cớ là com nước chị giúp việc nấu không được vừa miệng làm tôi biếng ăn nên hơi gầy, họ thay phiên nhau đem đến biếu tôi những món ăn ngon hay bánh trái. Tôi cảm thấy mình hưng phấn như một đứa trẻ muốn bày thêm trò chơi mới khi đoán biết giờ phải đi ngủ đã đến. Và tôi đâm ra nghi ngờ không biết mình quả thực đã mười chín tuổi hay chưa nữa. Luật chơi phải được giữ gìn nghiêm ngặt. Một trong những luật đó là tôi không có quyền hỏi hai chị em họ về những gì thuộc về quá khứ mà họ không muốn nói ra. Nói thế chứ đối với Haruko, sự kiện dì bỏ nhà đi theo trai hời đó không có nghĩa lý bao nhiêu trong cuộc đời của dì. Phần còn

lại trong cái quá khứ thì nó đã biến dạng thành một con mèo ngoan ngoãn, ngủ lim dim suốt ngày và lâu lâu mới mở mắt để liếm một cách dịu dàng bàn tay bà chủ của nó.

Từ khoảng thời gian này trở đi, ký ức của tôi bất chợt nhuộm một màu sắc thác loạn. Khi tôi nhận ra mình bị bủa vây bởi cái “khoái lạc” này, tôi đã cố vùng vẫy thoát thân nhưng không tài nào thoát nổi. Với cái nhìn của một người thứ ba, việc tôi để mặc cho “khoái lạc” dẫn dắt mình theo hướng đi của nó là chuyện họ không thể hiểu, thế nhưng rõ ràng là tôi không thể nào cưỡng lại. Dù ý thức được hoàn cảnh như vậy nhưng khi tôi tưởng như mình có thể gỡ rối thì chính là lúc tôi không còn phân biệt gì nữa.

Chuyện đã bắt đầu xảy ra như sau. Hôm đó, chúng tôi đánh mặt chược trong khi chờ đun nước tắm. Như lần vừa rồi, tôi nhường cho Haruko đi tắm trước.

- Vâng, được...

Haruko có vẻ chần chừ.

Lúc đó, ngoài vườn ánh nắng chiều đã rọi lên trên hàng cây khô trong khu vườn rau, nhuộm cho chúng một màu vàng hổ phách. Michiko không biết làm gì hơn là quay đầu nhìn về hướng khu vườn vắng vẻ, tay mân mê mấy quân mặt chược như món đồ chơi. Trong khi đó Haruko đứng dậy, không phải để rời khỏi gian phòng, mà để đến bên chiếc kệ ngấm hai bức tượng be bé hình cặp nai đực và nai cái trưng trên đó, như thế mới vừa khám phá ra một vật chưa thấy bao giờ.

Trong lòng tôi lúc đó nảy sinh một tình cảm lạ lùng. Tôi đã chủ tâm bảo Haruko đi tắm để chỉ có mình được ở bên cạnh Michiko,

thế nhưng dự tính đó nay đã trở thành mong manh nếu không nói là đưa đến nguy hiểm. Sự lo âu của tôi lúc đó lại kèm theo tình cảm ước muốn kỳ cục là *một người nào sẽ bắt gặp* được điều đó.

Tôi chìa tay ra và vỗ nhẹ nhẹ lên vai Michiko. Dưới mấy ngón tay, da thịt nàng cứng ngắc chứ không đáp lại tôi chút nào. Đột nhiên, tôi đâm ra nghi ngờ về sự trong trắng ngây thơ của người con gái này.

- Em mơ màng gì thế? Đi tắm với dì Haruko đi!

Tôi nói một cách tỉnh táo như chuyện thường tình, nhưng những lời đó hoàn toàn trái ngược với những điều đang mong muốn trong lòng.

- Anh nói phải đó!

Nàng trả lời, giọng hững hờ đến khó chịu, mắt vẫn để ở một chỗ nào khác.

Thế nhưng, lúc đó không hiểu vì sao tôi lại nhìn về phía Haruko và đọc trong mắt của dì một cái gì ngạo nghễ đang ánh lên cùng với một vẻ vui thỏa kỳ quái. Tôi biết mình đã làm hỏng việc mất rồi.

Chưa bao giờ tôi lại mong muốn kéo ghì Michiko lại bằng lúc này, khi nàng rời căn phòng để bước theo Haruko. Thế nhưng, cùng lúc ấy, tôi cảm thấy hương vị say sưa ngọt ngào trong nỗi khổ đau, nó làm tôi tê liệt, không có lấy một phản ứng nào.

Tôi chống tay lên mặt bàn chơi mạt chược, băng quơ ngấm ánh nắng chiều sà thấp chiếu xuống từng sợi lông nhỏ của miếng thảm lót bàn, tôi thêm cho chúng những cái bóng dễ thương. Lần đầu tiên

khi Haruko đến nhà chơi, tấm lòng trong trắng của tôi đã buông thả cho sự hiếu kỳ về dực tình dấn dất, mặc tình tưởng tượng cảnh Haruko bên trong buồng tắm. Thế nhưng nay tôi đã đánh mất sự trong trắng ấy rồi. Tôi còn tin rằng tình cảm mà tôi có khi xúi hai chị em họ đi vào tắm chung là một nỗi hoài niệm mãnh liệt về sự trong trắng mà tôi sẽ không bao giờ tìm ra được nữa. Thế nhưng lần này, khả năng tưởng tượng không còn làm việc tốt như trước. Tôi tưởng tượng mãi nhưng chẳng đoán biết những gì đang xảy ra giữa hai chị em trong buồng tắm. Tôi chỉ thấy buồng tắm đó là một khoảng không gian tối tăm và trống trải, trong đó, hình dáng đôi vai trắng của hai người đàn bà nhẹ nhàng vươn ra khỏi mặt nước nóng cũng không hề hiện ra trong tâm trí tôi...

Hai nàng đi tắm một đôi khá lâu. Trong lúc đó, khi đi ngang qua phòng tắm, tôi có cảm tưởng đã nghe những âm thanh lạ lùng, khóc không ra khóc, cười không ra cười. Tôi lấy làm lạ khi nghe từ phía hành lang, bỗng nhiên có những bước chân của ai đang đi chập choạng. Tôi bèn nhồm dậy và mở cánh cửa kéo. Mùi nước nóng phả ra thốc vào mũi tôi. Haruko nhìn tôi, miệng thoáng nở một nụ cười nhẹ mà tôi không hiểu ý nghĩa, thế nhưng khi tôi thấy tay dì đan một cách khắng khít với tay Michiko đang đứng kề bên, tôi chợt nhói trong tim. Tôi run bắn khi thấy mặt của nàng tái xanh, bệt bặt không còn chút máu như miếng giấy.

- Cô ấy hơi choáng váng. Trái hộ dì mấy cái gối cho cô ấy. Đặt lưng xuống một chút mới khỏe.

Tôi mang rượu vang tới. Haruko hỏi tôi chỗ để chân và đi lấy.

Dì mất một đôi lâu để xuống nhà ngang, mở ngăn chứa đồ và mang mấy tấm chăn đến. Thế nhưng, lúc đó nỗi e sợ dì đi chóng về

đã kích thích và làm bùng dậy từng phút từng giây tình yêu của tôi đối với Michiko, cái cảm tình trước đây tưởng chừng có hơi lắng xuống. *Tôi muốn Haruko nhìn thấy cảnh đó.* Trong cái lo âu sợ dè về ngay lại ngấm chứa một điều mong muốn lạ lùng là làm sao để dè về ngay cho. Tôi áp má mình lên một bên má Michiko và cảm thấy da thịt nàng lạnh như men sứ. Tôi cảm thấy mình như đang bị cái chết mê hoặc. Có nghĩa là trong khi buông thả mình chìm theo cảm giác đó, tôi không còn là tôi nữa.

Haruko ôm tấm chăn, hốt hải bước vào phòng:

- Đã cho uống chút rượu chưa?

- Không cần đâu chị, em có sao đâu!

Michiko trả lời bằng một giọng rõ ràng đến lạnh người. Tôi ngạc nhiên đưa mắt nhìn dò xét khuôn mặt của nàng. Hai gò má nàng đã ửng lên một màu hồng không ngờ. Đôi mắt mở to nhìn tôi như gửi một nụ cười rồi đưa mắt nhìn về hướng dì Haruko:

- Em dậy được rồi. Kéo em lên!

Michiko quàng tấm chăn trên vai, vin vào người chị dâu và đi về phía bàn ăn. Nàng ngồi xuống, không nuốt miếng nào cả mà chỉ nhấp chầm chậm vài ngụm rượu vang. Khuôn mặt rõ ràng hơn ngày thường và giờ đây tôi mới được thấy lại hàng răng đều đặn trắng muốt của nàng. Lâu lâu, nàng lại khép mi và dụi đầu vào vai Haruko. Dì tiếp nhận cử chỉ đó với vẻ mơ màng. Michiko lại mở choàng mắt ra và hỏi, chị cho em xin một miếng hạt dẻ ninh nhừ.

Không khí dịu dàng kỳ lạ sau cái biến cố nhỏ ấy giống như sự bình yên mà một gia đình tìm lại được sau khi trải qua cơn động đất, đã làm cho mọi người như mù lòa đi. Chỉ thấy tình yêu pha lẫn

tình bạn và xem tình bạn như thể tình yêu. Trước khi mọi người mang trở lại cái mặt nạ vô hình cố hữu của mình, ma quỷ nào đó đã từ từ tô sửa sẵn lên đó hình thù đường môi khóe miệng khác rồi mà cả bọn không hề hay biết. Nếu như lúc đó tôi không những không cảm thấy một chút ghen tuông nào khi nhìn Haruko gấp miếng hạt dẻ bằng đầu đũa luýnh quính đưa về phía miệng Michiko mà còn thấy vẻ đẹp trong động tác đăm đuổi ấy thì thái độ của tôi chỉ có thể giải thích bằng thủ đoạn của ma quỷ đã tô sửa trên cái mặt nạ tôi đang mang mà thôi. Tôi thấy dì đẹp bởi vì dì chỉ đẹp khi đang bị Michiko mê hoặc. Nếu Haruko đang bị một người đàn ông mê hoặc, trong mắt tôi sẽ không ánh lên vẻ đẹp đó. Còn khi tưởng tượng nếu “người đàn ông đó” là mình thì sao... thì tôi lại hết biết là thế nào nữa.

- Hồi nãy, khi đi ngang qua phòng tắm, có nghe tiếng khóc! Ai khóc thế?

Tôi bất chợt đặt câu hỏi.

Hai chị em, đang chụm đầu bên nhau, mở to mắt, cả hai quay lại nhìn tôi mà khuôn mặt vẫn không chịu rời ra. Tôi nhớ lại hình ảnh thân mật của họ dưới tán dù của ngày trời mưa hôm nào.

- Có ai khóc đâu nào!

Haruko trả lời.

- Thôi chị ơi, đừng giấu anh ấy làm gì. Hiroshi biết không, mỗi lần đi vào phòng tắm, nhớ lại anh của em là chị Haruko bao giờ cũng khóc. Người cứ không che đậy gì cả và khóc như một em bé.

Là lần đầu tiên tôi nghe Michiko nói về ông anh quá cố của nàng. Chuyện thật giả thế nào không rõ, nhưng tôi là người đã

được dạy dỗ phải biết tuân theo một số quy tắc, cho nên tôi ngại phải vi phạm nó. Tôi đành lái câu chuyện qua hướng khác và nói một câu đùa nghịch sau khi liên tưởng tới những gì mà Michiko đã kể tôi nghe về cô bạn gái quê vùng Chigasaki:

- Ấy thế mà tôi cứ tưởng hai người đang chơi trò đấu vật *sumô* với nhau, bị trầy trợt chỗ nào đó nên mới khóc đấy chứ!

Hai người đàn bà thoáng đỏ mặt và đưa mắt nhìn nhau. Họ cùng có một nụ cười run run kín đáo trên môi, trông thật gợi tình, nó giống như nụ cười của những cô nàng vừa làm điều gì tội lỗi.

Đêm hôm đó, sau 10 giờ, khi Haruko và Michiko đã ra về, tôi cảm thấy có một tình cảm mơ hồ và ngọt ngào từ đâu đến xâm lấn. Tối hôm đó, tôi nằm mơ thấy hai nàng chơi trò đấu vật *sumô* với nhau. Cả hai đang dạng chân đứng tấn trên mặt đất một cách khả ái và người của họ chồm lên như hai con chó. Họ đều mặc quần áo của bọn đóng trò xiếc.

Như thế mùa thu rồi cũng trôi qua, những ngày tháng ấy tuy có ẩn giấu *một chút lọc lừa* nhưng nói chung là vui thú. Tôi ra ga Tokyo để tiễn một người bạn lên đường ra mặt trận. Lúc đó cô vợ hứa hôn người tròn trịa khỏe mạnh tươi cười của anh ta cũng đi tiễn. Chuyến tàu đưa vị hôn phu chuyển bánh mà cô vẫn còn cười toe toét. Tôi thầm muốn có được một người yêu thích cười như cô gái này để mà có thể cười một cách dễ dàng vì bất cứ lý do nào, chẳng hạn vì đó là một buổi sáng hay vì có một người nào đó gieo mình từ một cao ốc xuống đất.

Ngày hôm sau, sự tình cờ đã giả vờ giúp tôi được toại nguyện ước mơ của mình. Thay vì lúc nào cũng đi chung với Haruko, buổi chiều hôm đó Michiko đã một mình đến thăm tôi. Nàng bước vào

trong vườn nhưng khi vừa nhận ra tôi đang ngồi đọc sách bên hàng hiên của phòng khách, đã lên tiếng hỏi:

- Ủa, chị của em đâu?

- Nào có biết!

- Chị ấy có ở đây mà. Thấy mặt anh như vậy là em đoán ra liền.

- Cứ vào nhà khám xem có ai không!

- Sao lạ thế nhỉ! Xưa nay, chị ấy có hứa cuội với em bao giờ đâu!

Cách nói của nàng là lạ. Có thể ngầm hiểu là hai người vẫn hò hẹn nhau, nhưng họ cần gì phải làm như thế trong khi cùng sống dưới mái nhà của ông ngoại tôi. Thấy tôi có vẻ nghi ngờ, Michiko cho biết chỉ có hôm đó họ mới hẹn với nhau mà thôi bởi vì Haruko có bận ở chỗ khác mà riêng nàng cũng kẹt việc gì nên đến chậm mất nửa tiếng. Vì thế nàng mới nghĩ rằng Haruko đã đến nhà tôi trước. Ít nhất thì ngày hôm ấy, những điều nàng nói có vẻ thành thực. Thế nhưng khi tôi hỏi thêm vài câu nữa, nàng bắt đầu chớp mắt như một cô tiên, phản ứng này tôi vẫn thường bắt gặp nơi nàng mỗi khi bị bắt buộc phải thổ lộ sự thật.

Vài hôm sau ngày đi mua hai chiếc bình sứ, Michiko ra khỏi nhà của dòng họ Sasaki, nơi mà nàng cảm thấy chật chội và tù túng. Nàng dọn vào một căn phòng cho mượn mà Haruko đã kiếm giúp. Về phần Haruko, dì vẫn ở lại nhà ông ngoại tôi, nhưng vì thấy Michiko đơn chiếc nên mỗi tuần ít nhất dì ghé đến chơi qua đêm với Michiko mất bốn hôm rồi. Tuy nhiên, ngại rằng gia đình Sasaki có khi lo người ta nói ra nói vào mà tìm đến quấy quả Michiko, Haruko đã giấu biệt địa chỉ không cho ai biết, không chỉ mỗi mình

tôi mà giấu cả bà ngoại tôi vốn là mẹ đẻ của dì. Michiko có lẽ nghĩ rằng khi mọi sự đã đâu vào đấy rồi thì Haruko có thể thông báo địa chỉ của nàng cho tôi. Qua cách ăn nói của nàng, tôi thấy nàng làm như tùy thuộc hoàn toàn vào sự điều khiển của Haruko.

Tôi nghĩ rằng Michiko không dễ dàng gì tiết lộ địa chỉ cho tôi đâu. Hơn nữa, điều tôi lo lắng hơn cả là giả như nàng và tôi có cơ hội gặp gỡ tay đôi đi nữa thì nếu Haruko bất chợt xuất hiện vào lúc đó cũng sẽ làm hỏng việc.

- Em không muốn lên trên gác một chút à?

Tôi hỏi Michiko như thế. Nàng lẳng lặng đi theo và bước vào phòng tôi, nơi nàng đã đến nhiều lần để mượn sách. Vừa đây nỗi lo không biết Haruko có đến một cách đột ngột hay không, tôi vừa xúc cảm trước cái đẹp yêu kiều của thân thể Michiko mà vẻ tình tứ có lẽ tăng thêm một mức vì không khí khá căng thẳng lúc đó. Chúng tôi ở cạnh bên nhau suốt nửa tiếng đồng hồ mà không trao đổi với nhau một câu nào. Michiko càng lúc càng tỏ ra bối rối, còn tôi thì càng nhìn nàng trong bộ quần áo nàng vẫn thường mặc, càng thấy nó bớt đi sự hấp dẫn. Hình như khi nỗi lo sợ bị Haruko bắt gặp bớt đi thì sự thèm thuồng về thể xác của Michiko cũng nguôi dần trong tôi.

Ánh hoàng hôn nhuộm cả bầu trời ngoài khung cửa sổ mở rộng, những tiếng động từ khu phố nằm dưới chân đồi bay lên như vô số hạt li ti pha lẫn buồn bã, u ám hay vui tươi. Trong những hạt li ti ấy có cả âm hưởng sống động, óng ánh và mượt mà của tiếng kèn đồng của một liên đội lính đóng kê bên... Tôi hết chịu đựng nổi, bèn đến bên giá sách, chọn một cuốn và lật lấy vài tờ. Michiko thì ngồi bên bàn giấy của tôi và loay hoay nghịch ngợm viết cái gì đó.

Như thế, chúng tôi khỏi phải nhìn thấy mặt nhau, mỗi người như bắt đầu quen với tư thế hiện tại của mình và tìm được trong đó một sự thích thú.

- Này, anh xem, mấy con bồ câu cứ bay lượn vòng!

- Ngày nào cũng vậy, chiều đến là có một người leo lên mái nhà phất cờ.

Michiko không đáp lời. Tôi chỉ nghe một tiếng thở dài nhẹ nhẹ và tiếng xé giấy. Thế rồi nàng buột miệng như đang nói chuyện với chính mình:

- Sao chị Haruko chưa tới nhỉ? Đợi lâu quá!

Ngược đời là tôi không hề bị tổn thương vì một tình cảm ghen tuông đáng lẽ phải tức khắc làm mình đau đớn. Tôi im lặng. Có chăng chỉ là một sự đồng cảm kỳ lạ đến xót xa. Nó không khác gì sự đồng cảm mà tôi có khi nghe tiếng Haruko gọi thầm Michiko trong lúc nửa tỉnh nửa mê một đêm nào đó. Và tôi tự hỏi phải chăng lúc này, không phải Michiko mà chính tôi mới là người mong đợi Haruko hơn ai hết. Những tình cảm của Michiko đã in rõ ràng trong đáy mắt tôi. Tuy nàng đang ở trong bốn bức tường của căn phòng một người đàn ông, dăm dăm nhìn lên màu trời chiều để gọi Haruko đang ở đâu đó hãy trở lại bên nàng, tôi cảm thấy mình cũng đang chia sẻ tình cảm đó. Nhưng tôi biết nó chỉ là một cảm xúc thường tình ai cũng có chứ không phải do trực giác của một kẻ đang yêu.

Tôi cố gắng đè nén cái tình cảm phi lý ấy nhưng không sao thực hiện được. Màu trời chiều đến thật nhanh làm tôi có cảm tưởng mình đang bị xâm lấn. Tôi bứt rứt không chịu đựng nổi cái

viễn ảnh tối nay sẽ ngủ một mình, cô đơn trong căn phòng buồn bã và u ám này. Khi có tiếng chân của tôi tiến lại gần phía sau lưng nàng, Michiko vẫn bất động trên ghế, giương đôi mắt nhìn tôi một cách hồ hững như đang nhìn chiếc đồng hồ treo tường. Cặp mắt nàng trong xanh như màu nước. Tôi đặt bàn tay nhẹ nhẹ trên một bên vai và cảm thấy bờ vai nàng run nhẹ. Khi tôi đặt một cái hôn thì đôi môi nàng cũng đáp lại nhẹ nhẹ một cách dễ thương.

Căn phòng đã chìm trong bóng tối. Và như hoảng sợ, Michiko sửa soạn để ra về. Tôi không giữ nàng lại nhưng cũng không đưa nàng ra ga.

Cái hôn ấy, thật lòng mà nói cũng không đem lại cho tôi niềm vui nào. Phải chăng tôi đã trao cho nàng một cái hôn để khóa lấp viễn ảnh một đêm buồn bã và cô độc? “Không phải nó, không phải mùi vị của đôi môi này!”, tôi như đang nghe chính đôi môi của mình hăm hừ bất mãn. Bất chợt, tôi nhớ lại cái đêm gặp gỡ lần thứ ba thật là bất hạnh giữa tôi với Haruko. Tôi đã thốt lên lúc đó: “Không phải nó, không phải cái thân xác này!” Nhưng dòng liên tưởng đau xót đó đã đến từ đâu thế nhỉ? Phải chăng khi lần đầu tiên hôn lên môi Michiko vừa rồi, tôi đã khám phá ra trên đó *mùi vị của đôi môi Haruko*? Ý tưởng đó làm một gã đàn ông hầy còn tỉnh trí như tôi không thể nào chấp nhận được.

Hôm sau, Haruko đi cùng với Michiko đến thăm tôi. Lợi dụng một khoảnh khắc Michiko không có mặt, dì đã hỏi tôi sau khi nở một nụ cười thần thờ nhưng không kém khả ái, tương phản với giọng nói có phần cộc lốc: “Biết hết rồi đó nghe. Hiroshi, hôm qua cậu đã hôn Michiko, có phải không?” Tôi đỏ mặt bối rối nhưng tôi cũng vượt qua được sự ngượng ngùng ấy (dẫu sao tôi cũng có cảm

thấy hơi giận bốc lên và thấy buồn nôn) khi hồi tưởng lại cái hôn bóng cháy diễn ra đêm hôm trước. Bởi vì tôi bị ám ảnh bởi ý nghĩ *Haruko đã có thể chứng kiến* cảnh tôi hôn Michiko. Thế rồi trí tưởng tượng đưa tôi ngược dòng về kỷ niệm cái hôn nồng nàn của đêm gặp gỡ đầu tiên đã làm tôi đã say sưa suốt mấy hôm liền, cũng như sự khổ sở của tôi sau đó vì những thèm khát nhục thể của mình không được thỏa mãn. Thế rồi, tôi lên tiếng trách Haruko đã giấu giếm địa chỉ của Michiko đối với tôi. “Được rồi, cho ngay mà. Đợi Michiko đồng ý cái đã!” Dì đã trả lời như vậy.

Kể từ lúc đó, cái đòi hỏi: “Cho biết địa chỉ Michiko đi! Có dịp sẽ ghé qua thăm” trở thành một điệp khúc mỗi lần đủ làm tôi đỏ mặt. Chẳng ngờ tôi đã được đền bù sớm hơn cả dự tưởng vào một ngày trời cuối thu, không nói cũng hiểu, đẹp nhất, khi những hồi còi hụ báo động phòng không đầu tiên rền vang. “Mai nhất định sẽ cho anh địa chỉ của em”, người con gái thông báo. Thế là Michiko đã nhận lời. Và nhất định điều đó không thể tự nhiên có được nếu Haruko không ngầm ngầm thỏa thuận mà tôi cũng không hiểu dì có ý đồ gì?

Việc tôi phải ghé qua công xưởng của nhà trường, mỗi lần đều có lý do của nó. Hôm ấy, không đủ kiên nhẫn ngồi nhà để chờ đợi, tôi đi đến trường và vùi đầu vào công việc. Nếu như được phép thì tôi đã vào trường để làm việc thuê đêm từ tối hôm trước rồi. Khoảng 1 giờ chiều, tôi mới từ trường về nhà, lúc đó chị giúp việc mới cho biết: “Hồi nãy bà dì vừa mới đến. Sao bây giờ không thấy đâu cả?”

Trong gian phòng khách, tôi thấy ai để một cái quần phòng bó ống làm bằng lụa, xếp lại vén khéo.

- Hôm nay, bên trong quần, bà còn mặc một lần kimono bằng lụa *màu tím xưa*, trông thật lạ lùng.

Tôi nghĩ thầm cô này khéo dùng chữ kiêu cách.

- Chắc bà đang ở ngoài vườn.

- Cô cứ để tôi đi tìm một mình.

Nói xong, tôi xỏ đôi dép dùng để đi biển và ra vườn.

Vườn rau đã mất hết vẻ xanh tươi. Thảm xanh đã bị lũ cỏ dại khô héo xâm chiếm và chỉ còn lại một màu vàng như lòng đỏ trứng. Trong tiết cuối thu này, tất cả cảnh vật đang bị bao trùm bởi một sự tịch mịch như sau khi cây đàn koto đã đứt dây nín tiếng. Chỉ có vài cọng lá úa còn tựa vào những đóa hoa mào gà đã đen sẫm lại. Tôi lần theo cái hẻm trú bom đối diện với khu nhà ngang và trước khi đến cái sân trở ra nhà bếp và phòng tắm, tôi rẽ sang trái và đi xuống đến một khoảnh đất nhỏ nhẵn rộng chỉ có ba trăm thước vuông và cách cái sân bằng một hàng cây. Khi cha tôi còn làm việc ở Tokyo, ở nhà vẫn dùng khoảnh đất này làm chỗ nuôi chó, sáng nào cũng vậy, bất kể ngày mưa hay nắng, có một anh người làm đem xuống một thau rửa mặt đầy ấp những đầu gà để cho chúng ăn. Thế nhưng từ khi cha tôi chuyển xuống Osaka, dây chuồng chó đã được thay thế bằng những luống trồng hoa và có lẽ đất nhờ được bón bằng phân chó cho nên cả những giống hoa khó đậu nhất cũng mọc lên xanh tốt. Bây giờ thì nơi đây đã thành vườn rau mà một cặp vợ chồng già gác vườn sống trong căn nhà ở phía sau trông coi. Dấu tích của những luống hoa ngày trước chỉ còn là một căn nhà kính bỏ hoang: nhờ lớp kính hầu như nguyên vẹn nên giữ được ánh nắng mùa đông. Đây là chỗ tôi thường ra ngồi trên một chiếc

ghế bành cũ đã từng có một thời vàng son của nó, mê mải đọc những quyển tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm. Không hiểu sao tôi cứ đinh ninh sẽ gặp hai chị em Haruko trong ấy. Với ý định làm cho hai người phải ngạc nhiên, tôi bước từng bước thật rón rén. Một con dế bụ bẫm nhảy lên trên đầu gối tôi. Tuy cánh cửa của nhà kính được đóng lại nhưng những sợi dây cột lại còn để hở cho nên từ bên ngoài, tôi vẫn có thể nhìn thấy bên trong mà không bị khám phá. Haruko đang ngồi trên chiếc ghế bành thung, mắt nhìn lên trần nhà lộng kính, làm như đang xem dở một cuốn tạp chí nào đó. Dì mặc một chiếc áo kimono màu tím có điểm những nụ hoa cúc nhỏ thắt bằng một sợi dây lưng màu nhã nhặn, có cái gì khác với Haruko tôi gặp ngày thường. Còn Michiko thì vẫn bộ quần áo quen thuộc, đứng tựa đằng sau thành ghế và buông hai cánh tay quàng quanh cổ Haruko, làm như đang cùng đọc cuốn tạp chí với dì. Có lẽ vì ánh sáng không chiếu vào hết các ngõ ngách, tôi có cảm tưởng như Haruko đang mang một cái thây người chết đuối trên lưng. Bất chợt Michiko xoay người lại và ngấm ngấm cái gáy trắng và đầy đặn của Haruko trong khi vẫn quàng tay chung quanh cổ người chị. Nàng nhìn như thế một hồi lâu. Thế rồi, một màu hồng bỗng dấy lên tô thắm từ mang tai trở xuống má, nàng để đầu mình gục lên trên gáy của người chị dâu. Như một con chó con nhào cái vào ổ rom trong chuồng của nó, Michiko để đầu mình run lẩy bẩy như một người đang lên cơn động kinh, hết dụi trán mình lên mái tóc của Haruko đến ấp má và cằm trên gáy trần của người chị. Vừa khi một nụ cười hạnh phúc thoáng hiện ra ở rèm mi dài trên đôi mắt lim dim thì nàng liền nhắm mắt lại và đặt đôi môi mình lên gáy chị. Haruko bất động như thể dì không biết Michiko đang làm gì mình. Đầu dì vẫn ngẩng lên và đôi mắt nhắm lại dưới hai hàng mi cũng

dài như đôi mi của Michiko. Trong khoảng ba mươi giây, cả hai đều bất động. Chỉ có những ngón tay thanh tú của người thiếu nữ vươn những cái móng run nhẹ nhẹ tiếp tục vuốt ve đôi vai của Haruko. Sau một đôi chùng ba mươi giây ấy, như thế bừng tỉnh từ một giấc mộng sâu, Haruko ngẩng đầu lên nhưng đôi mắt vẫn nhắm. Dì vươn hai cánh tay lên vít lấy cổ của Michiko và chọt áp khuôn mặt của mình một cách hoang dại vào sát mặt người em. Michiko uốn người lại, cho bàn tay trái của mình luồn thật mạnh vào giữa hai đầu gối của Haruko. Và rồi cũng với những cử động dữ dội của bàn tay ấy, vạt áo kimono của Haruko bị lật tung lên...

Trước cảnh tượng như thế, tôi cảm thấy mình như trở nên điên dại, không biết chạy khỏi chỗ đó như thế nào và về đâu, cuối cùng thấy mình đã về đến nhà. Một khi đã lên đến phòng học trên gác, tôi sập chốt cửa, điều mà tôi không làm từ mấy tháng nay, rồi gieo cả người xuống giường, hơi thở ngắt quãng một hồi lâu. Tôi cứ nằm im trong phòng không ăn không uống gì cả cho đến sáng hôm sau khi nghe như có người gõ cửa.

Trong khi đó, hai chị em đã bỏ về rồi. Từ ngày đó, họ bắt tin mất một thời gian.

5

Tuy nhiên trong tâm trí tôi vẫn có một cái gì hãy còn vương mắc. Đó là vì tôi chưa khám phá ra thân thể của Michiko. Tôi vẫn còn mang một nỗi lo lắng và bất an: không biết Michiko cũng có một thân thể như cái thân thể từng làm cho tôi kêu lên: “Không phải nó!

Không phải cái thân xác này!” Sự tò mò muốn tìm hiểu để giải tỏa nỗi lo lắng và bất an ấy cũng chính là một sự tò mò mạnh mẽ muốn tàn phá hủy diệt, nó vẫn ngự trị trong lòng tôi. Cái cảnh yêu nhau giữa Haruko và Michiko trong nhà kính chẳng phải là một cái gì đẹp đẽ và dịu dàng đó sao? Hình ảnh của hai người hết đợt này đến đợt khác đã xâm chiếm lấy hồn tôi từng đêm.

Tôi đã tìm ra kết luận. Sau khi buộc mình ỉn nhĩn im hơi lặng tiếng như kẻ đã chết trong ba tuần lễ, tôi bèn đến thăm gia đình Sasaki. Đó là một ngày trời nặng mây, lạnh đến se da với hai lượt còi báo động phòng không từ sáng. Thế nhưng sau khi để con tàu ngoại ô đông đưa, lúc tôi đến được nhà ông ngoại thì một vệt nắng đã lóe lên làm tan những lớp băng mỏng như tín hiệu của tiết Tiểu xuân^[7]. Người nhà cho biết Haruko vừa dắt chó cho nó tản bộ xong và đã trở về. Dì ngồi đan trên sàn gỗ ngoài hành lang. Dường như con chó Schalk vẫn còn hứng chí sau khi đi về, đang lục lọi khắp nơi. Uyên chuyển như một nhà thể thao, nó tha những mảnh gỗ từ nơi này đem đến đặt một chỗ khác rồi vừa nhảy lên vồ vừa sửa ăng ẳng.

- Ôi chao. Người lâu ngày mới gặp kia kìa!

Haruko nói, không có lấy một chút thẹn làm hồng đôi má. Thế rồi, sau khi lần hai ngón tay thoăn thoắt đếm những mắt đan xem mình đã đan đến đâu, dì kéo lết tấm nệm ngồi đến bên rìa hành lang, vừa buông thông đôi chân đông đưa, vừa đẩy về phía tôi một tấm nệm thêu hoa và mời ngồi. Con Schalk đùa nghịch cắn ngón chân của Haruko qua chiếc tất. Mấy tháng trời gần gũi bên nhau đã làm cho lòng con chó chăn cừu này và lòng của Haruko có sự thông cảm nảy sinh suốt thời gian chủ tớ cùng nhau tản bộ trong sự cô

độc vì bị gia đình này không ngó ngang tới. Thường chó chỉ tỏ ra quyến luyến với một người nào thực sự cô độc. Tôi bỗng thấy mình đang mềm lòng cảm động trước một chuyện đâu đâu. Tôi còn có cảm tưởng sắp sửa ngỏ lời cầu xin Haruko một điều gì. Tệ hơn nữa tôi sẵn sàng van dì hãy đến qua đêm với tôi nữa kia.

Haruko hình như cũng đã đoán ra được phần nào. Đôi mày dì hơi nhú lại, hình như dì đang chịu đựng một điều gì gây bứt rứt. Nhưng sau đó, bất chợt khuôn mặt dì chợt thoáng hiện một nụ cười mệt mỏi và khô đanh trước khi lên tiếng bảo tôi:

- Chiều nay, nếu muốn tới thăm Michiko thì cứ đi. Dì đã hẹn đến nhà cô ấy vào lúc 8 giờ tối. Hiroshi đi thế dì lần này nhé!

Tôi nghĩ đây là lần đầu tiên mình đọc được trong đôi mắt dì cái tia sáng kỳ dị đã làm nên quá khứ của dì. Nó như ra lệnh cho tôi phải làm như dì đã từng làm. Chẳng phải dì đã hành động như vậy vì muốn trở thành đứa con gái gây điều tiếng, “miếng mồi ngon cho báo chí” hay sao? Thế nhưng khi lặp lại lần nữa ý nghĩa cái việc mình từng làm trong quá khứ, dì đã tìm cách biến nó thành ý nghĩa của chính đời mình.

Mượn tôi quyền sở tay, Haruko ghi chép địa chỉ và cách đi đến nhà Michiko. Trong khi đó, tôi để mặc cho thần hồn bay bổng. Tôi tự hỏi lòng không biết mình có muốn tìm đến nhà Michiko tối hôm đó hay không. Thế nhưng con tim tôi chỉ ranh mãnh chăm chú nhìn tôi và không thềm trả lời.

Trong toa tàu tranh tối tranh sáng, chỉ có một vài người khách mặt mày ủ dột. Sau khi đã đổi hai lần xe điện và theo một lộ trình ngoằn ngoèo, tôi mới xuống xe ở cuối một cây cầu, có dòng sông với tiếng nước chảy rất sắc phù hợp với khung cảnh một ngày lập

đông. Những cuộc dội bom về đêm vẫn chưa bắt đầu, và vào thời điểm đó hẳn còn có thể ngắm bầu trời tạnh ráo đẹp để lấp lánh ngàn sao. Nhưng khi tôi đi vào một con đường hẹp giữa những căn nhà bên sông và khoảnh rừng con bao quanh một ngôi đền thì đường bắt đầu khó đi vì những đồng đất người ta đã móc lên khi đào những hố tránh bom rải rác khắp nơi. Cuối cùng tôi thấy hiện ra trước mắt vòng rào bên ngoài của một ngôi nhà xây bằng đá bazan màu xanh xám xếp thành ô vuông.

Căn phòng của Michiko nằm trên gác hai và nhìn xuống con sông. Khi tôi vừa mới gõ vào cánh cửa đơn sơ làm bằng một loại ván ghép thì đã nghe phía bên kia có tiếng người vội vã chạy ra mở với một động tác vụng về làm cho cánh cửa kêu lên ken két khó chịu. Vào bên trong mới biết có một bức màn dày che ánh sáng khiến trong bóng tối chúng tôi hầu như không nhận ra nhau.

- Hiroshi phải không anh?

Tôi nghe một câu hỏi bình thản từ trong khoảng tối vọng ra.

- Phải!

- Chị em bảo anh đến đó hử?

- Phải!

- Thế thì tốt quá!

Từ trước giờ tôi chưa bao giờ trả lời “Phải” gọn lỏn với Michiko như vậy, nhưng bởi vì cảm thấy cuộc đối đáp giữa hai bên như có cái gì bí ẩn nên tôi không biết bày tỏ bằng một cách khác. Tôi để cho nàng muốn làm gì thì làm vậy. Michiko lẳng lặng đi đến đằng sau lưng tôi và cởi hộ cái áo khoác. Động tác cởi áo nàng làm một cách

gọn gàng rành rẽ làm tôi chột tưởng tượng, trước tôi, chắc đã có bao nhiêu người đàn ông từng đến để cho nàng cởi hộ áo khoác trong căn phòng này.

Vạch tấm màn để vào hẳn bên trong, tôi mới nhận ra tấm màn che phủ tất cả, bởi vì đằng sau nó là một căn phòng nhỏ sáu chiều tràn ngập ánh sáng. Michiko mặc một chiếc kimono hơi ngắn bằng tơ nội hóa *meisen*, có in những mẫu hình lò mờ với màu sắc cầu vồng, trên là một chiếc áo khoác *haori* cùng màu và một chiếc thắt lưng màu vàng hơi xưa.

Căn phòng trông thật lạ. Cái gì cũng bày có đôi. Ngay cả tủ cũng hai cái. Có cái gì phá vỡ mất sự hài hòa của màu sắc ở nơi mấy thứ đồ đạc, vật trưng bày cũng như mấy tấm nệm để ngồi. Nếu là sự thiếu hiểu biết về mỹ thuật do thiếu ý thức thì còn dung thứ được vì cái ngây thơ thấy trong đó, nhưng không, trong căn phòng này chỉ toàn những đồ vật mà người thu thập cố tình cho chúng đối chọi với nhau để chứng tỏ mình làm trái ngược lại mọi cái mình thích. Mục đích định sẵn dường như không hề nhắm vào cái đẹp. Tất cả đều đã được chọn lựa để phục vụ cho một tiêu chuẩn quyền rũ mới, khác hẳn với tiêu chuẩn có tính mỹ thuật. Cả căn phòng thoảng một mùi hương, không phải là mùi của bột phấn, không phải là mùi của chuồng thú, mà là một mùi của truy lạc, khó gột rửa, giống thứ sơn tàu dùng để đóng triện. Michiko bình thản nấu nước pha trà và đem mấy quả hồng khô mời tôi. Động tác của nàng thật là lặng lẽ, nó giống như theo đúng một nghi thức. Tách đĩa nàng mang ra đều là loại rẻ tiền, được tô điểm bằng những mẫu hình hoa cỏ với màu sắc lòe loẹt. Hình như nàng không mua chúng theo bộ năm cái mà chỉ mua từng đôi một.

Chúng tôi không trao đổi với nhau một câu chuyện nào cho ra hồn. Michiko vẫn tiếp tục làm việc và không lên tiếng. Vừa mới nghe tắt nước rửa chén bát xong thì đã thấy nàng đến bên ngăn tủ, từ từ lấy ra những tấm đệm nằm từng cái một và bắt đầu trải xuống bên cạnh tôi. Vải bọc nệm trang trí theo kiểu Yuuzen^[8] nhưng màu nhuộm chỉ vào hạng xoàng.

- Ủa, nhà chỉ có mỗi cái giường?

- Vâng, lúc nào em cũng ngủ chung với chị của em.

Nàng trả lời với vẻ lì lợm của một con chim nhỏ.

Michiko cầm quần áo ngủ và đi ra đằng sau bức màn dày để thay và ném ngay lại phía tôi một tấm áo.

- Anh thay đồ ngủ đi!

Đó là một tấm *yukata* đàn bà mặc đi tắm bằng sa mềm có trang trí hình mấy chùm hoa tím nhạt. Khi chạm tay vào tấm áo, tôi có cảm tưởng nó trơn tuột như muốn vượt khỏi tay mình và ử một mùi nồng ấm của da thịt con người. Vì không muốn thay đồ trước mặt Michiko nên tôi vội vã đánh trần ra rồi choàng thật nhanh tấm áo trơn láng đó lên người. Từ đằng sau bức màn bước ra, Michiko cũng mặc một chiếc *yukata* trang trí cùng kiểu hoa tím như đi có cặp. Với tấm áo ấy trên người, trông nàng có vẻ vui và thoải mái hẳn ra. Nàng mang một chai rượu whisky đặt lên cái bàn thấp uống trà và ngồi chống tay lên đó...

- Chuyện gì em cũng biết cả đấy! Những gì xảy ra giữa anh và chị Haruko.

Rồi chỉ tay về hướng tấm ảnh người anh quá cố treo trên thành cửa:

- Kể cả những gì ông anh của em đã gây ra. Em biết không sót chi tiết nào. Thế nhưng em không bao giờ làm ngo trước những đòi hỏi của chị ấy. Nếu chị bảo làm gì, em cũng sẽ tuân lời. Từ nay về sau cũng vậy, em sẽ không bao giờ từ chối bất cứ điều gì chị Haruko muốn em làm. Còn anh, anh có biết không? Chính chị ấy đã ra lệnh cho em là phải yêu anh đó!

Tôi không biết phải trả lời nàng như thế nào nữa, mới đánh trống lảng:

- Nay, ngoài cửa sổ, có tiếng động gì là lạ ấy nhỉ?

- Tiếng sông chảy đó anh. Cái gì con sông nó cũng cuốn đi cả!

Đối diện với Michiko đang mặc một tấm áo giống hệt với mình, tôi cảm thấy được cái dịu dàng đến từ nơi một người đàn bà không biết chút xấu hổ, hết kiên dè cả thần thánh ấy, đang ủa vào xâm chiếm toàn thân tôi. Michiko lật tấm khăn trang trí những chấm nhỏ lấm tấm khỏi cái giá gương đứng ra. Nàng ngồi xuống trước tấm gương rồi mở nắp mấy cái lọ, cái hộp linh kính.

- Em thích trang điểm trước khi đi ngủ. Như thế, dưới ánh điện, em cảm thấy mình đẹp ra. Lúc nào trước khi lên giường, chị Haruko với em đều chơi trò trang điểm cả. Tối đây đi, em trang điểm anh nữa cho vui!

- Được rồi, em làm đi!

Tôi đứng dậy. Tà áo *yukata* trơn tuột vướng vào chân làm tôi suýt ngã.

Tôi thấy trước giá gương có bày một cặp bình. Đó chính là cặp bình hoa màu hồng chim hạc mà họ đã mua hồi ghé qua khu Ginza nhưng trên đó đã thấy viết lên khắp nơi tên của Haruko bằng một màu đỏ tươi, có lẽ trong lúc ngồi buồn buồn, Michiko đã dùng thỏi son môi để viết lên trên đó. Thế nhưng không thấy Michiko đã động về chuyện đó mà chỉ nói với tôi một cách băng quơ:

- Để em tô môi cho!

- Tô cho anh?

- Không anh thì ai vào đây nữa?

Phải rồi. Ngoài tôi ra, nào có ai khác chung quanh. Nhưng có thật là *hoàn toàn không có ai khác* chẳng?

Tôi quỳ gối xuống như một chú tiểu đồng, hai mắt nhắm lại và ngửa mặt lên chờ đợi. Hình như Michiko đang sửa lại tư thế đang ngồi. Thế rồi không biết từ phía nào, hai cánh tay nóng ấm với làn hương quen thuộc, quấn lên trên cổ tôi. Tôi cảm thấy thân thể nàng như đang rướn lên khỏi hai đầu gối trong trạng thái thiếu thăng bằng, đang run rẩy một cách mơ hồ. Tay phải của nàng hình như đang giữ một thỏi son. Hơi thở của hai đứa trộn vào nhau không còn phân biệt được nữa: khuôn mặt bốc lửa của nàng ghé lại bên tôi như một đóa hồng vô hình.

Thế rồi, tôi thấy như có một cảm giác đau đớn nhưng có lẽ nỗi đau đớn ấy chỉ là ảo giác. Một vật gì nặng nặng như là sự uể oải đặt lên trên môi tôi. Nó nghiền nghiền, căng căng và ươn ướt. Mấy nếp da trên môi tôi se lại, đôi môi bỗng trở nên tê liệt, rồi với trạng thái căng thẳng đó, tôi bắt đầu bước vào một giấc mơ mà nếu đứng trước nó, cả Thần Phật cũng chỉ biết che mặt không nhìn.

Như thế, tôi cảm thấy có *đôi môi nào khác* đã đến để chiếm chỗ
môi tôi.

Nguyễn Nam Trân *dịch*

ONNAGATA^[9]

(Onnagata)

1

Masuyama cũng vì choáng ngợp bởi tài nghệ của Mangiku mà sau khi nhận được tấm bằng ngành cổ văn Nhật Bản, anh đã chọn làm một chân trong nhà hát *Kabuki*. Diễn xuất của Mangiku Sanogawa đã mê hoặc anh.

Masuyama say mê *Kabuki* từ ngày còn là học sinh trung học. Thuở ấy Mangiku hãy còn là một *onnagata* non trẻ, đóng những vai phụ như hồn ma bướm bướm trong vở *Kagami Jishi* hay cùng lắm là cô đầy tớ Chidori trong vở *Genta bị cha mẹ từ*. Diễn xuất Mangiku rụt rè và quy củ; không ai ngờ chàng đạt được vinh quang như hôm nay. Song ngay từ buổi ban đầu, Masuyama đã cảm nhận được ngọn lửa băng giá tỏa ra từ vẻ đẹp lạnh lùng của chàng diễn viên. Về phần công chúng, không nói cũng biết họ hoàn toàn mù tịt. Vì lẽ đó không ai trong số các nhà phê bình sân khấu từng chú ý đến phẩm chất độc đáo giống như tia lửa ẩn hiện trong màn tuyết của Mangiku, vốn rọi sáng diễn xuất của chàng ngay từ những ngày mới bước chân vào nghề. Bây giờ thì ai nấy đều ba hoa như thể chính họ mới là người khám phá ra Mangiku vậy.

Mangiku Sanogawa là *onnagata* đích thực, một kiểu mẫu hiếm có ngày nay. Khác với các *onnagata* đương đại, chàng không có khả

năng thể hiện thành công vai nam giới. Trên sân khấu, Mangiku hiện diện sắc sảo song lại tiềm tàng vẻ u ám, từng cử chỉ đều là kết tinh của sự tế nhị. Mangiku không bao giờ thể hiện điều gì - bất kể là sức mạnh, quyền lực, sự bền bỉ hay lòng can đảm - ngoại trừ thông qua cái phương tiện duy nhất hiển lộ cho chàng: đó là biểu cảm nữ tính, nhưng chỉ cần phương tiện này thôi chàng có thể sàng lọc mọi cung bậc cảm xúc của con người. Đó mới là chân tướng của onnagata mà mấy năm gần đây đã dần mai một. Âm sắc của họ được tạo ra bởi một loại nhạc cụ thần diệu và đặc biệt tinh tế, chứ không phải bằng một nhạc cụ bình thường chơi trên cung thứ và càng không thể bắt nguồn từ nỗ lực bắt chước mù quáng một người đàn bà thật sự.

Yukihime (Tuyệt Cơ) - Công nương Yuki trong vở *Kim Các Tự* là một trong những vai diễn thành công nhất của Mangiku. Masuyama nhớ rằng trong một tháng anh đã xem Mangiku diễn Yukihime tới mười lần; nhưng ngay cả khi xem đi xem lại, cảm giác bị mê hoặc trong anh không hề suy giảm. Tất cả mọi thứ tượng trưng cho Mangiku Sanogawa đều có thể được tìm thấy trong vở tuồng này, chúng hòa quyện vào nhau ngay từ lời giáo đầu của người dẫn truyện: “Giữa núi non trùng điệp, Chúa công Yoshimitsu, Thừa tướng cùng các nhà sư ở Lộc Uyển Tự trú ngụ ở Kim Các Tự; ngôi lầu cao ba tầng, với khu vườn đầy những cảnh nên thơ: tảng đá nơi người ta có thể ngả lưng qua đêm, dòng nước nương theo khe núi, xuân thì có thác đổ, liễu và anh đào mọc xen nhau; đất kinh kỳ nay như một vương thổ cảm mệnh mông rục rờ.” Bối cảnh xa hoa hoành tráng, tái hiện những cây anh đào đương mãn khai, thác nước và Kim Các Tự lấp lánh; tiếng trống gọi tiếng thác đổ góp phần tạo nên một sự vận động liên tục trên sân khấu;

khuôn mặt tái mét, dâm dật và bạo ngược của phản tướng Daizen Matsunaga, sức mạnh của thanh bảo kiếm dưới ánh nắng tỏa ra hình ảnh thiêng liêng của Fudo (Bất Động Minh Vương) nhưng khi chĩa thẳng vào mặt trời đang lặn lại hóa ra hình con rồng; ánh sáng huyền diệu của chiều tà trên thác nước và những cây anh đào; những khóm hoa lả tả rơi từng cánh, từng cánh - mọi thứ trong vở tuồng này tồn tại để phục vụ duy một nàng Yukihiime quyền quý xinh đẹp. Không có gì khác thường trong trang phục của Yukihiime, vẫn là bộ y phục lụa màu đỏ thẫm của các công nương trẻ tuổi. Nhưng ta có thể cảm nhận được xuyên suốt khung cảnh này, bóng ma băng tuyết vận vào cái tên của nàng, quần lấy người cháu gái của họa sư lừng danh Sesshu (Tuyết Chu) đang đắm mình trong tuyết; hồn tuyết đã choàng lên màu áo đỏ thẫm của Yukihiime vẻ chói lòa rực rỡ của nó.

Masuyama yêu nhất là cảnh Công nương bị trói bằng dây thừng vào cây anh đào, nàng nhớ lại những truyền thuyết kể về ông nội mình, rồi dùng ngón chân rẽ những cánh hoa rơi thành hình con chuột, rồi con chuột này hiện ra cắn đứt dây giải cứu nàng. Khởi nói cũng biết trong cảnh này, Mangiku Sanogawa không học theo các động tác máy móc như con rối mà những onnagata khác ưa chuộng. Sợi dây thừng trói Mangiku vào gốc cây khiến chàng đáng yêu hơn cả: mọi tư thế diêm dúa, phức tạp được quy định ở onnagata - như thân hình uyển chuyển, ngón tay múa máy, bàn tay uốn cong... - khi áp vào hoạt động thường ngày thì trông đầy khiên cưỡng, nhưng ở nàng Yukihiime bị trói vào gốc cây thì lại mang vẻ sống động lạ thường. Những động tác uốn éo, nghiêng ngả khi nàng vùng vẫy xoay trở trong sợi dây thừng cột chặt biến mỗi phút giây trình diễn đều trở nên kịch tính tuyệt vời,

hết đợt này đến đợt khác nối tiếp nhau với nguồn năng lượng không thể cưỡng lại như những ngọn sóng trùng trùng điệp điệp.

Diễn xuất của Mangiku chắc chắn sở hữu những khoảnh khắc mang sức mạnh quý dữ. Bằng đôi mắt khả ái được tận dụng tối đa, chỉ với một ánh nhìn, Mangiku cũng có thể gây ra ảo giác cho toàn bộ khán giả rằng nhân vật trong lớp tường đã hoàn toàn thay đổi thái độ: khi ánh mắt của chàng lướt từ đường hoa^[10] lên sân khấu, hay từ sân khấu về phía đường hoa; hoặc là khi chàng phóng tầm mắt lên quả chuông trên cao trong vở *Đạo Thành Tự (Dôjôjî)*. Cảnh cung đình ở vở *Imoseyama*, Mangiku vào vai Omiwa - người con gái bị Công chúa Tachibana cướp mất tình nhân, rồi chính nàng lại trở thành đối tượng của những lời nhạo báng từ đám đàn bà quý tộc. Cảnh cuối Omiwa đang bỏ chạy về phía đường hoa trong nỗi ghen tuông giận dữ thì nghe tiếng bọn đàn bà quyền quý nọ vọng ra từ cánh gà: “Chúng ta đã tìm được vị phò mã vô song để sánh duyên cùng Công chúa! Đại cát, đại cát!”. Người dẫn truyện ngồi ở phía hông sân khấu trình trọng thuật lại: “Omiwa nghe thấy thế bèn lập tức quay đầu.” Ngay lúc đó nhân vật nàng Omiwa lột xác, gương mặt nàng phơi bày một niềm đam mê mãnh liệt như bị quỷ ám.

Mỗi lần chứng kiến giây phút này, Matsuyama lại kinh hoàng. Trong một tích tắc, bóng đêm ma quái đã quét sạch cả sân khấu sáng trưng với những bộ trang phục hào nhoáng cùng bối cảnh diễm lệ, bao trùm lên toàn bộ khán phòng nơi hàng ngàn khán giả đang tập trung theo dõi. Ma lực này chắc chắn phát ra từ thân thể Mangiku song cùng một lúc đã nuốt chửng da thịt chàng. Matsuyama cảm nhận trong những đường hầm tối đen có cái gì đó như một con suối hắc ám đang tuôn chảy từ dáng hình thâm trầm

sự dịu dàng, mỏng manh, đài các, khả ái và đầy nữ tính của Mangiku trên sân khấu. Anh không thể nhận dạng chính xác, nhưng có lẽ bản chất của con suối hắc ám nọ chính là một sự hiện diện quý quýet, quái đản, cái dư âm sau cuối trong vẻ quyến rũ của chàng diễn viên, cái tà ma lôi kéo đàn ông lâm lạc rồi chết đuối trong một khoảnh khắc của sắc dục. Nhưng có gấn cho nó một cái tên cũng đâu giải thích được gì hơn.

Omiwa lắc đầu và mái tóc của nàng xổ tung. Bấy giờ Omiwa từ đường hoa quay trở lại sân khấu nơi lưỡi đao của Funashichi đang chờ đợi để lấy mạng nàng.

“Cung đình ngập tràn tiếng nhạc, trong giai điệu có nỗi buồn của tiết thu,” người dẫn truyện lại cất tiếng. Bước chân vội vã của Omiwa đến với cái chết có cái gì rất đáng sợ. Đôi chân trần trắng muốt đang hối hả tìm đến sự hủy diệt và chết chóc không ngừng hất tung tà áo kimono xộc xệch dường như biết rõ những cảm xúc bạo liệt đang xô đẩy Omiwa sẽ chấm dứt vào lúc nào và ở đâu trên sân khấu, và trong khi hướng về nơi đó, nàng vẫn hân hoan đắc thắng ngay giữa cơn ghen tuông đầy đọa. Nỗi đau đón nàng bộc lộ ra ngoài che đậy niềm phấn khích bên trong. Nó giống như tấm áo choàng của nàng, bên ngoài màu sẫm điểm xuyết chỉ vàng nhưng mặt trong tươi sáng với những sợi tơ sắc màu lộng lẫy.

2

Quyết định làm việc tại nhà hát Kabuki của Masuyama phát sinh từ đam mê của anh với môn nghệ thuật này, nhất là với Mangiku; và

lại Masuyama cũng nhận thấy may ra làm quen với thế giới sau cánh gà thì anh mới thoát khỏi sự thao túng của đam mê. Anh nghe người ta nói về cái gọi là “vỡ mộng” khi mắt thấy tai nghe những chuyện trong hậu trường, anh muốn lao vào thế giới ấy hòng được nếm trải cảm giác vỡ mộng. Nhưng cái giây phút “vỡ mộng” mà anh mong đợi không hiểu sao mãi vẫn chưa đến.

Mangiku đã biến điều đó thành bất khả thi. Chàng một lòng tuân theo các huấn thị trong cuốn sách gối đầu của onnagata do Ayamegusa biên soạn: “một onnagata ngay cả trong phòng thay đồ cũng phải gìn giữ phép tắc của onnagata. Lúc ăn uống, onnagata phải quay mặt ra khỏi tầm mắt người khác để họ không thể trông thấy.” Khi không có thời gian rời khỏi phòng thay đồ, bắt buộc phải dùng bữa trước sự hiện diện của quan khách, Mangiku thường tiến đến bàn ăn với lời cáo lỗi và cố ăn thật nhanh, điêu luyện đến mức không ai sau lưng biết được chàng đang ăn.

Vẻ đẹp nữ tính Mangiku bộc lộ trên sân khấu làm Masuyama say đắm với tư cách một người đàn ông là rõ ràng rành rành. Nhưng cũng kỳ lạ không kém là bùa phép của Mangiku không bị vô hiệu hóa ngay cả khi Masuyama quan sát chàng trong phòng thay đồ ở khoảng cách gần. Thân hình chàng khi trút bỏ y phục tuy mảnh khảnh nhưng vẫn là đàn ông không lẫn đi đâu được. Đứng ra thì Masuyama thấy hơi cụt hứng trước cảnh tượng Mangiku cúi trần ngồi bên bàn trang điểm, thoa phấn lên vai và phơi bày lồ lộ hình dạng đàn ông trong khi cung cách chào hỏi khách khứa vẫn yếu điệu như thường. Nếu một tín đồ Kabuki như Masuyama còn thấy chướng khi lần đầu bắt gặp cảnh này thì không biết phản ứng của người không ưa Kabuki và có thành kiến với onnagata còn đến mức nào? Tuy nhiên Masuyama thấy nhẹ nhõm hơn là vỡ mộng khi

trông thấy Mangiku gần như khỏa thân sau mỗi vở diễn và chỉ còn một lớp áo lót mỏng như sương để thấm mồ hôi. Hình ảnh ấy tự nó có vẻ gớm ghiếc, song bản chất niềm đam mê của Masuyama - hay cái nội tại của niềm đam mê như người ta nói - không chỉ gói gọn trong ảo tưởng bề ngoài, vì thế sự phát giác này không thể đe dọa hủy diệt nó. Kể cả lúc Mangiku cởi bỏ phục trang, bên dưới làn da chàng vẫn còn hàng lớp xiêm y lộng lẫy mà thân hình trần trụi kia chỉ là một phương tiện trưng bày. Yếu tố tạo nên dáng vẻ kiều diễm của Mangiku trên sân khấu nằm chính trong con người chàng.

Masuyama rất thích nhìn Mangiku khi chàng trở về phòng thay đồ sau một vai diễn quan trọng. Dòng cảm xúc của vai diễn chàng vừa hóa thân hãy còn lưu luyến quanh thân hình chàng, như ánh tà dương huyền ảo hay vầng trăng lúc bình minh. Những cảm xúc lớn lao trong bi kịch cổ điển, những cung bậc xa lạ với đời sống thế tục, có lẽ ít nhiều trên danh nghĩa được dẫn dắt bởi sự kiện lịch sử - thế giới của các màn tranh ngôi đoạt vị, những cuộc chinh phạt liên miên - tuy nhiên trên thực tế chúng không thuộc về riêng một thời đại nào. Những cảm xúc ấy phù hợp hơn với cái bối cảnh bi ai, cổ quái, được cách điệu bằng màu sắc nhợt nhạt như một bức tranh khắc gỗ cận đại. Đau đớn khôn nguôi, đam mê phi thường, tình yêu nồng cháy, hoan lạc cuồng điên, tiếng hét ngán ngùi của kẻ rơi vào hoàn cảnh vượt sức chịu đựng: những cảm xúc ấy vừa rồi đều nằm gọn trong Mangiku. Thân hình mảnh mai của Mangiku có thể chứa đựng cùng một lúc từng ấy tình cảm mà không vỡ tan tành, quả là một điều kỳ diệu.

Nói gì thì nói, chỉ vừa khoảnh khắc trước đó, chính Mangiku đã quay cuồng giữa những cảm xúc kỳ vĩ ấy, chàng tỏa hào quang trên sân khấu là nhờ cái mà chàng truyền tải đã vươn đến khán giả.

Điều này có lẽ cũng đúng với các nhân vật khác, nhưng các diễn viên hiện đại dường như không ai thực sự tách biệt cảm xúc trong diễn xuất với cảm xúc đời thường. Ayamegusa đã bình: “Điểm quan trọng nhất với onnagata là khả ái. Nhưng ngay cả một onnagata có vẻ đẹp thiên phú cũng sẽ đánh mất sự khả ái của mình nếu anh ta cố gắng nhào nặn cử chỉ hòng gây ấn tượng mạnh. Chỉ cần onnagata ra điều duyên dáng, anh ta sẽ trở nên vụng về. Vì vậy một onnagata không thể xem là thành công nếu không sống đời sống hàng ngày của phụ nữ. Khi bước lên sân khấu, anh ta càng gắng sức nhập tâm vào hành vi đậm chất nữ tính nào đó thì cái vẻ đàn ông sẽ càng lộ ra. Tôi tin rằng điều quan trọng là cung cách của diễn viên ngoài đời thực.”

Cung cách của diễn viên ngoài đời thực... phải, Mangiku hoàn toàn nữ tính trong lời ăn tiếng nói cùng cử chỉ ngay cả giữa đời thực. Giả sử Mangiku ngoài đời đàn ông hơn, thì giây phút chàng từ từ thoát vai onnagata trên sân khấu như mực nước lớn ngoài bờ biển hòa vào tính nữ ngoài đời - vốn là sự nối dài của cùng một quá trình tự kỷ ám thị - sẽ trở thành ranh giới tuyệt đối giữa đại dương và đất liền, cánh cửa ngăn cách giữa mộng tưởng và đời thực. Quá trình ám thị trong đời thực đã hỗ trợ quá trình ám thị trong diễn xuất của Mangiku. Masuyama tin rằng phẩm chất này định nghĩa nên một onnagata chân chính. Onnagata là đứa con sinh ra từ cuộc ái tình vụng trộm giữa thực và mộng.

Khi các bậc tiền bối lấy lòng của thế hệ trước, người nọ nổi gót người kia lần lượt về trời, quyền lực của Mangiku ở hậu trường trở thành tuyệt đối. Các onnagata tập sự là đồ đệ của Mangiku đứng hầu chàng chẳng khác nào nô tì, thậm chí mỗi lần cùng Mangiku trong vai phu nhân hay công chúa bước ra sân khấu, các đệ tử vai nô tì cũng phải lần lượt đứng thứ tự thâm niên như lúc họ xếp hàng trong phòng thay đồ.

Ai có dịp vén bức rèm bằng vải nhuộm hình gia huy dòng họ Sanogawa bước vào phòng thay đồ của Mangiku chắc chắn sẽ ngỡ ngàng bởi ấn tượng mạnh mẽ về thánh đường khả ái không bóng đàn ông này. Ngay cả thành viên trong đoàn kịch cũng thấy nơi đây chỉ toàn sự hiện diện của đàn bà. Mỗi lần tạt qua phòng thay đồ của Mangiku để làm gì đó, Masuyama mới chỉ đưa tay vén rèm mà chưa cần phải bước chân vào cửa thì cảm giác hiếu kỳ, mê mẩn của đàn ông đã xâm chiếm lấy anh. Thình thoảng vì công chuyện mà anh phải đến phòng của mấy cô gái hát đồng ca trong hậu trường của chương trình tạp kỹ. Tính nữ đậm đặc ở đó khiến người ta muốn ná thở và mấy cô nàng da dẻ sần sùi chồm chồm như động vật trong sở thú nhìn anh với ánh mắt ngán ngấm, nhưng Masuyama chưa bao giờ thấy lạc lõng như khi bước vào phòng thay đồ của Mangiku, những người đàn bà thực thụ không thể làm Masuyama cảm thấy mình nam tính đến mức ấy.

Bầu đoàn thể tử của Mangiku không tỏ ra đặc biệt thân thiện với Masuyama. Ngược lại anh cũng biết tông họ bàn tán gì sau lưng mình, họ buộc tội anh bất kính, kẻ cả vì cái mác cử nhân. Anh cũng biết đôi lúc họ bất mãn vì anh ra điều mô phạm, khẳng khẳng tôn trọng sự thật lịch sử. Trong thế giới của Kabuki, kiến thức hàn lâm

không đi kèm tài năng bị coi là vô giá trị. Được cái công việc của Masuyama cũng không phụ anh. Mỗi khi Mangiku cần nhờ vả ai đó - tất nhiên là chỉ những lúc chàng có tâm trạng tốt - chàng sẽ xoay người từ bàn trang điểm, khẽ gật đầu và mỉm cười; vẻ khả ái vô song trong đáy mắt Mangiku giây phút ấy khiến Masuyama tưởng như không còn ao ước gì hơn là được làm một chú chó trung thành của Mangiku. Không bao giờ lơ là phẩm giá của mình, nên mặc dù ý thức rất rõ về sức hút ấy nhưng Mangiku lúc nào cũng giữ khoảng cách nhất định. Nếu Mangiku là đàn bà, ma lực này sẽ toát ra từ cả con người chứ không chỉ giới hạn ở đôi mắt. Sức quyến rũ của onnagata chỉ nằm trong một tia sáng le lói phút chốc, nhưng thế cũng đã đủ để nó tồn tại độc tôn và bộc lộ tính nữ vĩnh cửu.

Mangiku ngồi trước gương sau khi kết thúc vở *Ngôi thành của quan trấn thủ Hachigin*, tiết mục đầu tiên của chương trình. Chàng đã cởi bỏ áo choàng và bộ tóc giả của Công nương Hinaginu, giờ vận bộ áo choàng tắm vì không nhất thiết phải xuất hiện giữa chương trình nữa. Masuyama ban nãy được báo là Mangiku cần gấp và đang ngồi trong phòng thay đồ đợi đến lúc hạ màn. Tắm gương đột ngột đỏ rực lên như đám cháy khi Mangiku quay về, xiêm y phủ kín lối vào. Ba người gồm đệ tử và nhân viên hóa trang cùng nhau cởi những thứ cần cởi và đem cất. Người không có phận sự đều đã rút lui, không còn ai khác trừ mấy đệ tử đang quây quần quanh lò sưởi *hibachi* ở phòng bên cạnh. Phòng thay đồ lập tức chìm trong tĩnh lặng. Tiếng gõ búa của các thợ lý sân khấu đang tháo dỡ bối cảnh cho vở tuồng vừa kết thúc vọng ra từ một cái loa ở hành lang. Lúc ấy là cuối tháng Mười một, hơi nước làm mờ các ô cửa kính, âm đậm như cảnh ở nhà thương. Hoa cúc trắng là ngọn duyên dáng trong chiếc bình Cảnh Thái lam đặt cạnh bàn hóa trang

của Mangiku. Có lẽ Mangiku thích loài hoa này, đúng như nghệ danh Vạn Cúc (Mangiku) của mình.

Mangiku ngồi trên cái nệm lớn màu tím đối diện bàn trang điểm, nói: “Anh làm ơn chuyển lời đến tiên sinh ở phố Sakuragi dùm tôi được không? (Mangiku nhắc đến các thầy dạy hát múa qua tên con phố nhà họ theo nếp cũ.) Tôi khó lòng nói trực tiếp với ông ấy.” Khi nói, Mangiku nhìn thẳng vào gương. Masuyama đang ngồi dựa vào tường, từ vị trí này anh có thể trông thấy gáy của Mangiku và hình ảnh của khuôn mặt hãy còn mang lớp trang điểm của vai Hinaginu. Đôi mắt ấy không nhìn Masuyama mà đang ngắm nghía trực diện khuôn mặt in trong tấm kính. Đôi má hồng rục vì phấn khích từ vở diễn ban nãy hãy còn lung linh qua lớp phấn trên má chàng như ánh mặt trời ban mai chiếu qua băng mỏng. Mangiku đang nhìn Hinaginu.

Thật vậy, chàng đang nhìn Hinaginu trong gương - Công nương Hinaginu mà chàng vừa thủ vai, nàng Hinaginu con gái của Mori Sanzaemon Yoshinari, vợ viên tướng trẻ Sato Kazuenosuke. Cuộc hôn nhân của Hinaginu tan vỡ vì lòng trung của phu quân đối với chủ quân, nàng đã tự vẫn để suốt đời sát son với một mối duyên tình “hờ hững đến độ vợ chồng chưa một lần chung chăn gối”. Hinaginu đã chết trên sân khấu vì nỗi tuyệt vọng lên đến cực độ khiến nàng không thể nào sống thêm được nữa. Hinaginu trong gương là một hồn ma. Mangiku biết rõ ngay cả hồn ma ấy lúc này đang rời bỏ thân xác mình. Mắt chàng đang đuổi theo Hinaginu. Nhưng khi ánh sáng của cảm xúc bạo liệt ấy yếu đi thì gương mặt Hinaginu cũng biến mất. Chàng tạm biệt gương mặt đó; vẫn còn bảy suất nữa cho đến khi vở này ngưng diễn. Ngày mai chắc chắn

đường nét của Hinaginu sẽ quay về nhập vào gương mặt của chàng.

Đắm mình thưởng ngoạn Mangiku trong trạng thái xuất thần ấy, Masuyama gần như mỉm cười trù mếu. Mangiku đột nhiên quay về phía anh. Thì ra chàng nhận ra ánh mắt của Masuyama ngay từ đầu nhưng nhờ có sự lãnh đạm của một minh tinh đã quá quen với cái nhìn của công chúng, chàng vẫn điềm nhiên làm việc của mình. “Mấy đoạn nhạc đệm này hơi ngắn. Tôi không có ý nói là nếu vội thì không thể hoàn thành phần diễn, nhưng làm vậy thì tắc trách quá.” Mangiku đang nói đến phần tấu nhạc cho vở ca vũ công diễn vào tháng sau. “Anh Masuyama thấy thế nào?”

“Tôi hoàn toàn đồng tình. Chắc ý anh là đoạn sau phần *Một ngày sao dài thế, trên cầu ở Seta?*”

“Phải, chính nó đấy. Một ngày sao dài-iii thế-ế...” Mangiku hát vang, đập phách bằng những ngón tay thanh tú.

“Để tôi bảo ông ấy. Chắc chắn tiên sinh ở phố Sakuragi sẽ hiểu cho anh.”

“Anh không phiền gì chứ? Cứ phải quấy quả mọi người liên tục thế này, tôi hổ thẹn quá đi mất.”

Mangiku có thói quen chấm dứt một cuộc trò chuyện bằng cách đứng dậy ngay khi xong việc. “E rằng tôi phải đi tắm đã.” Masuyama lui về lối hẹp dẫn vào phòng thay đồ và để Mangiku bước qua. Mangiku khẽ cúi đầu đi vào hành lang, theo sau là một đệ tử. Chàng ngoái lại nhìn Masuyama rồi mỉm cười, cúi đầu lần nữa. Màu hồng nơi khóe mắt Mangiku mang một vẻ quyến rũ nào

đó không nắm bắt được. Masuyama nhận thấy Mangiku biết rõ tình cảm của anh đối với chàng.

4

Đoàn kịch của Masuyama sẽ lưu lại nhà hát này từ tháng Mười một đến khi ra Giêng, và vở tuồng cho tháng Giêng đã trở thành chủ đề bàn tán. Tác phẩm mới của một nhà biên kịch hiện đại sẽ được dàn dựng. Biên kịch trẻ tuổi với thói tự kiêu rất không phù hợp với tuổi tác của mình đã đặt ra vô số điều kiện làm Masuyama cứ phải xoay như chong chóng để thương lượng với đội ngũ điều hành, các diễn viên, thậm chí cả giám đốc nhà hát nữa. Masuyama được tuyển dụng làm công việc này bởi mọi người xem anh là thành phần trí thức.

Một trong những điều kiện mà biên kịch đặt ra là vai trò đạo diễn phải được giao phó cho một người tuổi trẻ tài cao mà anh này tin tưởng. Giám đốc nhà hát đã chấp nhận điều kiện đó. Mangiku đồng ý nhưng không mấy nhiệt tình. Chàng bộc lộ sự nghi ngại thế này: "Tôi không rành, chắc chắn rồi, nhưng nếu anh đạo diễn trẻ kia không thông hiểu tuồng Kabuki rồi lại đưa ra yêu sách vô lý thì biết giải thích thế nào đây?" Mangiku hy vọng đạo diễn là ai đó trưởng thành và đứng tuổi hơn - hay như lời của chàng, là phù hợp hơn.

Vở tuồng là phiên bản chuyển thể bằng ngôn ngữ hiện đại từ một cuốn tiểu thuyết thế kỷ 12 có tên là *Phải chi đối phận cho nhau*. Giám đốc điều hành của hãng đã quyết định không giao quá trình điều phối vào tay các nhân viên thông thường, mà tuyên bố gửi

gắm cho Masuyama. Gánh nặng công việc trước mắt làm Masuyama căng thẳng, song tin tưởng vào đẳng cấp hàng đầu của vở tuồng, anh có linh cảm công sức mình bỏ ra sẽ xứng đáng.

Ngay sau khi kịch bản đã sẵn sàng và các vai đã được chỉ định, một cuộc họp sơ bộ được tổ chức vào buổi sáng giữa tháng Mười hai tại phòng tiếp tân kế bên phòng làm việc của ông chủ nhà hát. Cuộc họp có sự tham dự của các nhà sản xuất, biên kịch, đạo diễn, thiết kế sân khấu, diễn viên, và cả Masuyama. Căn phòng được sưởi ấm và ánh nắng tràn vào qua ô cửa sổ. Masuyama vui nhất mỗi lần họp sơ bộ như thế này, cảm giác cứ như được trải tấm bản đồ và lên kế hoạch đi dã ngoại vậy: “Chúng mình bắt xe buýt ở bến nào? Đến đâu thì bắt đầu đi bộ? Nơi cắm trại có nước uống không? Buổi trưa ăn gì, ở đâu? Chỗ nào có cảnh đẹp? Có nên đi tàu về không nhỉ, hay là tiết kiệm thời gian để đi thuyền?”

Đạo diễn Kawasaki đến muộn. Masuyama chưa xem vở nào do anh ta đạo diễn nhưng đã nghe danh. Kawasaki tuy tuổi còn rất trẻ nhưng đã được lựa chọn để đạo diễn các vở của Ibsen và kịch Mỹ hiện đại cho một hãng chuyên dàn dựng các vở tuồng; chỉ trong vòng một năm, anh ta đã có nhiều thành công rực rỡ, nhất là với thể loại kịch hiện đại Mỹ, và nhận được giải thưởng từ một tờ báo lớn chuyên về kịch nghệ.

Trừ Kawasaki ra, mọi người đều đã đến đủ. Nhà thiết kế vốn không bao giờ chần chừ một phút trước khi bắt tay vào việc đã hí hoáy vào cuốn tập lớn mà ông mang theo để ghi chép ý kiến của mọi người, ông cứ thế gõ gõ đuôi bút chì vào trang giấy trắng như muốn bùng nổ ý tưởng. Cuối cùng các nhà sản xuất quay sang xì xào về tay đạo diễn vắng mặt. “Cứ cho là hắn ta tài giỏi như lời

đồn, nhưng tuổi đời còn ít, thế nào các diễn viên cũng phải hỗ trợ mà xem.”

Lúc ấy có tiếng gõ cửa và một thư ký dẫn đường cho Kawasaki. Anh ta bước vào phòng với nét mặt đờ đẫn như thể chịu không nổi ánh sáng chói chang, và chẳng nói chẳng rằng, máy móc cúi đầu chào mọi người. Anh ta khá cao ráo, chừng một mét tám, nét mặt nam tính sắc sảo nhưng cũng đầy vẻ mong manh. Đó là một ngày đông lạnh nhưng Kawasaki chỉ mặc một cái áo đi mưa mỏng dính, nhàu nhĩ. Dưới áo mưa là áo khoác nhung màu gạch. Những sợi tóc dài và thẳng của anh ta rủ xuống chóp mũi, nên thỉnh thoảng Kawasaki lại phải vuốt tóc ra sau. Masuyama khá thất vọng bởi ấn tượng đầu tiên về đạo diễn. Anh những tưởng một người đàn ông với thực lực nổi trội sẽ phải cố gắng thể hiện khác biệt so với khuôn mẫu đám đông, ai dè tay này ăn bận và cư xử y hệt những gì người ta mừng tượng về loại thanh niên thường thấy của nghệ thuật sân khấu hiện đại.

Kawasaki ngồi vào chỗ người ta đã dành cho mình ở đầu bàn. Anh ta không buồn làm cử chỉ từ chối khách sáo trước vinh dự đó, mà chỉ dán mắt vào bạn thân là nhà biên kịch, khi được giới thiệu trước các diễn viên, Kawasaki chỉ chào một tiếng rồi lại quay sang bạn mình. Masuyama nhớ lại những trải nghiệm tương tự. Đối với một người được đào tạo về sân khấu hiện đại nơi các gương mặt trẻ áp đảo thì chẳng dễ dàng gì để tự khẳng định trong môi trường của các diễn viên tuồng Kabuki, vốn có xu hướng thể hiện mình như những quý ông nghiêm nghị khi giao tiếp ngoài sân khấu. Quả thực, các diễn viên có mặt trong buổi họp đã tìm cách bộc lộ sự khinh miệt đối với Kawasaki bằng thái độ lịch sự tuyệt đối, nhưng không một lời thiếu thiện chí. Masuyama vô tình nhìn Mangiku thì

thấy chàng đang khiêm nhường giữ mình, tránh biểu hiện bất kỳ điều gì có thể bị cho là kiêu ngạo và hoàn toàn không có chút thái độ coi thường nào như những người kia. Masuyama cảm thấy ngưỡng mộ và yêu thương Mangiku hơn bao giờ hết.

Bây giờ tất cả mọi người đã có mặt, biên kịch bèn mô tả vắn tắt kịch bản. Mangiku, có lẽ lần đầu tiên trong sự nghiệp của mình - bước ra khỏi con đường chàng đã đi từ thuở bé để vào vai một người đàn ông. Cốt truyện kể về một vị Thừa tướng có hai đứa con, một trai một gái. Khi sinh ra chúng đã không thuận theo giới tính trời cho nên được nuôi nấng theo bản tính: bé trai (thực ra là bé gái) lớn lên trở thành Tả tướng, bé gái (thực ra là bé trai) trở thành Nữ tổng quản ở điện Senyo (Senyôden), nơi ở của các phi tần. Về sau khi sự thật phơi bày, hai người quay trở lại cuộc sống phù hợp hơn với giới tính bẩm sinh; người nam lấy con gái thứ tư của Hữu thừa tướng, người nữ lập gia đình với một viên Ngự sử, kết cục viên mãn.

Vai diễn của Mangiku là người con trai trong lối con gái. Tuy vào vai nam nhưng Mangiku chỉ phải xuất hiện với tư cách nam giới ở cảnh cuối. Ngoại trừ cảnh đó thì trong suốt toàn bộ vở tuồng, Mangiku vẫn diễn xuất như một onnagata đích thực trong vai Nữ tổng quản điện Senyo. Biên kịch và đạo diễn thống nhất rằng sẽ không ép uổng Mangiku phải cố gắng thể hiện nhân vật thực ra là đàn ông ngay cả trong cảnh cuối. Một khía cạnh khá thú vị của vở tuồng này là nó không tránh khỏi yếu tố châm biếm những ước lệ về onnagata trong tuồng Kabuki. Nữ tổng quản hóa ra lại là nam, cũng đúng như minh tinh Mangiku vào vai nữ vậy. Mà không chỉ có thế. Để Mangiku vào vai cùng một lúc vừa là onnagata vừa là đàn ông trong vở tuồng thì chàng phải biểu lộ hai tầng diễn xuất cả

trong đời thực, khác xa trường hợp đơn giản của các diễn viên chỉ cần khoác lên bộ trang phục nữ giới cho vở tuồng để che mắt khán giả. Sự phức tạp của vai diễn đã hấp dẫn Mangiku.

Lời đầu tiên của Kawasaki dành cho Mangiku là: “Tôi rất hân hạnh nếu tiên sinh có thể vào vai như một người phụ nữ. Sẽ không có sự khác biệt nhỏ nào ngay cả khi tiên sinh tiếp tục thể hiện tính nữ ở cảnh cuối đâu.” Giọng nói của anh ta êm tai và trong sáng.

“Thật sao? Nếu đạo diễn không để bụng lỗi diễn xuất của tôi, thì sẽ dễ dàng cho tôi hơn rất nhiều.”

“Chẳng dễ dàng gì đâu. Chắc chắn là không.” Kawasaki nói dứt khoát. Khi nhấn mạnh như thế, hai má anh ta ửng hồng như có ngọn đèn nào bên trong được bật sáng. Giọng điệu sắc bén của Kawasaki như phủ một tấm màn lên buổi họp. Đôi mắt Masuyama lảng đãng liếc sang Mangiku. Chàng đang cười khúc khích hiền hòa, mu bàn tay áp vào miệng. Mangiku không phát ý nên những người khác cũng thấy nhẹ nhõm.

“Nếu vậy,” biên kịch nói, “để tôi đọc kịch bản.” Anh ta hạ đôi mắt lơnh nhìn như phình to gấp đôi phía sau cặp kính dày cộp, và bắt đầu đọc kịch bản trên bàn.

5

Hai, ba hôm sau các diễn viên bắt tay vào luyện tập vai của mình khi họ có thời gian rảnh. Các buổi tập luyện chung chỉ tổ chức được vào mấy ngày cuối tháng này và đầu tháng sau. Nếu lúc ấy chưa ai thuộc phần của mình thì cũng không còn thời gian để học nữa. Buổi

diễn thử các vai bắt đầu cũng là lúc tất cả mọi người nhận ra Kawasaki là kẻ ngoại đạo. Mọi thứ về Kabuki anh ta đều không biết nên Masuyama lúc nào cũng bắt gặp mình và Kawasaki như hình với bóng và cứ phải giải thích từng thuật ngữ Kabuki cho anh ta luôn luôn, thành thử Kawasaki trở nên cực kì phụ thuộc vào Masuyama. Buổi tập đầu tiên kết thúc, Masuyama rủ Kawasaki đi uống gì đó.

Masuyama biết rằng ở vị trí của mình mà lại vào một phe với đạo diễn là thất sách, song anh cho rằng mình dễ dàng hiểu được những gì Kawasaki phải trải qua. Quan điểm của Kawasaki rõ ràng, lập trường cũng rất chắc chắn, anh ta lao vào công việc với thái độ nhiệt tình đầy non nớt. Masuyama có thể hiểu được tại sao tính tình Kawasaki lại thu hút được người biên kịch, anh thấy rằng sự trẻ trung mộc mạc của Kawasaki có thể xem như một yếu tố thay máu, vốn rất xa lạ với thế giới của sân khấu Kabuki. Để biện minh cho quan hệ của mình và đạo diễn, Masuyama bèn lấy lý do mình nỗ lực biến cái sức trẻ đó phục vụ cho Kabuki.

Mọi người bắt đầu khớp toàn bộ lời thoại và diễn thử vào ngày cuối cùng sau khi lịch diễn tháng Mười hai hoàn thành. Hôm ấy là hai ngày sau Giáng sinh. Qua cửa sổ nhà hát và phòng thay đồ có thể cảm nhận được không khí náo nhiệt cuối năm trên đường phố. Một cái bàn cũ nát được dựng bên cửa sổ trong phòng tập lớn. Kawasaki và người chỉ đạo sân khấu, một trong những cấp trên của Masuyama đang ngồi dựa lưng vào cửa sổ. Masuyama đứng sau Kawasaki. Đội diễn viên ngồi trên chiếu trải dọc chân tường. Mỗi người sẽ đi lên trung tâm khi đến lượt đọc lời thoại của mình, chỉ đạo sân khấu nhắc vở cho họ. Xung đột liên tiếp diễn ra giữa Kawasaki và các diễn viên.

Kawasaki sẽ nói: “Tôi muốn ông đứng nguyên ở đây, nói: ‘Ước gì ta có thể đến Kawachi và cao chạy xa bay’, rồi dứt lời mới đi về cây cột bên phải sân khấu.”

“Tôi làm sao mà đứng đấy được?”

“Thì ông cứ thử làm như tôi bảo đi.” Kawasaki gượng cười, nhưng khuôn mặt anh tái đi trông thấy vì tự ái.

“Anh cứ việc bảo tôi đứng đến Giáng sinh năm sau cũng được, nhưng việc đó thì tôi chịu. Lẽ ra tôi phải nghiền ngẫm cái gì đấy ở đây chứ. Làm thế nào mà vừa đi qua sân khấu vừa suy tư được?”

Kawasaki không trả lời nhưng không giấu được nỗi uất ức cực độ khi bị trả treo như vậy.

Tuy nhiên mọi chuyện hoàn toàn khác khi đến lượt Mangiku. Kawasaki bảo ngồi là ngồi, đứng là đứng, Mangiku răm rắp nghe theo. Kawasaki chỉ đạo gì thì Mangiku làm nấy. Masuyama thấy rằng sự thích thú với vai diễn của Mangiku không thể giải thích đầy đủ lý do chàng vâng lời hơn nhiều so với thói quen ở những buổi tập bình thường.

Lúc Mangiku tập xong phần của mình ở hồi thứ nhất và quay trở lại chỗ ngồi thì Masuyama cũng phải rời buổi tập đi công chuyện. Khi anh trở về, cảnh tượng sau đây đập vào mắt anh: Kawasaki nằm bò trên bàn, chăm chú theo dõi buổi tập đến độ không buồn vuốt những sợi tóc cản trở tầm nhìn. Anh ta đang đề lên hai cánh tay bắt chéo, bò vai dưới chiếc áo khoác nhưng run lên vì phải nén giận. Bên phải Masuyama là một bức tường màu trắng có cửa sổ, qua đó anh có thể nhìn thấy một quả bóng bay lắc lư trong cơn gió bắc, dưới đuôi treo cái thông báo bán hạ giá cuối

năm. Những đám mây cứng quèo của mùa đông trông như thể vẽ bằng phấn trên nền trời xanh nhạt. Anh còn thấy một ngôi đền thờ Inari^[11] và cái cổng *torii* màu đỏ son xinh xinh trên mái một tòa nhà gần đó. Bên phải của anh, cạnh bức tường, Mangiku đang ngồi thẳng người kiểu Nhật trên chiếu. Kịch bản mở ra trên đùi chàng, nếp gấp trên bộ kimono màu xám xanh của Mangiku thẳng tắp. Từ cửa vào nơi Masuyama đứng không thể quan sát rõ mặt Mangiku song từ góc nhìn ngang, ánh mắt dịu dàng bình thản của chàng đang gắn chặt lấy Kawasaki.

Masuyama cảm thấy rung mình nhất thời vì nghi ngại. Anh đã bước một chân vào bên trong phòng tập, nhưng lúc này chắc không thể tiến thêm được nữa.

6

Cuối ngày hôm đó Masuyama được gọi đến phòng thay đồ của Mangiku. Anh nhận thấy một khối tình cảm xa lạ chắn đường khi cúi đầu bước qua bức rèm quen thuộc. Mangiku chào anh, vẫn mỉm cười trên chiếc ghế đệm màu tím và chìa vài cái bánh vừa được biếu mời Masuyama.

“Anh thấy buổi diễn tập hôm nay thế nào?”

“Gì cơ?” câu hỏi làm Masuyama giật mình. Bình thường Mangiku không bao giờ hỏi ý kiến Masuyama về những việc như vậy.

“Buổi tập thế nào?”

“Nếu mọi việc trôi chảy như hôm nay, có lẽ vỏ tuồng sẽ thành công.”

“Anh nghĩ vậy thật sao? Tôi thấy tội nghiệp Kawasaki lắm. Khổ thân cậu ấy, mọi người cứ ra sức bắt nạt Kawasaki làm tôi thấy lo. Chắc anh đã quan sát thấy rằng tôi đã quyết tâm diễn đúng theo chỉ đạo của đạo diễn Kawasaki. Tự tôi cũng muốn như thế, với lại mọi người đều bất hợp tác, tôi làm vậy có lẽ sẽ giúp Kawasaki đỡ vất vả hơn. Người khác không biết thế nào, chứ họ có lẽ cũng để ý đạo diễn bảo gì tôi nghe vậy, họ biết bình thường tôi khó tính lắm mà. Tôi chỉ có thể giúp Kawasaki đến thế. Thật là đáng hổ thẹn khi đạo diễn lao tâm khổ tứ như vậy mà bị anh em quay lưng.”

Masuyama không thấy có tình cảm đặc biệt nào dậy lên khi nghe Mangiku nói. Anh nghĩ, rất có thể Mangiku không nhận ra chàng đã yêu: chàng vốn quá quen với việc phản ánh tình yêu ở một mức độ phi thường. Phần Masuyama, những cảm xúc mùi mẫn - dù ta muốn gọi thế nào thì gọi - hình thành trong trái tim Mangiku là rất không phù hợp. Anh đã quen với cách biểu đạt cảm xúc minh bạch, giàu thẩm mỹ và phi thực tế. Mangiku hôm nay trở chứng, không còn ngồi nghiêm trang nữa mà thân hình đẹp đẽ của chàng mang dáng vẻ uể oải. Tấm gương phản chiếu những bông cúc tây màu đỏ son trong chiếc bình Cảnh Thái lam và cái gáy mới cạo của Mangiku.

Ngày qua ngày cho đến buổi tổng duyệt, con thịnh nộ của Kawasaki đã hóa thành sự thiếu não. Buổi ghép vỏ vừa kết thúc, anh chàng vội mời Masuyama đi uống rượu, bộ mặt có vẻ đã muốn buông xuôi tất cả rồi. Masuyama lúc ấy đang bận, nhưng hai tiếng sau vẫn bắt gặp Kawasaki đợi mình ở chỗ hẹn. Quán rượu đông

người mặc dù đó là đêm trước Giao thừa, ít ai đi tụ tập quán xá. Kawasaki uống rượu một mình, khuôn mặt bơ phờ. Anh ta là loại người càng uống thì sắc diện càng nhợt nhạt. Masuyama bắt gặp khuôn mặt tái mét ngay khi bước chân vào quán rượu thì cảm thấy chàng thanh niên này đã đặt lên vai anh một gánh nặng tinh thần vô lý. Họ sống trong hai thế giới khác nhau; không có lý nào mà phép lịch sự lại đòi hỏi Kawasaki trút những chêngh vênh thống khổ của mình lên Masuyama cả.

Đúng như dự đoán, Kawasaki ngay lập tức tóm lấy anh bông đùa, cáo buộc anh là đồ hai mang. Masuyama nhận tội bằng một nụ cười. Anh chỉ nhỉnh hơn Kawasaki năm hay sáu tuổi nhưng có sự tự tin của người đã lăn lộn cùng dân *trong nghề*. Đồng thời anh cũng cảm thấy cái gì đó như là ghen tị với cái anh chàng chưa bao giờ nếm mùi vất vả, hay đúng hơn là chưa nếm đủ vất vả này. Giờ đây khi đã có chỗ đứng chắc chắn trong trật tự của giới Kabuki, Masuyama thờ ơ trước hầu hết những lời đàm tiếu chốn hậu trường về mình không phải vì thiếu tư cách, mà chỉ vì anh không muốn dính dáng gì đến những tình cảm chân thật có khả năng hủy diệt anh.

Kawasaki nói: “Tôi chán ngấy rồi. Chỉ cần bức rèm đêm ra mắt vén lên một cái là tôi có thể sung sướng mà chuồn ngay tắp lự. Mai bắt đầu duyệt rồi đấy! Thật khủng khiếp, thế này là quá sức chịu đựng. Chưa bao giờ đựng phải ca khó thế này. Tôi đã tới hạn rồi. Từ nay về sau tôi thề không bao giờ ôm rom rặm bụng.”

“Nhưng chẳng phải cậu đã ít nhiều dự trù ngay từ đầu sao? Kabuki đâu có giống kịch hiện đại cơ chứ.” Giọng Masuyama lạnh lùng.

Những lời tiếp theo của Kawasaki đem đến bất ngờ. “Mangiku là tên khó chơi nhất, tôi ghét thằng cha đó lắm. Vở tuồng nào có tên hần thì nhất định không có tên tôi.” Kawasaki nhìn chăm chăm vào những làn khói uốn lượn dưới trần nhà thấp như đang nhìn vào khuôn mặt của một kẻ thù vô hình.

“Tôi không ngờ. Có vẻ anh ấy cố gắng hợp tác với cậu hết mình đấy chứ.”

“Điều gì khiến cho anh nghĩ thế? Hần ta tốt đẹp chỗ nào? Các diễn viên khác không chịu lắng nghe, ra sức bắt nạt hay cố gắng phá hoại cả vở tuồng cũng chẳng làm tôi bức mình lắm, nhưng Mangiku là cái loại không thể lường được. Hần ta lúc nào cũng nhìn tôi với nụ cười khinh khỉnh. Rõ ràng thâm tâm hần không phục, đối xử như thể tôi là thằng ranh con không biết gì. Đó là lý do tại sao hần làm mọi thứ như chỉ đạo của tôi. Chỉ có hần nghe lời tôi, nên tôi mới càng điên tiết. Tôi đi guốc trong bụng Mangiku nhé: ‘Nếu cậu thích thì tôi sẽ làm theo ý cậu, nhưng đừng hy vọng tôi sẽ chịu trách nhiệm với diễn xuất của mình.’ Cho nên hần cứ nhìn tôi như thế mà không nói năng gì, đúng là cái trò phá hoại tồi tệ nhất tôi từng biết. Mangiku là đồ quái thai.”

Masuyama lắng nghe trong ngõ ngàng, nhưng anh e ngại ý định tiết lộ sự thật cho Kawasaki. Thậm chí anh còn lưỡng lự không muốn cho Kawasaki biết rằng Mangiku chỉ có ý tốt, hướng hồ là toàn bộ sự thật. Kawasaki đã bối rối không biết xử trí ra sao với những cảm xúc hoàn toàn khác lạ của thế giới mà anh ta đột ngột bước vào; nếu chẳng may biết được tình cảm của Mangiku thì có lẽ anh ta cũng sẽ chỉ cho rằng đó là một cái bẫy khác được giăng ra chờ mình vấp ngã mà thôi. Đôi mắt anh ta quá trong sáng; trước tất

cả những quy tắc của sân khấu mà anh ta biết, Kawasaki không thể nhận ra sự hiện diện đầy tính nghệ thuật và tối tâm lẫn khuất phía sau ngôn từ.

7

Năm mới đến và cùng với đó là đêm đầu của vở diễn mới.

Mangiku đang yêu. Các đệ tử tinh mắt của chàng là những người đầu tiên đem chuyện này ra đàm tiếu; còn Masuyama, người thường xuyên ra vào phòng thay đồ của Mangiku cũng cảm nhận được không khí này ngay lập tức. Mangiku đang được bao bọc trong ái tình như con tằm trong kén, sớm muộn sẽ tung cánh hồ điệp. Phòng thay đồ chính là cái kén ái tình, Mangiku vẫn kín đáo như mọi ngày, nhưng trước không khí tung bừng của năm mới, không gian này bỗng trở nên trang trọng và tĩnh mịch.

Trong đêm mở màn, Masuyama đi qua phòng thay đồ của Mangiku thì thấy cửa để mở toang, bèn ngó vào. Anh nhìn Mangiku từ phía sau, đang ngồi trước gương, phục trang đầy đủ, chờ tín hiệu lên sân khấu. Đôi mắt anh quan sát màu oải hương nhạt trên áo choàng của Mangiku, đường dốc thoải thoải của đôi vai phủ phấn để trần một nửa, mái tóc giả đen như sơn mài. Giây phút này trong phòng thay đồ vắng vẻ, Mangiku ngồi đơn độc như một người đàn bà mãi miết quay tơ, nàng đang quay tơ tình, cứ quay hoài quay mãi, tâm trí bay bổng vô định. Bằng trực giác Masuyama hiểu rằng cái khuôn ái tình của onnagata chỉ được tạo dựng nhờ sân khấu mà thôi. Sân khấu hiện hữu liên tục nơi tình

yêu không ngừng gào thét, đau thương, rỉ máu. Âm nhạc tung hô giây phút đỉnh cao tuyệt mỹ của tình yêu mãi mãi âm vang trong tai Mangiku, và mỗi cử chỉ tinh tế của cơ thể chàng đều vì phục vụ tình yêu trên sân khấu. Từ đầu đến chân không có gì của Mangiku xa lạ với tình yêu. Những ngón chân bọc trong đôi vớ tabi, màu sắc quyến rũ của áo lót kimono lấp ló qua tay áo, cái gáy thon dài như thiên nga của Mangiku đều sinh ra để phục vụ ái tình.

Masuyama không nghi ngờ gì việc Mangiku khi theo đuổi tình yêu đã nghe theo lời chỉ dạy xuất phát từ những cảm xúc vĩ đại trong các vai diễn của mình. Các diễn viên thường có xu hướng điểm tô diễn xuất bằng cách truyền cho nhân vật cảm xúc của mình ngoài đời thực nhưng Mangiku thì không. Khoảnh khắc Mangiku yêu, tình yêu của các nàng Yukihiime, Omiwa, Hinaginu và rất nhiều những vai nữ số phận bi thảm khác cùng đến cổ vũ chàng. Tuy nhiên ý nghĩ rằng Mangiku đang yêu khiến Masuyama mất hứng. Những cảm xúc bi thương mà anh đã khao khát cháy bỏng từ ngày còn là học sinh trung học, những cung bậc thăng hoa mà Mangiku luôn khơi dậy bằng hình thể trên sân khấu, ngọn lửa băng giá bao vây nét gọi cảm của chàng, bây giờ đều đang được Mangiku nuôi dưỡng trong đời thực. Nhưng đối tượng của những cảm xúc ấy - cứ cho là có tài chẳng nữa - thì về môn Kabuki này bất quá chỉ là một kẻ dốt nát; Kawasaki là một đạo diễn ít tuổi, dung mạo xoàng xĩnh, cái phẩm chất đặc biệt duy nhất của anh ta, với tư cách là đối tượng yêu đương của Mangiku, chẳng qua chỉ là sự ngoại đạo trong lãnh địa này. Kawasaki là người khách lãng du trẻ tuổi sẽ sớm rời bỏ vương quốc của Kabuki một đi không trở lại.

Phải chi đôi phận cho nhau được đón nhận nồng nhiệt. Bất chấp tuyên bố sẽ biến mất ngay sau buổi ra mắt vở tuồng, Kawasaki đến nhà hát mỗi ngày để phàn nàn về diễn xuất, liên tục chạy qua chạy lại đường hầm dưới sân khấu và thích thú táy máy cấu trúc cửa sập hay đường hoa. Masuyama nghĩ anh ta có cái gì đó thật trẻ con.

Các bình luận trên báo chí đều khen ngợi Mangiku. Masuyama đã cố tình đưa cho Kawasaki, nhưng xem xong anh ta chỉ bĩu môi như một đứa trẻ búống bình và dè bủ: “Diễn xuất của ai cũng tốt. Nhưng không có định hướng.” Masuyama dĩ nhiên không chuyển những lời nghịch tai này đến Mangiku, còn bản thân Kawasaki lúc nào gặp Mangiku cũng cư xử hòa nhã rất mực. Tuy nhiên Masuyama vẫn bực mình vì Mangiku, cái con người không để ý đến tâm trạng của ai bao giờ, lẽ ra không nên thắc mắc về việc Kawasaki có nhận thấy ý tốt của chàng không. Đã vậy Kawasaki lại còn hoàn toàn vô cảm với tâm trạng của người khác nữa kia. Đây là điểm chung duy nhất của Kawasaki và Mangiku.

Một tuần sau buổi ra mắt, Mangiku lại gọi Masuyama đến phòng thay đồ. Chàng để trên bàn những chiếc bùa hộ mệnh, túi cầu may từ ngôi đền thường ghé qua cúng bái, cùng vài chiếc bánh mừng năm mới xinh xinh. Mấy cái bánh này chắc cũng sẽ được phát cho đệ tử của Mangiku. Mangiku dúm vào tay Masuyama mấy cái kẹo, chứng tỏ tâm trạng chàng đang tốt. “Cậu Kawasaki vừa ở đây ban nãy.” Chàng nói.

“Vâng, tôi thấy anh ta ngoài kia.”

“Không biết cậu ấy còn ở nhà hát không?”

“Tôi nghĩ Kawasaki còn ở lại đây đến khi vở diễn kết thúc.”

“Cậu ấy có nói gì về việc sau đó sẽ bận không?”

“Không, cậu ta chẳng nói gì cụ thể.”

“Vậy tôi muốn nhờ anh một việc nhỏ.”

Masuyama gắng ra vẻ quan trọng: “Chuyện gì mới được?”

“Tối nay, anh biết đấy, khi vở diễn kết thúc... Ý tôi là đêm nay...” Màu hồng ửng lên má Mangiku. Giọng nói của chàng trong trẻo hơn và cao hơn bình thường. “Đêm nay khi vở diễn kết thúc có lẽ tôi muốn ăn tối với cậu ấy. Anh có thể hỏi thăm Kawasaki dùm tôi, xem cậu ấy có rỗi không được chứ?”

“Tôi sẽ hỏi.”

“Tôi bận quá phải không, ai lại đi nhờ vả anh một việc thế này.”

“Không có chi.” Masuyama cảm nhận đôi mắt của Mangiku lúc đó đã ngừng cử động và đang cố gắng đọc biểu cảm của anh. Chàng dường như chờ đợi - và thậm chí mong muốn - thấy được vẻ bối rối trên gương mặt Masuyama. “Được thôi,” Masuyama nói, lập tức đứng dậy. “Tôi sẽ chuyển lời đến cậu ta.”

Masuyama vừa vào sảnh thì chạm trán ngay Kawasaki đi từ hướng ngược lại, ngay giữa hàng tá người đang chen nhau ngoài hành lang giờ giải lao mà đụng trúng anh ta thì quả là oan gia ngõ hẹp. Cung cách của Kawasaki chẳng phù hợp chút nào với không khí hội hè ngoài hành lang. Cái vẻ kiêu kỳ anh ta luôn khoác lên trông khá khôi hài giữa một đám đông nhộn nhạo trong bộ cánh mới ngày lễ, đến rạp hát để thưởng thức vở tuồng.

Masuyama dẫn Kawasaki ra một góc hành lang và thông báo về ý định của Mangiku.

“Chẳng hiểu thằng cha ấy muốn gì? Ăn tối hả, nực cười thật. Tối nay tôi cũng chẳng làm gì, cũng chẳng có lý do để không đi, nhưng cũng không thấy có lý do nào để đi hết.”

“Tôi nghĩ anh ta muốn bàn bạc về vở tuồng.”

“Vở tuồng hả? Tôi đã nói hết những gì muốn nói rồi.”

Lúc này một mong muốn vu vơ được làm việc xấu thường thấy ở các vai phụ phản diện nảy mầm trong trái tim Masuyama dù anh không nhận ra; anh không ý thức được mình đang hành xử như một nhân vật trong vở tuồng. “Cậu không thấy sao, được anh ta mời đi ăn là cơ hội tốt để cậu nói hết suy nghĩ của mình mà không cần phải lựa lời quanh co.”

“Nói bằng hết ư...”

“Chắc cậu không có đủ can đảm để nói ra chứ gì.”

Nhận xét này làm lòng kiêu hãnh của chàng trai tổn thương nghiêm trọng. “Được thôi. Tôi sẽ đi. Tôi biết tổng không sớm thì muộn, thế nào chẳng có lúc phải thẳng thắn với hẳn. Hãy nói với Mangiku rằng tôi hân hạnh chấp nhận lời mời của tiên sinh.”

Mangiku còn phải xuất hiện ở trường đoạn cuối và chỉ rảnh rỗi đến khi vở tuồng hoàn toàn kết thúc. Chương trình khép lại, các diễn viên khác vội vã thay áo và rời nhà hát nhưng Mangiku vẫn cứ đứng đĩnh đạc áo choàng, khoác một chiếc khăn màu nhã ra ngoài áo kimono. Chàng đợi Kawasaki. Cuối cùng Kawasaki đã xuất hiện, chào Mangiku cộc lốc và còn không thèm bỏ tay ra khỏi túi áo.

Người đệ tử luôn đợi Mangiku bên ngoài như một nô tì vội chạy đến như để cảnh báo một tai họa lớn. Anh ta cúi đầu báo cáo: “Thưa thầy, tuyết rơi ạ.”

“Roi nhiều không?” Mangiku lấy áo choàng áp vào má.

“Không, chỉ lất phất thôi ạ.”

Mangiku bảo: “Thầy cần ô để ra xe.” Cậu kia vội vàng đi lấy ô.

Masuyama thấy họ ở đường vào sân khấu. Người gác cửa đã lịch thiệp xếp đôi giày của Mangiku và Kawasaki cạnh nhau. Đệ tử của Mangiku đứng bên ngoài trong màn tuyết mỏng, tay cầm một chiếc ô. Tuyết rơi thưa thớt đến nỗi không thể nhận ra trên nền tường bê tông màu trắng. Một, hai bông tuyết rung rinh trên bậc thềm lối vào sân khấu.

Mangiku cúi chào Masuyama. “Chúng tôi sẽ đi bây giờ,” chàng nói. Nụ cười trên môi Mangiku có thể trông thấy lấp ló sau khăn quàng cổ. Chàng quay về phía đệ tử bảo: “Được rồi. Để thầy cầm ô, em ra chỗ tài xế nói thầy và tiên sinh đây đã sẵn sàng.” Mangiku giữ chiếc ô trên đầu Kawasaki. Kawasaki mặc áo khoác, Mangiku khoác áo choàng, sánh bước dưới chiếc ô nơi một vài bông tuyết bay vào rồi lại bị văng ra. Masuyama dõi theo họ. Anh nghe thấy tiếng của một cái ô đen, to tướng và ướt sũng đang bật mở trong trái tim mình. Anh có thể nói rằng cái ảo mộng thời niên thiếu khi xem Mangiku trình diễn, cái ảo mộng anh nâng niu ngay cả sau khi bước chân vào đoàn tuồng Kabuki này đã vỡ tan ra mọi hướng trong chớp mắt như một quả cầu pha lê mỏng manh bị thả xuống từ trên cao. Anh nghĩ: “Cuối cùng mình đã biết vỡ mộng là thế nào. Có lẽ nên từ bỏ ca kịch đi thôi.”

Nhưng Masuyama biết rằng cùng với sự vỡ mộng, một cảm giác mới đã tấn công anh, đó là ghen tuông. Anh sợ hãi không biết nó sẽ đưa mình đến đâu.

Nam tử dịch

CHẾT GIỮA MÙA HÈ (Manatsu no shi)

La mort... nous affecte plus profondément sous le règne pompeux de l'été.

(Baudelaire - Les paradis artificiels)

Cái chết gây xúc động sâu xa hơn cả khi mùa hè tráng lệ lên ngôi.

(Baudelaire - Những thiên đường giả)

Bờ biển A., nằm ở mút phía nam bán đảo Izu vì thừa dấu chân người nên còn có một bãi tắm tốt. Đồng ý là nơi đây đầy biển mấp mô và sóng đánh hơi dữ, nhưng nước của nó thật trong và bãi cát thoai thoải mãi đến chỗ xa bờ. Nói chung, chỗ này hội đủ điều kiện để mọi người tắm tấp thoải mái. Một phần lớn vì nằm ở một nơi biệt lập, xe cộ đi lại khó khăn, A không phải khổ vì tiếng động và rác rưởi vốn là tình trạng của các bãi biển sầm uất dành cho du khách nằm gần Tokyo như vùng Shonan. Nó cách thị trấn Itô những hai giờ xe buýt.

Lữ quán duy nhất, hay hầu như thế, là Eirakusô (Vĩnh Lạc trang). Nơi đây người ta có cho thuê cả những túp nhà nhỏ nằm riêng biệt. Chỉ có một, hai quán nước bằng tre nửa mọc lên vào vụ hè là có thể làm ta choáng mắt. Cát trên bãi đầy ắp và trắng tinh. Ngay giữa bãi lại có một ghềnh đá phủ bởi những rặng thông ở ngay sát mặt nước, chẳng khác nào cảnh trí thấy trên một hòn non bộ. Mỗi khi thủy triều dâng lên, sóng liếm tới phân nửa ghềnh đá.

Lúc gió tây thổi đến xóa làn sương mai trên mặt biển, phong cảnh trông thật đẹp, có thể nhìn rõ mồn một những hòn đảo nằm ngoài khơi. Gần nhất là Ôshima và xa hơn một chút là Toshima, giữa hai hòn đảo này còn có một đảo nhỏ hình tam giác tên là Utoneshima. Ở phía nam thì đằng sau bán đảo Nanago là mũi Sakai-no-Misaki, nơi một bộ phận của rặng núi Manzô cắm rễ dưới làn nước sâu. Xa hơn nữa là mũi đất có tên Yatsu-no-Ryuuguu rồi đến mũi Tsumeki-ga-saki mà mỗi khi đêm về, ở phía nam mũi đất, người ta thường thấy có luồng ánh sáng của một ngọn hải đăng thiết kế theo phương thức xoay vòng.

Lúc ấy, trong một gian phòng của lữ quán Eirakusô, Ikuta Tomoko đang nghỉ trưa. Dù đã là mẹ của ba đứa trẻ nhưng khi nhìn dáng dấp của nàng trong giấc ngủ, không ai có thể ngờ tới điều đó. Hai đầu gối của nàng lộ ra dưới chiếc váy dài - nhưng được cắt với khổ hơi ngắn - bằng vải hồng nhạt màu cá hồi. Đôi cánh tay tròn lẳn, khuôn mặt mịn màng và đôi môi vừa đầy đặn tạo cho nàng một vẻ tươi mát ngây thơ. Một vài giọt mồ hôi dâm dấp dính trên vầng trán và ở chỗ lõm cạnh hai cánh mũi. Mấy con ruồi bay rì rầm và không khí nóng bỏng như bên trong một quả chuông đang nung. Lốp vải hồng trên vùng bụng của nàng phồng lên xẹp xuống theo hơi thở quá đổi nhẹ nhàng như muốn chứng minh cho thấy cái nặng nề ngọt ngào của bầu không khí buổi trưa vắng gió.

Hầu hết những người khách trọ khác của lữ quán đều đã ra ngoài bãi tắm. Căn phòng của Tomoko nằm ở tầng gác. Bên dưới cửa sổ có một xích đu màu trắng dành cho lũ trẻ con. Vài cái ghế sơn trắng được đặt sẵn trên một thảm cỏ rộng chừng vài trăm thước vuông, ở đó có cả bàn và mấy cái trụ dùng vào trò chơi ném vòng.

Vài cái vòng nằm rải rác bên trên mặt cỏ. Không một bóng người. Từ bên kia hàng rào, tiếng vo ve của một con ong đôi khi vọng tới rồi mất hút vào trong tiếng sóng vỗ. Ngay bên ngoài hàng rào lũy quán là một rừng thông nhưng sau lưng nó chỉ còn cát và sóng biển. Một con lạch chảy dưới chân lũy quán. Nó tạo thành cái đầm con trước khi đổ ra biển. Nơi đây, cứ mỗi xế trưa, lũy ngan độ mười bốn, mười lăm con vẫn tranh nhau và kêu inh ỏi vào giờ ăn của chúng.

Tomoko có hai con trai: Kiyoo và Katsuo, một cậu lên sáu, một cậu lên ba và đứa con gái, Keiko, năm nay năm tuổi. Cả ba đều đang ở ngoài bãi tắm với Yasue, cô em chồng của nàng. Tomoko không có gì ngần ngại khi phó thác cho Yasue trông hộ lũy trẻ lúc nàng ngủ trưa.

Yasue là một cô gái già. Sau khi sinh Kiyoo, vì nhà neo người, Tomoko cần có ai đó phụ một tay. Nàng bèn nói chuyện với chồng và quyết định gọi Yasue từ một thị trấn nhỏ miền quê lên. Không có một lý do đặc biệt khiến cho người con gái đó giờ đây vẫn chưa có một tấm chồng. Thực ra, tuy không thể gọi là quyến rũ nhưng cô cũng không đến nỗi xấu xí. Cô đã từ chối hết đám này tới đám nọ rồi rốt cục quá cái tuổi lên xe hoa. Sung sướng vì sẽ được đoàn tụ với ông anh ở Tokyo mà cô hằng ngưỡng mộ, Yasue đã chấp nhận ngay lời mời của chị dâu. Một phần cũng vì gia đình dưới quê lúc đó đang muốn gả phứt cô cho một người tai mắt ở địa phương.

Yasue không nhanh nhẹn nhưng được cái hết sức đảm tính. Khi nói chuyện với Tomoko, người chỉ đáng tuổi em gái mình, bao giờ cô cũng khéo léo tỏ ra kính trọng và biết vâng lời. Chất giọng địa phương Kanazawa của cô rồi cũng mất đi, không còn làm ai khó

chịu. Vừa làm công việc nhà vừa chăm mấy đứa bé, Yasue còn xin anh theo học mấy lớp may cắt đồ Âu, và do đó chẳng những may được đồ mình mặc mà còn may cho Tomoko và mấy đứa bé. Cô dùng một cuốn sổ tay để ghi lại những quần áo mẫu trưng bày trong cửa kính các tiệm thuộc khu sang như Ginza. Nhiều khi vì thế mà cô bị các cô bán hàng ở đó lườm nguýt hay buông lời trách mắng.

Yasue đang ngồi trên bãi biển. Cô mặc một chiếc áo tắm màu xanh lục thanh nhã. Đó là vật duy nhất cô không may lấy vì nó đến từ một cửa hiệu lớn. Cô rất tự hào với màu da trắng như da con gái miền bắc của mình, dù ra biển rồi mà vẫn chưa bắt nắng bao nhiêu.

Từ dưới nước đi lên, Yasue vội vã chạy đến núp dưới tán dù che nắng của mình. Mấy đứa trẻ chơi gần bên bờ nước và đang loay hoay đắp mấy tòa lâu đài cát. Yasue ngồi nghịch một mình bằng cách rắc cát ướt lên hai bắp đùi trắng. Cát khô ngay và tạo thành một bức tranh màu nâu thẫm li ti những điểm sáng do vụn vỏ của vỏ sò tạo ra. Yasue hồi hả đưa tay phủi ngay như e rằng nó sẽ lưu lại mãi mãi. Một con trùng biển nhỏ xíu và hầu như trong suốt trôi ra từ lớp cát rồi lẫn đi đâu mất.

Yasue duỗi dài hai chân và chống hai tay ra đằng sau để ngắm biển. Cô thấy có những đám mây khổng lồ đang nổi lên cuộn cuộn trông rất hùng vĩ. Tựa hồ những đám mây ấy đang muốn hút trọn vào trong cái trầm mặc trang nghiêm của nó tất cả tiếng động đến từ bên dưới, ngay cả tiếng sóng biển gầm gừ.

Lúc này là tốt đỉnh của mùa hè, những tia sáng hùng hục của mặt trời như đang chứa đầy cuồn cuộn.

Ba đứa con nít đã chán trò nghịch cát đắp thành. Chúng đổ xô chạy đuổi nhau, chân đá vào những lớp sóng đã ngập đến mé bờ để làm bắn tung tóe mấy vạt nước nhỏ. Giật mình vì bị kéo ra khỏi cái thế giới êm đềm mà cô đang chìm đắm, Yasue đứng dậy chạy theo bọn chúng.

Thế nhưng bọn trẻ không chơi trò gì nguy hiểm cả. Bởi vì chúng có vẻ sợ hãi mỗi khi nghe tiếng sóng gầm. Mỗi lần sóng kéo tới, lùi ra và trở lại một lần nữa, lúc nào cũng để lại một cái xoáy nhỏ giống như ao cạn. Hai anh em Kiyoo và Keiko, tay trong tay, bèn ra nơi đó, để nước ngập đến ngang ngực, tìm cách chống cự lại sức mạnh của những luồng nước đang bao vây lấy chúng, cố gắng sao cho cát không trôi khỏi lòng bàn chân. Lúc đó ánh mắt của chúng sáng lên và người dờ ra vì thích thú.

- Coi này, anh thấy như có ai đang kéo mình đi!

Kiyoo nói với đứa em gái như thế.

Yasue tiến gần và cảm chúng không ra xa hơn nữa. Cô chỉ vào Katsuo đang đứng một mình trên bờ và dặn hai đứa không được để em như thế mà phải cùng chơi với nó. Thế nhưng Kiyoo và Keiko chẳng chịu nghe cho, cứ đứng nguyên, tay trong tay, và nhìn nhau cười lên sung sướng. Chúng đang chia sẻ với nhau một điều bí mật là cảm giác thấy cát di động ở dưới bàn chân.

Yasue sợ nắng. Cô nhìn bờ vai mình rồi nhìn bộ ngực nổi lên dưới làn áo tắm. Màu trắng của nó làm cô nhớ lại màu của tuyết ở quê hương Kanazawa. Cô đưa đầu ngón tay thử nắn phần trên bộ ngực và hơi ấm của nó làm cô mỉm cười một mình. Móng tay đã mọc hơi dài một chút và cô nhận ra rằng có ít hạt cát len vào dưới

móng. Cô nghĩ rằng hôm nay sau khi về đến nhà thế nào mình cũng phải cắt móng tay.

Không thấy bóng Kiyoo và Keiko đâu nữa. Yasue nghĩ chúng đã lên bờ rồi cũng nên. Nhìn trên bãi, cô thấy mỗi Katsuo đang đứng một mình. Katsuo đưa tay chỉ về phía cô, và gương mặt của nó như đang bị ai bóp méo một cách lạ kỳ.

Bất chợt, Yasue thấy nhịp tim mình đập loạn. Cô nhìn xuống nước dưới chân. Nước lại rút ra lần nữa và trong khoảng bọt nước nổi lên cách đó chừng hai mét, cô thấy có một vật thể màu trắng xám đang bị sóng đánh qua lại. Yasue nhận ra cả cái quần tằm màu xanh đậm của Kiyoo.

Bất giác, nhịp tim của Yasue càng đập loạn hơn nữa. Không nói được một câu, cô tiến về phía đó, gương mặt như người đang bị du vào bước đường cùng. Lúc đó không hiểu sao bỗng có một làn sóng dựng đứng lên, kéo đến tận trước mắt, trước khi vỡ tan nó đã đập ngay lồng ngực của cô. Yasue ngã vào bên trong lớp sóng. Cô bị lên cơn nhồi máu cơ tim.

Thấy thằng Katsuo bật khóc, mấy cậu thanh niên đứng gần bên chạy tới bên cạnh. Thế rồi một vài người khác trên bãi cũng đến nơi. Họ nhảy ùm xuống nước. Nước biển chung quanh những tấm thân râm đen vỡ tung sáng lóa.

Có đôi ba người nhìn thấy cảnh Yasue ngã xuống. Họ nghĩ rằng cô sẽ đứng dậy được ngay nên lúc đầu không để ý. Thế nhưng một chuyện bất bình thường như vậy hay gây cho người ta cảm giác mình đang được dự báo về một cái gì đó nên một số đã chạy đến trợ giúp. Tuy còn bán tín bán nghi nhưng họ cảm thấy cách ngã của cô là không ổn.

Thân thể của Yasue được khuôn lên và đặt trên mặt cát khô. Mắt của cô chỉ mở hé hé còn hai hàm răng thì đang cắn chặt lại. Làm như thế nỗi kinh hoàng khi chứng kiến cảnh xảy ra trước mắt vẫn còn hằn trên khuôn mặt của cô. Một người nắm lấy tay cô và bắt mạch nhưng mạch không còn đập nữa. Có vẻ như cô đã chết. Một người khác nhận ra cô, lên tiếng:

- Chết chưa, cô này là khách trọ Eirakusô đây mà!

Do đó, bọn họ đã cho gọi ông quản lý Eirakusô đến nơi. Mấy cậu thiếu niên trong xóm rất hăng hái, coi đây là một nhiệm vụ vinh dự nên không đứa nào chịu nhường cho đứa nào, cùng chạy như bay trên cát nóng về hướng Eirakusô để báo tin.

Quản lý đến nơi. Đó là một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi mặc một bộ đồ chạy bộ màu trắng rộng lưng thùng, quanh lưng lại quấn thêm một cái nịt bụng^[12] mà đường chỉ viền đã toí ra. Trước tiên, ông chủ trương phải khênh ngay người mắc nạn về nhà trọ cái đã. Có nhiều tiếng phản đối nhưng rồi hai cậu trai trẻ đã nắm hai đầu làm như cái cáng để khiêng Yasue về. Trên bãi biển nơi cô vừa nằm chỉ còn khoanh cát ướt lưu lại dấu vết hình hài một con người.

Thằng bé Katsuo mếu máo chạy theo sau. Một người thấy tội nghiệp mới đến công nó lên lưng.

* * *

Tomoko vừa ngủ dậy. Ông quản lý biết điều của khách sạn chỉ lay nhẹ vai để đánh thức nàng. Tomoko nhấc đầu lên và hỏi ông đến có việc gì.

- Thực ra thì cô Yasue nhà bà...

- Yasue làm sao?

- Vâng, hiện nay mọi người đang cứu cấp cô ấy và bác sĩ cũng đang trên đường tới nơi.

Tomoko chợt nhòe mắt, cùng với ông quản lý bước ra khỏi phòng. Yasue nằm dưới bóng cây cạnh chiếc đu trên thảm cỏ ở góc vườn. Một cậu thanh niên xoay tròn đang ngồi trên người cô trong tư thế đi ngựa để làm hô hấp nhân tạo. Bên cạnh họ là những đồng trống khô và thùng gỗ đựng cam được mở banh ra, một bọn hai người phụ trách đang hối hả châm cho lửa bùng lên. Ngọn lửa vừa cháy tới đã ngợp khói vì sau cơn mưa lớn hôm qua, những thanh gỗ thấm nước hãy còn chưa khô nên khó bén lửa. Vì khói nhiều khi trùm cả khuôn mặt của Yasue nên một cậu con trai khác phải cầm quạt xua đi.

Vì đang được làm hô hấp nhân tạo, cái cảm của Yasue lúc thì nâng cao lúc thì hạ xuống, khiến người ta tưởng cô còn thở được. Trên cái lưng rám đen của cậu con trai đang cưỡi lên người cô để làm hô hấp, dưới ánh nắng chiếu xiên qua vòm cây, đã thấy những giọt mồ rịn ra và chảy thành dòng. Đôi chân trắng trẻo của Yasue xoạc ra trên bãi cỏ nhuộm một màu xanh mượt hầu như bị phình ra. Coi bộ hai bắp chân này đang nằm chờ ra đấy, không có một chút cảm xúc nào trước cuộc chiến đấu nhọc nhằn đang diễn ra ở phần trên cơ thể.

Tomoko ngồi bệt xuống cỏ và gọi liên tục:

- Cô Yasue! Cô Yasue ơi!

Vừa khóc, cô lắp bắp không thành lời. Chỉ nghe thoang thoáng: Có cứu được không, sao để ra nông nỗi này, tôi biết nói gì để xin lỗi anh ấy, vân vân và vân vân. Giữa lúc đó chợt có những cặp mắt quắc lên. Họ hỏi:

- Thế thằng bé đâu?

Người đàn ông làm nghề đánh cá nhận giữ Katsuo đang ôm nó trên tay bèn chỉ cho nó thấy:

- Má cháu kìa!

Thằng bé như đang bắn loạn không biết làm gì hơn là chu miệng nhìn. Tomoko thoáng thấy hình ảnh của đứa con lướt qua trước mắt nàng, mới lên tiếng nhờ ông ta trông hộ.

Bác sĩ đã tới nơi. Ông ta thay thế vị trí cậu thanh niên làm hô hấp nhân tạo. Lúc đó đồng lửa đã cháy đủ. Mặt của Tomoko nóng bừng lên nhưng đầu óc của nàng thì trống rỗng, không nghĩ ra được điều gì. Thấy có một con kiến đang bò ngang khuôn mặt cô em chồng, nàng bèn lấy ngón tay dí cho nó chết và vứt đi. Được một lúc, lại có một con kiến khác đang đeo theo cọng tóc run rẩy buông người xuống và bò về phía lỗ tai của Yasue. Tomoko cũng giết luôn con này. Nàng làm như việc giết kiến là công việc mà mình phải phụ trách.

...Hô hấp nhân tạo đã được thử liên trong bốn tiếng đồng hồ. Cảm thấy có dấu hiệu là thân thể người bệnh đã bắt đầu cứng lại, bác sĩ đành ngừng. Xác chết được bó vào bên trong một tấm vải trải giường và chuyển lên tầng gác. Căn phòng trên đó tối mù nên những người rảnh tay phải tránh đi cùng xác chết mà leo lên trước để bật đèn.

Tomoko mệt đừ đừ nhưng nàng tìm ra trong sự trống rỗng một tình cảm ngon ngọt. Nàng cũng không thấy buồn gì cả. Thế nhưng sức nhớ đến đứa con, nàng mới lên tiếng hỏi:

- Con tôi đâu?

- Nó đang ở trong phòng chơi với anh Gengo.

- Cả ba đứa à?

- Cái đó thì...

Mọi người đưa mắt nhìn nhau.

Tomoko đẩy lui bọn người và đi xuống tầng dưới. Anh chàng đánh cá có tên là Gengo đang khoác trên người một manh yukata, còn Katsuo thì được choàng một cái sơ mi lên quần tắm. Hai người đang ngồi tựa lưng vào chiếc ghế dài và xem sách họa hình. Thế nhưng Katsuo không để mắt vào sách mà lơ đãng nhìn đâu đó.

Khi Tomoko bước vào gian phòng đó thì cùng lúc, đám khách trong lữ quán nghe được tin dữ đã kéo tới. Họ ngừng tay quạt và mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía Tomoko.

Nhìn thấy Katsuo, Tomoko tức thời đi về phía nó và chực ngồi xuống bên cạnh. Nàng hỏi nó với một giọng hầu như gáy hấn:

- Anh Kiyoo với chị Keiko mà đâu?

Katsuo nhìn sắc mặt của mẹ với vẻ sợ hãi. Thế rồi vừa thút tha thút thít nó trả lời:

- Anh hai, chị ba “bụp bụp” hết rồi.

...Tomoko để nguyên chân đất một mình chạy vụt ra ngoài bờ biển. Cát ở bên dưới rặng tùng ngập đầy những lá rụng chích nàng

đau điếng. Thủy triều đã dâng đầy bên dưới ghềnh đá. Nếu không leo lên ghềnh thì không ra đến bãi được. Từ trên đó nàng nhìn xuống và chỉ có mênh mông cát trắng một màu, không nhìn ra được gì cả. Trên bãi biển chiều hôm đã vắng hết những tán dù tắm hai màu vàng và trắng, chỉ còn sót lại mỗi một chiếc: cái tán dù nghiêng lệch qua một bên của gia đình Tomoko.

Bọn người đuổi theo những muốn bắt kịp Tomoko trên bãi cát. Nàng chạy một mạch ra tận mé nước, nơi sóng đánh vào bờ. Khi người ta ôm chầm để giữ nàng lại, Tomoko đã quay ngoắt và bực bội gào lên:

- Mấy người chưa hiểu sao? Hai đứa nhỏ đã chìm ở dưới đáy biển kia kìa.

Trong số những người đuổi theo nàng, nhiều người không chịu nghe lời giải thích của Gengo mà cứ chạy ra đấy. Đối với họ thì Tomoko chỉ là một người loạn trí.

* * *

Giữa lúc bỏ phí mất bốn tiếng đồng hồ để tìm cách cứu Yasue trong tuyệt vọng, không có ai để ý là Tomoko hãy còn hai đứa con khác hiện đang vắng mặt. Đó là một sự thực đáng lý ra không thể có bởi vì khách trọ trong lữ quán lúc nào cũng thấy ba anh em chúng đi chơi với nhau. Thêm vào đó, có điều khó tin là một người mẹ như Tomoko dù ở trong trạng thái mất hồn đến đâu cũng không thể nào không linh cảm về cái chết của hai đứa con yêu.

Thế nhưng khi một sự cố nào đó xảy ra thì cũng có thể là ngay tức khắc chung quanh nó sẽ có một vực xoáy cuốn vào đó tất cả tâm lý của đám đông đang tụ tập, làm cho ai nấy đều suy nghĩ một cách

đơn thuần. Đứng được ở bên ngoài lối suy nghĩ ấy là chuyện không đơn giản. Cũng khó lòng bảo vệ một luận điệu nào bên ngoài ý kiến đám đông. Ngay cả Tomoko, vừa thức dậy sau một giấc ngủ trưa, cũng không thể làm gì khác hơn là cứ thế mà tiếp thu cách suy nghĩ của người khác cho mình và không vương lấy một chút nghi ngờ.

Suốt đêm hôm đó trên bãi biển A., cứ cách vài mét người ta lại đốt một đồng lửa, rồi mỗi nửa giờ đồng hồ, bọn trai tráng thay nhau ngụp lặn dưới nước để tìm hai thi thể. Cho đến hừng sáng, Tomoko không rời bãi biển nửa bước. Một phần vì nàng quá đói kích động, một phần vì trong ngày đã đánh một giấc trưa quá dài, nên không cảm thấy buồn ngủ.

Trời đã rạng ra. Buổi sáng hôm ấy, theo lời yêu cầu của đội dân phòng trong vùng, người ta ngưng việc kéo lưới trên biển.

Mặt trời lên cao trên mũi đất nằm ở phía tay trái bãi. Gió sớm phả nhẹ lên má của Tomoko. Đối với nàng, mặt trời lên cao là một cảnh hãi hùng. Vì nó sẽ chiếu rõ ràng toàn bộ sự cố và đây là lần đầu tiên tất cả sự thật sẽ được phơi bày.

- Thôi, bà cũng phải nghỉ ngơi một chút chứ! Nếu tìm ra được xác thì sẽ vớt lên thôi. Từ đây xin bà cứ giao cho chúng tôi lo liệu.

Một người lớn tuổi đứng đầu trong bọn khuyên bảo như thế.

Hai mắt đỏ hoe vì cũng thức trắng một đêm, ông quản lý khách sạn đáp thay:

- Vâng, xin các ông giúp cho. Đã gặp cảnh bất hạnh như vậy mà giờ đây bà còn lặn ra ốm nữa thì ở trên Tokyo không biết ông nhà sẽ ra sao!

Tomoko sợ phải gặp mặt chồng. Bởi vì nàng có cảm tưởng chồng mình là vị quan tòa sẽ xét xử vụ án này. Thế nhưng bề gì nàng cũng phải gặp anh thôi. Giây phút gặp gỡ càng gần bao nhiêu thì y như là một sự bất hạnh khác sẽ tiến đến gần nàng bấy nhiêu.

Suy nghĩ một hồi, Tomoko quyết định đánh cho chồng một bức điện tín. Trên đường trở lại lữ quán, nàng đã nghĩ ra lời lẽ phải trình bày trong đó. Lời hứa của người chỉ huy các tay thợ lặn vớt xác hình như đã giúp nàng lấy lại tinh thần.

Trên đường đi, Tomoko nhìn ngoái đằng sau. Mặt biển yên tĩnh. Ở mé biển phía gần bờ, nàng thấy thấp thoáng những vệt sáng bạc đang bay vọt lên khỏi mặt nước. Đó là một bầy cá. Tuồng chừng như lũ cá nhảy lên kia đang có gì mừng rỡ đến say sưa. Bất chợt, Tomoko nhìn lại nỗi bất hạnh của mình và thấy nó mới bất công làm sao.

* * *

Chồng của Tomoko tên là Ikuta Masaru, năm nay ba mươi lăm tuổi. Sau khi tốt nghiệp trường đại học ngoại ngữ, anh vào làm trong một hãng của Mỹ thành lập từ trước chiến tranh. Tiếng Anh của anh khá sôi và tay nghề cũng vững. Tuy là mẫu người ít nói nhưng anh làm việc rất tháo vát. Hiện nay anh đang đứng đầu chi nhánh Nhật Bản của một hãng ô tô Mỹ. Anh có quyền dùng xe làm mẫu của hãng để di chuyển khắp nơi, thu nhập hàng tháng khoảng 15 vạn yên^[13]. Hơn thế, anh có thêm một quỹ đen để chi dụng cho nên gia đình anh, kể cả Tomoko, Yasue và một cô gái giúp việc, có thể sinh hoạt một cách thoải mái. Chưa bao giờ họ thấy cần giảm bớt một miếng ăn nào.

Để báo hung tin, Tomoko không gọi điện thoại mà đánh điện tín. Lý do là nàng sợ cái cảnh phải đối đáp trực tiếp với chồng. Thế nhưng theo tập quán ở khu vực ngoại ô nơi họ cư trú, khi có một văn thư nào tới nơi, bưu điện sẽ gọi điện thoại thông báo cho người nhận biết vào trước giờ đi làm. Tưởng là cái gì liên quan tới công việc hãng, Masaru thoải mái ra ngoài bàn phòng khách bắt máy để nghe.

- Tin khẩn đến từ bãi biển A.

Một giọng nữ của nhân viên bưu điện cho biết. Masaru bắt đầu cảm thấy tim mình đập loạn lên vì lo lắng.

- Xin đọc nội dung điện tín. Được không ạ?

“Yasue chết. Kiyoo, Keiko mất tích. Tomoko”.

- Cô đọc lại lần nữa cho tôi!

Lần thứ hai cũng chỉ có cùng một nội dung nghĩa là “Yasue chết, Kiyoo và Keiko mất tích”. Lòng Masaru nóng như thiêu đốt. Đột nhiên đầu óc anh trở nên trống rỗng và cảm thấy phần nộ như một người đột ngột bị chủ đuổi việc. Cắt điện thoại xong, lồng ngực anh nghẹn ngào, tức tối.

Đã tới giờ phải lái xe đi làm. Anh bèn điện thoại ngay tới sở cho biết mình sẽ nghỉ việc hôm nay. Anh định tới bãi biển A. bằng xe hơi của hãng. Thế nhưng đoạn đường lại xa và nguy hiểm, anh lái không giỏi và nhất là hiện nay tinh thần đang ở trong trạng thái dao động. Hơn nữa, mới đây anh vừa gây ra một vụ tai nạn xe cộ. Vì vậy, anh quyết định đi bằng xe lửa đến Itô rồi từ đó sẽ bắt taxi.

Biến cố không ngờ này đã len lỏi theo một quá trình kỳ lạ trước khi tìm ra được chỗ đứng trong tâm hồn của một con người như anh. Có thể anh chưa hiểu tính cách của nó thế nào nhưng trước khi lên đường, việc đầu tiên của anh là chuẩn bị ngay một khoản tiền mặt. Bởi vì đã là sự cố thì thường gây ra tổn kém.

Để đi cho nhanh đến bờ biển A., Masaru bắt taxi thẳng tới ga Tokyo. Trong lòng anh lúc đó không có cảm xúc gì đặc biệt, nếu có thì cũng chỉ na ná như tâm sự một viên cảnh sát hình sự đang muốn tiến hành gấp rút một cuộc điều tra cho biết hư thực. Thay vì tưởng tượng, anh là mẫu người thiên về suy luận cho nên giờ đây anh như run lên vì hiểu kỳ trước một biến cố trọng đại liên quan sâu xa tới mình.

Trong những dịp như thế này, chúng ta hay dễ dàng chấp nhận sự trả thù của những nỗi bất hạnh, cái mà ngày thường ta muốn lánh xa. Còn như hạnh phúc là cái mà mỗi ngày chúng ta tiếp nhận dễ dàng chỉ vì nó phù hợp với ta thì nay không còn giúp ích gì cho ta nữa. Hình dáng của sự bất hạnh là cái lâu ngày chưa gặp nên chúng ta không còn nhận ra nó nữa.

Nếu cô nàng điện thoại cho mình thì có phải tiện hơn không? Chắc Tomoko ngại phải trực tiếp nói chuyện. Với trực giác của một người chồng, anh đã đoán đúng sự thật. “Nhưng dù sao điều tiên quyết là mình phải đến tận nơi và xem tận mắt.”

Anh nhìn phong cảnh ngoài cửa khi chiếc taxi sắp đưa mình vào trung tâm thành phố. Mặt trời buổi sáng mùa hạ càng chói chang thêm vì màu trắng những tấm áo sơ mi của đám đông trên đường phố. Hàng cây dàn theo con đường đang đổ những bóng sẫm màu ngay dưới chân chúng như một vạch thẳng đứng và trước

cửa ra vào của một khách sạn, ai đó đã treo một bức màn rực rỡ hai màu trắng đỏ như muốn cho nó đỡ lấy cái ánh nắng kim thuộc gay gắt của mặt trời. Vạt đất vừa được xới lên để làm công sự sửa chữa trên con đường, chưa gì đã khô ran.

Thế giới vây chung quanh anh vẫn bình thường như trước. Không có gì đang xảy ra và anh cố gắng tin tưởng theo rằng, nếu mình muốn, cũng sẽ không có gì xảy đến cho mình cả. Một sự bất mãn lạ lùng và ấu trĩ xâm chiếm hồn anh. Ai dè một biến cố xảy ra ở vùng đất xa lạ đó đã cắt anh khỏi thế giới quanh mình.

Từ ga Atami đi Itô, dĩ nhiên phải lên tàu điện của công ty Shōnan Dentetsu. Chuyển ngày thường bắt đầu gần giữa trưa, kiếm được chỗ ngồi chẳng mất công là bao.

Đã quen với tập quán ở sở, ngay giữa mùa hè mà Masaru cũng thắt cà vạt, mặc áo tây quần dài. Mùi nước hoa đàn ông của anh khử được mùi mồ hôi. Thế nhưng nhiều khi Masaru cũng cảm thấy dâm dấp trên lưng áo và ướt hai bên nách.

Khi nghĩ rằng hành khách đi cùng toa hôm nay không có ai bất hạnh bằng mình, anh đã bất chợt tự đặt mình vào một vị trí khác với vị trí của một Masaru ngày thường, chỉ không biết là nó cao hay thấp hơn thôi. Anh coi mình đã trở thành một con người đặc biệt, một kẻ đứng ngoài luồng. Điều này xưa kia anh chưa lần nào cảm thấy. Là con trai thứ hai trong một gia đình giàu có ở địa phương, được ông bác, nay đã quá cố, nuôi trong nhà và cho đi học ở Tokyo kể từ bậc trung học, cha mẹ lại gửi tiền chu cấp đầy đủ nên chưa một lần nào anh có cảm tưởng là kẻ đi ăn chực nhà người. Hồi chiến tranh, nhờ làm trong ngành an ninh, anh cũng được miễn quân dịch, sau đó lại lấy vợ là con nhà gia giáo ở Tokyo. Đến khi ra

riêng, anh có một tổ ấm đang hoàng và tới thời hậu chiến, lại có địa vị đang hoàng trong xã hội. So với người cùng trang lứa, anh thấy mình may mắn và tài cán hơn họ rất nhiều nhưng anh chưa bao giờ nghĩ mình là một mẫu người khác thường nên không hề lên mặt mà cũng không cảm thấy thua kém ai.

Có lẽ một kẻ mang một cái bớt lớn trên người khi mới ra đời đôi khi thấy cần phải gào lên: “Nghe tôi nói đây. Các người không biết gì hết. Tôi có một cái bớt đỏ sẫm trên lưng từ lúc mới sinh ra kìa!”

Và như thế, Masaru đang muốn nói cho những hành khách khác trong toa: “Tất cả, nghe đây! Các người không thể biết đâu nhưng mà tôi vừa mất một cô em gái và hai trong ba đứa con!”

Anh đã đánh mất lòng can đảm. Phải chi ít nhất mấy đứa con anh được cứu...! Anh bắt đầu tìm cách diễn giải nội dung bức điện tín. Mấy chữ Kiyoo trên đó không biết là tên thằng Kiyoo con trai mình hay chỉ có nghĩa là “hôm nay” (kyoo). Hoặc giả Tomoko, hoảng hốt trước cái chết của Yasue, đã ngờ rằng hai đứa bé kia mất tích trong khi chúng chỉ đi lạc mà thôi. Biết đâu lúc này ở nhà mình, người ta đang mang đến một bức điện tín thứ hai để đính chính tin trước? Masaru hoàn toàn bị chi phối bởi cảm xúc của mình, như thế muốn xem rằng biến cố kia tự nó không quan trọng bằng phản ứng đến từ anh. Anh tiếc mình đã không chịu gọi điện thoại cho lũ quán Eirakusô ngay lúc đó.

Quảng trường trước nhà ga Itô rực nắng của một ngày thịnh hạ. Gần nơi bến taxi có một cái văn phòng với bảng thông tin, hẹp chỉ bằng cỡ bớt gác. Bên trong, ánh nắng chói chang ủa vào đã làm

cho những mẫu giấy ghi giờ xe khởi hành ghim lên tường vàng úa và cong cả mép.

- Đến bãi A. mất bao nhiêu tiền?

- Hai ngàn yên.

Người đàn ông đội chiếc mũ lưỡi trai của tài xế và quấn một chiếc khăn lông quanh cổ trả lời. Không biết có phải vì muốn giúp đỡ khách hàng hay để tránh bị phiền nhiễu, ông ta nói thêm một câu không cần thiết: “Nếu không gấp gáp, ông có thể lấy ô tô buýt thì đỡ tốn hơn. Năm phút nữa là nó chạy!”.

- Tôi gấp lắm. Có người trong gia đình vừa mới mất ngoài đó!

- Ấy chết, ông là thân nhân của những người chết đuối ngoài bãi A. đấy à? Tội nghiệp chưa! Hình như là một người đàn bà với hai đứa bé?

Dưới ánh nắng mặt trời, Masaru cảm thấy choáng váng. Từ lúc đó cho đến khi tới bãi A., anh không nói một lời với người tài xế.

Phong cảnh suốt đoạn đường dài chạy ven biển này không có gì gọi là đẹp đẽ. Ban đầu chiếc taxi leo lên một quả núi đầy bụi rồi sau đó lại xuống để leo lên một quả núi khác. Ít khi thấy mặt biển lộ ra. Lúc taxi phải tránh một chiếc xe buýt ngược chiều trên con đường chật hẹp, những cành cây bên đường đã quệt vào bên trong cửa kính đang mở nửa vơi, phát ra âm thanh như tiếng những con chim đập cánh vì hoảng sợ và bắn bụi lẫn cát lên cái quần dài vốn được là thắng thơm của Masaru.

Masaru chưa biết sắp tới đây anh sẽ hỏi chuyện Tomoko với thái độ nào. Anh không nghĩ rằng mình có thể tiếp cận cô một cách

“tự nhiên” được, bởi vì anh sẽ không kìm giữ được dù chỉ là một trong những tình cảm đang trào dâng trong lòng. Giữ một “thái độ tự nhiên” sẽ thành ra đáng ngờ. Mất tự nhiên mới là thái độ tự nhiên hơn cả.

Khi taxi gần đến bãi A., anh thấy có một ông lão trên vai vác một cái giỏ đầy cá trích đang đứng sát bờ cỏ bên đường để tránh bụi xe qua. Có lẽ bao mùa hạ rồi, ánh nắng mặt trời đã hằn lên trán khiến cho đôi ngươi của ông giờ đây đã đục nhò. Hình như ông ta vừa ở ngoài bãi câu gần đó mới về. Thổ sản vùng này có các loại cá trích, cá lưỡi trâu và cá mực cũng như các loại cam quýt và nấm.

Chiếc xe đã vượt qua cái cổng gỗ đen thui của lữ quán Eirakusô. Nó đang leo lên con đường đưa vào chỗ đậu thì anh đã nghe tiếng ông chủ quán với đôi guốc gỗ lọc cọc dưới chân bước ra đón. Như một hành động phản xạ, Masaru đưa tay vào ví kiểm tẩm danh thiếp:

- Dạ, tôi là Ikuta đây ạ.
- Xin thành thực chia buồn cùng ông.

Người quản lý cúi rạp. Trước hết, Masaru lấy tiền trả cho người tài xế rồi mới cảm ơn ông quản lý và dúm vào tay ông ta tờ giấy bạc một nghìn yên.

Tomoko và Katsuo ngủ ở căn phòng kế bên phòng đặt quan tài của Yasue. Di hài đã được ướp bằng một loại nước đá khô mua từ Itô, và đợi Masaru đến thì sẽ được đem đi hỏa táng.

Masaru đi vượt qua người quản lý và mở cánh cửa. Nghe tiếng động, Tomoko đang nằm ngủ trưa để lấy sức chột nhóm dậy. Thực tình thì nàng đã không sao chớp mắt.

Đầu tóc bù xù, nàng đang mặc trên người một manh kimono nhàu nát. Như cung cách một nữ tù nhân, nàng hồi hải kéo áo lại cho tề chỉnh và quỳ gối trước mặt chồng. Những động tác ấy xảy ra thật nhanh, làm như nàng đã chuẩn bị từ trước. Nàng liếc nhìn chồng rồi bất giác gấp người xuống và chan hòa nước mắt.

Masaru hơi ngại nếu người quản lý thấy cảnh mình đặt tay lên bờ vai của vợ để làm một cử chỉ an ủi. Chuyện đó còn tệ hơn là việc bị người lạ bắt gặp lúc hai vợ chồng âu yếm trong buồng riêng. Masaru cởi cái áo vét và đưa mắt tìm một chỗ để treo áo.

Không biết sau đó bao lâu Tomoko mới hiểu được ý anh, bèn lấy một cái mắc áo sơn xanh từ trong tủ và nhận tấm áo vét đầm mồ hôi từ tay chồng rồi mắc lên. Masaru ngồi xuống bên cạnh thằng bé Katsuo, vừa bị tiếng khóc của người mẹ đánh thức. Nó vẫn nằm đó và nhìn hai người. Masaru đặt con lên đùi mình, và giống như một búp bê vô cảm, nó không có phản ứng gì cả. Masaru kinh ngạc vì nó lại có thể bé bỏng như thế. Sao mà mình thấy thằng bé chẳng khác một món đồ chơi.

Tomoko vẫn quỳ và khóc ròng ở trong một góc phòng. Nàng nói:

- Trăm sự lỗi tại em!

Đây là câu nói mà Masaru muốn nghe hơn hết.

Đằng sau lưng họ, ông quản lý cũng đang thút thít.

- Tôi biết mình là người chẳng liên hệ gì với gia đình nhà mình nhưng tôi cũng xin ông đừng trách cứ gì bà. Tất cả đã xảy ra trong khi bà đang nghỉ trưa, đâu có phải lỗi vì bà sơ sẩy đâu nào!

Masaru có cảm tưởng đã từng nghe hay đọc câu nói như thế này ở đâu đó rồi.

- Tôi hiểu. Vâng, tôi hiểu chứ!

Nói xong, theo đúng quy tắc ứng xử của người ở trong một hoàn cảnh như thế này, anh đứng dậy, bế đứa con đi đến ngồi cạnh vợ và đặt một bàn tay lên vai nàng. Động tác ấy đến với anh một cách dễ dàng nhưng nó đã khiến cho Tomoko một lần nữa vỡ òa trong nước mắt.

Sáng hôm sau, người ta đã tìm ra thi hài hai đứa con của họ. Sau khi động viên tất cả lực lượng canh phòng trên bãi và từng người từng người ngụp lặn nhiều lần để mò dưới đáy biển, họ đã phát hiện hai xác đang chìm ở vùng chân núi Manzô. Đôi chỗ trên thi thể đã bị những giống côn trùng nhỏ dưới nước rửa nát, hai, ba con còn nằm ngay bên trong lỗ mũi của mấy đứa trẻ.

* * *

Chuyện can thiệp của đám cảnh sát và dân phòng đó thật sự đã vượt quá mức tập quán công việc thường ngày của họ. Tuy vậy không có gì bắt buộc họ chỉ làm tới giới hạn của tập quán mà thôi. Riêng hai vợ chồng Masaru thì không quên điều mà tập quán đòi hỏi nên đã đi chào hỏi hết mọi người để bày tỏ lòng biết ơn và chi một khoản tiền kénch xù như món quà cảm tạ họ.

Cái chết nào cũng gây ra lắm vấn đề thủ tục. Hai người hết sức bận rộn, đến điên đầu. Có thể nói với tư cách chủ gia đình, Masaru là người đặc biệt có nhiều trách nhiệm hơn hết. Bảo anh không có một phút giây để mà buồn nữa cũng không phải là nói quá lời. Còn đối với thằng bé Katsuo thì đó là chuỗi ngày nhộn nhịp như tết

nhất mà mấy người lớn ai nấy đều thủ vai trò của mình chẳng khác nào đang diễn kịch.

Dù sao, đối với gia đình Ikuta, bao nhiêu chuyện rắc rối linh tinh ấy rồi cũng đến hồi kết thúc. Tiền người ta đem đến phúng điếu khá nhiều. Tiền phúng điếu nhiều là khi gia chủ hãy còn sống và đủ sức tiếp tục làm việc, còn nếu như là chính đám tang của ông ta thì dĩ nhiên số tiền ấy không thể cao bằng.

Bề gì cả Masaru và Tomoko cũng phải “gồng mình lên” để giải quyết những việc cần thiết. Tomoko không thể nào hiểu tại sao nàng có thể làm hai chuyện cùng một lúc: đang buồn đến phát điên đi được mà cứ phải theo dõi đến từng chi tiết vụn vặt. Nàng cũng ngạc nhiên thấy mình ngốn cơm nhiều đến thế trong khi mặt mày thì ủ dột và chẳng thấy ngon lành chi cả.

Cái mà nàng lo lắng nhiều nhất là phải gặp cha mẹ của Masaru. Hai người đã từ Kanazawa đến Tokyo vừa kịp buổi lễ tang. Nàng bắt buộc lặp đi lặp lại câu nói: “Trăm sự lỗi tại con!”, nhưng bù lại, đã than vãn với một thái độ hậm hực với chính cha mẹ mình:

- Ai khổ cho bằng con chứ. Không phải con mới là người mất cả hai đứa nhỏ sao? Thế mà mọi người miệng thì ngậm cam mà trong lòng lại trách móc con. Có sao đem hết tội lỗi và trách nhiệm đổ lên đầu một mình con và khiến con phải xin lỗi khắp nơi. Tại sao mọi người lại xem con như một cô vú em lơ đãng đã làm cho trẻ con phải rơi xuống nước? Không phải cô Yasue mới là người đáng trách hay sao? Yasue có lợi thế là chết rồi nên khỏi phải bị phiền nhiễu. Tại sao không ai chịu hiểu rằng con mới là nạn nhân trong câu chuyện này. Dù sao con cũng là mẹ của hai đứa trẻ chết đuối chứ!

- Con cứ tưởng tượng ra như vậy chứ nào có ai nhìn con với cặp mắt trách móc đâu! Bác gái mẹ anh Masaru cứ khóc với mẹ và nói sao mà tội nghiệp cái con Tomoko nhà mình thế!

- Bà ấy chỉ nói thế ngoài miệng thôi.

Xưa giờ, Tomoko hay có thái độ giận dỗi không lý do. Nàng thương thân vì thiếu may mắn nên không được đánh giá đúng với giá trị con người của mình. Đối với một người phải chịu bao cảnh khổ như mình hiện nay mà lại bị coi là kẻ đầy quyền lực, đủ để làm những chuyện phi nhân. Nay lại còn phải đứng trước mẹ chồng để tạ lỗi thì nàng làm sao mà không bất mãn cho được. Sự nhịn nhục đã làm cho toàn thân của nàng ngứa ngáy và nóng nảy như đang bị ai thiêu đốt.

Tomoko đã trút tất cả tâm sự cho mẹ mình những mong có lấy một lời an ủi từ bà.

Có lẽ Tomoko không để ý nhưng bản tính nàng vốn là con người đã tuyệt vọng vì sự nghèo nàn về lòng nhân ái của người đời. Một người chết hay mười người chết, ngoài chuyện nhỏ cùng một lượng nước mắt, thiên hạ không biết làm gì khác. Như thế có phải là bất hợp lý không? Chuyện nhỏ lệ hay cất lên tiếng khóc là cái thước họ dùng để đo thứ tình cảm nào vậy? Hỏi thử trong mắt họ, hình ảnh của nàng là loại hình ảnh nào? Biết là thế nên khi đưa mắt nhìn vào nội tâm của mình, cái nỗi buồn bị cắt đứt sự thông cảm với người thân thuộc lại mơ hồ hiện ra và đem đến cho nàng một niềm tuyệt vọng khác.

Tomoko ngạc nhiên khi thấy mình chưa ngã quỵ. Mặc bộ đồ tang giữa cảnh trời oi bức như thế này trong cả tiếng đồng hồ mà

chưa ngã quy thì thật là lạ.

Đôi khi nàng cảm thấy mình không đứng vững nữa nhưng cái kéo nàng ra khỏi nguy cơ chính là cơn sợ hãi trước cái chết, một tình cảm mới mẻ và không diễn tả được bằng lời nói. “Con thấy mình còn vững chãi hơn là mình nghĩ, mẹ ơi!” Có lúc Tomoko quay lại phía người mẹ ruột và nói như thế, trong khi mặt vẫn đầm đìa nước mắt.

Tomoko nhận ra rằng mình không còn cảm thấy buồn vì cái chết của Yasue một chút nào nữa. Một con người hiền lành như Tomoko vốn không bao giờ ghét bỏ ai thế mà giờ đây nàng lại tiến đến gần một tình cảm như thế đối với cô em chồng. Có thể là vì trong hơn bốn tiếng đồng hồ mãi lo cứu sống Yasue, người ta đã làm nàng quên đi rằng cái chết cũng có thể xảy ra cho hai đứa con mình.

Khi chồng nàng nói chuyện với cha mẹ anh về cái chết của Yasue, Tomoko thấy anh rớt nước mắt khi thương cho cô em chết đi mà chưa có một tấm chồng, nàng cũng cảm thấy trong lòng mình dậy lên một tình cảm oán ghét đối với anh. Cô thầm nhủ: “Giữa cô em với mấy đứa con, không biết cái anh này coi trọng bên nào hơn?”

Rõ ràng là đầu óc Tomoko căng thẳng cùng cực nên cái đêm túc trực bên áo quan, nàng không sao nhắm mắt được dẫu biết mình cần ngủ để lấy sức. Dù vậy, nàng chẳng cảm thấy nhức đầu một chút nào. Đầu óc nàng hoàn toàn tỉnh táo và sáng khoái.

Nhiều người khách đến phúng viếng tỏ ra lo lắng cho tình trạng sức khỏe của nàng nhưng có lần họ gặp phải một câu trả lời

khô khan như thế nàng cảm thấy bị họ làm phiền: “Các ông bà không phải lo giùm. Sống hay chết cũng thế thôi, xin để mặc tôi!”

Chuyện tự sát hay trở thành điên loạn không còn vương vít trong đầu óc nàng nữa. Sự hiện diện của bé Katsuo có thể là một nguyên nhân khiến cho nàng thấy mình cần tiếp tục sống. Tuy nhiên, nhiều khi nàng nghĩ hầy còn có những lý do khác như sự hèn nhát hay vì nhiệt tình của mình đã nguội lạnh. Nhưng nói gì thì nói, khi nhìn Katsuo đang được các bà mặc áo tang dạy cho đọc sách họa hình, nàng cảm thấy may mắn là giờ đây mình hầy còn sống. Lúc đó, vào những buổi tối, khi ngả người trong vòng tay của người chồng, mở to đôi mắt thơ ngây như mắt thỏ nhìn lên quầng ánh sáng chụp đèn đầu giường đang tỏa ra, nàng lặp đi lặp lại một câu nói nhưng không hẳn là một lời biện bạch: “Em đã gây ra lỗi lầm! Em là người thiếu trách nhiệm. Ngay từ đầu, nếu em không giao cho Yasue trông coi ba đứa nhỏ thì chẳng có chuyện gì xảy ra đâu.”

Tiếng nói của nàng sao mà trống vắng như một tiếng kêu thương gửi về hướng núi để thử xem có một tiếng nào dội lại.

Masaru hiểu tại sao vợ anh có thái độ cố chấp trong việc nhận lãnh trách nhiệm. Nàng chờ đợi một hình phạt đến với mình đấy thôi. Có thể nói, lúc này Tomoko như đang thềm thường được như vậy.

Tuần chay 14 ngày qua đi, nhịp sống trở lại bình thường. Nhiều người khuyên hai vợ chồng nên đem con đi đến chỗ nào đó để tìm sự nghỉ ngơi cho tâm hồn và thể xác nhưng cả cảnh núi lẫn cảnh biển đều làm Tomoko sợ hãi như nhau. Nàng đang lo rằng tai họa còn có thể xảy tới một lần thứ hai.

Một buổi tối vào độ cuối hè, Tomoko dắt Katsuo ra ngoài phố Ginza. Nàng đã hẹn với chồng cả nhà cùng đi ăn cơm tối sau khi anh tan sở.

Khoảng sau này, Katsuo được mẹ cưng chiều, đến mức độ kỳ cục là nàng chấp hành tất cả những điều nó muốn. Tomoko xem nó như một con búp bê thủy tinh dễ vỡ ngay cả lúc nàng làm một cái việc cón con là dắt nó qua phía bên kia đường. Người mẹ chăm chăm nhìn vào các cỗ xe, từ xe thường đến xe tải đang ngừng trước đèn đỏ và nắm tay nó thật chặt rồi hồi hải băng qua.

Tomoko cảm thấy khó chịu trước những cái áo tắm chưa bán hết đang trưng bày trong cửa hiệu. Khi đi ngang một hình nhân người mẫu mặc cái áo tắm màu xanh lục giống chiếc áo của Yasue, nàng cúi gầm mặt để khỏi phải nhìn. Sau đó nàng mới nhận ra rằng những hình nhân kia chỉ có phần thân thôi chứ không có đầu. Nàng nghĩ nếu có thì chắc cái đầu đó phải hoàn toàn giống cái đầu của người chết đuối với đôi mắt khép kín và mái tóc rũ rượi của cô em chồng. Dưới mắt nàng, tất cả hình nhân đều bị phình to như xác người chết đuối.

Phải chi mùa hè qua nhanh cho thì tốt biết mấy! Một chữ “Hè” thôi cũng đủ làm cho nàng liên tưởng đến cái chết và sự thối rữa. Và trong ánh nắng quái một ngày cuối hè, nàng thấy có tất cả sự thối rữa.

Vì hãy còn sớm so với giờ hẹn, Tomoko dắt Katsuo vào trong một cửa hàng bách hóa. Còn nửa tiếng đồng hồ nữa tiệm mới đóng cửa. Katsuo muốn xem mấy món đồ chơi, hai mẹ con mới lên tầng ba. Đi ngang qua quầy bày bán những món đồ chơi dành cho người tắm biển, họ bước thật nhanh. Có những người mẹ đang tranh nhau

lục lợi đồng quần áo tắm bán hạ giá để kiếm đồ vừa với con mình. Một bà đến đứng bên cửa sổ có ánh mặt trời chiếu vào, giăng một chiếc quần tắm màu xanh đậm để có thể nhìn nó cho thật kỹ. Ánh nắng tàn làm chói mắt khi chiếu vào chiếc khóa ở thắt lưng. Tomoko thì nghĩ bụng: mấy bà mẹ đây chắc đang thi nhau lựa cho con cái họ một tấm vải liệm.

Sau khi đã mua xong món đồ chơi trò xây cất, Katsuo muốn lên sân thượng tòa nhà. Trong công viên trên đó, trời thoáng mát. Một luồng gió mạnh từ bến tàu thổi vào làm lay động mấy tấm rèm cửa.

Qua màn lưới bảo vệ trên mái, Tomoko nhìn thấy đằng xa bên kia thành phố là cây cầu Kachidoki, những kho hàng ở Tsukishima và những con tàu vận tải buồm neo trên bến.

Katsuo rời tay mẹ để đến chỗ chuồng thú xem khỉ. Tomoko lo lắng bước theo con. Có lẽ vì có gió hay sao mà mùi hăng nồng của khỉ xông lên tận mũi. Con khỉ nhìn họ và nhăn trán. Khi nhảy từ cành này qua cành nọ, nó luôn đặt một bàn tay sát lên mông như muốn giữ gìn bộ phận này cẩn thận. Tomoko để ý thấy con khỉ đó có một khuôn mặt bé nhỏ và già khản với cái vành tai nhỏ, bần, nổi đầy gân máu. Nàng chưa bao giờ nhìn kỹ một con thú đến như vậy.

Gần bên chuồng khỉ có một bồn phun nước nhưng cái vòi nằm chính giữa hồ đã tắt. Chung quanh thành bồn bằng gạch, người ta đã trồng ken dày một loại hoa hình đồng tiền lá nhọn như lá tùng, trên đó, một đứa bé trạc tuổi Katsuo đang chập chững bước đi. Không thấy cha mẹ nó ở đâu cả.

- Mình chỉ mong cho nó ngã. Chỉ mong sao nó ngã và chết đuối trong hồ.

Tomoko nhìn theo những bước chân loạng quạng của nó nhưng đứa bé vẫn không vấp ngã. Khi nó sắp đi thêm một vòng nữa thì bắt gặp cái nhìn của Tomoko nên phá lên cười với vẻ hãnh diện. Tomoko không cười đáp. Làm như thế nàng thấy thằng bé đang muốn chòng ghẹo mình.

Tomoko cầm tay Katsuo rồi đi thật nhanh xuống khỏi sân thượng.

Bữa cơm tiếp đó bị bao phủ bởi một bầu không khí yên lặng kéo dài. Tomoko nói với chồng: “Em thấy anh có vẻ trầm tĩnh. Hình như anh chẳng buồn chút nào?”

Ngạc nhiên vì câu nói của vợ, Masaru quay đầu xem có ai khác nghe được không. “Em không biết gì cả. Anh chỉ muốn để em vui lên thôi.”

- Anh không cần làm gì hết!

- Thật không? Phải nghĩ là điều đó còn ảnh hưởng tới Katsuo chứ!

- Bề gì em cũng không xứng đáng là một người mẹ.

Đến đó thì cho bữa cơm không còn thấy ngon lành gì nữa.

Masaru càng ngày càng thối lui trước nỗi buồn cay đắng của vợ. Đàn ông như anh còn phải đi làm và công việc có thể giúp anh khuây khỏa. Riêng Tomoko vẫn giữ nguyên nỗi buồn day dứt trong lòng. Masaru vì cứ phải chịu đựng những lời than vãn của nàng mỗi khi trở về nhà cho nên sau này anh có khuynh hướng càng ngày càng về muộn.

Tomoko cho gọi một người đàn bà giúp việc trước đây đã từng làm việc lâu năm với nàng tối, rồi đem tặng hết quần áo và đồ chơi của Kiyoo và Keiko vì người này có con tròn trĩnh tuổi hai đứa nó.

Một buổi sáng, Tomoko dậy trễ hơn mọi ngày. Masaru hãy còn nằm co quắp một bên cái giường đôi vì tối hôm qua anh lại quá chén. Trên giường hãy còn nồng nặc mùi rượu. Cái nệm lò xo không ngót kéo kẹt cả đêm khi anh lăn qua lộn lại trong giấc ngủ. Giờ đây thì Katsuo chỉ còn một mình cho nên Tomoko kê thêm một cái giường trẻ con cho nó ngủ cùng căn phòng trên gác với họ, dù nàng biết rằng làm như vậy là không nên. Xuyên qua cái màn trắng chắn muỗi của giường nàng và màn chắn muỗi của giường Katsuo, nàng lặng ngấm khuôn mặt của đứa con đang say ngủ. Lúc nào trong khi ngủ, cái miệng của nó cũng có dáng như đang phụng phịu.

Tomoko cho tay ra khỏi màn chắn muỗi để kéo dây mở màn cửa. Cái cứng nhắc của chuôi sợi giây bọc bằng vải gai làm cho bàn tay đang nóng hổi của nàng cảm thấy dễ chịu. Tấm màn hơi mở ra một tí. Phía trước cửa sổ, ánh sáng ban mai lọc qua tán lá ngô đồng đổ xuống bên dưới những cái bóng màu xanh lục đè lên nhau làm cho những chòm lá thấy còn mềm mại hơn bình thường. Có tiếng chim hót líu lo, hình như là mấy con chim sẻ. Sáng nào cũng vậy, mới thức dậy là chúng đã rộn ràng cất tiếng và dường như đang nối đuôi nhau đi dạo trên mấy ống máng. Những bước chân vững chắc và nhỏ bé của chúng bước vội vã từ đầu này cho đến đầu kia rồi đi quày trở lại, nhiều lần như thế. Tomoko lắng tai nghe và bất giác mỉm cười.

Đó là một buổi sáng đầy phước lành. Tomoko không hiểu lý do gì mình lại nhận được ơn phước đó nhưng thực sự là nàng cảm thấy nó đã có mặt. Nàng nằm duỗi người trên giường, đầu vẫn đặt nguyên trên mặt gối trong khi một luồng cảm giác hạnh phúc lan tỏa khắp chân thân.

Bỗng nhiên Tomoko chợt thở hắt ra. Nàng hiểu vì sao hôm nay khi thức giấc mình lại cảm thấy hạnh phúc như thế này. Chẳng qua đây là lần đầu tiên nàng không thấy bóng mấy đứa bé con hiện ra trong giấc chiêm bao. Đêm nào nàng cũng nằm mơ thấy chúng, ngoại trừ đêm vừa rồi thì nàng chỉ có mỗi một giấc mơ ngắn, dễ chịu và không có ý nghĩa gì đặc biệt.

Thế thì nàng đã chóng quên chúng và nàng cảm thấy sự bạc tình đó sao mà đáng sợ. Nàng để dòng nước mắt tuôn ra như muốn nói một câu xin lỗi đến linh hồn của hai đứa con. Masaru mở mắt ra và nhìn nàng, nhưng anh cảm thấy có cái gì bình yên trong những giọt nước mắt ấy chứ không phải nỗi bất an mà anh chứng kiến mọi ngày.

Người chồng hỏi:

- Em vẫn nghĩ đến các con ư?

- Vâng.

Nàng chỉ trả lời gọn ghẽ vì nói ra sự thật thì hơi phức tạp.

Nhưng vừa qua, nàng đã nói dối chồng. Nàng đang bất mãn vì anh không thể cùng khóc với nàng. Nàng nghĩ nếu nhìn được những giọt nước mắt của chồng thì có lẽ nàng sẽ tin cả lời nói dối của mình.

* * *

Như vậy, Tomoko dần dần nghi ngờ không biết mình và chồng đã làm gì để hứng phải cái tai họa kinh hoàng kia. Chuyện đó hoàn toàn xảy đến do ngẫu nhiên nhưng dù nó phát sinh do may rủi nhưng hai vợ chồng nào có đáng là đối tượng của nó đâu. Tiếp tục suy nghĩ theo cách đó, nàng cảm thấy việc giữ cho được hình ảnh nguyên vẹn của biến cố ở trong lòng là một việc làm vượt khỏi sức chịu đựng, rồi tự đặt câu hỏi tại sao mình không làm giống như thiên hạ là chờ đợi thời gian xóa dần nó đi.

Thế nhưng khi những tình cảm ủy mị ấy nảy sinh, nàng cố khôi phục lại lòng can đảm. Đôi khi nàng nổi cáu trước những câu nói kiêu: “Con người ta có số cả!” mà mấy cụ già thường dùng để an ủi. Đôi khi nàng cũng hối hận tại sao mình tỏ ra bực tức và chống đối họ như thế. Có lẽ lúc đó nàng sợ rằng mình phải chấp nhận lối suy nghĩ theo thuyết định mệnh. Chúng ta hãy còn có nhiều việc phải làm cho người chết. Hối hận chỉ là một thái độ ngu xuẩn. Tuy thái độ lo lắng “À, mình làm được chuyện này rồi!”, “Ồ, mình làm được chuyện kia rồi!”, không còn đem lại lợi ích gì cho người chết nhưng ít nhất nó cũng bày tỏ ý hướng muốn phục vụ họ một lần cuối. Qua những hành động đó, ít nhất chúng ta tỏ ra được là mình muốn ngăn chặn cái chết, ngăn chặn tấn bi kịch của đời người.

Tuy Tomoko để mình mặc tình nếm lấy sự khổ đau của lòng hối hận và cảm thấy tuyệt vọng vì không đủ nước mắt để bày tỏ nỗi buồn nhưng nàng vẫn chưa chịu bỏ cuộc. Bên cạnh trạng thái bó tay trước số mệnh, một mối hoài nghi lă lăm nhưng bắt rễ sâu sắc đã xuất hiện trong đầu nàng. Tomoko xem biến cố xảy ra như là giả mạo. Có cái gì vô cùng khả nghi trong đó. Nó giống như một sự trù

ẻo đổi với một gia đình mà cho đến lúc đó đang sống những ngày tháng bình yên. Nó giống như một ác ý nảy ra trước một cảnh tượng hạnh phúc. Thảm kịch của họ không phải là một cái chết hay vụ án giết người bình thường. Có cái gì khác lạ, đặt trên một cơ sở ở bên ngoài cõi người. Ngay từ đầu nó đã vượt khỏi sức người. Có thể nghĩ là phải chẳng kể từ giây phút mới rơi tuột vào bên trong cho đến giây phút cuối cùng, thảm kịch ấy không hề mang bộ mặt nào có nhân tính cả...

Tomoko còn có một nỗi sợ hãi nữa là những giọt nước mắt và tiếng kêu thương của nàng chỉ là vô ích. Lúc đó mùa hè sắp trôi qua. Nếu mùa hè qua mất thì trong vòng một năm, không ai còn có thể thưởng thức nó được. Có thể Tomoko sẽ cảm thấy cái gọi là mùa hè không tồn tại cũng nên. Không những thế, nàng còn thấy rằng thảm kịch đó chưa hề xảy ra cũng nên...

Phần Masaru thì anh vẫn cho rằng không có cái gì mà mình không lý giải được. Trong anh chỉ có một con người hơi khác một chút là một Masaru lúc ngồi trong chiếc taxi trên đường đi đến bãi A. Sau đó anh có dịp đọc bài tường thuật về gia đình mình trên mặt báo. Ngoài việc họ sai chừng ba năm về số tuổi của Yasue thì anh phải nhìn nhận bài báo nói chung đã được trình bày một cách chính xác và gọn ghẽ. Anh hầu như không có điều gì để cảm thấy buồn. Đối với một người đàn ông khỏe mạnh thì nhu cầu than khóc cũng giống như nhu cầu ăn uống mà thôi.

Sự kiêu hãnh nơi Masaru rõ ràng còn cao hơn Tomoko một bậc. Anh thích thiên hạ nhìn mình như một người cha đang đau khổ trước cảnh bất hạnh. Hình ảnh một con người đảm lược và năng động như anh lại chịu quy hàng trước thảm kịch không những có

hiệu quả giảm bớt sự đổ kỵ của họ mà còn tạo ra một sức quyến rũ lãng mạn (*romanesque*) thấy nơi một người hùng nhưng mang vài nhược điểm.

Khi Masaru cảm thấy vợ mình xem sự đau khổ như đặc quyền của nàng, anh đã có một phản ứng chống lại nó bằng cách bỏ đi uống rượu đến khuya mới về nhà. Thế nhưng anh không cảm thấy rượu ở nơi nào ngon cả nên hiểu rằng ngay trong chính bản thân mình, luôn luôn có sự hiện diện của một nhân chứng và điều đó đem lại cho anh sự an tâm. Uống bất kể những loại rượu không làm mình say, anh đã có một niềm vui là tự kiểm chế được bản thân.

Bữa kỵ thất tuần đã xong. Masaru mua một khoảnh đất trong nghĩa địa ở Tama. Một người vừa chết kia là những người đầu tiên trong dòng họ về nhánh gia đình anh và mộ cũng là những ngôi mộ đầu tiên. Yasue được sắp đặt để canh giữ các cháu ở dưới tuổi vàng cho nên sau khi hội ý với gia đình cha mẹ anh, tro cốt của cô cũng sẽ được đặt vào cùng chung khu mộ với mấy đứa trẻ.

Nỗi buồn tuy có tăng lên, nhưng ngược lại Tomoko đã bớt âu lo. Hôm nàng cùng với Masaru và Katsuo đi đến thăm nấm mộ mới xây trong nghĩa trang thì trời đã vào thu.

Ngày hôm ấy thật đẹp. Cái nắng nỏ đã ra đi để nhường chỗ cho một bầu trời thu cao và quang đãng.

Ký ức đôi khi có thể song hành với nhau trong vùng ý thức của chúng ta theo dòng thời gian và cũng có thể chồng chất thành nhiều lớp lên nhau. Hôm đó, có hai chuyện lạ lùng tình cờ xảy đến cho Tomoko. Có lẽ dưới bầu trời quang đãng và ánh nắng dịu dàng, những mảng ký ức đi sâu vào trong tiềm thức của nàng đã trở nên trong suốt.

Hai tháng trước khi có tai nạn chết đuối, đã xảy ra một tai nạn ô tô. Tuy là Masaru không hề hấn gì nhưng kể từ đó, khi phải dắt theo Katsuo thì Tomoko không chịu lên xe do anh lái nữa. Hôm nay cũng vậy, cả nhà Masaru phải bắt tàu điện.

Họ đổi tàu ở ga M. để theo con đường sắt nhỏ cấp tỉnh về hướng nghĩa trang. Masaru bế Katsuo và xuống tàu trước còn Tomoko theo sau. Bị đám đông tranh nhau, Tomoko chỉ có thể xuống một, hai giây trước khi cánh cửa tàu đóng sập lại. Nghe một hồi còi lạnh lạnh khi hai cánh cửa kéo đóng sầm lại sau lưng, nàng thiếu điều rú lên và định dùng sức mình để mở nó ra lại. Tomoko kinh hoàng vì ngỡ mình đã bỏ lại hai đứa Kiyoo và Keiko trong toa. Không hiểu đang có chuyện gì, Masaru mới đưa tay ra nắm lấy cánh tay nàng. Nàng ném một cái nhìn oán trách về phía chồng như thể anh ta là một viên cảnh sát đang truy lùng trong đám đông để bắt mình. Thế rồi một thoáng sau, khi bình tĩnh trở lại, nàng đã kể cho anh nghe những gì xảy ra vì nàng cảm thấy mình cần lên tiếng giải thích. Thế nhưng những lời giải thích đó chẳng có hiệu quả tốt với Masaru. Anh nghe đấy nhưng nghĩ rằng nàng chỉ đóng kịch để tạo ra không khí bi thảm.

Có thể Masaru qua một cái nắm tay hay cử chỉ nào đó có tính xung động bày tỏ tình yêu của anh và cũng là cách đuổi bắt những kỷ niệm trong quá khứ, nhưng phần Tomoko thì nàng đã biểu lộ một cách quá vụng về sự bức dọc trong cuộc sống của mình.

Thằng bé Katsuo có vẻ hài lòng với cổ đầu máy xe lửa kiểu xưa đã đưa họ đến nghĩa trang. Đầu máy này có một ống khói thật to hình cái loa và nó lại cao ngệu khiến cho người ta tưởng nó mang dưới chân mấy cây cà kheo. Cái thành gỗ nơi người lái chống tay

lên đã ngả màu muội đen như được tạc bằng than đá. Sau một chuỗi ho hen, thở dài và nghiêng rặng, cổ đầu máy cuối cùng đã khởi động được và chạy xuyên qua những khu vườn buồn tẻ của vùng ngoại ô.

* * *

Tomoko chưa bao giờ có cơ hội đến viếng nghĩa trang Tama nên đã sững sốt trước quy mô của cảnh quan. Không lẽ một miếng đất rộng cỡ này lại chỉ dành cho người chết? Những bãi cỏ xanh xinh đẹp, mấy con đường lớn thoáng dang viền bởi những hàng cây đang trải rộng ra thật xa dưới một bầu trời xanh và quang đãng. Thành phố của người chết xem ra sạch sẽ và ngăn nắp hơn thành phố của người đang sống nữa. Cuộc đời của cả nàng lẫn chồng đều chưa bao giờ dính líu tới các nghĩa trang, nhưng kể từ đây nếu họ có phải đến đây thăm viếng thường xuyên thì chuyện đó cũng không phải là điều đáng kiêng kỵ. Cả hai không phải là kẻ tin theo Thần Phật gì, nhưng có thể nói là giai đoạn chịu tang này, tuy có ảm đạm và đau thương nếu nhìn từ bên ngoài, đã đem đến cho họ một tình cảm an ninh, thăng bằng, dễ chịu, nếu không nói là khoan khoái hơn. Cả nhà giờ đã quen với cái chết, và cũng như những ai đã làm quen với một tật xấu, họ bắt đầu cảm thấy mình không còn phải e dè gì đối với cuộc sống nữa.

Khoanh đất Masaru mua nằm ở phía bên kia nghĩa trang. Ba người băng ngang dưới một cánh cổng và đi bộ một đôi đến vĩ mô hôi. Họ nhìn ngôi mộ của Đô đốc Hải quân T. với cặp mắt hiếu kỳ rồi khi đến trước một ngôi thật hoành tráng dành cho cả một đại tộc và được lấp với những mảnh kính soi, họ phì cười vì sự lỗ lã và kệch cỡm của nó.

Tomoko nghe tiếng kêu rền rĩ của những con ve mùa thu, ngửi mùi khói nhang và mùi thơm của những bãi cỏ nằm bên dưới bóng râm. “Chỗ này hay thật. Kiyoo và Keiko có cả nơi để chơi đùa thì làm sao chúng chán cho được nhỉ? Mình nghĩ rằng mọi người sẽ sống khỏe mạnh và hạnh phúc nơi đây. Thế có lạ không chứ?”

Katsuo khát nước. Ở giữa con đường, có một cái tháp màu nâu. Một phần bậc thềm bằng bê tông nằm dưới chân tháp đã xỉn lại vì nhuộm màu nước của cái bồn phun nằm ngay chính giữa. Nhiều đứa trẻ, sau khi mệt mỏi vì săn bắt chuồn chuồn, dựng mấy cái sào tre của chúng bên thành tháp rồi uống nước và chơi đùa tạt nước vào nhau. Đôi khi nước bắn tóe ra bên ngoài, làm hiện ra trong không khí hình thù những cái mống trời nhàn nhạt.

Katsuo là đứa bé hiếu động, hễ định làm gì là nó làm ngay. Lợi dụng lúc mẹ không nắm tay, nó bèn chạy đến chỗ mấy bậc thềm. “Đi đâu vậy?” Người mẹ hét lên. “Con đi uống nước mà!” Nó trả lời mà không thèm quay đầu. Tomoko chạy theo con và kéo nó lại thật gấp. “Mẹ, đau con!” Nó có vẻ sợ như cảm thấy có một con mãnh thú đã nhào tới và vồ lấy từ sau lưng. Tomoko quỳ gối xuống giữa lối đi trải sỏi rồi quay cái đầu nó lại phía mình. Từ cái hàng rào cách đó không xa, Katsuo thấy cha nó đang há hốc nhìn hai mẹ con.

- Không được uống nước ở đó! Mẹ có đem cho con đây!

Tomoko bắt đầu vặn nắp mở phích nước nàng đang kẹp nơi đầu gối.

Ba người đi đến khoanh đất họ sở hữu. Nó nằm trong một khu vực của nghĩa trang vừa mới được chỉnh lý ở đằng sau một dãy bia đá. Người ta đã đặt đó đây những chậu cây non trông mát mắt theo

một bản đồ họa quy hoạch sẵn, nếu chịu nhìn kỹ thì sẽ nhận ra được ngay. Tro cốt người nhà họ hãy còn chưa được chuyển từ ngôi chùa của dòng họ đến đây nên nơi này vẫn chưa thấy tháp cúng dường. Chỉ là một vạt đất phẳng diện tích chừng 4 *tsubo*^[14] được giăng dây chung quanh để xác định vị trí.

- Ba cô cháu sẽ được nằm chung một chỗ.

Nhận xét của Masaru không làm cho Tomoko cảm động. Nàng tự nhủ vì có gì một chuyện xác suất rủi ro thấp như thế đã có thể xảy ra với họ trong thực tế. Một đứa trẻ chết đuối ngoài biển là chuyện có thể xảy ra và chẳng có ai lấy làm lạ. Thế nhưng khi bảo ba người chết đuối một lượt thì sẽ không có ai tin. Họ sẽ cho là chuyện khôi hài vì cái gì quá khổ đều đáng tức cười. Thế nhưng khi con số người thiệt mạng lên đến một vạn thì sẽ không có gì đáng cười nữa. Trường hợp nó xảy đến khi có thiên tai hay chiến tranh, người ta sẽ không cười. Mỗi cái chết là một sự trang trọng. Một triệu cái chết cũng trang trọng như vậy. Thế nhưng hễ ai làm gì quá lỗ một chút sẽ bị coi như có vấn đề.

Trong đầu Tomoko lúc này có sự bối rối vì nàng không định được giới hạn cái nỗi buồn thống thiết của mình. Lúc thì nàng loại trừ Yasue khỏi con tính, lúc thì nàng gộp chung Kiyoo và Keiko như một cặp song sinh. Trong cố gắng có tính máy móc như vậy, một lần nữa Yasue bị lôi kéo ra và cảnh tượng kia như hiện ra trước mắt nàng. Nàng sợ hãi, lo lắng rằng không biết tiếng kêu thương của mình có giống như tiếng than van của một kẻ phóng đảng hay ngoại tình không? Một người hạnh phúc như Tomoko chưa lúc nào vô tâm để có thái độ con yêu con ghét, bây giờ tự dưng lại bị giam hãm vào trong một sự phản tính có tính đạo đức một cách lạ đời.

Trước đây, là một người mẹ, nàng tin vào sự bác ái trong tình thương thế nhưng bây giờ nàng thấy khó có thể hào hào như thế. Bởi vì buồn là một tình cảm hết sức ích kỷ. Kết cuộc, nàng cố gắng kết hợp mình với Kiyoo và Keiko thêm lần nữa trong cùng một nỗi buồn. Thế nhưng nỗ lực đó chỉ làm cho tiếng kêu than của nàng mỗi lúc càng thêm trù tượng mà chẳng đem lại được lợi ích gì.

- Cả ba một lượt! Phi lý thật! Cả ba một lượt!

Tomoko nói như thế. Quả là quá nhiều đối với một gia đình nhưng lại quá ít đối với một xã hội. Và trường hợp của ba cá nhân cô độc này không có gì liên hệ với xã hội như những cái chết của người trên chiến trường hay trong khi thi hành công vụ. Ích kỷ như bất cứ một người đàn bà nào, nàng nghĩ quanh nghĩ quất về con số 3 kỳ lạ kia. Còn Masaru, vì là một người nhiều xã hội tính hơn, đã đi đến kết luận rằng tốt hơn phải nhìn vào những dữ kiện với con mắt của xã hội. Trên thực tế, ba người kia đã may mắn vì không ai bị xã hội sát hại cả.

Về đến nhà ga, trong khi đuổi theo kỷ niệm trong quá khứ, Tomoko lại trở thành nạn nhân của một cuộc hoảng loạn thứ hai về mặt trình tự thời gian. Ba người còn phải đợi hai mươi phút nữa thì tàu mới đến. Katsuo muốn có một con chồn lông (anaguma) để buộc vào gậy và loại thú giả này có bày bán ở nhà ga. Đó là một món đồ chơi kết bằng những mảnh vải và nhuộm nhiều màu, có cả hai con mắt, hai lỗ tai và cả một cái đuôi.

- Bây giờ người ta còn bán nó cơ à?

- Bọn trẻ vẫn thích mấy thứ đồ chơi kiểu này.

- Hồi còn bé em cũng có một con.

Tomoko bảo bà lão bán hàng ở bên quầy bán cho mình và đưa con thú cho Katsuo. Và một ít lâu sau nàng ngạc nhiên khi thấy mình đang đứng trước những quầy hàng khác để tìm một món quà khác cho Kiyoo và Keiko như thể chúng đang đợi nàng ở nhà.

Masaru hỏi:

- Làm gì vậy em?

- Em không biết nữa. Em cứ nghĩ mình phải mua một cái gì cho mấy đứa kia.

Tomoko nâng đôi cánh tay tròn và trắng của mình lên rồi đưa hai nắm tay dụi mạnh hai mắt và đôi má. Hai cánh mũi của nàng phập phồng như người chực khóc.

- Được rồi, mua cái gì đi. Muốn mua gì cho chúng thì cứ mua.

Masaru nhấn mạnh, thiếu điều như van xin. "Mình sẽ bày chúng trên bàn thờ!"

- Không, chúng phải còn sống ở đâu đó chứ.

Nàng đưa khăn tay lên chấm mũi. Nàng đang sống đây mà sao chúng nó có thể chết cho được nhỉ? Đó là nỗi đau khổ lớn lao hơn cả. Thật là tàn nhẫn khi mình bắt buộc phải sống còn.

Nàng nhìn một lần nữa cảnh vật chung quanh: những ánh đèn đỏ của các quán rượu và tiệm ăn trước nhà ga, bề mặt màu sáng bóng của tấm đá lát kiểu cẩm thạch chất đầy trước những hiệu buôn dụng cụ xây mồ mả, lớp giấy đã ngả vàng dán trên những cánh cửa kéo trên tầng cao, những viên ngói đắp lên mái nhà, bầu trời xanh bắt đầu sẫm sẫm với bóng chiều trong như men sứ. Tất cả

đều sáng sủa và rạch ròi. Một sự bình an sâu lắng bao trùm lên cái tàn nhẫn của cuộc đời như lúc người ta chực ngất xỉu.

Mùa thu dần tàn và cuộc sống của những người trong gia đình ngày một lặng lẽ. Dĩ nhiên nỗi đau buồn thì vẫn còn nguyên đó. Nhưng dù sao Masaru cũng thấy vợ mình trầm tĩnh hơn, niềm vui dưới mái nhà và tình thương đối với thằng bé Katsuo khiến cho anh bắt đầu tìm về nhà sớm hơn sau giờ làm việc, cho dù cuộc đối thoại giữa hai người - khi Katsuo đã vào giường - còn đả động đến những điều mà hai bên thực tình không muốn đề cập tới, cả hai cũng đã tìm ra một niềm an ủi nào đó bên trong.

Quá trình theo đó một thảm kịch kinh hoàng như vậy tan biến vào trong cuộc sống thường nhật lại tạo ra một tình cảm sợ hãi mới pha lẫn hổ thẹn. Hai người làm như họ là những kẻ đã phạm một trọng tội nhưng cuối cùng đã không bị ai khám phá. Có thể nói là việc biết rằng trong gia đình đã thiếu mất ba người, điều họ thường xuyên cảm nhận, đôi khi đã làm cho họ gần lại với nhau một cách lạ lùng.

Không ai hóa điên. Không ai tự sát. Cũng không ai vì thế mà đâm ra đau ốm. Biến cố khủng khiếp kia đã qua đi và hầu như không để lại dấu vết. Tomoko bắt đầu thấy chán chường. Nàng như đang chờ đợi một điều gì đó.

Trong một khoảng thời gian khá dài họ không đi xem hát lẫn xem kịch nhưng nay thì Tomoko đã tìm ra một cái cớ để đi chơi: trên thực tế, những thú vui này dành để an ủi kẻ đang sầu não. Một nhạc sĩ vĩ cầm nổi tiếng người Mỹ đang chu du sẽ trình diễn và họ đã có vé. Katsuo buộc phải ở nhà chỉ vì lần này Tomoko muốn đi nghe nhạc bằng ô tô với Masaru.

Nàng dành nhiều thời gian để trưng diện. Trước tiên là thời gian dùng vào việc chải tóc, điều mà nàng lo là từ khá lâu rồi. Khi đã xong xuôi và soi bóng mình trên gương, nàng thấy như đã tìm lại một niềm vui lâu ngày quên lãng. Làm sao có thể mô tả niềm vui được hòa tan vào trong tấm gương trên bàn trang điểm. Từ lâu nàng đã quên bằng niềm vui mà một tấm gương có thể đem lại - và nhất định là nỗi buồn, với sự đeo đẳng ngoan cố của nó trên bản thân - đã kéo nàng ra khỏi trạng thái mộng mơ hạnh phúc này.

Nàng ướm hết chiếc kimono này đến chiếc kimono khác và cuối cùng chọn một chiếc màu tím lông lầy với dải obi dạt chỉ vàng. Masaru đang ngồi đợi trước tay lái, đã phải ngạc nhiên trước vẻ đẹp của vợ mình. Trên lối vào tiền sảnh nhà hát, nhiều người quay lại ngắm nàng. Masaru cảm thấy thật hạnh phúc. Thế nhưng đối với Tomoko, tuy được mọi người chiêm ngưỡng nhan sắc, nàng cảm thấy mình vẫn còn thiếu một cái gì. Khi mới ra khỏi nhà, nàng đã có lúc thỏa mãn vì được nhiều người chú ý. Nàng tự nhủ, sự bất mãn đang cắn rứt mình đây phải chăng đã đến từ cái vẻ sống động và vui tươi hiện giờ, chúng như muốn nhấn mạnh cho mình hay là nỗi buồn kia hãy còn rất sâu, chưa lành lặn được. Thế nhưng trên thực tế đấy chỉ là sự tái diễn của một tình cảm bất mãn mơ hồ đến từ việc nàng cảm thấy mình không được người ta đối xử như một bà mẹ đang sầu muộn.

Âm nhạc đã có hiệu quả nên trong giờ nghỉ giải lao, vẻ mặt nàng lại đượm buồn. Nàng trò chuyện với một người bạn gái. Vẻ sầu muộn trên gương mặt nàng đáp ứng lại đúng với những lời an ủi mà cô bạn đang thì thầm bên tai. Cô bạn giới thiệu nàng với anh bạn trai thấp túng mình. Người đàn ông trẻ tuổi này không biết gì

về nỗi đau khổ của Tomoko nên chẳng có lấy một lời an ủi. Câu chuyện của anh tầm phào, chen vào đó là vài lời phê bình thiên cận về âm nhạc.

Gã đàn ông này chẳng biết điều gì cả, Tomoko nghĩ trong bụng khi nhìn theo cái đầu chải bóng láng của anh chàng xa dần trong đám đông. Tại sao hẳn ta không nói một lời nào. Nhìn mặt mình, hẳn phải biết là mình đang buồn rã rượi chứ!

Người đàn ông ấy cao, đầu anh ta vượt khỏi đám đông. Khi anh ta hơi quay ngang để làm một động tác gì đó, Tomoko thấy đôi lông mày và đôi mắt như đang cười, món tóc xoắn rủ xuống trước trán của anh ta. Còn người bạn gái thì nàng chỉ thấy được cái chòm đầu.

Tomoko thấy như có một tình cảm ghen tuông dậy lên trong người. Có phải nàng chỉ mong chờ từ người đàn ông đó dăm lời an ủi thôi hay sao? Hay nàng còn muốn anh ta nói thêm vài câu khác, đặc biệt hơn nữa? Cả người nàng run lên khi nghĩ đến điều đó. Nàng phải lặp lại cho mình nghe là sự ngờ vực mới mẻ này không phù hợp với lý tính chút nào. Xưa nay nàng có bao giờ thấy mình không thỏa mãn với chồng đâu!

- Em khát không?

Vừa chấm dứt câu chuyện với một người bạn, Masaru quay sang hỏi thăm. "Có một quầy thức ăn với cả nước cam đẳng kia kìa!"

Hai người uống nước cam bằng ống hút trong cùng một chai. Tomoko nhìn cái chai, hai đuôi mắt hơi nheo lại và xếp nếp như cung cách của mấy người cận thị. Nàng không thấy khát một tí nào.

Nhớ lại cái hôm mình ngăn không cho thằng bé Katsuo uống nước ở vòi phun và thay vào đó là dùng nước đun sôi để nguội. Không chỉ Katsuo mới có thể gặp nguy hiểm. Trong chai nước cam này, có bao nhiêu là con vi trùng đang ngo ngoe đấy chứ!

Nàng vui đầu trong việc tìm kiếm những niềm vui. Việc nàng nghĩ rằng mình phải có vài niềm vui riêng như là cách để trả thù những nỗi bất hạnh.

Không, dĩ nhiên là đối với chồng mình, nàng không có ý định trở thành người vợ thiếu chung thủy. Bất luận tới chỗ nào, nàng cũng đi cùng với anh hay mong muốn được như vậy.

Đúng hơn thì ý thức của nàng không chịu rời những người đã chết. Sau khi ở đâu bên ngoài về tới nhà và ngắm khuôn mặt say ngủ của Katsuo - vốn được bà vú già cho vào giường từ sớm - nàng nhớ tới hai đứa con xấu số và bị dẫn vật với bao nhiêu là hối hận. Đến nỗi việc đi tìm một niềm vui cho mình trở thành phương tiện chắc chắn để đánh đuổi cái ý thức ấy đi.

Tomoko bỗng dưng nghĩ rằng mình phải thêu thùa trở lại. Và đây không phải là lần đầu tiên mà Masaru cảm thấy chói với vì những sự thay đổi bất chợt trong tính khí của một người đàn bà. Tomoko bắt đầu may vá. Nàng bớt thời giờ tìm cách đuổi theo những niềm vui khác. Nàng lặng lẽ quan sát những gì ở chung quanh mình và quyết tâm trở thành một bà nội trợ gương mẫu. Có vẻ như từ đây, nàng không lẫn tránh mà “nhìn mặt đối mặt với cuộc đời”.

Nàng thấy chung quanh mình có nhiều bằng chứng của sự buông thả. Nàng có cảm tưởng mình như người mới trở về sau một chuyến du hành dài. Nàng dành nguyên một ngày để giặt giũ và

nguyên một ngày khác để xếp dọn cho ngăn nắp. Không còn việc làm, bà vú già như bị nàng phỗng tay trên.

Tomoko chợt thấy một đôi giày của Kiyoo và một đôi tất màu xanh nhạt xưa kia là của Keiko. Dấu vết của những di vật này làm cho nàng thù cả người và khiến nàng ứa nước mắt, nhưng chúng cũng là những vật mang điềm gở. Nàng bèn cho gọi một cô bạn gái chuyên lo việc từ thiện. Để lòng mình thanh thản, nàng nhờ cô tặng hết cho một viện cô nhi, và có lẽ lúc ấy đã để lẫn vào đấy đồ đạc của thằng bé Katsuo nữa.

Ngồi mãi bên máy khâu, Tomoko đã chất đầy quần áo cho cả một tủ. Nàng định bụng sẽ làm cho mình thêm vài cái mũ mới và điệu đà nữa nhưng chưa tìm ra thời giờ. Ngồi bên bàn máy, nàng quên đi nỗi buồn. Những tiếng rì rầm phát ra theo nhịp máy đã trấn áp được một thứ âm điệu khác lên xuống không đều của sóng lòng.

Nàng tự hỏi tại sao mình không dùng những tiếng động máy móc này để đoạn tuyệt với những cảm xúc trong lòng sớm hơn. Nhưng đúng rồi, hiển nhiên là vì việc này đã đến đúng vào thời điểm mà con tim nàng không còn muốn chống chọi lại như trước kia nó đã từng làm. Có một hôm nàng để mũi kim phạm phải ngón tay và một giọt máu ứa ra. Nàng đã khiếp sợ biết mấy. Sự đau đớn thường đi song đôi với cái chết.

Thế nhưng lúc đó có một cảm xúc khác đã đến sau sự khiếp sợ. Trên thực tế, nếu một sự cố nhỏ nhoi như vậy có thể đưa tới cái chết thì xem như những lời cầu khẩn của nàng đã được toại nguyện. Từ đó nàng càng bỏ nhiều thời giờ để ngồi bên chiếc máy khâu. Thế

nhưng cái máy ấy là một loại quá an toàn làm nàng lại không bị hề hấn gì cả.

Ngay giờ đây nàng hãy còn thấy chưa thỏa mãn và vẫn chờ đợi một cái gì. Masaru lảng ra vì không muốn chứng kiến cái quá trình tìm tòi vu vơ của vợ mình. Thành thử có khi trọn ngày hai người không trao đổi với nhau một câu.

* * *

Mùa đông gần kề. Ngôi mộ đã đắp xong xuôi đầu đấy, người ta bèn đem tro cốt đến chôn.

Trong cái cô quạnh của mùa đông, con người thường hoài niệm về những ngày hè. Trong cuộc sống của hai vợ chồng giờ đây, mùa hè còn rỏ một cái bóng đen rõ và sắc hơn thế nữa. Thế nhưng những kỷ niệm kia như thể đã đến với họ từ một pho truyện cổ. Chung quanh bếp lửa một ngày mùa đông, nó giống một tấn tuồng mà ai đó đã bịa ra.

Khoảng giữa mùa đông, Tomoko nhận ra rằng nàng đang mang thai. Lần đầu tiên, sự quên lãng trở thành một cái quyền đương nhiên. Hai vợ chồng chưa bao giờ cẩn thận chu đáo như vậy - đến độ khi đứa bé ra đời, họ lấy làm lạ khi thấy nó bình yên vô sự - bởi vì nếu có cơ sự gì không hay xảy ra cho nó thì có lẽ họ chỉ xem là chuyện tự nhiên.

Mọi việc trôi chảy. Hai người đã vạch được một lần ranh giữa họ và những kỷ niệm xưa. Dựa vào sức sống của đứa bé nằm trong bụng, lần đầu tiên Tomoko có can đảm thú thật rằng nỗi đau khổ của nàng đã tan biến. Làm như thế, chẳng qua là để nhìn nhận cái thực tế đó mà thôi.

Tomoko thử tìm hiểu. Hiểu được tức khắc quả có hơi khó. Mãi về sau nàng mới hiểu ra. Con người ta thường phân tích cảm xúc của mình, diễn dịch rồi giải thích về nó cho chính mình. Khi nhìn về quá khứ, Tomoko chỉ thấy bất mãn về những cảm xúc có vào lúc đó bởi vì chúng không thích đáng chút nào. Sự bất mãn này coi bộ còn đọng lại lâu la trong lòng nàng hơn cả nỗi đau khổ nữa và làm cho nàng tê tái hơn. Thế nhưng bây giờ nàng không sao có lại cảm giác ấy một lần thứ hai.

Nàng không muốn xem những phản ứng của mình là đáng trách. Nàng là một người mẹ cơ mà. Thế nhưng cùng lúc, nàng không thể xóa bỏ hết những mối ngờ.

Chuyện quên lãng đích thực vẫn chưa xảy ra, nhưng đã có một cái gì phủ nhẹ lên trên vết thương lòng của Tomoko giống như lớp băng mỏng phủ lên mặt hồ. Tuy đôi khi bị rạn vỡ nhưng chỉ sau một đêm nó đã có thể đông trở lại.

Sự quên lãng bắt đầu cho thấy sức mạnh của mình khi hai người không còn để ý về nó nữa. Nó len lỏi vào bên trong rồi tấn công các cơ quan một cách chậm rãi, thường xuyên và ăn lan ra, tựa một lũ vi trùng vô hình vô ảnh. Tomoko có những cử chỉ vô thức của một người đang muốn chống cự lại nó khi mình đang nằm mơ. Việc chống chọi với sự quên lãng làm cho nàng mệt mỏi.

Nàng tự nhủ cái sức mạnh của đứa bé nằm trong bụng là động cơ giúp nàng quên. Nhưng đứa bé chỉ phụ giúp thôi. Vùng ngoại vi bao quanh tai nạn tự dừng bắt đầu thụt lùi từng bước một, yếu đi rồi trở nên nhạt nhòa để cuối cùng không sao nhận ra được nữa.

Trong vòm trời mùa hè hiện ra một hình ảnh khủng khiếp, trắng toát và tang tóc như cẩm thạch. Nó mất hút vào trong đám mây. Sau khi hai cánh tay rơi mất, cái đầu không còn nữa và thanh kiếm dài cũng rời khỏi bàn tay. Những đường nét của khuôn mặt bằng đá này trông hã hùi làm dựng tóc gáy nhưng từ từ, nó đã dịu dàng ra và chấp nhận sự chiến bại.

Một hôm Tomoko ngạc nhiên thấy mình tắt chiếc radio giữa một chương trình bi kịch nói về một bà mẹ lạc mất đứa con. Nàng lấy làm lạ về sự nhanh nhẹn của mình qua động tác trút đi một gánh nặng của ký ức. Bây giờ sắp làm mẹ lần thứ tư nên nàng thấy mình có nghĩa vụ tinh thần kháng cự lại một cái gì mà nàng xem như là hành vi đồi trụy, tức là niềm vui được đắm mình trong nỗi khổ đau. Trong vòng mấy tháng sau này, nàng đã có sự thay đổi.

Vì tình yêu đối với đứa trẻ, nàng phải đẩy lùi tất cả những luồng sóng tối tăm của cảm xúc. Nàng phải giữ cho được sự quân bình nội tâm. Nàng thấy thà rằng mình tự bắt buộc giữ lấy một tinh thần lạnh mạnh còn hơn để cho sự lãng quên giả dối kia theo đuổi. Nhưng hơn hết, nàng cảm thấy tự do. Dĩ nhiên sự quên lãng đã có lần chứng tỏ cho nàng cái sức mạnh của nó. Tomoko sống sờ sờ khi thấy lòng mình sao mà dễ bị lung lạc đến như vậy.

Nàng mất đi khả năng hồi tưởng và không còn lấy làm lạ là vào dịp những ngày giỗ hay những dịp đi thăm mộ, sao mình không còn có được một giọt nước mắt. Nàng tưởng tượng giờ đây mình đã trở thành một con người cao thượng, có khả năng tha thứ tất cả. Chẳng hạn như vào mùa xuân, khi đưa Katsuo đi dạo ở khu vườn lân cận mà không cảm thấy một sự ghen tức điên cuồng (cho dù nàng đã muốn thử), cái cơn ghen tức đã nổi dậy trong lòng nàng

khi thấy trẻ con nhà khác nô đùa trên bãi cát, ngay sau khi thảm họa của gia đình nàng xảy ra. Dường như nàng nghĩ rằng nếu lũ trẻ được chơi đùa một cách yên ổn như thế kia là bởi vì chúng đã được nàng xá tội.

Sự quên lãng còn đến với Masaru nhanh chóng hơn là cách nó đến với vợ anh, nhưng anh không cần phải tỏ ra một sự lạnh lùng nào. Dù tính tình của đàn ông hơi hợt dễ đổi thay, nói chung thì họ bao giờ cũng tình cảm hơn phụ nữ. Không có khả năng để duy trì một cảm xúc lâu hơn nữa và ý thức được rằng một nỗi đau khổ không thể bám theo mình mãi mãi, Masaru đột nhiên cảm thấy cô đơn và tự cho phép mình xé rào để lang chạ một chút. Nhưng anh đã chán ngay. Vừa vặn lúc đó Tomoko có mang. Thế là anh vội vã quay về với nàng như một đứa con thơ quay về bên gối mẹ. Thảm kịch vừa qua đã khiến cho hai người trở thành hai kẻ được cứu sống từ một vụ đắm tàu. Chẳng bao lâu, họ có khả năng nhìn vào biến cố xảy ra như lối mà người bình thường đọc về cái tin đó trong một cột của tờ báo họ mua. Đến độ Tomoko và Masaru tự hỏi không biết hai vợ chồng đã đóng vai trò gì trong biến cố này. Phải chăng họ chỉ là những khán giả được ưu tiên? Những người tham dự trực tiếp vào tai nạn đều đã chết cả và có lẽ sẽ vĩnh viễn tham dự vào đó. Để cho tất cả có thể tham dự vào những gì đã xảy ra, điều kiện tối thiểu là nó phải dính líu gì với sinh mạng của mỗi người. Thế nhưng Masaru và vợ đã lâm vào cảnh nguy hiểm nào đâu! Trước tiên hỏi thử họ đã có đủ thời giờ để tự lôi cuốn vào đó hay chăng?

Sự cố đã bùng lên nhưng ở mãi đằng xa như ánh sáng của ngọn hải đăng chiếu trên đầu mũi đất. Ánh sáng của nó lúc thấy lúc không, giống như ngọn hải đăng quay theo hình tròn ở mũi

Tsumeki, phía nam bãi biển A. Từ một vết thương, nó đã trở thành một tấm gương đạo đức rồi trở thành một hành vi cụ thể và một ẩn dụ. Nó không còn tùy thuộc vào gia đình Ikuta nữa mà là một gia tài chung của cộng đồng. Nó chẳng khác nào ánh sáng ngọn hải đăng chiếu xuống bãi biển hoang vắng, chiếu cả lên những ngọn sóng đang đe dọa ghềnh đá cô đơn bằng những cái hàm trắng đầy bọt biển của nó. Ngọn hải đăng ấy còn tỏa sáng đến những rặng cây bao bọc lấy ghềnh và cả mọi sự sống diễn ra chung quanh đó nữa. Mọi người phải nhận được một bài học từ nó. Đó là một bài học đơn giản và có tự lâu đời mà những kẻ làm cha mẹ cần ghi nhớ trong đầu: phải luôn luôn trông chừng con cái khi đưa nó ra ngoài bãi biển. Người ta thường bị chết đuối ngay ở những nơi họ không ngờ tới.

Không phải vì cặp vợ chồng đã đem hai đứa con và một cô em làm vật tế sinh để dạy bài học này đâu! Tuy nhiên sự mất mát cả ba người không đem lại một kết quả nào khác. Cũng như biết bao cái chết anh hùng đã không đem lại gì hơn.

Đứa con thứ tư của Tomoko là một bé gái, nó sinh ra vào cuối hè. Hai vợ chồng hết sức vui sướng. Cha mẹ của Masaru đã đi từ Kamakura lên Tokyo để thăm cô cháu nội mới và trong thời gian lưu trú ở đây, hai ông bà đã được Masaru đưa đi viếng nghĩa trang.

Hai vợ chồng đặt tên cho đứa trẻ mới sinh là Momoko. Cả mẹ lẫn con đều khỏe mạnh vì Tomoko có tiếng là khéo nuôi con nít. Thằng Katsuo cũng bằng lòng vì có thêm một đứa em gái.

* * *

Đến mùa hè tiếp theo, nghĩa là hai năm sau tai nạn chết đuối xảy ra và một năm sau ngày Momoko chào đời, Tomoko chợt làm

Masaru ngạc nhiên khi nàng cho biết mình muốn đi đến bãi biển A.

- Ủa, em có nói là sẽ không bao giờ đến nơi đó nữa mà?

- Phải, nhưng giờ thì em muốn.

- Em lạ chưa? Anh không muốn đến đó chút nào.

- Thế thôi. Em sẽ không nhắc tới chuyện này nữa.

Nàng giữ được im lặng như thế trong hai, ba ngày. Rồi lặp lại:

- Em muốn đi đến đó!

- Đi một mình đi!

- Không, em không thể.

- Tại sao?

- Em sợ!

- Tại sao em muốn đi đến một chỗ mà mình sợ?

- Em muốn mình đi cả nhà. Mọi sự sẽ bình yên nếu anh có mặt.
Em muốn anh đi với em.

- Mình sẽ không biết chuyện gì xảy ra nếu em ở lại nơi đó quá lâu. Còn anh thì không có nhiều ngày phép.

- Nội hai mươi bốn giờ thôi anh ạ.

- Chỗ đó hoang vắng, có gì để xem đâu nào.

Masaru lại hỏi vợ thêm một lần nữa lý do nàng muốn đến nơi đó. Nàng chỉ trả lời là không biết. Thế rồi anh nhớ lại một câu nói nổi tiếng thấy trong các tiểu thuyết trinh thám: “Kẻ sát nhân bao giờ cũng muốn trở thăm nơi hắn đã gây ra án mạng, dù gặp nguy hiểm đến mức nào”. Tomoko bị ám ảnh bởi cái nhu cầu bất bình

thường là tìm trở lại đúng cái nơi hai đứa con nàng đã đón lấy cái chết.

Tomoko đòi chồng lần thứ ba nhưng không có vẻ muốn ỉ ôi. Nàng chỉ nói ra với một giọng bình thản. Rốt cuộc, Masaru đã xin sở hai ngày nghỉ phép để tránh cảnh kẹt xe lúc cuối tuần. Lữ quán duy nhất trên bãi A. vẫn là Eirakusô. Họ giữ hai phòng nhưng chọn chỗ càng xa gian phòng cũ đầy kỷ niệm bất hạnh kia càng tốt. Tomoko thường không chịu cho chồng lái xe mỗi khi nàng đưa mấy đứa con đi theo cho nên từ ga Itô, tất cả bốn người - Masaru, Tomoko, Katsuo và Momoko đã ngồi chung một chiếc taxi.

Lúc đó mùa hè đã lên đến tuyệt đỉnh của nó. Đằng sau những ngôi nhà dọc hai bên đường, mấy bụi dã quỳ vàng rực vươn cao trông như bóm sư tử. Chiếc taxi tung những đám mây bụi lên mặt mày của chúng nhưng lũ dã quỳ này coi bộ không thấy bị phiền nhiễu chút nào.

Khi biển hiện ra bên phía tay phải, thằng Katsuo reo lên mừng rỡ. Nó đã lên năm và hai năm rồi, nó không có cơ hội ra ngoài biển.

Trong taxi, cả nhà hầu như không nói năng gì. Họ bị xe vòng xóc quá nên khó lòng trao đổi câu chuyện. Chỉ có đôi lúc Momoko bi bô mấy tiếng mà họ hiểu. Katsuo dạy cho em chữ “biển” trong khi cô bé đưa ngón tay trở về phía cửa sổ bên kia rằng núi trọc đang lướt ngang và gọi “biển”. Masaru chợt có cảm tưởng Katsuo đã dạy cho em gái một từ ngữ mang đầy niềm gở.

Họ đến Eirakusô và người ra đón vẫn là ông quản lý cũ. Masaru tặng ông một món tiền nhỏ làm quà. Anh còn nhớ như in bàn tay run rẩy của mình hôm đến đây lần đầu và dúi cho ông ta tờ giấy bạc một nghìn yên.

Lữ quán có vẻ yên ắng. Năm nay làm ăn không khá lắm. Masaru bắt đầu nhớ lại chuyện cũ năm xưa và cảm thấy bồn chồn. Anh buông lời trách móc vợ trước hai đứa con:

- Quái thật! Sao lại muốn dẫn xác tới đây nhỉ? Chỉ tổ làm nhớ lại những điều mình không muốn nhớ. Những điều mà mình vừa mới quên được xong. Có bao nhiêu chỗ đẹp khác mình có thể đưa Momoko đi chơi lần đầu tiên trong đời! Với lại anh cũng đâu rảnh rang gì để tới những chỗ khó ưa như nơi này.

- Nhưng anh đã đồng ý trước rồi mà!

- Tại em cứ quàn anh mãi.

Cỏ cháy úa dưới mặt trời xế trưa. Mọi thứ nơi đây đều giống y như khung cảnh hai năm về trước. Có ai phơi một chiếc áo tắm ba màu xanh, đỏ và lục trên cây đu trắng. Hai, ba cái vòng nằm bên thân trụ ném vòng đã bị cỏ che lấp đến phân nửa. Bãi cỏ xanh nơi người ta từng đặt cái thi hài của Yasue đang nằm trong bóng râm. Mặt trời lọc qua cành lá và đổ xuống bãi cỏ bỗng nhiên in lỗ chỗ lên đó bóng cái áo tắm màu xanh của Yasue và những chấm nắng đó đang lay động theo làn gió. Masaru không biết chuyện người ta đã đặt xác em mình ở đây nên chỉ có mỗi Tomoko là nhìn thấy cái ảo ảnh này. Cũng vậy, vì không hay biết nên đối với Masaru, cảnh tượng nói trên tự nó không hề hiện hữu và khoanh cỏ kia chẳng qua là một góc râm mát của khu vườn. Tomoko thầm nhủ: điều đó không chỉ xảy ra cho riêng anh ấy mà cho cả những người khách khác.

Người vợ giữ im lặng và Masaru thấy dù anh có trách móc nàng nữa thì cũng bằng thừa. Katsuo xuống vườn, nó thấy một cái

vòng lên trên mặt cỏ. Nó chồm hồm để xem vòng này chạy về hướng nào. Cái vòng vụng về lăn về phía bãi cỏ, đảo qua đảo lại rồi ngã xuống. Katsuo vẫn bất động, chờ đợi. Làm như nó ngỡ cái vòng ấy sẽ tự đứng lên trở lại.

Lũ ve kêu ran. Masaru nãy giờ không nói gì, anh cảm thấy mồ hôi rịn trên cổ áo. Anh sức nhớ bốn phận làm cha của mình: “Katsuo, ra bãi chơi không con?”

Tomoko bế Momoko. Cả bốn người vượt qua bờ rào và đi dưới những rặng tùng. Những ngọn sóng ào tới thật nhanh rồi vỡ tan, lấp lánh trên bờ cát.

Lúc đó nước triều thấp nên mọi người có thể đi dọc ghềnh đá để ra ngoài bãi tắm. Masaru nắm tay Katsuo và giúp nó băng qua bãi cát nóng trên đôi giày patin mượn từ lũ quán.

Vẫn chưa có một cây dù tắm nào được cắm trên bãi. Suốt một khu vực có thể tắm được kéo dài từ phía ghềnh đá trở đi, chỉ thấy có khoảng hai mươi người khách.

Cả bọn bốn người cứ đứng lặng im bên bờ nước.

Hôm đó trên trời có những chòm mây trông hùng vĩ. Một thể khối khổng lồ đầy ắp ánh sáng như được không khí đỡ lên là hình ảnh khá lạ mắt. Cao hơn chòm mây đùn lại ở phía chân trời ấy là những dải mây nhẹ hơn đang tan tác trong vòm trời xanh như thể chúng vừa bị quét bởi một nhát chổi. Những đám mây bên dưới có vẻ như nâng đỡ một cái gì, kháng cự một cái gì đó. Sự thừa thãi của ánh sáng và bóng tối bao bọc bởi hình thể của nó như đang tạo ra một bạo lực tối tăm tàng ẩn bên trong. Bạo lực đó đang chuyển

động và lan tỏa ra giống như một dòng âm nhạc, một ý chí đầy tính sáng tạo.

Bên dưới những vầng mây ấy là biển. Biển đang tiến về phía họ, rộng vô biên và biến hóa không ngừng, hơn cả đất liền. Đất liền không lấn được vào biển, cho dù là nơi có những cái vịnh hẹp. Đặc biệt là ở các vịnh hình cánh cung, sức xâm thực của biển mạnh mẽ nhất.

Những ngọn sóng dâng lên, vỡ tan ra rồi rút lui. Tiếng sóng gầm chỉ vừa đủ nghe, không khác gì sự im lặng căng thẳng của mặt trời mùa hè. Đúng hơn, đó là một sự im lặng chói chang đến ù tai. Những làn sóng đã hóa thân một cách trứ tình, chúng không còn là sóng nữa mà trở thành những tiếng cười thác đổ và như đang tự trêu cợt mình. Tiếng cười thác đổ của những làn sóng đó đã tiến đến để chết dưới chân họ trước khi lại rút ra xa.

Masaru liếc nhìn vợ. Tomoko đang ngắm biển. Một làn gió nhẹ thổi tóc nàng bay lên. Ánh sáng mặt trời có vẻ không làm cho nàng khó chịu. Hai mắt nàng uơn uớt và có cái nhìn kiêu kỳ của một bà hoàng. Môi nàng mím chặt. Nàng bế con bé Momoko một tuổi trên tay. Con bé đội trên đầu một cái mũ rom.

Masaru từng thấy khuôn mặt ấy của Tomoko ở đâu đó rồi. Kể từ khi thảm kịch xảy ra, nàng thường có nét mặt như thế, làm như nàng đã quên đi sự tồn tại của chính mình, làm như nàng đang chờ đợi một cái gì.

Anh muốn đặt cho nàng một câu hỏi nhẹ: “Em đang chờ đợi gì đấy?”, nhưng những tiếng đó không thốt ra được. Anh nhủ thầm: không cần hỏi nàng thì mình cũng đã biết.

Rồi anh nắm thật chặt bàn tay của thằng Katsuo.

Nguyễn Nam Trân *dịch*

HỒN BƯỚM

(Chôchô)

1

Nàng Chôchô sẽ ra thế nào nếu tuổi già lại đến viếng nàng trước, sớm hơn cả ngày trở về của chàng Pinkerton mà nàng mòn mỏi trông chờ? Nhưng ít nhất tuổi già sẽ rước nàng đi cùng chứ không tàn nhẫn bỏ rơi nàng như anh chàng Pinkerton kia. Đó là ý tưởng hiện ra trong trí óc Kiyohara vào đêm đầu tiên đi nghe hòa nhạc sau khi anh giải ngũ trở về. Kiyohara là sĩ quan dự bị chuyên môn về kế toán lương bổng, bị trưng binh khi vừa bốn mươi tuổi, mới hai năm trước đó, đã lâm vào cảnh góa bụa. Sinh trong một gia đình làm nghề xuất nhập cảng mà anh là con trai nối dõi, Kiyohara đã được rèn luyện từ thời trẻ cách thức giữ được một thế quân bình hiếm có giữa tính nghiêm khắc và sự dễ dãi. Cũng nhờ tài xã giao thiên phú của mình, sau khi nhập ngũ, anh được lòng tất cả những nhà kinh doanh các vùng anh đến đóng quân, đặc biệt thời ở Đài Loan, cơ sở giao hảo tốt đẹp anh tạo được, nhiều khi làm bùng lên lòng ganh tỵ của người trong đơn vị. Thế nhưng Kiyohara chỉ yêu thích mỗi cuộc sống cô đơn. Thường thường lớp trẻ không có duyên với chuyện ăn chơi giao thiệp mới hay ca tụng sự cô đơn chứ tự buổi thiếu thời, Kiyohara thì đã thừa hiểu đó là một điều đáng ghét, và chính vì không muốn yêu sự cô đơn một cách giả dối như họ, anh đã xử sự ngược lại, tạo cho mình cái dáng một thanh niên ăn

chơi ra trò. Ở giai đoạn từ hai mươi tuổi trở đi, trong lòng anh có một niềm tự hào không chút ngại ngùng là chắc chắn mình chưa từng để bất cứ cô gái nào phải khổ. Rồi đến khi bước qua cái tuổi ba mươi, anh lại chỉ thấy có vợ là người bên cạnh phải chịu đựng vì mình. Lúc đó anh mới biết rằng những trò vui trong quá khứ mà anh cứ nghĩ chẳng chết ai chính là một chuỗi hành động sai lầm hay thất sách. Bởi vì trong khoảng thời gian từ hai mươi đến ba mươi tuổi, anh cứ đinh ninh nếu mình làm một việc ác mà ý thức được là ác thì tất cả sẽ trở thành điều thiện. Nhưng anh ngờ đâu sự xác quyết lầm lẫn thời trai trẻ này, chứ không phải lý tính, đã làm say sưa hết cô gái này đến cô gái khác!

Sau khi vợ qua đời, anh được gửi tới các nước phương Nam và có cuộc sống nhàn tản nhiều năm trong đời quân ngũ. Hoàn cảnh lúc đó thật lý tưởng để nhen nhóm lại trong óc anh sự thỏa mãn là mình chưa để cô gái nào phải khổ sở bao giờ. Thế nhưng có một điều Kiyohara không ngờ tới. Đó là trong tâm hồn anh, sự thỏa mãn ấy đã được thay thế bằng một trạng thái nghỉ ngơi thoải mái khiến anh dù có muốn, cũng không thể làm khổ thêm cô gái nào nữa.

Như thế, một mình lẻ loi, anh đã băng qua công viên H. chiều hôm ấy lúc trời vừa sập tối, để đi nghe hòa nhạc (xem hát một mình cũng chỉ là một thói quen tự ngày còn trẻ). Đó là tối ngày 20 tháng Ba năm 1946, lúc cơn mưa giá lạnh vừa mới tạnh xong.

Anh thấy lại trên sân khấu người nữ danh ca luống tuổi, mà cứ theo lời người ta đồn đại, hồi chiến tranh, trong thời kỳ đi sơ tán ở vùng hồ Yamanaka, mỗi sáng khi bà đứng hát bên bờ hồ thì chỉ trong chốc lát đã thấy chim chóc tụ lại thành đàn trên những chòm

cây như muốn cất tiếng hòa ca với bà. Còn lúc bà đóng vai Hồ Điệp phu nhân (O-Chô Fujin), người ta có cảm tưởng như nhìn lại được hình ảnh huyền ảo của nhân vật phụ nữ đã nổi tiếng thế giới một thời đó. Thế nhưng tối hôm ấy, trong buổi hòa nhạc, bà không hát làn điệu *Vào một ngày nắng đẹp*^[15] tuyệt vời mà thay vào đó bằng những khúc *leider* thanh thoát tươi tắn trong *Nàng thiếu nữ bên cối xay gió* của Schubert, mà ai cũng biết là khá khó diễn đạt.

Hai tấm bình phong màu vàng kim, mỗi tấm sáu miếng kết lại, vây quanh sau lưng, còn bà thì đứng bên cạnh chiếc dương cầm và cái ghế màu xanh lục. Tuy từng cho khán giả biết “có thể sắp sửa phải chịu giải phẫu vì đang mắc một chứng bệnh trầm trọng, nghệ sĩ cũng gắng gượng ra mắt”, thế nhưng bà chẳng chịu ngồi xuống ghế mà chỉ tựa mình một cách khó khăn vào thành dương cầm. Bà mặc một chiếc *kimono* tay thụng, nền trắng óng ánh có mô típ quạt Nhật, thắt bằng dải thắt lưng màu son tươi. Những ngón tay đeo đầy nhẫn sáng lấp lánh. Tất cả tạo cho bà cái dung mạo đoan trang đầy đặn như nữ thần Kichijô^[16] nhưng thân thể bà đã bị bệnh tật làm cho yếu ớt giống như một cánh hoa bìm héo hơn vì bị ngắt khỏi cành từ ngày hôm trước. Dù vậy quang cảnh bà bước ra sân khấu thật lộng lẫy làm cho mọi người không ai dám nghĩ rằng đó là một nhan sắc đang đến hồi tàn tạ. Chỉ có thể nói một sự tàn tạ tuyệt mỹ. Có nhà phê bình âm nhạc thời Taisho đã ghép chung bà với T.S., một nữ danh ca khác bằng cái tên thân ái “song khủng”, có lẽ vì kiếp sống của bà đầy những cảnh dở dại dở điên, mà cuộc đời Hồ Điệp phu nhân xưa kia cũng hao hao không khác.

Để cho từ bên trong cái thân thể bệnh tật già nua chung diện lộng lẫy như một bàn tiệc cưới phát ra được âm hưởng tiếng chim non đang hót, chắc phải dùng đến tài ảo thuật. Tiếng hát thanh

trong có một không hai của bà giống như của người bị đồng nhập, nên dù không muốn, bà cũng phải mở miệng để nó thoát ra. Thân thể bà có thể già nua cằn cỗi đi nhưng tiếng hát không hề đánh mất cái nhựa sống đã gắn liền với da thịt trên khuôn mặt. Và khi tiếng hát đó vọng vào tai, thính giả chỉ có thể thấy rằng họ đang đứng trước một chiếc mặt nạ đẹp tuyệt vời.

Bao cánh hoa buông lơi,

Bên bờ dòng nước trôi...

Người nữ danh ca vừa hát vừa hơi cúi đầu ra phía trước, hai tay vươn ra làm dấu vẽ cảnh dòng nước đang trôi. Tức thời trên sân khấu nổi lên tiếng rì rào của con suối lấp lánh, hiền hòa trôi. Ngón tay có đeo nhẫn kim cương của bà như cắt vào không khí để làm vọt ra từ không gian trong vắt đó hình ảnh một dòng nước. Bao cánh hoa buông lơi, rung rinh trong làn gió nhẹ bên bờ suối. Thế rồi bằng những cử động ve vuốt của bàn tay nhỏ nhắn như tay một cô bé, bà đã làm sống được những cảnh hoa tưởng tượng đó, để chúng phô bày những sắc cầu vồng tựa hồ vệt dầu loang tươi tắn trên mặt nước.

Bất chợt Kiyohara có ảo giác mình đang nghe lại âm điệu của bản *Vào một ngày nắng đẹp* yêu thích thuở nào. Có phải người nữ danh ca có tiếng hát huyền hoặc của tay phù thủy với quyền năng thần bí, đã làm sống lại ảo ảnh đó dễ dàng theo ý muốn? Khi bà cất tiếng hát *Vào một ngày nắng đẹp*, người ta thấy được cả màu xanh của biển cả cuộn cuộn dâng lên trong đôi mắt. Trên cái phong vụng về vẽ cảnh mặt biển, như thể những thần linh hải dương đang rủ nhau về. Đôi mắt của Chôchô lúc ấy không còn đen láy của đôi mắt người con gái Nhật Bản nữa. Có lẽ vì ngày lại ngày cứ phải đắm

đắm nhìn mặt biển trong mòn mỏi nhớ mong, cuối cùng cặp mắt nàng đã nhuộm màu biển cả. Thế nhưng, ngay giữa lúc ấy, như thể nàng đã tiên liệu những gì sẽ xảy ra, trước khi bị kịch trong màn cuối của tấn tuồng bắt đầu và cũng là lúc khuôn mặt nàng hoàn toàn nhuộm trong màu xanh của biển, đôi mắt nàng đã bị ánh nắng mặt trời chói lòa giữa trưa thu hút tự bao giờ. Con thuyền đang chờ đến cho nàng tấn bi kịch. Chính là đôi mắt xanh ngăn ngắt đại dương của Chôchô đã mời mọc nó ghé bến. Cái mà nàng chờ đợi, không phải anh chàng Pinkerton. Thực ra, nàng chờ đợi tấn bi kịch. Nghĩa là cái chết. Điều nàng trông mong dường như chỉ có thể.

Ngay khi đó, người nữ danh ca cũng vừa hát xong những nốt cuối cùng của *Bài hát ru của dòng suối*. Bà ôm trong tay một bó hồng - tuy bó hoa quá khiêm tốn để có thể bảo là “ôm trong tay” - ngỏ lời cùng khán giả với một giọng ngọt ngào. Sau khi nhắc đến Paderwski^[17], Caruso^[18], Chaliapin^[19], Gigli^[20], những tên tuổi huy hoàng, quý giá như châu ngọc, đã cùng xuất hiện với bà trên sân khấu một thời, bà mới bảo: “Trong khi đạt được những thành tựu trên thế giới, tôi đã bị tổ quốc Nhật Bản bỏ quên. Tên tuổi tôi ở đây quá nhỏ bé (bà đưa bàn tay đeo nhẫn lên lấp lánh, giả vờ như đang nhìn vật gì dưới kính hiển vi), nếu quý vị không chịu khó cúi xuống đọc thì sẽ không thấy đâu!”. Trong tất cả những tình nhân của đời bà, chưa ai nhận được tình yêu mà bà đã dành cho sự nghiệp. Bà yêu danh vọng với cái tình cảm tinh tế chỉ có thể thấy nơi người phụ nữ. Chỉ khi nghe tiếng vỗ tay rung cả hội trường, bà mới thấy niềm vui của mình dâng lên tột đỉnh. Bao lần bà đã nghe trên thế giới người ta thì thảo với nhau cái tên của mình như một câu thần chú linh thiêng. Tên của bà cũng đã được chạm khắc để trang điểm cho những tấm phù điêu thanh lịch của các thành phố cổ kính ở

mãi Italy. Mặt bà có làn tái xanh gần muốn ngất đi trong làn hương tiền biệt của hàng nghìn đóa hoa hồng thành La Mã. Đến khi con tàu chở bà bỏ bến Gibraltar lại đằng sau, đêm Địa Trung Hải đã mở ra một khung trời trắng lợt chưa từng có, tô điểm bằng muôn ngàn vì sao sáng, để tiễn bước chân bà. Thế rồi khi đứng trên boong tàu ẩm ướt trong màn sương mai, người nữ danh ca đã nhận ra những nét đầu tiên hình dạng của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ qua vài vệt cắt mơ hồ phía chân trời, và lúc ấy bà đã ngỡ rằng những lớp sóng kia là vô số bàn tay của đám đông nồng nhiệt hò reo, vỗ gọi.

- Quý vị có biết rằng khi đến ra mắt ở các buổi hòa nhạc, lần trước tôi còn bắt tàu điện được, thế nhưng kỳ này rất cuộc (nàng phát âm tiếng này với một giọng nói nhỏ và thanh nhã đến độ không ngờ) tôi phải nhờ người ta địu tôi trên lưng đó ạ. Tôi đã mắc chứng viêm ruột thừa hồi mấy năm về trước sau khi đi ủy lạo các chiến sĩ về, rồi bệnh trở nặng làm thành một khối u trong bụng. Chỉ nội tuần này, tôi sẽ biết mình phải mổ hay không. Nếu tai qua nạn khỏi, tôi sẽ có dịp trở lại hát *Hồ Điệp phu nhân* hầu quý vị vào tháng Sáu tới. Ví bằng bệnh không lành và ngộ nhỡ có chuyện gì xảy ra, xin quý vị cứ xem hôm nay là buổi trình diễn cuối cùng của tôi.

Nói xong, bà lau một giọt nước mắt với cánh tay áo lót vải kẻ màu đỏ rực bên trong chiếc *kimono*, hình ảnh gợi nhớ những đám mê nồng nhiệt đến độ bệnh hoạn trong quá khứ của bà, một phụ nữ thế hệ Meiji^[21]. Đặt bó hoa lên ghế, bà dựa lưng vào chiếc dương cầm trong khi ánh đèn rằm sân khấu chiếu lên trên ngấn cổ nhăn nheo của bà những tia sáng tàn nhẫn.

Bà hát bài ca từ già *Home, sweet home* bằng một giọng thật trầm và không cần nhạc đệm. Tiếng hát ấy khiến cho nhiều người trong đám nữ khán giả tham dự hôm đó cảm động đến độ phải lật đật rút khăn tay. Tiếng hát của bà làm liên tưởng đến khung trời thành Athens trải rộng ra, bao trùm lên quang cảnh sân khấu đang lặng lẽ trình diễn một vở bi kịch Hy Lạp mà chính bài hát cũng chứa đựng những ca từ thể thiết và tang tóc. Người ta tự hỏi có phải chẳng đó là tiếng hát của Sappho, sau khi bị phản bội trong tình yêu, đã đốt một đống lửa hồng trước mặt đền nữ thần Aphrodite, còn mình đầu đội vòng nguyệt quế, mặc tấm áo đỏ rực, trong tay là cây đàn cầm bảy dây dát vàng, cất tiếng hát những bài thánh ca trước giờ lâm tử. Nhưng đây chỉ là một Sappho già nua và suy sụp vì bệnh tật, không còn đủ sức đội vòng nguyệt quế hay mặc áo khoác màu đỏ rực nữa rồi.

Buổi hòa nhạc kết thúc, người nữ danh ca ra về. Đám học trò nắm tay dìu bà, còn bà thì trong tay ôm lấy bó hoa hồng nghèo nàn, chậm chạp bước ra khoảng không gian rộng lớn của hội trường nhiều lần để đáp lại tiếng vỗ tay không muốn dứt của khán giả. Đôi mắt nhắm lại, mặt hơi ngẩng lên trời, hai tai vươn ra ngóng đợi, bà như đang say sưa, không chú ý gì đến sự hiện diện của một ai. Trong giây phút, cả thế giới hầu như đọng lại thành những tràng pháo tay. Cũng chính lúc ấy, khuôn mặt của bà đẹp lộng lẫy và kêu gọi không gì cưỡng nổi, đến độ Kiyohara cũng phải rùng mình...

...Và như thế, hình ảnh rực rỡ của nữ danh ca Miura Tamaki trong đêm từ giã ánh đèn sân khấu, dưới mắt tôi, không hiểu sao giống cảnh con bướm bướm đang hấp hối đến thế. Con bướm đó tung ra lớp phấn lân tinh trên đôi cánh hoa lệ khắp chung quanh, lạc loài lượn trên sân khấu và không biết cách nào để che giấu vết thương rách nát túi hồ của mình. Trong đôi mắt to màu xanh chết chóc của nó, một mặt biển đang thản nhiên lấp lánh. Sau khi đã cố gắng vươn lên một cách vô vọng, những sợi râu mệt lả từ từ hạ xuống, cuối cùng bướm đã gục ngã lúc những con run rẩy ập về như từng đợt sóng nhỏ, báo hiệu phút lâm chung đẹp đẽ của nó.

Nếu như tôi mới viết thư trở lại cho bà sau từng ấy năm hay sau cả hàng chục năm, có lẽ vì một nỗi lo âu đã ám ảnh, làm tôi day dứt từ hôm được chứng kiến cái chết của con bướm ấy. Tình cảm này giống như nỗi lo âu trong niềm vui thấy mình đang sống mà chúng ta thường trải qua thời thơ ấu, nó làm ta khóc hết nước mắt mỗi buổi sáng. Nó cũng giống như nỗi lo âu có tính bi kịch nhưng ngọt ngào đẹp đẽ, nhất định sẽ đến với ta lúc nhớ lại một kỷ niệm trong sáng nào đó. Nỗi bất an có điểm chung với tình cảm hiện ra trong hai trường hợp nói trên, phải chăng chính là cái tình cảm đã đột ngột tìm về với tôi khi hồi tưởng đêm công diễn vở *Hồ Điệp phu nhân* mà tôi có dự hai mươi năm về trước? Máy tấm bình phong xếp nếp kẻ ô vuông vức trông vui mắt làm tôi liên tưởng đến những hình mắt cáo của hoa văn Ichimatsu^[22] gợi nhớ mùa hoa cúc Nhật Bản, tấm áo *kimono* cài về bên trái, anh chàng Gorô với đôi mắt xếch như mắt chồn và cả nàng Hồ Điệp phu nhân do bà Miura Tamaki, lúc đó hẳn còn trẻ, thủ vai. Bà ta lúc đó trông thật thơ ngây, đúng cái tuổi mười lăm của Chôchô, “cái tuổi còn thích hái hoa, đuổi bướm”^[23]. Những chi tiết đó làm cho tôi, cũng như đám khán

giả đến xem hát, cùng cảm thấy nước Nhật là một xứ sở thật kỳ dị và phù ảo, nơi đây những sinh hoạt thường tình trong cuộc sống đều có thể trở thành rộn ràng linh động như một câu chuyện thần tiên. Tuy vậy, phải nói thêm rằng khi thu dọn đồ đạc để lên đường ra chiến trường, tôi đã lục ra tấm chương trình buổi trình diễn ở nhà hát Scala dưới đáy một ngăn kéo và đã khám phá ra lời giới thiệu kỳ cục như thế này: “*Madam Butterfly* của Puccini. Địa điểm: Thành phố Nagasaki, Nhật Bản. Thời điểm: Hiện tại” (mà lúc đó, hình như tôi cũng không mấy chú tâm đọc nó).

Thuở ấy, tôi mới khoảng hai mươi và còn đang học dự bị đại học nhưng đã xin tạm nghỉ sáu tháng để làm một chuyến chu du vòng quanh thế giới với bố tôi. Năm ngoái, ông vừa góa vợ, bà chính là mẹ tôi. Tâm tình của bố lúc đó - bắt một đứa con phải bỏ một năm học quan trọng để tháp tùng mình đi một vòng quanh thế giới - chỉ sau này khi đã góa vợ rồi, tôi mới hiểu ra.

Giờ đây nghĩ lại, tôi chắc bố muốn trốn thoát khỏi thực tại và say sưa vùi đầu vào cái không xác thực của cuộc đời. “Thế giới” đầy tuồng ảo hóa đó không chỉ có trong ý niệm mà còn trải rộng ra đến cả cảm giác. Bao nhiêu địa danh nổi tiếng, vừa khi ta mới cất bước rời khỏi, đối với cuộc đời của ta, chúng chỉ còn là những kỷ niệm không hơn không kém. Dù những địa danh ấy tượng trưng cho lịch sử và truyền thuyết về cuộc sống tràn đầy những hi vọng ai lạc của dân chúng từng sống ở đó hàng bao thế kỷ, nhưng đối với bố, nó còn mong manh, bèo bọt gấp mấy sự có mặt của người vợ ông yêu trên mặt đất này. Điều đó đem đến cho ông hai sự hài lòng: một là cái chết của vợ mình chỉ là một sự kiện có tầm quan trọng ngang với một lần tạm dừng chân ở một hải cảng vô danh nào đó và người lữ khách không có cơ gì để phải bất mãn. Hai là, ngược lại

ông cảm thấy một niềm vui nghịch lý khi nhận ra rằng cho dù cái chết của vợ mình là một điều không xác thực, nó vẫn không to lớn hơn cái không xác thực của sự sống trên đời. Nói là ông được cả hai sự hài lòng như thế, song những ngày lưu trú tại các hải cảng hay những thành phố lớn, bố tôi không hề tỏ ra là một người cha dễ thương và biết chăm sóc chu đáo con mình.

- Con chỉ mất có một người chứ nên nhớ là bố mất cả hai đấy nhé!

Bố tôi có lần hạ tờ báo buổi sáng đang đọc, nhìn thẳng tôi và nói. Đó là hồi ông đã biết nói đùa trở lại.

- Con mất một người mẹ. Còn bố, bố mất người vợ lẫn người mẹ của con.

Đi hết chỗ này đến chỗ nọ như thế, ở mỗi nơi, ngoài những cuộc chơi vô tội vạ, cha con tôi ai sống đời nấy. Bố cho một người đàn ông nghiêm khắc đóng vai thư ký tháp tùng để kiểm soát tôi. Tôi đi đâu, ông thư ký này cũng bám theo sau (không hiểu sao bố tôi lại thích sử dụng những tay chân bộ hạ thiếu năng lực như cái ông này!)

Đỗ bộ lên Napoli, đoàn chúng tôi thẳng đường đi La Mã và dừng chân ở đó một vài hôm. Khi tôi ngỏ ý muốn viếng thăm Milano, bố bảo tôi hãy cùng viên thư ký lên đường trước và nhờ Tòa Đại sứ viết cho một phong thư giới thiệu đến người Lãnh sự Nhật ở địa phương. Theo lời của Sứ quán, hiện nay vị Lãnh sự bận công du ở Thụy Sĩ, nếu cậu nhà có cần ai hướng dẫn, chắc sự giúp đỡ của phu nhân viên công sứ này cũng đã quá đủ. Theo lời khuyên của bố, đến Milano, chúng tôi trọ ở Grand Hotel, một khách sạn nằm trên đường Manzoni. Tuy nhiên, có hơi ngấy du lịch, tôi định

bụng không đi đâu cả, cứ nằm dài trong khách sạn nghỉ ngơi, đợi bố đến. Tôi cảm thấy có một khoái cảm thật huy hoắc khi được sống những ngày chây lười không phải làm gì cả giữa trung tâm cái thành phố đầy di tích nổi tiếng như thế này, chẳng khác nào một nhà thám hiểm vừa bước ra khỏi một kho tàng mà trên tay không đem theo một món đồ nào, ngược lại, sắp bước vào một giấc ngủ say nồng. Tôi giữ lá thư giới thiệu kỹ lưỡng trong ví nhưng định bụng sẵn sàng vứt nó vào sọt rác bất cứ lúc nào.

Tuy vậy, một buổi xế trưa, khi người canh gác tôi vắng nhà vì đi mua hàng họ gì đấy, ở một mình mãi cũng chán, tôi bỗng thèm đi ra ngoài để thư giãn gân cốt. Tôi tản bộ đến Poldi-Pezzoli, một viện bảo tàng Mỹ thuật không xa Grand Hotel bao nhiêu, nơi đây có trưng bày bức *Madonna đọc sách* nổi tiếng của Botticelli^[24]. Những Madonna^[25] của nhà họa sĩ đều có hình ảnh ngoại đạo của một Venus^[26], và nhân đó, Walter Pater^[27] đã có lần viết: “Botticelli vẽ rất nhiều tranh Madonna, nhưng trong bức nào, Đức Mẹ cũng như có vẻ e sợ vì đang phải bế con của Chúa Trời trên tay. Bà có dáng như người đang cầu nguyện với một tư thế rõ ràng là thấp kém nhưng do đó, lại khiêm tốn và ấm áp tình người hơn.”

Dù bức tranh này cho ta xem hình ảnh một Đức Mẹ nở nang sung mãn như một quả chín đượm một mùi hương hoan lạc, thế nhưng đã lảng vảng đâu đó hình bóng của tử thần với màu thịt xám ngoét và màu hoa úa nhạt. Trong bầu không khí nhàn nhã của buổi xế trưa và giữa mùi bụi bặm tịch tịch của viện bảo tàng, tôi đứng trước bức tranh, thả hồn vào trong những cơn mộng huyễn như thế. Chợt tôi cảm thấy có người nào đang lảng lảng đứng sau lưng mình rồi có một giọng tiếng Nhật chót nhả, nhưng ngay cả trong sự chót nhả đó cũng có một cái gì cao kỳ hiếm có:

- Dễ ghét quá đi!

Ngạc nhiên, tôi quay phắt lại và sự xuất hiện của một người Nhật thứ hai là tôi đây trước mặt đã làm cho người đàn bà ấy biến sắc.

Lúc đó, bà mặc một bộ đồ nhung đen khoảng khoát, phù hợp với tiết trời trọng thu vùng Nam Âu, đeo trên cổ một chuỗi hạt lỏng lánh, và khi nhận ra bà đang đứng trước mặt, tôi bỗng tưởng tượng được phong ảnh những cái hồ nước Ý mà tôi chưa một lần nhìn thấy. Nào là hồ Como, hồ Maggiore, hồ Lugano, hồ Garda... Đôi găng thêu rua của bà gọi cho tôi cảnh những ngọn cây nhỏ nhắn trong khu rừng bao quanh hồ đang thì thầm chuyện trò với bầu trời chiều. Chuỗi hạt trên cổ bà là những vì sao le lói trong màn đêm. Đôi ngực căng căng của bà phập phồng nhè nhẹ dưới làn vải nhung giống như mực nước hồ nóng bỏng, bị thúc đẩy, đang lặng lẽ dâng lên giữa đêm khuya về hướng ngàn sao...

Đồng hành với bà là một người đàn ông Nhật Bản tuổi trạc ngũ tuần, có vẻ nhanh nhẹn và vui tính. Ông ta chột phá vỡ giấc mộng đẹp của tôi khi đặt câu hỏi:

- Xin lỗi, ông là người Nhật đấy chứ ạ?

Ông ta hỏi mà như ban bố cho tôi một lời khen.

Nhờ có thế, tôi được quen biết với bà. Trên tấm danh thiếp bà cho, tôi đọc được hàng chữ "Kuroda Hanako" nên biết ngay bà là vợ ông lãnh sự Kuroda (người chồng cũ), tôi lật đật lấy từ trong túi áo bức thư giới thiệu tôi mà kể từ giờ phút đó bắt đầu có giá hơn. Tôi nhớ bà bảo:

- Vừa vặn quá! Chúng tôi hiện có dư một vé để xem vở *Madama Butterfly* ở rạp Scala tối hôm nay. Như thế, ông sẽ có đủ thì giờ để kể cho tôi nghe những dự định của cụ nhà đấy nhé! Ông bạn đây cũng đi xem hát với chúng mình, thế nhưng, về phía ông, có ai đi cùng không?

Tưởng tượng ra cái khuôn mặt lúc nào cũng như đưa đám của ông thư ký khó tính, tôi đã trả lời bà không chút do dự:

- Không ạ, tôi chỉ có một mình!

Rạp Scala cũng nằm trên đường Manzoni và từ khách sạn, chỉ cần đi bộ là đến nơi. Nhà hát bảy tầng trông thật đồ sộ lộng lẫy, nhưng không để lại ấn tượng gì có thể khuấy động con tim bằng ấn tượng mà một sự bốc đồng bắt buộc mình phải nghe theo nó, đã đem đến cho tôi. “Sự vinh hoa của vua Salomon không sánh nổi một cành hoa huệ”. Tôi thường tự nhủ, để có thể so sánh với một cành hoa huệ, sự vinh quang này hẳn phải rộng lớn không có bến bờ. Đối với tôi, lúc đó cái rạp Scala hầu như đã đem đến cho tôi một ý nghĩa như thế... Ngay khi ông người Nhật tháp tùng bà vừa ngồi xem chưa được bao lâu, có người đã mang đến cho ông ta một mẫu thư nhắn tin khẩn cấp bắt buộc ông ta phải rời cuộc trình diễn ngay giữa màn đầu tiên. Khi màn thứ hai bắt đầu thì trong lô ghế riêng tối tù mù, chỉ còn tôi với bà đang bối rối ngồi cạnh bên nhau.

Như bà đã biết, bài *Vào một ngày nắng đẹp* lúc nào cũng được hát ở đầu màn hai. Trên sân khấu, nàng Chôchô đang cất tiếng hát, sau lưng nhân vật ấy là cái phong lớn với màu xanh thẫm của biển mà khán giả có thể nhìn thấy qua những tấm bình phong kẻ ô mắt cáo đan sát vào nhau. Người thủ vai Chôchô là bà Miura Tamaki, đạo ấy còn trẻ, trong bộ chiếc áo dài đúng với hình ảnh của truyện

Nghìn Lẻ Một Đêm, nghĩa là pha đôi nét luyến tiếc não nùng hơi cải lương trong sự nhiệt tình thành thực... Liền khi đó, những thần linh hải dương sẽ giáng xuống cái phong màu xanh. Trên mặt biển, một niềm hy vọng mãnh liệt như bùng cháy lên, ánh sáng của buổi trưa như thiêu đốt con thuyền có lẽ vừa xuất hiện từ phía chân trời, đè bẹp toàn bộ khung cảnh bằng một bạo lực ngậy thơ vô tội. Và bây giờ cái ngọn gió biển trì trệ giống như một đằm gở, đang sôi nổi săn đuổi nhau, chực phủ lên trên bộ ngực trắng ngần của nàng Chôchô cái màu đất sẫm bản thủ, nhóp nháp.

Tôi không cần dùng ống nhòm chuyên môn cho sân khấu opera cũng đủ nhận ra ngấn lệ long lanh trong đôi mắt của người nữ danh ca. Nhân vật Chôchô chắc đang nhìn thấy một cảnh biển huyền ảo, xanh thắm màu tuyệt vọng, như trái rộng ra để ngăn cách mảnh đất xa xôi nơi nàng đứng hát và những bến bờ xa trên phần đất quê hương. Nếu ở cái tuổi hai mươi thời ấy, tôi hiểu rằng trước bức tường xanh ngăn cách ấy, không gì có thể vượt qua cho dù đó là tình yêu, ý chí hay niềm hy vọng cao cả nhất của con người, thì chuyến du lịch vòng quanh thế giới mà bố tôi dự trù để giúp ông xóa được kỷ niệm về người mẹ của tôi, đã dạy cho tôi nghệ thuật biết quên (trong khi tôi nào đã có gì để quên) cái thế giới ngay cả trước khi biết về thế giới ấy.

Đôi mắt tôi đã rời khỏi sân khấu để nhìn ngang khuôn mặt của bà, lúc đó đẹp đoan trang như một đóa hoa huệ. Màu đỏ sẫm của những chiếc màn nhung phản chiếu lên chuỗi vòng bà đeo và đôi má bà như nhuộm nó bằng ánh nắng hồng của buổi bình minh... Thế nhưng cái nhìn của tôi đã bị biến chất sau một cuộc hành trình đường biển mệt nhọc. Tôi không bị mù quáng vì sự ngẫu nhiên đã đưa đẩy tôi đến ngồi cạnh bà cùng một lô ghế trong cái rạp hát ở

vùng đất xa lạ này và cũng không cảm thấy say sưa trong niềm hạnh phúc đó. Bởi vì tôi hiểu rõ rằng cái cơ duyên đã tạo cho tôi cơ hội đến ngồi đây lúc ấy có một mối liên hệ với khoảng cách tạo ra bởi một đại dương xanh màu tuyết vọng. Nếu cuộc hội ngộ của chúng ta trên hàng ghế nhà hát này có được là nhờ ở khoảng cách bằng đại dương muôn trùng với quê hương Nhật Bản, có thể giữa hai ta hãy còn một đại dương khác nữa ngăn cách. Bây giờ, một khi đại dương đã đồng nghĩa với định mệnh, chúng ta đang bị du vào cái thế giống như nàng Chôchô, nghĩa là chờ đợi hoài công một cái gì đó cho đến khi chết, hoặc làm như chàng Pinkerton, bỏ ra đi và quên hết. Hai điều đó, bắt buộc phải chọn một. Cẩn thận lắm! Hai chúng ta đã chìm đắm trong sự im lặng, bởi vì cả hai đã định bụng phải quên nhau ngay cả trước khi yêu. Can trường lắm! Trong khi cánh màn nhung hạ xuống chấm dứt hồi hai, giữa những tràng pháo tay vang rền, bà đã quay người lại đằng này và tôi đã nhận ra những tình cảm đó trong nụ cười và trong ánh mắt long lanh ngấn lệ của bà.

Lúc đó, trong người tôi nhẹ nhõm đến độ thốt ra được một câu nói đùa:

- Nếu có ngày nào đó Pinkerton một mình trở lại đón nàng và khám phá ra Chôchô đã có chồng khác thì vở opera này sẽ kết thúc theo kiểu nào nhỉ?

- Vâng, thật đấy!... nhưng trong tiểu thuyết Tây phương, tác giả thường tạo ra những tình huống như thế.

Cái kiểu trốn tránh trả lời thẳng có hơi vụng về nhưng nó chứng tỏ bà chỉ là một con người bản chất vô tư lự, biết tìm ngay được sự thoải mái sau khi làn sóng vừa xô đến đã rút xuống xa bờ.

Về phần tôi, lòng vẫn chưa nguôi tình cảm trách cứ sự hời hợt của bà - mà cũng là sự hời hợt của tôi mới có một phút trước - vì không biết phải nhìn đi đâu, rốt cuộc tôi đưa mắt nhìn xuống một trong hai bàn tay của bà. Bàn tay ấy trắng và thanh, nhưng sao tôi lại nghĩ nó thật no tròn, đang đặt nhẹ nhàng trên mặt bàn. Tôi nhận ra bà đeo một chiếc nhẫn cần một hạt ngọc bích hình bầu dục.

Hạt ngọc xanh... hạt ngọc lam biếc... màu của đại dương... Dòng liên tưởng của tôi như bị tắc nghẽn vì một trực giác mê tín. Nếu thế thì chiếc nhẫn đúng là cái biển xanh đã ngăn cách tôi với bà. Chắc chắn sức mạnh phù thủy của món nữ trang huyền bí này đã làm chúng ta phải xa nhau...

Bà chắc nào có biết đến những truyền thuyết thần bí mà chiếc nhẫn đã gọi lên trong tôi bởi vì lúc đó bà đang dán mắt vào cái ống nhòm cực rõ đang cầm với những ngón tay trắng muốt, nó che mất bà khỏi cái nhìn của tôi.

3

Kiyohara không hẳn có ý chờ đợi nhưng lá thư trên của anh không được bà Kawaramachi hồi âm. Thế rồi, khoảng cuối tháng Năm, Miura Tamaki, người nữ danh ca luống tuổi thủ vai Hồ Điệp phụ nhân đã từ giã cõi đời.

Kiyohara lại bắt đầu mê mải nghĩ về cái chết của bà, còn vì sao có cái nhiệt tình ấy thì chính anh cũng không thể giải thích. Bà đã ra đi trong đêm tối trước khi trời hừng sáng. Có lẽ sau khi chờ đợi suốt cả đêm, bà đã thấy lóe ra những tia sáng đầu tiên trên mặt

biển, lúc ấy được chiếu rọi bằng một nguồn vui đau thương, trong đó vừa có một nỗi tuyệt vọng xác thực và một niềm hy vọng cùng giao hòa với nhau. Niềm hy vọng đó còn xác thực hơn cả sự tuyệt vọng, nó là một hy vọng trong trắng như châu ngọc đã được kết tinh dần dần một cách tuyệt vời và có lẽ bà đã nhìn ra nó trong những tia nắng đầu tiên hiện trên mặt biển. Cho dù cuối chặng đường, bà phải đối đầu với cái chết nhưng cái chết này chỉ đem đến cho bà sự nhẹ nhõm của người được giải thoát sau khi hoàn thành sứ mệnh. Không biết thế giới bên kia ra thế nào chứ ở thế giới bên này, bà không có gì khác hơn là những thành công.

Những ý tưởng đẹp dễ nhưng phù phiếm đó đã đến với Kiyohara vào một buổi sớm mai trời nắng đẹp. Anh đã cho hãng mình thuê căn nhà chính của gia đình để sửa lại thành khu cư xá, còn anh thì ra ở một căn phòng con trong dãy nhà phụ. Ở đó, anh đã đọc đi đọc lại những trang báo có ký sự về cái chết của Miura Tamaki. Chỉ sau khi đó anh mới ngó ngang đến những bức thư mà chị giúp việc mang tới đặt trên bàn. Từ nãy giờ, anh đã để ý trên ngọn cây anh đào trong vườn, một con chim nhỏ đang hót véo von. Loại chim này anh không nhớ đã thấy lần nào nhưng tiếng của nó có âm hưởng rất khỏe như thể tiếng một ca sĩ độc tấu. Một trong những lá thư trên bàn được lồng trong phong thư kiểu Tây phương màu trắng tinh, một chuyện lạ vào thời buổi ấy. Màu trắng kia cũng là màu của ban mai, nó lạnh lùng và chói lòa như một chòm mây buổi sáng, cắt thành một hình chữ nhật vào khoảng không gian của căn phòng. Kiyohara lơ đãng đặt nó trong lòng bàn tay. Cùng một lúc, con chim kỳ dị kia bỗng chiêm chiếp hai tiếng làm cho anh có cảm tưởng như thể tiếng kêu đó phát ra từ lá thư nên vội thả nó

lên bàn. Rồi ngạc nhiên về cái ngớ ngẩn trẻ con của mình, anh lại cầm lấy bức thư. Con chim lạ cất tiếng hót trở lại.

Kiyohara phá lên cười. Anh không biết làm cách nào để cưỡng lại được cơn buồn cười đang từ đâu tới xâm chiếm mình. Anh cảm thấy như nhận được một ân huệ từ tiếng cười đó (dù nó chỉ là một tiếng cười thảm thiết khơi lại vết thương đau nhói trong anh) và anh định bụng sẽ chấp nhận tất cả những lời yêu cầu trong bức thư này cho dù nó có gây cho anh điều gì bất lợi, anh sẽ thỏa mãn mọi đòi hỏi của nó dù kỳ cục đến đâu chẳng nữa. Thế nhưng trong cái phong bì trắng ấy chỉ có một bức thư mời, viết tay, với nội dung như sau:

Ngày 25 tháng năm,

Kính gửi ông bà Kiyohara Yutaka,

Chúng tôi tổ chức trở lại những buổi họp mặt khiêu vũ như hồi trước chiến tranh. Xin hẹn gặp hôm Chủ nhật, mừng 2 tháng Sáu từ 1 giờ trưa trở đi.

Chishima Yasutake

Vì vợ anh mất trong giai đoạn chiến tranh, đám tang chỉ tổ chức trong vòng thân quyến, gia đình Chishima đã lâu không lui tới cho nên họ không biết tin này. Khoảng thời gian trước sau năm 1940, nhà họ vẫn tổ chức một tháng hai lần những buổi họp mặt khiêu vũ thân mật và Kiyohara có thói quen đưa vợ mình tới dự.

Hôm đó cũng lại là một ngày thật đẹp trời, mùa xuân như còn luyến tiếc trước khi nhường chỗ cho những cơn mưa *tsuyu*^[28] đầu hạ. Ngôi nhà kiểu Tây phương của Hầu tước Chishima tọa lạc trên

một ngọn đồi, may mắn tránh được những trận mưa bom. Những khung cửa sổ kiểu xưa thường ngày vẫn ngủ im lìm dưới lớp bụi trắng sau mấy tấm cửa nặng nề, hôm nay khoe qua lớp kính lau chùi kỹ càng những bức màn màu vàng quý phái. Và trên lớp kính bóng loáng ấy, phản chiếu hình ảnh đôi chòm mây.

Khi Kiyohara một mình leo lên bậc thang, âm nhạc đang ngưng bắt đầu được chơi trở lại. Tiếng huyền nào của nhạc khiêu vũ âm vang trong ngôi nhà cổ làm rung cả những mảnh giấy dán tường ngả màu hoa úa. Cánh cửa ra vào trước phòng khiêu vũ để mở toang. Một luồng ánh sáng rọi vào căn phòng qua lỗ hổng cánh cửa bên trên cầu thang, soi rõ một cặp nam nữ đang nhảy ngay gần cửa ra vào. Kiyohara nhận ra rõ ràng ánh sáng lấp lánh màu xanh biếc của một chiếc nhẫn ngọc bích trên ngón của bàn tay trắng nhợt nhạt lạ thường, đang đặt trên vai người đàn ông.

Ngồi thu mình trên chiếc ghế dài, Kiyohara tần ngần tự hỏi không biết khuôn mặt của những người đôi khi đang nhảy, sau khi nhận ra sự có mặt của anh và làm dấu chào, có phải bị tối sầm vì chói nắng hay không, bởi dù sao trời cũng đã về chiều. Anh không còn đủ sức lực dù để nâng cánh tay lên xem đồng hồ. Kiyohara đảo mắt chung quanh nhìn hết chỗ này qua chỗ nọ với thái độ vội vã và căng thẳng, nửa như háo hức, nửa như lo lắng vì biết điều mình đang chờ đợi sắp sửa đến gần kề. Đôi mắt anh ta hoàn toàn không phải của một người xấp xỉ bốn mươi mà là đôi mắt của một gã thiếu niên hiền lành, thần kinh quá nhạy cảm, cho nên lúc sáng rõ lúc lại sa sầm.

Rốt cuộc Kawaramachi cũng nhận ra Kiyohara và cúi đầu chào. Được chồng báo tin, Hanako quay lại, chào anh bằng mắt, và dưới

đôi mày đen nhánh của những nàng thiếu nữ thuộc về thời đại Meiji xa xưa, ánh lên một nụ cười tươi sáng, không thua gì ánh nắng của cái ngày đẹp trời này.

Vừa khi điệu nhạc chấm dứt, hai vợ chồng Kawaramachi đưa nhau về phía chiếc ghế dài của Kiyohara và ngồi xuống cạnh anh. Hai người bạn đồng ngũ gặp lại nhau lần đầu tiên từ ngày hết chiến tranh, nói chuyện như không biết chán. Hanako im lặng ngồi quan sát hai người đàn ông đang kéo dài câu chuyện không đúng lúc và không đúng chỗ. Nàng đưa đôi mắt lơ đãng nhìn quanh đám khách đang bắt đầu nhảy theo một bản nhạc mới. Thế rồi nàng đưa hai tay lên ép nhẹ vào mái tóc mình. Như thế cái làm cho nàng không vui là mái tóc bạc hai bên thái dương Kiyohara, dấu hiệu chớm già của người đàn ông.

Vì Kiyohara mời bà Kawaramachi ra sàn nhảy nên người chồng châm lửa vào ống điếu rồi đi ra ngoài bao lon. Vừa nhảy, Kiyohara im lặng không nói gì. Hanako lên tiếng trước:

- Bà Miura Tamaki mất rồi hở ông?

Kiyohara đáp:

- Phải, bà ấy đã chết.

-...Về lá thư của ông, em thành thực xin lỗi. Em không thể nào viết trả lời ông được. Em nghĩ chắc ông đã nhầm người. Không phải vậy sao...?

Rồi như không nhận được lâu hơn nữa, nàng phá lên cười. Có thể thái độ khó chịu của nàng lúc này là vì phải nén tiếng cười này. Bởi nàng quay lưng lại để giấu khuôn mặt nên Kiyohara không thể biết nàng đang cười như thế nào nhưng tiếng cười ấy truyền từ

thân thể nàng khiến anh cảm nhận được một sinh vật nóng ấm, run rẩy vì sợ sệt.

- Không phải sao? Cứ như lá thư ông viết thì bây giờ tuổi em cũng phải đến bốn mươi, năm mươi rồi đấy chứ? Như vậy có tội nghiệp cho em không?

- Con số của cô bây giờ là hai con hai phải không?

- Em hăm hai!

Hanako ngậy thơ tiếp tục trả lời:

- Em nhớ trước khi bị bắt lính, ông có thói quen cứ hỏi tuổi của em hoài. Ông nói: Em mười tám, tôi bốn mươi... Rồi ông tính toán. Bốn mươi cộng với mười tám rồi chia đôi thì thành hai mươi chín...

- Thôi mình đừng nói chuyện tuổi tác nữa. Cô chắc không sao nhưng mỗi khi nghĩ đến chuyện tuổi tác của mình là tôi chán ngán lắm!

- Chính ra lá thư ông viết hay quá. Em đọc đi đọc lại ba lần đó. Thế nhưng ông lại đem tên của em mà gán cho nhân vật trong kỷ niệm thật đẹp của ông thì uổng quá. Chứ ông qua bên Milano gì gì đó chơi được bao lâu?

- Nếu ra ngoại quốc vì công việc buôn bán thì tôi chỉ mới qua Mỹ thôi. Có dịp đến Milano bao giờ đâu?

- Ôi chao, cái “chú” này dễ ghét!... - Cô gái thật đáng yêu, nàng đã buột miệng thốt ra cách xưng hô của mình với Kiyohara hồi còn chưa lấy chồng... - Sao mà giàu tưởng tượng vậy ông? Thế thì cô gái trong lá thư chỉ là nhân vật ông bịa ra hay sao? Nhưng tuyệt hay. Ông có thể viết tiểu thuyết được rồi đó.

Giọng nói ngây thơ, cách diễn đạt trẻ con như thế, ai bảo nàng đã hăm hai? Thân hình mảnh mai, mềm mại của nàng trông thật khả ái và nhẹ nhàng, tưởng chừng chỉ cần buông tay nắm là nàng sẽ bay mất. Đôi mày rậm, khá đen, không biết phục tùng. Dưới mắt Kiyohara, nàng mới có mười tám - những ai không biết chắc đoán nàng chỉ độ mười lăm, đúng vào cái tuổi bi kịch của nàng Chôchô, “cái tuổi còn thích hái hoa, đuổi bướm” - lúc anh gặp nàng lần đầu tiên hồi mới vừa góa vợ. Kiyohara yêu cái tuổi mười tám, mười chín này của Hanako. Anh đã yêu nàng không chút dè dặt, yêu mãnh liệt, với tất cả đam mê không ai sánh được nơi một người đàn ông bốn mươi đầy kinh nghiệm. Như thể hồn ma của người vợ đã ám ảnh và hướng dẫn anh, có một sức mạnh hầu như siêu nhiên đã động viên được - để thực hiện mục đích của mối tình này - tất cả những gì anh có từ đức tính, thiện chí, khả năng chịu đựng sự đau khổ, niềm vui, nỗi buồn, cũng như tất cả tật xấu và cả lòng hư danh của anh nữa. Đám cưới đã bị hoãn lại vì câu trả lời thiếu cương quyết của cha Hanako, rồi chiến tranh còn làm cho họ cách chia nhiều hơn thế nữa. Kiyohara phải đi đóng quân ở Đài Loan. Đến khi chiến tranh chấm dứt, sau một cuộc hành trình đường biển dài và cực khổ để tìm về tổ quốc, Kiyohara được tin Hanako đã lấy chồng. Đó là một kết luận tầm thường mà ai cũng có thể gặp phải. Kiyohara đã không chống trả nổi cái “tuổi già” đang hấp tấp trông ngóng ngày về của anh còn hơn cả Hanako nữa. Chính những dằn vặt đến trong lúc này cũng là niềm vui thỏa. Một sự hối tiếc thấm thía xâm chiếm lòng anh, người ngày xưa dù từng mong mỏi nhưng chưa hề một lần được nếm niềm vui của sự cô đơn. Tuy nhiên, có phải một người đàn ông tuổi đã về chiều, không còn chút

khả năng yêu đương gì nữa, là người duy nhất biết hối tiếc? Và sự hối tiếc phải chăng cũng là một hình thức yêu đương?

- Âm nhạc thật tuyệt vời. Âm nhạc có sức mạnh lạ lùng.

Giọng nói của Hanako trầm lắng trở lại. Kiyohara lòng se sắt nhớ về kỷ niệm khi ôm nàng trong vòng tay và thấy như cảm nhận được những ý tưởng trẻ con của nàng truyền qua anh.

- Hồi bà Miura Tamaki trình diễn lần cuối, em cũng có đi nghe với chồng em. Âm nhạc có thể khiến mình tạo ra được một ký ức mới không hờ ông? Thật thế, như những gì giữa ông với em, hai mươi năm về trước...

- Chuyện lá thư à, tôi có bằng chứng cả đấy chứ! Chẳng hạn như chiếc nhẫn. Cô không thấy là chiếc nhẫn cô đang đeo trên tay giống in chiếc nhẫn tôi có nhắc đến trong thư sao?

Kiyohara đưa mắt trở vào chiếc nhẫn mặt hình bầu dục thật thanh nhã với viên ngọc bích màu xanh dương, cái màu của biển cả, trên bàn tay cô gái đang đặt trên vai mình.

- Ủa, cái nhẫn này hờ, vật kỷ niệm mẹ để lại cho em đó. Từ xưa, lúc nào em chẳng đeo trên tay, chắc ông thừa biết! Vở ca kịch *Madama Butterfly*... cách đây hai mươi năm... Milano... Ủ nhỉ, tất cả như đã thành ra chuyện thật không biết từ lúc nào! Em tin là thật. Nếu vậy thì đó là chuyện có thật cũng nên!

Hanako, như một con chim bắt chợt cất cánh, bắt đầu nói như nói một mình bằng một giọng hưng phấn, say sưa, có chút gì thất thường và bi kịch, không đầu không đuôi.

- Trong thời gian chiến tranh, em sống ở vùng biển Ôiso^[29], ông ạ! Suốt ngày em cứ mãi mê nhìn mặt biển. Nhìn nhiều quá đến phát mệt, trong người khó ở, muốn buồn nôn. Em chỉ biết nhìn chứ không biết làm gì khác. Em không chờ đợi như nàng Chôchô. Không, em không chờ đợi gì hết.

Chắc ông viết bức thư nói trên cho em để dò hỏi về chuyện đó? Em hoàn toàn hiểu ý ông. Ông thấy tại sao em không trả lời bức thư của ông chứ? Có thực ông đã hiểu được chuyện đó hay không? Nhưng riêng em... thì em... - Lúc ấy bản nhạc sắp chấm dứt -...Em chờ đợi một điều còn hơn thế nữa!

Như đã chực phát biểu từ lâu, Bá tước trẻ tuổi Kawaramachi kêu lên, khi đón Kiyohara và Hanako đang tiến gần về phía bao lớn, trong lúc bàn tay cầm ống điếu chỉ trở một cách thích thú về phía xa:

- Nay ông Kiyohara, ở đây mình thấy được biển đấy. Xem kia kìa. Trước đây không làm sao thấy nó đâu. Buồn cười chưa, cảnh đẹp như thế này mà có được cũng là nhờ chiến tranh.

Đúng như vậy thực, nhìn về hướng ngón tay anh ta trỏ, không có gì làm chắn tầm mắt ngoại trừ ngôi biệt thự của dòng họ Chishima còn trụ lại sau cơn bom đạn và đám lá non vừa mới mọc lên xanh um tùm. Đằng sau những dấu tích màu hồng nhạt và xám tro của đồng nhà cửa bị thiêu rụi bày ra dưới ánh sáng lấp lóa một ngày sơ hạ, là vùng biển tuy bắn thủ nhưng bình lặng trải dài màu tái nhợt bên kia các dãy nhà kho và cơ xưởng. Có bóng một chiếc tàu, hình như là loại tàu chở hàng, cắm neo ở đó.

- Đấy là một con tàu Mỹ phải không ạ?... Anh chàng Bá tước trẻ tuổi lên tiếng như muốn chứng tỏ cho mọi người mình có đôi mắt tốt.

Kiyohara trả lời:

- Đúng thật, tàu Mỹ đấy!

Thế rồi, Kiyohara lại chăm chú nhìn quang cảnh mặt biển buồn bã xám tro thêm một lần nữa như muốn ghi khắc nó vào tâm khảm mình. Trên tầng không, một dải mây dài, màu sắc không rõ, đang vắt ngang trời. Nó giống dấu hiệu đầu tiên hứa hẹn sẽ đem đến những cụm mây dày đặc và trắng lệt như đỉnh núi, dấu tích của một mùa hè dữ dội. Hình như gió đang thổi hung bạo trên mặt biển. Có lẽ vì có ấy mà từ hình thể những đám mây, dường như thấy toát ra một nỗi sợ hãi, và tình cảm tiếc thương một ngày nắng đẹp như thế này hiện ra rõ ràng hơn bao giờ hết, so với tất cả những buổi chiều trong quá khứ.

Chỉ được hơn tháng, vào một buổi sáng giữa mùa hạ, Kiyohara nghe tin cấp báo cái chết đột ngột của Kawaramachi Hanako (con người đang độ tràn trề sức sống và linh hoạt không ai bằng). Sau khi trầm ngâm suy nghĩ, Kiyohara mới thấm thía một điều là cái ham muốn giữ cho bằng được trong ký ức hình ảnh của mặt biển vắng ngắt kia chỉ là cách anh dối lòng khi đã có linh cảm về một chuyện bi đát mà mình không thể biết lý do.

Nguyễn Nam Trân dịch

CHIM CÔNG (Kujaku)

1

Buổi chiều hôm đó, Tomioka đã tiếp một vị khách đến thăm bất chợt. Người ấy lại là viên cảnh sát hình sự.

Rạng ngày mừng 2 tháng Mười, hai mươi bảy con công Ấn Độ của công viên M. nằm cạnh nhà anh đã bị ai đó sát hại một lượt. Khi đọc mẫu tin ấy qua tờ báo buổi chiều, Tomioka cảm thấy lòng anh bị xúc động mạnh mẽ, và qua ngày hôm sau thì, đây rồi, viên cảnh sát ấy đã tìm đến nhà.

Tomioka là một viên chức trong một xí nghiệp chuyên lưu kho các mặt hàng trên bến tàu Yokohama. Anh đến sở đều đặn mỗi ngày nhưng không tỏ ra có hứng thú với công việc. Vì là con trai của một gia đình giàu có chuyên buôn bán bất động sản trong vùng, anh đã nhượng một miếng đất cho người ta dựng nên công viên M. Nhờ hoa lợi từ thương vụ nói trên, anh mua được một chiếc xe hơi mới toanh, mỗi ngày lái nó đến sở làm theo xa lộ vành đai của thành phố Yokohama.

Buổi sáng thứ Bảy, ngày 26 tháng Chín, một ngày trời đẹp, anh đã dắt theo đứa con gái nhỏ duy nhất của mình đi đến công viên. Ngày thứ Năm, mừng 1 tháng Mười, anh trở lại nơi đó nhưng chỉ có một mình. Ngày 26, anh đã ở bên bày công thả rông ở đấy trong

gần một tiếng đồng hồ và bận bịu đổ dành đưa con gái hay khóc nhè. Còn như ngày mùng 1 thì anh đã ở lại đó gần hai tiếng đồng hồ và đứng ngắm chúng một mình. Công viên M. nằm cách nhà anh chỉ độ mười lăm phút đi bộ.

Vì trước kia anh là chủ nhân của khu đất ấy, tất cả nhân viên làm việc trong vườn đều quen mặt. Có thể phỏng đoán rằng một trong những nhân viên ấy đã chứng kiến sự hiện diện của anh và báo cho nhà chức trách.

Tomiooka sống độc thân trong một thời gian dài. Mãi đến tuổi bốn mươi anh mới lập gia đình. Năm sau thì vợ anh sinh con gái và đứa bé bây giờ đã lên bốn. Vợ anh là một người đàn bà vóc dáng cao to, trước kia đã định trở thành ca sĩ opera nhưng qua tuổi 30, cô đã từ giã con đường ấy. Một người quen biết cả hai bên đã mai mối và sau đó, họ đi đến hôn nhân.

Vợ chồng Tomiooka là dân có máu mặt trong vùng nên khi đặt chân qua ngưỡng cửa nhà họ, viên cảnh sát đã tỏ ra vô cùng cung kính. Tuy bộ điệu bên ngoài ông ta là thế nhưng Tomiooka hiểu ngay rằng dưới mắt viên chức ấy, anh chỉ là một đối tượng tình nghi trong vụ mấy con công bị thảm sát, dù ở mức độ nào thì anh hãy còn chưa biết.

2

Được mời vào bên trong gian đại sảnh rộng rãi và cổ kính của gia đình Tomiooka, viên cảnh sát tự nhiên cảm thấy cách trang trí nội thất ở đây có cái gì không được bình thường. Món đồ đầu tiên lôi

cuốn cái nhìn của ông ta là bức tượng thật khéo léo của một con công bằng kim loại với màu sắc lộng lẫy trông như một con chim thật đặt bên trên lò sưởi. Trên tường có treo một bức tranh thêu với cảnh tượng một bầy công đang đấu đá với nhau. Lại thấy trên một cái kệ có một con công khác làm bằng pha lê kiểu rất thanh nhã. Ngoài ra trong phòng còn một số đồ mỹ nghệ khác nhưng không có món nào mang hình ảnh loài công. Dường như ba tác phẩm nghệ thuật nói trên đủ chứng tỏ rằng loài chim này có một mối liên hệ mật thiết với chủ nhân của ngôi nhà.

Gian đại sảnh quá rộng lớn và buồn bã toát ra một mùi ẩm mốc. Mỗi khi cho tay sờ vào những tấm bạt trắng che mấy cái ghế ngồi, người ta có cái cảm tưởng ươn ướt của một lớp vỏ cây bạch dương dầm nước mưa.

Vì phải chờ lâu và để giết thời giờ, viên cảnh sát đứng dậy và bắt đầu tiến đến gần mấy món đồ mỹ nghệ dùng vào việc trang trí gian đại sảnh rồi xem xét từng cái một: nào là bức bình phong kiểu Tàu bằng gỗ đàn hương màu đen, những dụng cụ chài lưới của vùng Nam Đảo và lạ hơn hết, có cả bức liễn với bút tích của một chính khách được lồng khung. Rõ ràng là một cách bài trí vô trật tự khiến cho những bức tường không còn lấy một chỗ trống. Người ta thấy trên đó từ một chứng minh thư cho hành khách viễn dương đã vượt đường xích đạo, có trang trí hình ảnh nhân ngư và thủy thần; cho đến một tấm ngói sứ vuông kiểu Delft vẽ hình một cối xay gió Hà Lan màu xanh dương. Giữa hai món đồ ấy là một tấm ảnh ai đó đã chụp và nó thu hút đặc biệt sự chú ý của viên cảnh sát.

Trong tấm ảnh ấy là một thiếu niên khoảng mười lăm, mười sáu tuổi đang đứng thẳng người. Cậu ta mặc một chiếc áo cổ lọ

rộng thùng thình. Thân hình cậu nổi bật trên nền đầy cây cối, có lẽ là khu rừng nằm đâu đó cạnh nhà. Đó là một thiếu niên với vẻ điển trai hiếm có. Hàng lông mày của cậu thanh tú và đều đặn, đôi mắt sâu, nước da trắng, còn đôi môi hơi mím tạo ra một dáng vẻ có phần lạnh lùng. Trên hết, lớp da mặt xinh đẹp, bóng và căng ra như lớp băng mỏng của một ngày chớm đông, làm lộ trước mắt người xem tất cả nỗi buồn và sự ngạo mạn của một gã con trai. Gương mặt đó đang toát ra cái gì giống như điềm gỗ: một vẻ thanh tú dùng để che đậy sự mong manh dễ vỡ của tâm hồn và một vẻ trong sáng tựa pha lê nhưng phảng phất đâu đó dấu hiệu của sự tàn nhẫn.

Viên cảnh sát hình sự nhìn hết món đồ này tới món đồ khác và có linh cảm chủ nhân của khu dinh cơ này không phải một người bình thường.

Khi ông ta trở về chỗ ngồi thì vừa vặn lúc đó, vợ chồng Tomioka cũng mở cửa để bước vào gian đại sảnh. Anh chồng dáng cao lớn và mảnh khảnh trong khi cô vợ người có hơi đầy đặn một tí, dáng dấp ấy gợi cho ta nhớ rằng xưa kia cô từng là ca sĩ của nhà hát opera. Nếu những đường nét bao quanh khuôn mặt còn đọng lại hình bóng tươi tắn và xinh đẹp của một thời đã qua nhưng nay đã bị xò ra, thì cánh mũi nhỏ và khéo miệng vẫn còn rõ nét, tạo cho cô một vẻ nghiêm nghị và trang trọng.

- Tôi đến đây là có chút chuyện để bàn riêng với ông nhà...

Viên cảnh sát hình sự cảm thấy bối rối, rốt cuộc ông phải lên tiếng như vậy khi thấy người đàn bà như không có ý định rời gian phòng. Thế nhưng cô ta đã đặt câu hỏi với một giọng trong thanh đến không ngờ tuy có hơi to, run rẩy vì chứa đầy bức tức:

- Vì sao tôi không thể ở lại đây hờ thầy cảnh sát? Chẳng qua mục đích cuộc thăm viếng của thầy chỉ là mấy con công thôi mà!

- Ôi chao, tôi đã nói chi đâu mà bà chủ đã khai hỏa rồi kìa!

Viên cảnh sát trả lời với một nụ cười ngượng ngịu, đưa mấy ngón tay luồn trong mái tóc.

Tomioaka thì không tỏ ra thiếu kiên nhẫn chút nào. Anh vẫn giữ nguyên vẻ trầm tĩnh. Anh ngồi yên vị trong cái ghế bành, một chiếc áo *cardigan* bằng len *cashmir* màu hạt dẻ khoác hờ trên vai, trông thật thoải mái và bình thản. Dáng dấp trí thức như học giả ấy làm lung lay những giả thuyết mà viên cảnh sát đang nuôi trong đầu. Thế nhưng cùng lúc viên cảnh sát này khám phá ra nhiều dấu hiệu của một sự tàn phá thảm hại trên khuôn mặt đã lộ ra cái tuổi bốn mươi lăm của người đàn ông ngồi trước mặt.

Tóc anh ngả màu muối tiêu còn làn da đã mất hết sức đàn hồi. Đường nét tuy có gọn ghẽ nhưng là một sự gọn ghẽ giả tạo. Người ta có thể ví nó với một hòn non bộ lâu ngày không ai chăm sóc nên bám đầy bụi. Bụi bám từ ngọn giả sơn, trên những cây cầu cũng như trên những ngọn thạch đăng nhỏ và bụi còn bám từ trong ra ngoài những ngôi nhà bé tí đúc bằng gốm sứ. Hình ảnh của một hòn non bộ như thế giống một cách lạ lùng với đường nét lộ ra trên khuôn mặt của Tomioaka.

Suốt đời mình, anh chàng vẫn chưa làm được một công việc gì cho ra hồn. Anh ta chịu gấn bó với một sở làm là để giữ thể diện với người đời. Một cậu công tử như thế không thể nào chiếm được thiện cảm của viên cảnh sát. Tuy nhiên anh ta có vẻ học thức. Viên chức ấy không biết trình độ của anh đến đâu nhưng điều đó đã tạo

nên ấn tượng nơi ông. Mặt khác, phải chăng nền giáo dục mà Tomioka nhận được đã là yếu tố gây ra sự tàn phá trên khuôn mặt khi anh vừa đến cái ngưỡng của lứa tuổi bốn mươi lăm.

- Vì bà nhà đã bắn phát súng đầu tiên, tôi xin được phép đi thẳng vào vấn đề nhé. Đúng như bà chủ nói, hôm nay, tôi đến đây là vì sự cố liên quan đến mấy con công đấy! Quả tình tôi được biết ông nhà vốn có sở thích đặc biệt đối với loài chim này.

- Những lời thầy phát biểu bóng gió này giờ chỉ làm cho chúng tôi thấy khó chịu. Nói gần nói xa chẳng qua nói thật: có phải thầy tình nghi chồng tôi là thủ phạm sát hại mấy con công ấy hay không?

- Không. Tôi không có ý đó!

Bị ngáng ngay mũi, viên cảnh sát xua tay ra dấu phủ định lời cáo buộc.

- Tôi chỉ thấy sự cố này có vẻ khác thường. Cuộc điều tra sẽ dẫn đến đâu nếu thầy cứ dựa vào việc mấy con công bị giết mà đi lùng những người có thiện cảm với chúng. Thầy có thực sự tin rằng những người yêu mèo sẽ đi giết mèo và những kẻ yêu trẻ con sẽ lùng trẻ con để giết hay không?

Bị chất vấn như vậy, viên cảnh sát tuy cố giữ im lặng mà cũng tỏ ra bực bội. Nhưng lần này, Tomioka đã vào cuộc:

- Này em, hãy lắng nghe ý kiến của người khác trước khi lên tiếng như vậy. Tôi hiểu được lý do cuộc viếng thăm của thầy. Hôm trước khi sự cố xảy ra, tôi đã đứng một mình trong chốc lát để ngắm lũ chim công. Chắc ai đó đã bắt gặp, lấy làm lạ và thông báo chuyện này cho cảnh sát. Có đúng thế không ạ?

- Ông đoán đúng!

Viên cảnh sát dịu giọng và đưa ra nhận xét như vậy.

- Tuy nhiên chồng tôi không phải là người có đủ can đảm để làm một hành động kiểu đó. Hơn nữa, anh ấy không có một lý do nào để đi giết mấy con công. Anh ấy yêu chúng một cách đơn thuần và chỉ có thế!

- Thôi, thôi đi em ạ!

Tomiooka ra hiệu bằng tay để chặn người vợ khỏi nói thêm. Đó là một động tác thật nhẹ nhàng như khi anh đưa bàn tay ra để sờ bên lò.

Trên mặt bàn, tách trà mà người nhà đem ra để mời viên cảnh sát đã nguội ngắt. Trên mặt nước màu nâu nhạt thấy nổi một vầng bụi mỏng. Dường như bụi bặm trong một ngôi nhà lâu ngày không quét dọn đã từ từ rơi xuống và phủ lên trên đó.

Trong khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, viên cảnh sát nói hết chuyện này đến chuyện nọ những mong tìm cho được một lời giải thích về nhiệt tình của chủ nhân ngôi nhà đối với loài công nhưng ông không sao đạt đến mục đích.

Tomiooka chỉ phát biểu một cách thản nhiên:

- Tôi không biết vì lý do gì... Tôi chỉ biết là mình yêu loài chim công.

Trái với sự chờ đợi của viên cảnh sát hình sự, đôi mắt của Tomiooka không để lộ ra một vẻ đam mê nào quá sức, hai tay của anh ta cũng chẳng run rẩy vì dao động. Giọng nói của anh khi đề cập đến sở thích về chim chóc đó nghe cũng bình thường như khi

anh nói về sở thích ăn uống của mình và không hề e thẹn như khi thổ lộ nó cho bất cứ người nào mình mới gặp lần đầu. Do đó viên cảnh sát không thể tìm ra chứng cứ của một đam mê vật chất không lành mạnh nào nơi anh cả.

Tomiooka lặp lại nhiều lần cùng một câu trả lời. Không phải anh phản ứng vì đã cảnh giác trước câu hỏi của viên cảnh sát nhưng rõ ràng đó là một thái độ tự phát. Như thế anh không biết một cách trả lời nào khác. Không có một điều gì từ phía anh làm lộ ra cái khuynh hướng mà nếu là những kẻ tâm lý lệch lạc, họ sẽ khó lòng kìm hãm. Đó là sự động viên tất cả vốn ngôn từ - cho dù nghèo nàn đi nữa - để phát tán những ám ảnh bỏng cháy trong lòng. Trước thái độ bình thản của Tomiooka, viên cảnh sát cuối cùng đành chịu thua.

Về phần người vợ, lúc đầu bà ta tỏ ra kênh kiêu, thường quay ngoắt đi ra dáng không bằng lòng, thế nhưng sau khi viên cảnh sát bắt đầu hướng cuộc thẩm vấn qua phía chồng mình, bà biết giữ im lặng tuy không có dấu hiệu muốn đứng lên để rời khỏi gian phòng. Bà mặc một bộ đồ đầm màu nhã và nói chung, có vẻ không xem những việc đang xảy ra chung quanh như có liên hệ với mình: điều này hơi khác thường đối với một người từng là ca sĩ nhà hát opera.

Có điều là người đàn bà đang tỏ ra hết sức bức dọc, đến độ viên cảnh sát nghĩ bụng nguyên nhân chính của thái độ khó chịu đó không phải chỉ là mình. Bà như muốn cắt cuộc trao đổi về mấy con công này càng ngắn càng tốt. Lâu lâu bà lại ném một cái nhìn kiêu kỳ và khinh miệt về hướng hai người đàn ông vốn đang cày cục để hiểu được ý nhau.

Khi viên cảnh sát đứng lên ra về, ông ta nhìn quanh mình một lượt và lên tiếng bình phẩm:

- Nhà ông bà có nhiều món đồ trang trí độc đáo đấy!
- Ồ, chỉ là ba thứ lắt nhắt các cụ tôi truyền lại.

Tomioka trả lời bằng một giọng hững hờ. Viên cảnh sát cảm thấy buồn cho cái nghề cảnh sát của mình vì hình như tất cả những điều ông phát biểu ngoài phạm vi cuộc điều tra cho dù với tất cả thiện chí đều bị coi như có ngầm chứa hậu ý. Ông những mong chủ nhân đánh giá cao hơn sự sành sỏi về cổ vật của một người không chuyên nghiệp là mình.

Không muốn quay lại với cuộc đàm thoại, viên cảnh sát dừng chân trước một bức tường và quan sát. Ông cảm thấy đằng sau lưng, hai vợ chồng nhà Tomioka cũng đang quan sát mình nhưng với ánh mắt ít thân thiện hơn. Cái nhìn của họ như muốn bảo ông nên biến đi cho rảnh và ông có cảm tưởng nó chiếu vào một chỗ trên lưng ông như đang có ai đang dí vào đó một que sắt nóng bỏng.

Viên cảnh sát đột nhiên cảm thấy rõ ràng hơn bầu không khí dịu dàng của mùa thu đã len lỏi vào bên trong căn phòng khách rộng thênh gang gay gay một mùi ẩm mốc. Nhìn qua cửa sổ, ông thấy bên ngoài có một hàng cây dẻ; trên con đường rải sỏi từ ngôi nhà ra đến cánh cổng, rải rác những hạt dẻ rơi rụng và đang bị phân hủy. Trong khi đưa mắt nhìn những vật trang trí đủ loại treo trên tường, viên cảnh sát hình sự có cảm tưởng mơ hồ như mình đang nghe rõ ràng từ xa vọng lại tiếng kêu thống thiết của đám chim công đã bị người ta sát hại.

Dĩ nhiên cái hôm mà viên cảnh sát tới hiện trường vụ thảm sát thì mấy con công ấy chỉ còn là những cái xác không hồn, mình mấy bê bết máu me. Với chính đôi tai của ông, viên cảnh sát chưa từng nghe chúng kêu gào một lần nào. Thế mà lạ thay, ông có ấn tượng là tiếng kêu cứu cuống quýt của những con vật bất hạnh ấy đã xé rách màn đêm dày đặc để bay đến tận tai ông. Đó là những tiếng kêu mỏng manh bầu vuu vào nhau như những sợi tơ vàng hay bạc được luồn trong một khung vải màu đen.

Bực bội vì câu trả lời hờ hững mới đây, viên cảnh sát bất chợt nảy ra sáng kiến tinh ranh bằng cách đưa ngón tay trở vào gã thiếu niên trong tấm ảnh và đặt câu hỏi:

- Người này là ai vậy?

Đây là lần đầu tiên đôi mắt Tomioka lóe lên một tia sáng như con cá vọt lên khỏi mặt nước:

- Tôi đấy!

- Ôi!

- Vâng, chính là tấm ảnh của tôi. Ông thân sinh đã chụp nó trong vườn hời tôi vừa mười sáu tuổi.

Một nụ cười khinh miệt thoáng hiện trên môi người vợ. Đó là một nụ cười mà viên cảnh sát, tuy tỏ ra ngạc nhiên nhưng hình như đã rình rập từ lâu.

- Nhìn anh ấy bây giờ chắc thầy cũng không ngờ hình dáng ngày xưa là như vậy, phải không hở thầy. Coi bộ đây là lần đầu tiên, tôi và thầy cùng đồng ý với nhau về một chuyện. Hồi mới lấy nhau, anh ấy đã không còn có một nét nào gọi được con người

trong bức ảnh. Thực tình thì chúng tôi chỉ mới kết hôn với nhau được có năm năm!

Vì đã quyết tâm giữ cho được bầu không khí lễ độ suốt cuộc gặp gỡ, viên cảnh sát cố kiềm chế nụ cười và đồng thời che giấu vẻ ngạc nhiên của mình. Thế nhưng nếu nhìn cho kỹ con người trong bức ảnh thì không còn gì để nghi ngờ nữa, đó là hình dáng Tomioka ngày còn trẻ.

Điều quái lạ là tại sao một con người có kinh nghiệm nghề nghiệp về nhân tướng như viên cảnh sát mà mãi đến bây giờ mới nhận ra được cái giống nhau giữa con người trong ảnh và Tomioka. Vâng, khi biết sự thực rồi ông ta mới tìm thấy có sự tương đồng giữa hình thù cặp lông mày của người trong ảnh với đôi mày của Tomioka. Dù vậy, dưới đôi mày thẳng thớm của anh, không còn thấy đâu là đôi mắt trong veo của thời son trẻ mà chỉ có những nếp da nhăn xếp ngang bên dưới. Duy cánh mũi thì vẫn thế, đôi môi mỏng dính cũng vậy. Nó tạo ra một ấn tượng tàn nhẫn.

Thế nhưng sự thay đổi của Tomioka từ vẻ đẹp ngày xưa cho đến khuôn mặt bây giờ thật là khủng khiếp. Việc anh đánh mất vẻ điển trai và đánh lừa được con mắt tinh tế của viên cảnh sát dày kinh nghiệm là điều đáng ngạc nhiên rồi, nhưng cái làm ông ngạc nhiên nhất là anh đã đánh mất nó một cách hoàn toàn. Khuôn mặt của Tomioka ngày nay chỉ còn thoáng thoáng đôi nét của Tomioka thời niên thiếu như bức phác thảo dưới bàn tay của một người vẽ tranh vụng về nhất. Người vẽ tranh ấy, thay vì phóng đại những nét đặc thù của nhân vật lại quá trung thành với các chi tiết, nhưng qua những đường nét quá e ấp, mỏng manh và do dự, cuối

cùng đã phá hỏng tất cả ấn tượng của sự tương đồng giữa hai khuôn mặt.

Một khi đã biết được người trong ảnh là Tomioka thì có thể nắm được sợi chỉ dò đường và lần hồi tìm thấy những nét hao hao giữa hai khuôn mặt như khi người ta làm lộ ra những đường nét ẩn giấu vì được vẽ bằng một loại mực hóa học. Bây giờ viên cảnh sát không còn có gì để nghi ngờ nữa. Nhân vật trong ảnh chính là Tomioka thời trẻ.

Trong khi đạp xe đạp để trở về công sở, viên cảnh sát lấy làm ngạc nhiên vì trong đầu mình, hình ảnh một Tomioka thực sự với khuôn mặt mệt mỏi nhòa nhạt dần để nhường chỗ cho một Tomioka hoàn toàn đẹp để trẻ trung. Đêm hôm đó tuy trời không trăng nhưng viên cảnh sát nghĩ rằng ông thấy trước mắt mình có một vầng trăng sáng ngời chiếu lên trên khuôn mặt hư huyền đó.

Để về đến trụ sở cảnh sát, viên cảnh sát hình sự phải đi trên một con đường không trải nhựa và đầy sỏi đá. Một bên là những bờ tre nối liền nhau và sâu bên trong đôi khi thấp thoáng ánh đèn vàng của một ngôi nhà nào đó. Còn bên kia chỉ trơ những cánh đồng đã gặt xong. Đường gập ghềnh khó đi nên cuối cùng viên cảnh sát phải xuống yên xe tiếp tục đi bộ, ghi đông trên tay và thân mình ông đôi khi chạm phót vào mấy lùm tre bên vệ đường.

Đây là một con đường tắt nối công viên M. với con đường vành đai của thành phố Yokohama. Chợt viên cảnh sát thấy đằng sau lưng mình có một luồng ánh sáng và khi nó tiến đến gần, đã đột ngột chiếu cái bóng lớn của mình ra đằng trước. Ông ta hiểu ngay ấy là một chiếc xe trở về từ công viên và bánh xe đang làm bắn qua hai bên đường những viên sỏi nhỏ. Ông né tránh bằng cách tấp vào

phía bờ tre thêm chút nữa để cho chiếc xe vượt qua. Một hình ảnh đập vào mắt ông: màu trắng lóa của chiếc khăn quàng của người phụ nữ đang nép vào người lái xe. Đó là một chiếc xe lớn, kiểu khá xưa. Tiếng động cơ ồn ào, thân xe rung chuyển khi bánh xe lóc cóc trên con đường sỏi đá gập ghềnh. Màn đêm cũng không đủ che giấu bụi bặm bám đầy cổ xe.

Khi chiếc xe đã qua rồi, một lần nữa viên cảnh sát dừng bước một đổi trong cái yên tĩnh vừa tìm lại được để suy nghĩ. Ông quay đầu nhìn ra đằng sau. Trên bầu trời, ông nhận ra công viên đang đỏ rực lên như một đám cháy bao quanh bằng những mảng tối đen của rừng cây dày. Ông cũng thấy nhiều chùm ánh sáng vàng có, xanh có, đỏ có đang di động một cách chậm rãi. Có lẽ là những ngọn đèn phát ra từ bánh xe quay của một vòng đu lớn.

3

Sau khi người cảnh sát hình sự rời khỏi ngôi nhà, Tomioka bảo vợ cho phép anh được ngồi một mình đôi phút. Cô đồng ý và bước ra khỏi phòng nhưng không quên làm một động tác quen thuộc, ấy là để lại một nhận xét bằng cái giọng nói trong thanh của mình:

- Suy nghĩ chi cho mệt. Anh làm như mình là thủ phạm vậy!
- Em buồn cười! Anh cũng có người làm chứng là mình không dính dáng gì đến vụ đó chứ!
- Ồi dào. Nếu anh làm gì khi em đang ngủ, làm sao em biết được!

Vợ anh đi ra ngoài, Tomioka ở lại một mình, thu người trong chiếc ghế bành và hút thuốc lá. Vừa khi người vợ rời khỏi đó, anh có cảm tưởng như có một người bán chong chóng cho trẻ con đang huýt còi trong gió vừa đẩy chiếc xe thồ hàng của hắn đi xa dần.

Tomioka nghĩ thầm đến mùa này ban đêm đã phải bắt đầu đốt lò sưởi. Như vậy phải lau bụi cái lò chạy bằng khí đốt mình đã để mặc suốt những tháng hè vừa qua. Anh nhớ da diết tuổi ấu thơ qua cái mùi bốc ra từ gian đại sảnh này, cùng với tấm thảm dày kiểu Tàu đầy mùi ẩm thấp như bây giờ. Lúc đó, nhà anh bắt đầu cho đốt lò sưởi lần đầu tiên trong mùa và căn phòng dần dần tỏa ra hơi ấm.

Sau khi viên cảnh sát đến thăm, việc mấy con công bị sát hại đã trở thành một thực tế gần gũi đối với anh. Thực vậy, cái chết của chúng đã khơi dậy nơi anh một ấn tượng sống động, có lẽ một phần vì buổi chiều hôm trước, anh đã thù người nhìn ngắm chúng cho nên ấn tượng ấy đã đuổi theo anh suốt trong những giờ kế tiếp, khiến cho anh cứ thế mà chìm đắm trong một trạng thái thần thờ. Thế nhưng kể từ khi viên cảnh sát đến thăm, cái ấn tượng ấy như bừng tỉnh và vùng dậy để gắn anh liền với thực tế. Cái chết của chúng mơ hồ như giấc chiêm bao nay đã trở thành một thực tế tàn nhẫn nhưng huy hoàng. Thế rồi, nhờ sự gợi ý của một viên cảnh sát hình sự lâu năm trong nghề và cũng nhờ cái sức mạnh soi thấu của đôi mắt, giọng nói cũng như toàn thể nhân cách ông ta, đã làm một thực tế ảo lộ ra rõ ràng như ai đem cường toan đổ lên tấm bảng làm bằng kim loại. Tomioka bắt đầu bị thu hút một cách lạ lùng bởi ý muốn đi tìm lý do cái chết của những con công. Hơn nữa, cũng giống như điều mà người vợ đã thông minh gợi ý, biết đâu chẳng

phải là chính anh, khi đang ngủ mơ, đã gây ra hành động tàn khốc này.

Cho dù không giữ lại giả thuyết ấy, vụ việc hầy còn có nhiều điểm tối mà lý tính của con người không hiểu được. Có nhiều điểm hoàn toàn phi lý, một sự phi lý được che đậy bằng cái vỏ đẹp đẽ. Tomioka nghĩ rằng dùng hai chữ “xa hoa” để ví von với việc nuôi nấng và chăm sóc đàn công thì thật phù hợp, nhưng phải chăng nếu đem nó đối chiếu với việc tàn sát chúng thì biết đâu lại còn tương xứng hơn nữa. Và anh nhận ra rằng sự hiện hữu của loài công đã hàm chứa nghịch lý đó. Người ta có thể xem việc nuôi một trăm con bò, một trăm con ngựa, ngay cả một trăm con chim hoàng yến là một hành động xa hoa, nhưng nào ai có thể nói việc tàn sát một trăm con vật như vậy là xa hoa cho được.

Tất cả chỉ vì công là công mà thôi! Thật vậy, công là một giống chim có vẻ đẹp huy hoàng khôn tả. Khoa sinh vật học của động vật cho biết cái màu xanh chói chang của bộ lông công có công dụng bảo vệ chúng khỏi cái nắng nôi của những cánh rừng vùng nhiệt đới vốn đầy ắp tia mặt trời, nhưng lý do ấy chỉ đúng một phần thôi. Sự kiến tạo một loài chim như con công phải chẳng đã đến từ lòng kiêu căng của Đấng Tạo Hóa bởi vì Tạo Hóa thấy cần phải có một động vật mang vẻ đẹp hoa lệ như nó. Có lẽ sau khi Ngài cảm thấy mệt mỏi với việc sáng tạo những loài động vật để phục vụ cho một mục đích lợi ích đã đặt ra trước đó, Đấng Tạo Hóa mới nghĩ đến một loài vật tượng trưng cho sự vô ích, và vì vậy những con công kia mới có lý do để ra đời. Hành động xa xỉ đó đã đến vào hôm cuối cùng của công việc tạo dựng trời đất, trong một buổi hoàng hôn mà ánh sáng tô lên trên bầu trời những đường nét muôn màu muôn vẻ. Chính vì muốn phá tan hư không và đập vỡ màn đêm u ám mà

Đấng Tạo Hóa đã cố tình biến cái tối tăm thành những sắc màu rạng rỡ và ban chúng cho những con công. Do đó mỗi hoa văn trên từng cánh lông vũ kia đã được làm ra sau khi Tạo Hóa đối chiếu chúng một cách nghiêm ngặt với từng yếu tố cấu thành bóng đêm sâu thẳm.

Sự cố vừa qua đã làm lộ trước mắt ta thấy bản chất của loài công. Việc tàn sát những con công này còn là một hành động xa hoa hào nhoáng hơn cả việc sinh thành và chăn nuôi chúng. Nếu như ý nghĩ đó đã làm cho một người yêu loài công như Tomioka phải chìm đắm trong một trạng thái nửa mơ nửa tỉnh thì thật không có gì đáng ngạc nhiên.

“Cuộc sống như thế có ý nghĩa gì không nhỉ?” Tomioka thường tự đặt câu hỏi như vậy trong giờ nghỉ ngơi giữa buổi trưa những ngày làm việc nhàm chán ở khu nhà kho, khi anh nhìn ra biển khơi ở đằng sau bến cảng nhiều thuyền bè đi lại, nơi ấy có một đường thẳng sáng lóa hai màu xanh và lục như lông viền quanh cổ một con công. “Cuộc sống như thế đó có ý nghĩa gì không nhỉ? Với sinh vật ấy, cái chết còn huy hoàng hơn cả kiếp sống, sinh và tử đều được tiến hành theo cùng một luận lý. Dường như chúng là loài chim mà vẻ huy hoàng của ban trưa và vẻ huy hoàng của bóng đêm cũng chỉ là một.”

Tomioka suy nghĩ miên man, nhưng rốt cuộc kết luận duy nhất anh tìm ra được là những con công kia chỉ đạt đến sự hoàn hảo khi chúng bị giết. Sự hào nhoáng của chúng căng tròn như một cánh cung, có tác dụng nâng đỡ sự tồn tại của chúng khi đang hướng về một đích nhắm, đó là cái chết thảm khốc. Cũng vậy, trong bao nhiêu thứ tội ác con người có thể làm ra, việc thảm sát những con

công có lẽ là phù hợp với bản chất của thiên nhiên hơn cả. Giết không phải là chặt nát ra từng mảnh nhưng là kết hợp cái đẹp và sự hủy diệt lại với nhau. Khi tự nhủ như vậy, Tomioka muốn bào chữa cho tội ác mà có lẽ anh đã phạm phải trong một giấc mơ.

Ý tưởng này chợt lóe chợt tắt trong trí anh giữa bức màn đêm đang bao phủ gian đại sảnh thoảng mùi ẩm mốc, nhưng càng lúc càng rõ rệt hơn.

Tomioka nhận ra rằng việc không chứng kiến được cảnh thảm sát bầy công có lẽ là điều đáng hối tiếc nhất trong cuộc đời anh. Những con vật anh đã nhìn ngắm một cách say sưa vào buổi xế trưa ngày mùng 1 tháng Mười, khi một mình trở lại công viên M. chỉ là những con công còn sống. Anh hồi tưởng cảnh tượng đó và thấy như đang hiện ra trước mắt mình những con công Ấn Độ được thả tự do mà anh đã xem xét chi li dưới từng góc cạnh.

Muốn ngắm những sợi lông vũ dài phủ cuối đuôi công và xòe ra như cánh quạt, phải đợi đến một buổi sáng mùa xuân khi con chim đực cảm thấy cần thiết phô trương cho chim cái tất cả vẻ đẹp cao ngạo của mình. Vào mùa này, Tomioka thường có thói quen cố tình đến vườn bách thú thật sớm để nhìn cho được khung cảnh ấy. Tiếc thay những con công Ấn Độ được nuôi và thả tự do kia không có cái đẹp hùng tráng của những con công đảo Java vốn là giống chim kiêu hãnh và ngạo nghễ. Nhìn chúng từ xa, người ta chỉ thấy đó là một bầy chim sắc xanh sáng nhưng nhiều khi cái màu ấy lại lẫn vào bên trong màu xanh của thảm cỏ bao trùm hết phần lớn diện tích công viên. Tuy nhiên, khi đến gần và quan sát một cách kỹ lưỡng, ta mới thấy rằng màu sắc tinh tế trên bộ lông của bầy công

Ấn Độ lại có phần nổi trội ở một khía cạnh nào đó nếu so với vẻ đẹp huy hoàng của giống công Java.

Bằng những bước chân gấp rút, mấy con công bất chợt ủa tới bên cái băng dài anh đang ngồi, như thể chúng đang mong mỗi một điều gì đó ở anh. Từ cái ức rộng và tròn của nó nhô lên một cần cổ dài xoay qua xoay lại liên hồi, bên trên đó và cao hơn cả là cái đầu chim khô khốc. Khi đến bên anh, chúng không ngừng gục gặc đầu rồi thỉnh thoảng vươn cổ lên cao đủ cho anh nhìn thấy từng chi tiết trên đó. So sánh với những màu sắc sặc sỡ trên thân nó, đầu của công chỉ là một cái đầu chim gầy guộc. Với cái mỏ xám, những nếp nhăn xếp thành quầng bao quanh đôi mắt và dưới đó là vài sợi lông màu trắng. Cái đầu chim cùng với những bàn chân khẳng khiu gợi lên hình ảnh của những xác ướp Ai Cập khô đét, khiến cho người ta có cảm tưởng chúng là những sinh vật bất tử. Tuy nhiên sự bất tử ấy là giả hiệu. Thực ra sự sống của con công vốn nằm bên dưới tấm áo khoác hoa mỹ kia và chỉ cần hủy hoại bộ cánh ấy là nó sẽ chết.

Những sợi lông trên chóp đầu của bầy công phản chiếu ánh sáng mặt trời nên lấp lánh một màu xanh biếc, đóng đưa cái thấp cái cao như những lá quạt khi được vuốt ve bởi luồng gió nhẹ. Vòng cổ màu xanh dương sẫm phản chiếu ánh nắng đôi khi trông như là xanh lục nhưng nếu nhìn xuống phần dưới của cần cổ thì sẽ thấy nó hoàn toàn xanh trước khi ngả sang vàng nhạt. Sự chuyển đổi màu sắc đó đã được thực hiện như phù thủy nhằm đánh lừa nhãn quan của người xem: khi màu xanh dương nhạt đi để đổi thành xanh lục, không ai biết được màu xanh lục đó đã bắt đầu từ chỗ nào. Bộ lông dày giấu trong đáy sâu của nó những sự chuyển đổi màu sắc và phản quang tinh tế. Nhiều khi dưới một loại ánh sáng nào đó, nó cho ta thấy tất cả những màu sắc đã hợp lại thành

màu của mặt biển. Khi gặp phải một nơi mà bóng tối quá dày đặc, màu vàng nhạt kia sẽ biến thành một màu vàng chói lọi. Khi công gồng mình để phô trọn tấm áo lông của nó ra, mỗi cái lông vũ của bộ áo khoác đó sẽ dựng đứng lên cho ta thấy bên dưới chòm lông màu xanh lấp lánh của cần cổ, hãy còn có những sợi lông nâu nằm mãi thật sâu.

Lưng công điểm những đốm màu nâu nhạt nhưng hai bên sườn, màu nâu còn tươi hơn một bậc. Tuy nhiên ánh sáng của chòm lông xanh bao quanh cổ họng đã tỏa rộng lên thân chim một màu xanh biếc trông như ngọc thạch.

Mấy con công biết ngoảnh cổ qua lại một cách thành thạo hầu như ma thuật, khi thì đưa mỏ gãi vào ức, lúc thì vào lưng. Lúc đó, chòm lông trên cần cổ sẽ phóng ra những tia sáng màu xanh dịu và những cái lông vũ sẽ dựng đứng lên từng cái một như một rừng tên nhỏ. Những cái lông dài chung quanh đuôi lại làm tỏa ra những hình tròn giống như vỏ sò nâu hay xám khiến người ta muốn ví chúng với một chùm rong biển đang kéo theo mình bao nhiêu là vỏ ốc. Thân thể của chúng mềm mại và đầy đặn, còn bộ lông thì mọc theo một thứ tự không chút sai lệch và tất cả đều đổ về phía đuôi.

Ta thấy những con công ấy như được cắt ra từ một dòng sông đầy ắp những đợt sóng cồn, làm tràn ra hai bên bờ những luồng ánh sáng màu xanh. Dĩ nhiên con sông đó là một dòng nước chảy trên bề mặt của một dòng sông xanh như ngọc bích và chan hòa ánh sáng. Mặt nước kia là con đường đã được khai thông nhờ chia cắt được cái bạo lực muốn chế ngự của những tia nắng mặt trời khỏi cái bạo lực ngạo nghễ của những ghềnh đá lóe dưới lòng sông. Mặt nước màu ngọc bích nếu có chói lòa vì nó đã phản chiếu ánh sáng

của những viên đá quý và chỉ là một sự phản chiếu chứ không có gì khác. Bầy công như thế đã tạo thành những ngọn sóng của một dòng sông mà mặt nước giấu bên dưới nó những viên đá quý. Mỗi con công như phản chiếu một phần của một màu xanh tuyệt đối, huy hoàng và chói lòa. Nói cách khác, nó là màu sắc của ảo tưởng.

Khi người ta giết những con công ấy đi, chúng sẽ trở về với nguồn cội tức là những viên đá quý ban đầu, và có lẽ lúc đó, mặt nước cũng sẽ tụ hội với lòng sông.

Tomiooka nhắm mắt lại và mừng tượng khung cảnh cuộc thám sát ấy, anh nghĩ rằng nó phải gây ra được những khoái cảm huy hoắt đến rùng mình. Bờ môi của Tomiooka đang thì thầm như một người cất lên một câu hát nhẹ: “Nhất định là lúc đó những tiếng kêu thảm thiết của bầy công sẽ băng ngang qua bầu trời của buổi bình minh kia và cắt nát nó như những lưỡi dao bén ánh một màu xanh nhạt. Những chiếc lông màu xanh lục sẽ bay tán loạn. Ôi, những cái lông xanh lục áp sát vào thân hình đàn công một cách ngoan ngoãn cho đến nay đã đợi mãi cái phút giây này. Từ lâu, chúng nó đã mơ ước hành động được giải phóng như thế! Lần này, từng cái lông - giống như vô số con công nhỏ - đang phản chiếu những tia sáng mặt trời đầu tiên của buổi ban mai trên công viên M., đã tự do bay tung lên như những đốm lửa xanh. Vâng, chính lúc đó người ta mới thấy cái dòng máu quý giá màu đỏ thắm, cái màu mà bộ lông công hãy còn thiếu, đã vọt ra và vẽ lên trên đó những đường nét tinh vi và tươi tắn. Lúc ấy, con công đã đóng một vai trò mới, vai trò của con thú rừng bị săn, vai trò của một con chim trĩ. Nó có bản chất của một con mồi mà người đi săn thu hoạch được từ lúc hừng đông nên mang một ý nghĩa hoàn toàn nghi thức. Giờ đây bầy công không còn có thái độ lảng tránh cố gắng

quít vốn có thể làm phương hại đến đáng vẻ uy nghiêm của chúng. Khi trở thành con mồi sẵn hoàn toàn bất động, một con mồi mang vẻ đẹp đường đường, mình mấy bê bết máu với những cụm màu xanh, lục và vàng vòng quanh cái cần cổ không còn động đậy, chim công đã tạo cho mình hình ảnh bộ áo giáp trang sức bằng những sợi dây tua đủ màu trên thân thể của một kỵ sĩ đã tử trận. Chúng là những con mồi mà thầy đang lặn lội trên mặt đất dưới một bầu trời bình minh điêu tàn và thê thảm. Tuy làm thân công, chúng đã đạt đến đỉnh điểm số phận của loài chim. Cổ chúng nằm rũ ra, bất động như cánh cung, một tư thế phù hợp với chúng nhất. Còn lông thì sau khi bay lên không trung như vô số những con công bé tí - nay đã trở về với vị trí nguyên thủy, rơi hết lượt này đến lượt khác và phủ lên những cái xác không hồn kia một tấm thảm tuyết màu xanh lục. Máu của chúng dịu dàng thấm vào lòng đất... Có lẽ đó chính là khi bầu công tìm lại bản chất của chúng, cũng như mặt nước sông và lòng sông đã hòa lại thành một, và những con công kia biến thành những viên ngọc quý. Ôi, ta sẽ hối tiếc suốt đời nếu bỏ lỡ cơ hội nhìn được cảnh tượng như vậy. Nếu là kẻ đã ra tay làm chuyện tàn sát đàn công thì có lẽ ta sẽ dành rất nhiều thời giờ để nhìn cho mãn nhãn giây phút kỳ diệu đó. Ta ghen tức với gã sát nhân kia! Ta muốn biết rõ hắn là đứa nào. Hay ít nhất ta phải nhìn cho được khuôn mặt của kẻ đã thực hiện cái tội ác xa hoa hào nhoáng này!”

Tomiooka chợt thấy người nóng ran, anh nắm chặt hai bàn tay, mở to đôi mắt nhìn chung quanh mình. Anh nhận ra trên bức tường đối diện có treo một mẫu giấy ố vàng mà cha mình để lại. Đó là bức chứng minh thư dành cho người đi viễn dương đã vượt qua đường xích đạo. Tài sản, gia đình, sự nghiệp, xã hội chung quanh... tất cả

những gánh này đã đè nặng trên vai anh. Anh nhớ lại cái cặp táp đeo lưng nặng nề mà anh mang trên vai suốt thời thơ ấu. Khi dõm chạy, anh nghe được cả cái hộp bút bằng nhựa cứng nằm bên trong cặp táp lúc lắc kêu thành tiếng. Thế nhưng giờ đây, dù anh có chạy bao nhiêu đi nữa cũng không còn nghe tiếng kêu nào ở trên lưng.

Vọng đến bên tai anh có chẳng chỉ là tiếng đàn piano. Âm thanh đó đến từ căn phòng của vợ anh nằm ở tầng gác. Anh đã cấm cô nhiều lần vì e tiếng đàn ấy sẽ đánh thức giấc ngủ của đứa con gái nhỏ nhưng vợ anh chẳng bao giờ chịu nghe. Vào những đêm cảm thấy trong người khó ở, cô còn bắt đầu gõ tay lên phím và hát thử bằng cái cổ họng đã qua thời sung sức của mình. Tiếng hát ấy vọng từ xa xôi và hòa vào cùng tiếng đàn piano nghe thật buồn. Cái giọng trong thanh nhưng quá cao của cô lan tỏa ra khắp vùng chung quanh: trên con đường của âm thanh, khi băng ngang những bụi cây khuya đang rì rào, không biết nó đã để lại trên lưng những tia sáng lấp lánh nào.

Sau khi nhìn xong tấm chứng minh thư cấp cho người cha, rốt cuộc Tomioka đã đưa mắt nhìn tấm ảnh mà cho đến nay anh không có can đảm đối mặt. Đó là bức ảnh đẹp tuyệt trần của một thiếu niên mới lớn nhưng lại phảng phất một nỗi sầu đời...

“Cái vẻ điển trai, tuy với một tốc độ chậm chạp nhưng đã vượt khỏi bàn tay ta một cách phũ phàng. Ta đã làm gì nên tội để phải nếm lấy cảnh này. Hay có một tội lỗi nào đó ta đã phạm mà không ý thức được như những tội ác mà ta đã thực hiện trong giấc mơ, đến khi thức dậy thì không còn nhớ nữa!”

Buổi chiều ngày 20 tháng Mười, viên cảnh sát hình sự sau khi đi thăm công viên M. lại đạp xe đến nhà Tomioka lần thứ hai. Ông muốn xin lỗi họ về những chuyện đã xảy ra trong lần gặp gỡ trước.

Công viên M. đã mua lại một số công mới và trưng bày cho công chúng xem vào hôm 15. Thế nhưng rạng ngày 18 thì chúng đã thành đối tượng của một cuộc bạo hành khác.

Lần này, dấu vết ở hiện trường được lưu giữ đầy đủ nên người ta đã phát hiện được nhiều dấu chân chó. Trước sau hôm 15, đã có vài cú điện thoại kỳ lạ gọi tới, một kẻ tình nghi bảo rằng hẳn ta chính là người từng giết hại lũ công và đánh tiếng hăm dọa chủ vườn nếu lần này không trả một món tiền chuộc là năm mươi vạn yên thì hẳn sẽ giết nữa cho xem.

Trong số hai mươi lăm con công chủ vườn mới mua, chỉ có hai con sống sót. Hai mươi ba con kia đã bị sát hại trong vòng một tiếng đồng hồ, vào lúc hừng đông, không một ai chứng kiến.

Khi viên cảnh sát hình sự kéo chiếc xe đạp trên con đường lát đá từ ngoài cổng dinh cơ để đi vào, bỗng nghe tiếng ai gọi làm ông ta phải ngoảnh đầu lại nhìn. Thì ra là Tomioka, trên tay đang cầm một cây chổi. Một bên con đường lát đá được viền kín bằng rặng cây dẻ, bên đối diện là hàng cây phong điểm thêm nhiều bụi cây tạp nhạp. Tomioka đã hiện ra dưới tàng lá của rặng phong ấy. Viên cảnh sát bèn cúi chào anh ta với tất cả sự trịnh trọng mà ông đã sửa soạn sẵn.

- Tôi thành thực xin lỗi ông về những gì xảy ra tối hôm trước.

- Có gì mà thầy phải ngại. Tôi vừa mới ở sở về. Lá rụng nhiều quá, tôi phải lao động một chút để cảm thấy đối trước giờ cơm. Mà này thầy, vụ đó lại tái diễn cơ à?

Tomioaka hơi nhúu mày lại như muốn đánh giá mức độ trầm trọng của vấn đề.

Nhân vì viên cảnh sát không còn thấy cần thiết phải xem xét biểu cảm bên ngoài của anh nữa nên Tomioaka đã có thể lên tiếng như thế để biểu lộ một cách thoải mái niềm vui tàn nhẫn của mình. Có điều viên cảnh sát đã không nhận ra là hàm răng của người đối thoại đang lóe sáng trong bóng tối.

- Tôi đến để báo tin ông về chuyện đó và cũng để ngỏ lời xin lỗi với ông. Tôi rất tiếc hôm trước đã làm ông phải lo lắng. Thật ra hôm nay chúng tôi đã đi đến kết luận cho vụ án. Có lẽ ngày mai báo chí sẽ đưa tin thôi.

- Thủ phạm đã bị tóm rồi hở thầy?

Tomioaka tiến về phía viên cảnh sát, tay vẫn không rời cây chổi. Nhân viên hình sự ngửi thấy thoang thoang mùi ngai ngái của những chiếc lá phong đỏ mục bị vùi dưới nền đất hòa vào bóng tối tím sẫm thành một khối dày đang bủa vây lấy họ. Cái mùi này gợi nhớ mùi lạnh lẽo của những thập ngâm rượu thuốc.

- Không ạ!

Viên cảnh sát chợt đánh mất sự quả quyết của mình lúc mới đến nơi và trở nên do dự khi buột ra cái câu trả lời đơn giản nhất. Thực ra, kết quả của cuộc điều tra cho thấy thủ phạm là một lũ chó hoang. Hôm qua người ta đã mời tới một chuyên viên là bác sĩ thú y của công viên Ueno, và vị này đã kết luận rằng, tất cả những vết

thương của bày công đều do chó cắn. Còn như trường hợp những con công chết không thương tích rõ ràng, ông cho là chúng đã bị nội thương đến xuất huyết. Theo lời giải thích của vị bác sĩ thú y thì công là một giống động vật cực kỳ nhát nhúa, nên khi cảm thấy mình bị một kẻ địch tấn công thì chúng đã co rúm người và đập cả đầu vào trong hàng rào dây kẽm. Và cũng vì vậy, chỉ cần một con thú dữ nào đó cắn vào cánh là chúng đã sợ đến vỡ tim vỡ phổi và chết vì xuất huyết do nội thương.

“Mặt khác, chó hoang không giống như chó nhà. Có khi lần đầu tiên chúng chỉ tấn công đơn độc nhưng lần sau thường kéo đến cả đàn. Chúng có thói quen là lúc đầu lấy móng cào nền đất. Do đó người ta đã phát hiện dấu vết những nơi chúng cào ở bên dưới hàng rào dây kẽm, nơi đàn công trú ẩn - để tìm cách luồn vào. Cách trình bày của vị bác sĩ thú y đầy sức thuyết phục đến độ mọi người đều chấp nhận kết luận thủ phạm của những cuộc tàn sát này chính là lũ chó hoang. Dĩ nhiên, tôi vẫn tiếp tục cuộc điều tra bằng cách giăng một cái bẫy. Thế nhưng...”

- Không, không! Không thể nào cơ sự lại xảy ra như vậy.

Tomiooka lên tiếng như muốn cực lực phủ nhận.

Viên cảnh sát hình sự chưa hề chứng kiến sự quả quyết như thế trong giọng nói của Tomiooka. Ông cảm thấy bên má mình hơi thở nóng hổi của Tomiooka phả ra xuyên qua bóng tối.

- Không, không thể được. Thủ phạm phải là một người nào đó. Làm sao ai lại đi kết luận như thế nhỉ? Có thể chó cắn nhưng phải có con người dẫn dắt chúng chứ! Điều này chắc như đinh đóng cột. Người này phải là kẻ tạo việc điều khiển chó.

- Giả thuyết nghe cũng được đó! Nhưng mà đâu là bằng chứng?

Giọng của Tomioka càng trở nên sôi nổi:

- Chứng cứ à? Bộ thầy muốn thách thức tôi sao? Giả thuyết chó hoang nghe không trôi. Tôi chắc chắn thủ phạm phải là một anh chàng... Thầy vừa bảo rằng sẽ tiếp tục cuộc điều tra và giảng bầy bắt hấn, đúng không?

- Ông muốn bảo là...

- Tôi muốn hỏi là thầy có muốn thực hiện hay không thôi.

- Tôi muốn điều tra thêm nữa...

- Nội đêm nay?

- Vâng, ngay đêm nay.

Tomioka trầm ngâm một chút và với cái giọng đau đớn nhưng thoáng đôi chút ngập ngừng như muốn khóa lắp một lời cầu xin nhiệt thành, anh rót nhẹ vào tai viên cảnh sát:

- Thế thì, tối nay, cho phép tôi tháp tùng thầy nhé!

5

Các quan chức cao cấp của nha cảnh sát đã chấp nhận sự cộng tác của người công dân quá sốt sắng này. Tomioka được phép đi cùng với viên thanh tra cảnh sát vào trong vườn chơi vào lúc trời tối, sau khi vườn đã đóng cửa và quét dọn xong xuôi. Cô vợ của anh, với một nụ cười miệt thị, đã trao cho anh phần sandwich. Còn viên

cảnh sát thì mặc lên người một cái quần tây và áo khoác ngoài giúp ông ta chịu được cảnh lấm lem. Ông còn mang theo khẩu súng lục và cái ống nhòm.

Hai người đàn ông băng qua quảng trường của công viên, giờ đây vắng tanh không một bóng người. Bồn phun nước đã ngưng hoạt động, đèn điện cũng tắt ngấm, kể cả những ngọn đèn trên bánh xe đu treo trên không trung. Những mái nhà hình vòm và hình vuông nằm im lặng như những thể khối đen xì dưới vòm trời sao. Sau khi vòng qua đằng sau Khu du lịch vũ trụ, viên cảnh sát thấy con đường hầy còn chưa được lát đá dẫn về nơi cư ngụ của bầy công. Đây là nơi mà vào ban đêm lũ chim được nhốt lại. Trong ngày, người ta để cho chúng được chạy nhảy tự do nhưng lúc trời sụp tối thì họ đưa cả vào đây và phân chia chúng trong sáu cái chuồng nhỏ, mỗi chuồng có từ bốn đến năm con. Giờ đây, chỉ còn mỗi hai con trong đám là sống sót và chúng được nhốt chung vào trong một cái chuồng nhỏ để làm mồi nhử.

Đằng sau chỗ trú của chúng là một con đường tàu hỏa tí hon, chỉ riêng nơi đây đất được đắp vun cao như cái gò. Thế thì hôm trước lũ chó hoang đã phải phá cái hàng rào làm bằng dây kẽm ở phía đối diện để chui vào bên trong chuồng. Phía hàng rào kẽm gai này người ta có trồng một dãy những bụi cây con, và xuyên qua đám lá của chúng, có thể nhìn thấy những cái đồi con đầy cây cối bao lấy công viên ở đằng xa. Những ngọn đồi bọc chung quanh vườn trải dài chỗ cao chỗ thấp một cách nhấp nhàng, nhưng ngọn đồi phía chính diện chỉ còn sót lại dấu vết của một rừng cây và những bụi tre bị phát quang. Ngoài ra không thấy đèn đóm của một mái nhà dân nào cả.

Tomiooka và viên cảnh sát nấp mình trong bóng tối cạnh cái chuồng công. Trời về đêm nên không khí mát mẻ, họ nghe cả tiếng công gù từ bên trong chuồng. Hai con công sống sót, không còn giữ được vẻ hào nhoáng của chúng lúc ban ngày, đang thu người lại bên nhau trong một xó như hai khối đen trên cái thanh ngang chúng đang đậu.

Tomiooka có cảm giác là trong cái bóng tối đang bao phủ lấy khu vực họ ẩn nấp vẫn còn lấp lánh những vệt sáng linh động của lũ công đã bị tàn sát. Bóng tối ở đây không phải là một thứ bóng tối bình thường. Có lẽ chỉ cần một chiếc lông công trong ký ức rơi xuống mặt đất trong cái đêm đen này là đủ gọi lên được những sắc màu đẹp đẽ từ xanh dương, xanh lục, vàng nhạt... để rồi bóng tối đó sẽ đọng lại trong từng chân tơ kẽ tóc của nó kỷ niệm về những sắc màu huy hoàng rực rỡ của bộ lông công.

Thời gian chờ đợi của hai người kéo dài thêm. Trong khi viên cảnh sát bắt đầu buồn ngủ, Tomiooka vẫn còn tỉnh táo rình rập con mồi. Cảm thấy đầu óc mình trống rỗng, anh cố gắng tập trung ý nghĩ bằng cách hồi tưởng lại hình ảnh của bầy công, và đôi lúc không khỏi ném một cái nhìn khinh thị về phía viên cảnh sát, người đang khom mình bên cạnh anh, đôi mắt hầu như không còn nhướng lên nổi nữa.

Tomiooka chờ đợi tiếp. Mặt đồng hồ dạ quang của anh cho biết là đã quá nửa đêm. Công viên im ắng, không mấy may tiếng động. Trước mắt anh là ánh sáng của bầu trời sao đang chiếu lên đường ray của đoàn tàu hỏa tí hon. Trên tầng không, lác đác có những đám mây đang tụ lại thành cụm lơ thơ. Không một ngọn gió. Thế rồi cái đồi cao như bị ép xuống và một vầng trăng đỏ quạch từ đó nhô ra.

Trăng dần dần lên cao và màu đỏ ấy nhạt bớt đi và được thay vào bằng một thứ ánh sáng trong xanh hơn, làm cho cái bóng đen của hai con công đang nằm im càng in rõ nét.

Bỗng nhiên từ xa xa vọng tới tiếng chó sủa. Cũng từ phía xa ấy, có những tiếng sủa khác dội lên như để trả lời chúng. Xong, tất cả đều im bật. Bất chợt, viên cảnh sát cảm thấy Tomioka đang lay vai ông nên chực nhồm người dậy. Đôi mắt của Tomioka long lanh:

- Thầy xem kìa. Có đúng y như điều tôi nói không?

Viên cảnh sát ngoan ngoãn nhìn về phía ngọn đồi trọc cây. Dưới ánh sáng của vầng trăng, ông ta thấy có rất nhiều vệt đen rải rác, sự lộ hiện của những gốc cây bị phạt quang đã làm thay đổi toàn bộ tầm nhìn của ông. Bóng những gốc cây trông giống như đốm đen hình học in khá đều đặn trên một trang giấy trắng trải rộng.

Có một bóng người tiến về chỗ họ đang nấp. Trước cái bóng đó, họ phân biệt được bốn, năm cái bóng khác. Những cái bóng đó tỏa ra mọi hướng. Không còn lằm vào đâu nữa, đấy là mấy con chó. Khi cái bóng người kia cúi khòm xuống thì ta hiểu được ngay là anh chàng đang phải chiến đấu để ghìm chúng lại bằng cách cố gắng uốn người ra phía sau.

Viên cảnh sát hình sự nhắc cái ống nhòm lên để nhìn. Người hiện ra trước mắt ông là một thanh niên dáng mảnh mai, quần áo tuyền đen, đang nắm dây cương với cả hai tay để trì kéo đàn chó. Đột nhiên, ánh trăng soi lộ ra gương mặt trắng trẻo của anh ta làm viên cảnh sát phải bật ra một tiếng kêu.

Ông không thể nào lầm lẫn được: ấy là khuôn mặt của người trẻ tuổi điên trai mà ông đã có dịp thấy treo trên bức tường ngôi nhà của Tomioka.

Nguyễn Nam Trân *dịch*

MỐI TÌNH CỦA VỊ CAO TĂNG CHÙA SHIGA (Shigadera shōnin no koi)

1

Chưa chịu bỏ công khảo chứng gì cả mà đã bắt đầu vào chuyện, tôi xin chịu mang tiếng là người không chuẩn bị kỹ càng. Căn cứ duy nhất tôi có hiện nay chỉ là truyền thuyết chép lại trong *Thái Bình Ky*^[30] quyển 37. Và như quý vị đều biết, nếu đem so sánh với câu chuyện đời xưa liên quan đến ông tiên Nhất Giác^[31] bên Thiên Trúc thì chi tiết về mối tình của vị cao tăng chùa Shiga^[32] trong quyển sách vừa nhắc đến chỉ có thể xem như là quá sơ sài.

Trong thâm tâm, tôi thực tình không định tìm hiểu đầu đuôi mối tình lạ lùng đó mà chỉ đơn thuần muốn theo dõi biến chuyển tâm lý của các nhân vật thế nào thôi. Trong lòng họ, lúc ấy chắc có sự rối ren do xung khắc giữa tình yêu và tín ngưỡng. Bên trời Tây không thiếu gì trường hợp như vậy, nhưng ở Nhật Bản, chuyện đó kể ra rất hiếm. Trong yếu tố tình yêu của kiếp này rõ ràng đã thấy chen vào vấn đề những kiếp về sau. Cuộc sống hiện tại và những kiếp tương lai tranh giành chỗ đứng không những trong tâm trí của vị lão tăng mà của cả người đàn bà được ông yêu. Phóng đại một chút thì câu chuyện tình của họ được thành hình đúng vào thời điểm cấu trúc của cái thế giới hai người tưởng tượng đang ở trong một trạng thái chênh vênh, chưa biết sẽ sụp đổ hay không. Nếu nói cho chính xác, vào thời của hai người nghĩa là khoảng giữa triều

Heian^[33] về sau, tư tưởng Tịnh Độ^[34] rất phổ biến trong dân chúng nhưng chưa hẳn đã là một tín ngưỡng mà có thể chỉ là sự khám phá một thế giới vô cùng rộng lớn bằng tâm trí.

Theo sách *Vãng Sinh Yếu Tập*^[35] của đức Tăng thống Huệ Tâm^[36] thì cho dù có nói đến thập lạc tức mười điều vui thỏa để ca ngợi cõi Tịnh Độ, ta chỉ mới làm cái việc kể sơ sơ về một phần cực nhỏ. Mười điều vui thỏa ấy là cái vui “thánh chúng lai nghênh”, cái vui “liên hoa sơ khai”, cái vui “thân tướng thần thông”, cái vui “ngũ diệu cảnh giới”, cái vui “khoái lạc vô thoái”, cái vui “dẫn tiếp kết duyên”, cái vui “thánh chúng câu hội”, cái vui “kiến Phật văn pháp”, cái vui “tùy tâm cúng Phật” và cái vui “tăng tiến Phật đạo”. Đất trên cõi Tịnh Độ là lưu ly, đường trên Tịnh Độ do những sợi dây vàng dệt lại mà thành. Mặt đất tiếp liền nhau, không thấy bến bờ. Mỗi một khu vực trên đó đều có năm trăm ức cung điện lâu đài làm bằng bảy thứ quý giá: kim, ngân, lưu ly, pha lê, xà cừ, san hô, mã não và mỗi giường nằm cần đầy châu báu đều có những lớp vải vóc tuyệt đẹp trải lên. Trong điện trên lầu có không biết cơ man nào các vị thần tiên đang cùng nhau tấu nhạc, cất tiếng ca hát tán tụng công đức của Như Lai. Trong sân những giảng đường, tịnh xá, cung điện, lầu gác đều có hồ tắm mát. Hồ bằng hoàng kim thì dưới đáy trải một lớp cát bạch ngân, còn hồ lưu ly thì có cát thủy tinh. Một vùng sen lấp lánh ánh sáng bao phủ mặt trước hồ, khi gặp làn gió nhẹ lại lay động và sinh ra muôn màu muôn vẻ. Thêm vào đó, những loài chim như vịt trời, ngỗng, uyên ương, hạc, khổng tước, anh vũ, già lăng tần gia^[37] (loài chim có khuôn mặt mỹ nhân và giọng ca thánh thót) cũng như những giống chim có trăm sắc quý, ngày đêm không ngừng cất tiếng lãnh lót để ngợi ca Đức Phật. Thế

nhưng cho dù tiếng hát có ngọt ngào đến đâu, nếu trên đó tập hợp đông đảo chim chóc như thế này thì quả là có hơi ồn ào.

Những khoảnh rừng bên hồ hay cạnh bờ sông toàn loại cây quý giá. Lùm cây bằng tử kim, cành bạch ngân, hoa san hô, tất cả soi bóng trên mặt nước trong như gương. Trên tầng trời rộng, không có gì ngoài những sợi dây bấu đong đưa, không biết bao nhiêu là quả chuông cũng là báu vật, vang vọng thanh âm của Phật pháp nhiệm mầu. Ngoài ra còn biết bao nhiêu nhạc khí lạ lùng, không cần người đánh cũng phát ra tiếng và lan mãi về xa trên bầu trời trong vắt, hư không.

Nếu khi bụng đói muốn ăn gì, tự nhiên sẽ thấy hiện ra trước mắt mình không biết bao nhiêu thứ kỳ trân mỹ vị trên mặt bàn thất bảo và trong những mâm bát cũng bằng thất bảo. Nhìn màu sắc, ngửi thấy mùi hương thôi bỗng cảm thấy trở nên thanh khiết, no lòng và thân thể như được nuôi dưỡng đầy đủ. Sau khi không cần phải ăn gì mà đã xong bữa cơm thì cả mâm bát lẫn bàn ăn thoát cái đã biến mất.

Quần áo cứ thế phủ lên người mình một cách tự nhiên, chẳng cần may khâu, giặt giũ, nhuộm màu hay sửa sang gì cả. Chẳng có đèn đuốc mà lúc nào ánh sáng cũng theo đến bên người. Không cần chi phòng ấm phòng lạnh, nhiệt độ trong năm luôn luôn thích ứng với thân thể. Trên cõi cực lạc đó lúc nào cũng tràn ngập trăm ngàn loại hương thơm dịu dàng và có những cánh sen không ngừng bay lá tả.

Vẫn theo chương nhan đề *Quan Sát Môn* trong *Vãng Sinh Yếu Tập*, những kẻ đến chiêm bái lần đầu sẽ không được phép vào sâu tận bên trong, họ chỉ được đứng ở bên ngoài và phải tập trung tất

cả tinh thần cũng như trí tưởng tượng để hình dung ra cái bao la vô hạn của cõi Tịnh Độ. Dựa vào sự tưởng tượng để thoát ra khỏi giới hạn của tục giới là con đường ngắn nhất để lên đến nơi đó. Nếu ta có trí tưởng tượng phong phú, trước hết chỉ cần tập trung tinh thần vào một cọng sen. Từ đó, cọng sen sẽ mở cho ta những chân trời bát ngát.

Đóa sen, nếu nhìn dưới kính hiển vi và suy luận theo thiên văn học, là nền tảng của vũ trụ và cũng là một phương tiện giúp ta khám phá vũ trụ. Đầu tiên, trên mỗi một cánh hoa đã có sẵn tám vạn bốn nghìn đường gân, mỗi đường gân lại tỏa ra tám vạn bốn nghìn tia sáng. Hơn thế nữa, cho dầu đóa sen kia nhỏ bé thế nào, đường kính của nó không thể dưới hai trăm năm mươi *do tuần*^[38]. Nếu ta đồng ý với thuyết xem mỗi *do tuần* là ba mươi dặm thì một đóa sen với đường kính bảy nghìn năm trăm dặm chỉ là một cái hoa thuộc loại nhỏ mà thôi.

Một đóa sen có tám vạn bốn nghìn cánh, giữa mỗi cánh lại có một trăm ức hạt trân châu phát ra mỗi viên cả ngàn tia sáng. Trên mỗi cái đài trưng bày những đóa hoa mỹ lệ như thế đều có bốn cột báu được dựng lên cao vút, từng trụ một giống như một ngàn vạn ức núi Tu Di^[39]. Bức màn che trên mỗi trụ có dát năm trăm ức hạt ngọc quý, mà mỗi hạt đó lại chiếu rọi tám vạn bốn nghìn tia sáng, mỗi tia lại sinh ra tám vạn bốn nghìn màu vàng khác nhau, và mỗi màu vàng lại còn biến ảo khôn lường.

Sự tập trung tâm trí để khám phá được hình ảnh đó gọi là Hoa Tọa Tướng (Trầm tư về tòa sen nơi Phật ngự) và thế giới quan niệm, bối cảnh cho câu chuyện tình sau đây, cũng có quy mô ngang với thế giới tưởng tượng đó.

2

Sư cụ chùa Shiga là một vị lão tăng đạo đức cao dày.

Mày cụ trắng như tuyết, thân hình già nua mảnh khảnh đến nỗi phải dựa vào thiền trượng mới lê chân đi được.

Trong ánh mắt của con người đã dày công tu hành như cụ, cái gọi là cuộc sống trong kiếp hiện tại không có gì khác hơn là bụi bặm rác rưởi. Cây tùng con cụ tự tay trồng từ ngày mới về sống ở cái am này nay đã cao vút tận trời xanh, cành trên ngọn vi vu đón gió. Nhà tu hành xa lánh cõi đời ô trọc này đã lâu như thế thì có lẽ trong lòng cũng tưởng đã an nhiên, và thậm nghĩ không còn điều gì đủ làm mình lo lắng nữa.

Cho nên khi nhìn những kẻ giàu sang, vị lão tăng không khỏi nở một nụ cười thương cảm và thậm hỏi tại sao họ không ý thức được rằng những khoái lạc mình đang tìm đến chỉ là mộng ảo. Khi giáp mặt một người đàn bà dung nhan xinh đẹp, cụ chỉ thấy tội nghiệp cho mấy gã đàn ông còn vương vào vòng phiền não, nổi trôi trong chốn mê lầm.

Nếu như con người không còn có một sự đồng cảm nào với động cơ đang xoay vần sự sống của kiếp hiện tại thì kể từ giây phút đó, cuộc đời trở thành bất động. Trong con mắt của vị lão tăng, cụ chỉ thấy cái tương bất động của cuộc đời. Nó vốn vẹn là bức tranh vẽ trên mặt giấy hay bức địa đồ của miền đất xa lạ nào đó. Khi con người đạt đến chỗ dứt bỏ được mọi đam mê phiền não, sẽ không còn biết cả sợ hãi. Do đó, vị lão tăng không hiểu vì có gì lại phải có địa ngục nữa. Cụ biết rõ là trong mọi tình huống, cái kiếp hiện tại

không còn có uy quyền gì đối với mình cả, nhưng vốn là người khiêm tốn, không bao giờ cụ nghĩ rằng ấy là kết quả công đức tu hành.

Nói về thân thể thì cụ hầu như gầy rạc. Nhưng lúc như khi tắm rửa, có dịp nhìn lại mình, cụ lấy làm vui sướng khi thấy chỉ còn lớp da khô đét bọc lấy bộ xương mảnh mai. Thân thể đến mức này thì có thể coi như đã thuộc về người nào khác và cụ có thể sống một cách hòa hợp bình yên với nó. Để nuôi thân, có lẽ thức ăn ở cõi Tịnh Độ thích hợp cho cụ hơn là đồ ăn thức uống ở chốn trần gian.

Đêm đêm nằm ngủ, cụ chỉ mơ mình đang ở trong cõi Tịnh Độ. Thế rồi khi choàng mình tỉnh giấc, cụ cảm thấy buồn vì hiểu rằng sống trong kiếp hiện tại chỉ là vướng mắc vào một giấc mộng đầy những biến đổi đau thương.

Vào xuân, gặp tiết Thường hoa, người kinh đô đổ xô đến thôn Shiga. Điều đó không phiền hà gì cho vị lão tăng bởi vì từ lâu, tâm cụ đã an nhiên không còn bị dao động trước người đời. Một buổi chiều nọ, cụ lê thiên trượng, từ thảo am lần bước xuống ven hồ. Lúc đó bóng tối đã len vào những tia nắng yếu, mặt hồ không thoáng gọn. Một mình bên bờ nước, vị lão tăng thực hành phép Thủy Quán Tướng^[40]. Cũng vào lúc ấy, có chiếc xe bò kéo của một nhà quyền quý đang đi vòng hồ, tiến gần và ngừng lại bên cạnh chỗ vị lão tăng đang đứng. Đó là chiếc xe ngựa của Hoàng phi Kyôgoku^[41]. Nàng đến Shiga để thưởng thức tiết xuân và trên đường về, như muốn chào từ biệt cảnh hồ, đã cho xe ngừng lại, vén bức rèm tò vò bên song lên ngắm cảnh.

Vị lão tăng bất giác nhìn về hướng đó. Và vẻ yêu kiều của bà phi bỗng đập vào mắt cụ! Trong một giây, ánh mắt của vị lão tăng

và Hoàng phi gặp nhau. Vì đôi mắt của vị cao tăng vẫn đắm đắm không rời nên bà phi cũng không tránh né. Tuy không thể khoan dung trước những cái nhìn vô lễ nhưng người đứng trước mặt mình là một nhà sư già khổ hạnh nên nàng không thấy trong ánh mắt kia có một động cơ trần tục của thường nhân.

Bà phi vội rủ rèm cửa xuống và chiếc xe bò lại bắt đầu chuyển bánh. Xe qua khỏi ngọn đèo Shiga rồi mất hút trên con đường về hướng kinh đô. Có lẽ khi trời chập tối, xe sẽ nương theo con đường qua Ngân Các Tự để vào thành. Vị lão tăng vẫn đứng lặng nhìn theo cho đến khi cỗ xe nhỏ dần và khuất bóng sau những lùm cây.

Cái kiếp hiện tại bị cụ khinh rẻ chỉ cần một nháy mắt đã đủ sức để trả thù vị cao tăng bằng cái sức mạnh khủng khiếp của nó. Kẻ tưởng mình đã bình yên như bàn thạch nay sắp sửa thành trúc chẻ ngói tan.

Khi trở về am, vị lão tăng ra trước Phật đường, cố niệm danh hiệu Đức Thế Tôn nhưng chỉ thấy hình ảnh của những vọng tưởng ngoi lên khuấy phá. Cụ tự nhủ hình dáng đẹp đẽ kia chỉ là một ảo ảnh, xác thịt đó hiện ra trong chốc lát nhưng rồi sẽ bị hủy diệt. Tuy đã hết sức kháng cự nhưng vẻ đẹp không diễn tả nổi của bà phi vừa đánh gục cụ trong một khoảnh khắc bên hồ đã ràng buộc tâm hồn cụ bằng một sức mạnh chưa từng thấy và đến từ một chốn xa vời. Mặt khác, dù trên phương diện nào, cụ cũng không còn trẻ nữa để có thể định ninh rằng cảm xúc đang có là một trò đùa ranh mãnh của xác thịt đối với mình. Xác thịt là cái không thể thay hình đổi dạng một sớm một chiều như thế. Chỉ có thể hiểu là tinh thần của cụ đã biến chất như vừa được ngâm trong một thứ độc được mạnh như thần và hiệu lực tức khắc.

Vị lão tăng biết giữ giới, cụ chưa từng đụng đến thân xác phụ nữ. Nhờ sự chiến đấu với bản thân để tránh điều đó từ thời trẻ, cụ đã hiểu rằng xác thịt đàn bà không có gì khác hơn là đối tượng của nhục dục. Xác thịt thuần túy duy nhất chỉ có trong trí tưởng tượng. Bởi vì xem xác thịt là một cái gì trừu tượng chứ không hiện thực, cho nên cụ đã dựa vào sức mạnh của tinh thần để chiến thắng được nó. Cụ đã thành công, và cho đến nay, trong số những người quen biết với cụ, không có một ai bợn chút nghi ngờ về sự thành công đó.

Thế nhưng khuôn mặt của người đàn bà đã vén rèm cánh cửa tò vò để nhìn quanh hồ, tuy là xác thịt đấy nhưng có một vẻ hồn nhiên sáng ngời mà cụ không biết đặt cho nó cái tên nào. Để một thoáng hi hữu này hiện ra trước mắt, chỉ có lối suy nghĩ duy nhất là trong chốn sâu thẳm của tâm hồn cụ, phải có cái gì ngấm ngấm ẩn núp và đánh lừa được cụ từ lâu lắm rồi nhưng nay mới xuất đầu lộ diện. Chính nó, cái kiếp hiện tại này, vốn yên tĩnh từ bấy nhiêu lâu, đã đột ngột bước ra từ một bức tranh và bắt đầu khuấy động.

Cụ thấy mình như người hai tay bị tai và đứng giữa đường lớn trong kinh đô, nơi ngựa xe qua lại đông đúc. Thế rồi người đó bất chợt buông tay. Lúc ấy, tiếng động ồn ào trên đường phố sẽ dừng dừng nhất loạt bao vây. Cảm thấy cuộc sống chuyển động, nghe được âm thanh của nó bên tai tức là đã nhập sâu vào vòng trong của kiếp hiện tại vậy. Đối với một người đã đoạn tuyệt với cuộc đời như vị lão tăng, đây là giây phút cụ tìm về mối liên hệ cũ.

Giờ đây, giữa lúc đọc kinh, nhiều khi cụ bắt gặp mình đang buông tiếng thở dài náo nức. Tưởng rằng phong cảnh thiên nhiên làm mình chia trí, cụ bèn đưa mắt ra ngoài cửa am nhìn mây bay trên rặng núi chiều, nhưng cụ không còn thưởng thức được vẻ đẹp

mà chỉ thấy tâm hồn mình cũng đang bồng bênh và rồi bời như đám mây bay. Lúc ngẩng vầng trăng, tâm trí cụ cũng thường lạc qua hướng khác, còn khi đứng trước Phật đài những mong lòng được thanh tĩnh thì khuôn mặt của Đức Phật bỗng biến dạng và mang toàn đường nét của bà phi. Thế giới của vị lão tăng trở thành một vòng tròn chật hẹp: trong đó, vị lão tăng ở phía này và đối mặt với cụ là người đẹp cung đình.

3

Hoàng phi Kyôgoku quên bằng chuyện vị lão tăng chăm chú ngắm mình bên bờ hồ Shiga. Chỉ được ít lâu, tiếng đồn rồi cũng lọt vào tai, lúc ấy nàng mới chợt nhớ. Thì ra có người trong thôn bắt gặp cảnh nhà sư già đưa mắt nhìn theo chiếc xe ngựa của Hoàng phi và biết rằng kể từ ngày đó cụ không còn bình thường nữa, mới đem báo lên một vị quan trong triều đang đến Shiga xem hoa.

Đối với tin đồn này, dĩ nhiên Hoàng phi phản ứng bằng cách giả tảng như không. Nhưng vì lão tăng nổi tiếng là người đức độ trong triều, nếu tin đồn này là sự thực, kể ra nó cũng vuốt ve chút lòng tự ái của nàng. Nhất là khi mà nàng đã chán ngấy sự đeo đuổi của đám đàn ông phàm tục.

Hoàng phi thừa biết là mình đẹp nhưng xưa nay nàng vẫn bị thu hút bởi những quyền lực mạnh hơn nhan sắc, ví như tôn giáo, vốn xem địa vị cao sang và nhan sắc của nàng là đồ bỏ đi. Vì lý do đó, nàng hết sức mộ đạo. Đã chán cõi đời tục lụy nên nàng đặt lòng tin vào giáo lý Tịnh Độ bởi vì nó dạy rằng tất cả những cái hoa mỹ

của kiếp hiện tại đều là nhơ bẩn đáng tránh. Tôn giáo đã đem được nguồn an ủi đến cho một người mỗi một vì cuộc đời hào nhoáng cực điểm của thời mạt pháp.

Bọn vương tôn công tử chạy theo phụ nữ thường tôn sùng Hoàng phi như hiện thân của tất cả cái tao nhã của thế giới cung đình. Nhân vì người đàn bà quý phái này chưa từng ban phát tình yêu cho một ai nên họ nhận xét như thế cũng đúng. Dưới mắt mọi người, Hoàng phi tuy làm tròn phận sự người vợ nhưng không tỏ vẻ yêu Hoàng đế tụt đáy lòng. Hình như nàng chỉ mơ tưởng đến một thứ tình yêu không thể có trong cõi đời này.

Sư cụ chùa Shiga được tiếng là con người đức độ. Tuổi tác lại cao. Việc cụ hoàn toàn xa rời thế tục thì khắp nơi trong kinh thành, không ai không biết. Nếu như tin đồn cho rằng cụ đắm đuối nhan sắc của bà phi là sự thật, có nghĩa là cụ sẽ hy sinh tất cả những kiếp vị lai trên cõi Tây thiên cực lạc đã đến trong vòng tay mình. Không thể có sự mất mát nào to tát hơn nhưng cũng không có món quà tặng nào vĩ đại hơn.

Hoàng phi không hề bị quyến rũ bởi những khách phong lưu trong cung đình, ngay cả trước những chàng trai trẻ đẹp, nàng cũng đứng vững. Diện mạo của bọn đàn ông đó không có gì đáng kể. Phải là một người nào đó đem được cho nàng một tình yêu mạnh mẽ nhất, sâu sắc nhất. Nàng chỉ quan tâm đến con người như thế. Chỉ người đó may ra mới làm rung động trái tim nàng.

Đàn bà khi đã nuôi trong lòng một mục đích gì rồi thì quả là con vật đáng gờm. Nếu là một khách buôn hương bán phấn, nàng ta sẽ thỏa mãn nếu có ai đem của cải vật chất đời này đến cung phụng. Thế nhưng Hoàng phi là người đã có đủ mọi thứ của cải,

nàng chỉ đợi mỗi người đàn ông dám dâng hiến cho nàng của cải những cuộc đời sau.

Trong triều, tiếng đồn về sự si mê của vị cao tăng ngày càng lan rộng, đến nỗi Hoàng đế cũng nhắc tới với giọng nửa đùa nửa thật. Hoàng phi không tỏ ra vui vẻ gì trước những lời bóng gió ấy, nàng chỉ giữ một thái độ lạnh lùng. Nàng biết rằng có hai lý do cho phép người trong triều có thể an tâm đùa cợt về một điều chính ra họ không được phép. Một là khi nói về sự si mê của vị lão tăng, họ muốn ca tụng cái nhan sắc đã đưa một nhà tu hành đạo đức cao vời đến chỗ lầm lạc, hai là họ tin rằng, trên thực tế, người đàn bà quý phái như nàng làm gì lại đi đáp lại mối tình của một cụ già.

Hoàng phi mừng tượng ra khuôn mặt của vị lão tăng mà nàng đã nhìn qua khung cửa xe nhưng khuôn mặt ấy không giống bất cứ khuôn mặt người đàn ông nào đã tỏ lòng yêu thương nàng từ trước đến nay. Sao tình yêu có thể nảy mầm từ trái tim của một người không có chút hy vọng gì để được ai yêu, đó là điều nàng không hiểu nổi! Nàng nhớ lại lối diễn tả kiểu “tình tuyệt vọng, nỗi thảm sâu” mà các thi nhân cung đình đã viết ra hòng gợi được chút yêu thương trong lòng người đẹp đang thờ ơ với họ. Nếu đem so sánh với hoàn cảnh của vị lão tăng đang yêu, thì số phận của những anh chàng này còn khá hơn, dầu nàng không khỏi cảm thấy thơ phú họ viết chỉ là khuôn mòn sáo rỗng.

Chắc quý vị khi đọc đến đoạn này đều ý thức rằng Hoàng phi không phải là hiện thân cho sự tao nhã cung đình mà chỉ là người mong chờ một mối tình lớn để đời mình có phần nào ý nghĩa. Cho dù ở địa vị cao sang, nàng chỉ là một người đàn bà, nếu không được yêu thì tất cả quyền lực trên đời chỉ là trống rỗng. Trong khi đàn

ông chung quanh nàng dùng chiến tranh để tranh đoạt thì nàng cũng có cách của mình, cách thức rất đàn bà, để chinh phục thế giới. Nàng cười những người đàn bà quen biết đã xuống tóc đi tu bởi vì một người đàn bà tiếng là từ bỏ cuộc đời, làm sao có thể quay mặt lại với những gì mình đang có. Nàng nghĩ may ra đàn ông mới có thể vứt bỏ những gì họ có mà thôi.

Vị lão tăng đã một lần vứt bỏ cuộc đời. Cụ ta còn đáng mặt đàn ông hơn tất cả bọn công khanh. Và cũng như đã từng vứt bỏ cái kiếp hiện tại, lần này vì Hoàng phi, cụ sẵn sàng vứt bỏ những kiếp tương lai.

Người đàn bà quyền quý và mộ đạo này nhớ đến Liên Hoa Tướng, phép tu niệm cho nàng hình dung ra đóa hoa sen có bề rộng đến hai trăm năm mươi do tuần. Thay vì một đóa sen nhỏ nhìn thấy trước mắt, chỉ có đóa sen vĩ đại như thế mới cân xứng với nguyện vọng của nàng. Cũng giống như khi nghe tiếng cây ngoài vườn thì thảo trong gió, nàng thấy nó không có nghĩa lý gì đối với âm nhạc trên cõi Tịnh Độ lúc những hàng cây báu reo lên trước trận gió lạnh. Khi nàng nghĩ về những nhạc khí treo trên thượng giới, không người đánh cũng vang lên, mới thấy những loại đàn cầm hay sáo trong cung chỉ vây quanh mình toàn thứ âm thanh buồn bã, tẻ nhạt.

4

Vị lão tăng chùa Shiga đang chiến đấu.

Suốt thời trẻ, trong khi còn phải chế ngự xác thịt, cụ có mục đích làm sao đạt đến cõi cực lạc trong một kiếp sau. Thế nhưng nay tuổi đã cao, trong cuộc chiến tuyệt vọng này, cái tình cảm cho rằng mình đã có những mất mát không thể nào tìm lại được không hề rời khỏi cụ.

Mối tình của cụ đối với bà phi không thể nào thành, sự thể đã rõ như ban ngày. Có còn gì để nghi ngờ? Mặt khác, cụ cũng hoàn toàn ý thức nếu còn vương vấn nàng, cụ chẳng thể nào siêu sinh Tịnh Độ. Vị lão tăng trong bao nhiêu năm sống cuộc đời an nhiên tự tại, nay chỉ vì một hành động xảy ra trong chớp mắt, đã bị bóng tối bủa vây, không thấy được tương lai.

Có thể lòng can đảm là cái từng giúp cụ chiến thắng trong quá khứ hồi trai trẻ đã bắt nguồn từ sự tự tin và lòng tự hào. Nó giúp cụ từ khước tất cả những khoái lạc mà nếu muốn, chỉ cần đi tìm là có ngay. Nhưng vị lão tăng giờ đây đã đánh mất lòng can đảm. Trước khi chiếc xe ngựa của bà phi tiến đến bên hồ Shiga, cụ những tưởng niết bàn của kiếp lai sinh đã đến trong vòng tay. Nay chợt tỉnh ra, cụ chỉ thấy chung quanh là màn đen của kiếp hiện tại và không biết cái gì sẽ chờ đợi mình nếu còn muốn tiến thêm bước nữa.

Rồi những phép tu Hoa Tọa Tướng, Tổng Tướng Quán, Tạp Lược Quán đều trở thành vô dụng. Mỗi lần cụ bắt đầu tập trung tâm trí thì khuôn mặt mỹ miều của bà phi lại hiện ra. Đứng trước hồ, cụ đã thử lại phép Thủy Quán Tướng nhưng cũng bằng thừa. Từ phía dưới làn sóng lăn tăn, khuôn mặt đẹp như ngọc của bà phi chập chờn nổi lên.

Có thể suy ra đây là hậu quả tự nhiên của trạng thái yêu đương. Nó đã làm sự tập trung tư tưởng của vị lão tăng không

những chẳng có lợi mà còn có hại. Cụ bèn thử làm cho lòng mình lắng lại bằng cách để tản mạn sự suy nghĩ. Nếu cụ ngạc nhiên vì sự tập trung tư tưởng đã làm cho lòng mình mê lầm hơn, thì khi cố gắng chia trí để thoát ra khỏi nó, vô hình trung cụ đã chấp nhận sự mê lầm là có thật. Cụ cảm thấy bị đè bẹp dưới một sức ép, và thay vì chiến đấu chống lại nó trong tuyệt vọng, thì cứ từ bỏ chuyện chạy trốn nó mà tập trung tư tưởng để nghĩ về hình bóng của bà phi thì có khi còn khỏe đầu hơn.

Vị lão tăng tìm ra được niềm vui khi tô điểm chung quanh cái khuôn mặt huyền ảo của bà phi những hình ảnh tôn nghiêm như thể đang trang trí một pho tượng Phật. Làm như thế, đối tượng tình yêu của cụ mỗi lúc càng huy hoàng rực rỡ, mỗi lúc càng xa vời, càng khó có thể đụng đến. Thế nhưng điều đó làm lòng cụ tràn ngập niềm vui. Sao lại như thế? Đáng lý ra phải tạo ra hình ảnh bà phi trong thân xác một người đàn bà phàm tục, gần gũi với đời phàm tục mới là chuyện tự nhiên. Như thế thì cho dù chỉ là ảnh ảo, ít nhất nó cũng đem lại cho người đang yêu một đôi điều hữu ích.

Suy nghĩ về điều đó, vị lão tăng chợt nhận rằng hình ảnh bà phi mà cụ đã tô vẽ không chỉ hoàn toàn là vật chất và cũng không phải hoàn toàn là một hình ảnh chỉ có trong đầu. Cụ chỉ vẽ lại cái yếu tính của nàng đấy thôi. Tìm được cái yếu tính ấy trong hình ảnh người đàn bà là một điều hết sức lạ lùng nhưng không phải là chuyện bất khả. Cho dù vướng vào lưới tình, vị lão tăng đạo đức kia vẫn còn có khả năng đi tìm cái yếu tính bằng cách trừu tượng hóa sự vật, vì trong quá khứ cụ đã dày công tu hành. Hình dáng bà phi giờ đây đã nhập lại làm một với hình ảnh đóa hoa sen vĩ đại rộng đến hai trăm năm mươi do tuần. Ngả lưng trên mặt nước và

được vô vàn đóa sen nâng lên, thân hình của bà trải ra bao la, rộng hơn cả ngọn núi Tu Di, rộng hơn diện tích một vương quốc.

Vị lão tăng càng tạo ra hình ảnh một bà phi khó đạt đến chừng nào thì cụ càng phản bội giáo lý Đức Phật một cách lộ liễu chừng nấy. Lý do là nếu mỗi tình là một vật không thể đạt tới thì sự giải thoát linh hồn cũng không thể nào đạt tới, bởi vì hai điều này đã buộc chặt với nhau. Vị lão tăng càng tuyệt vọng trong tình yêu bao nhiêu thì tâm trí cụ càng đâm rễ sâu vào trong những vọng tưởng và tà niệm. Chỉ khi cụ còn coi tình yêu là một vật có thể đạt được, cho dù xa vời, thì cụ mới còn khả năng từ bỏ nó. Mỗi tình vô vọng đối với một đối tượng không đạt đến được như bà phi sẽ bất động, muốn bỏ cũng không được, khác gì một hồ nước đọng bao trùm cả mặt đất, không thể đổ đi đâu.

Không hiểu vì sao vị lão tăng mong mỏi được nhìn khuôn mặt của bà phi một lần nữa, nhưng cụ chỉ sợ rằng khi nhìn khuôn mặt nay đã nhập lại làm một với đóa hoa sen vĩ đại, nó sẽ sụp đổ, tan biến mất đi chẳng! Nếu chuyện đó xảy ra thì cụ nhất định sẽ ngộ đạo và lần này được giải thoát. Nhưng chính viễn tượng này cũng làm cho cụ sợ hãi.

Tình yêu vô vọng của vị lão tăng bắt đầu tìm đủ mọi mưu mẹo kỳ lạ giúp cụ tự đánh lừa. Cuối cùng, khi lấy quyết tâm lên đường đến gặp bà phi, cụ những tưởng đã chữa trị được phần nào chứng bệnh xâm nhập và hành hạ mình bấy lâu. Cái niềm vui khó tả khi đến được quyết định chỉ là kết quả của sự ngộ nhận rằng mình đã có thể thoát ra khỏi nanh vuốt của tình yêu.

Không một ai trong đám hầu cận của Hoàng phi tỏ ý hoài nghi về hành vi của nhà sư già mệt nhọc dựa vào thiền trượng có đầu hình chim câu^[42], đứng trầm ngâm ở một góc vườn trong ngự sở. Bóng dáng những nhà tu hành hay bọn khất thực đến bên vườn để cầu xin bố thí không phải là chuyện lạ lùng.

Một thị nữ vào bẩm với Hoàng phi. Nàng hững hờ nhìn qua bức màn về hướng đó. Dưới bóng những chùm lá non, nhà sư già tiêu tụy trong lớp áo tu đen sòn với dáng ủ rũ. Nhìn một đôi, Hoàng phi nhận ra người đang đứng đó đúng là vị lão tăng có lần bắt gặp bên bờ hồ Shiga, nàng mới biến sắc.

Sau một lúc chần chờ không biết phải xử trí thế nào, nàng ra lệnh cho mọi người không cần phải để ý làm gì tới người đang đứng trong vườn. Bọn thị nữ vâng lời, để mặc nhà sư.

Lòng Hoàng phi dậy lên một nỗi lo lắng. Lần đầu tiên nàng cảm thấy như vậy.

Trong cuộc đời mình, nàng đã từng gặp biết bao người chối từ cuộc sống hiện tại nhưng chưa bao giờ giáp mặt một người dám vứt bỏ những kiếp tương lai. Gặp người đó cũng như thấy một điềm gở. Điều này khiến nàng đâm ra sợ hãi. Tất cả những khoái cảm nàng tưởng tượng ra khi nghĩ về mối tình của vị lão tăng bỗng tan biến đâu mất. Nếu mối tình ấy trọn vẹn đến nỗi cụ dám từ chối và dâng cho nàng tất cả những kiếp sau thì những kiếp lai sinh đó cũng không thể lọt vào tay nàng mà không tì vết.

Bà phi ngắm nghía y trang hoa lệ và hai bàn tay đẹp đẽ của mình rồi nhìn nhà sư già nua xấu xí trong manh áo sòn rách đang

đứng bên một góc vườn. Kết hợp được hai thứ hoàn toàn đối nghịch như thế thì chỉ có thể là nhờ hấp lực của địa ngục. Hình ảnh đó không giống chút nào với những gì đã xảy ra trong một giấc mộng huy hoàng từng đến với nàng. Giờ đây vị lão tăng là một người ngoi lên từ đáy âm ty chứ không có dung nghi đức độ cao dày và quầng ánh sáng của cõi Tịnh Độ tỏa sáng sau lưng như nàng từng mơ. Cái ánh sáng tượng trưng cho cõi Tịnh Độ toát ra từ con người ấy nay hoàn toàn mất dạng. Không thể nhầm lẫn được, đó vẫn là vị lão tăng nàng đã thấy bên bờ hồ Shiga, nhưng có sao, nay lại giống một người hoàn toàn khác.

Cũng như tất cả những người sống trong cung cấm, Hoàng phi Kyôgoku có khuynh hướng dè dặt đối với tình cảm của mình. Khi có cái gì đó lý ra làm cho mình cảm động hiện ra trước mắt, nàng vẫn giữ thái độ e dè. Cho dầu nhìn rõ bằng chứng mối tình của vị lão tăng, một mối tình không gì cao hơn mà nàng đã ước mơ tự thuở nào, Hoàng phi chỉ cảm thấy thất vọng vì không dè nó chỉ biểu hiện dưới dáng dấp quá đời tầm thường.

Dựa vào thiền trượng lê bước tới được kinh đô, vị cao tăng chùa Shiga hầu như quên hết mệt mỏi. Khi lên đến khu vườn gần nơi ngự sở của Hoàng phi Kyôgoku và nghĩ rằng người đàn bà yêu dấu có lẽ đang ở phía sau rèm, cụ như người vừa bước ra từ những cơn mộng ảo.

Bây giờ, khi tình yêu của cụ trở thành thanh khiết vô trần, hình ảnh kiếp lai sinh bắt đầu lôi cuốn cụ trở lại. Vị lão tăng có cảm tưởng cụ chưa bao giờ tưởng tượng cõi Tịnh Độ có thể mang một hình thái cụ thể đơn thuần như thế này. Sự mong ngóng được về cõi Tịnh Độ ai ngờ cũng giống như tình yêu nhục cảm. Giờ đây, cụ

chỉ còn cần làm một thủ tục sau cùng là đến gặp bà phi để thổ lộ tình yêu của mình thì đủ xóa sạch được những vọng tưởng mê lầm của kiếp hiện tại bấy lâu gây chướng ngại không cho cụ đạt đến những kiếp lai sinh. Chỉ cần có bấy nhiêu thôi!

Khom tấm thân già trên thiên trượng để đứng cho vững, đối với cụ bây giờ cũng là chuyện nặng nhọc. Ánh nắng chói chang của một ngày tháng Năm xen qua kẽ lá đổ xuống đỉnh đầu. Cụ thấy choáng váng, bao nhiêu lần phải bám chặt lấy cây gậy. Nếu bà phi sớm nhận ra điều đó và mời cụ vào thì có thể thủ tục sẽ hoàn thành chóng vánh. Và lúc đó, cánh cửa của cõi Tịnh Độ cực lạc sẽ mở ra chờ đón cụ. Vị lão tăng trông đợi mỗi điều ấy. Cụ mệt đến gần là nhưng vẫn ráng tựa vào cây gậy mà chờ. Mãi đến khi trời đã về chiều. Thế rồi bóng tối dâng lên. Dù vậy vẫn chưa có tín hiệu gì từ phía bà phi.

Dĩ nhiên Hoàng phi làm thế nào biết được vị lão tăng đã nhìn thấy cõi Tịnh Độ đằng sau hình ảnh của nàng và thông qua nàng. Nàng nhìn về mảnh sân đằng trước xuyên qua bức rèm. Nhà sư già vẫn đó. Ánh nắng chiều xế xuống sân. Cụ hãy trợ trợ.

Hoàng phi bỗng cảm thấy sợ hãi. Bà ngỡ người đứng trước mặt mình chính là hồn oan của những vọng tưởng mê lầm mà kinh kệ nhiều lần nhắc tới. Bà cảm thấy nỗi lo âu bị dọa địa ngục dâng lên trong người. Làm cho vị cao tăng đạo đức như thế vướng vào mối mê lầm thì nhất quyết cõi Tịnh Độ sẽ không bao giờ tiếp nhận nàng. Chỉ có địa ngục với những cảnh tượng khủng khiếp của nó thường ngày vẫn nghe nói sẽ đến với nàng thôi. Lúc này thì hình ảnh của tình yêu tuyệt đỉnh mà nàng ao ước đã bị phá vỡ. Được người khác yêu như trường hợp của nàng chỉ là chịu sự dọa dẫm trong địa ngục.

Khác hẳn viễn tượng đẹp đẽ về nàng mà vị lão tăng nhìn thấy, cái mà nàng đang thấy chỉ là sự khủng khiếp của địa ngục xuyên qua nhà sư già.

Thế nhưng là con người kiêu hãnh, bà phi không dễ dàng gì để cho nỗi sợ hãi đó khuất phục. Mặc kệ, nhà sư già có đợi chờ đến lúc ngã quy thì đã sao? Khi đưa mắt nhìn ra ngoài qua tấm rèm và thấy hình dáng nhà sư đáng lẽ đã ngã gục vẫn còn lặng lẽ trơ ra đó, nàng không khỏi cảm thấy bức bối.

Màn đêm rơi xuống. Thêm có ánh trăng rọi vào, dáng gầy guộc của nhà sư đang châu chực trông chẳng khác nào một bộ hài cốt.

Hoàng phi Kyôgoku lo âu đến nỗi không tài nào nhắm mắt. Chẳng thém nhìn ra ngoài rèm nữa, nàng quay lưng lại hướng ấy. Tuy nhiên nàng vẫn cảm thấy tia nhìn của vị sư già. Ôi thôi, mối tình này không phải là một mối tình tầm thường. Thế nhưng sự sợ hãi được yêu và sự sợ hãi phải bị dọa địa ngục, ngược lại đã làm cho nàng tập trung được tâm trí khẩn nguyện để được thác sinh vào cõi Tịnh Độ. Đó là cõi Tịnh Độ mà nàng ấp ủ trong lòng và quyết tâm giữ gìn cho nó không bị tổn hại. Cõi Tịnh Độ của nàng không giống cái cõi Tịnh Độ của vị cao tăng vì nó không can dự gì đến mối tình của cụ đối với nàng. Nàng nghĩ rằng nếu như mình cất tiếng gọi nhà sư, cái cõi Tịnh Độ nàng đang khẩn nguyện tìm về sẽ bị sụp đổ tan tành.

Nàng tự nhủ tình yêu một chiều của vị cao tăng đâu có liên hệ gì đến mình. Cụ ta tự ý yêu như thế thì mặc cụ. Đâu có chút lý do nào ngăn cản được con đường đi về cõi Tịnh Độ của mình!

Dù suy nghĩ như vậy, khi đêm càng khuya và trời càng thấm lạnh thì bà phi càng mất dần tự tin. Mới đây thôi, nàng còn nghĩ

nếu nhà sư già có kiệt lực, ngã lăn ra chết, nàng cũng chẳng đoái hoài.

Vị cao tăng vẫn đứng như thế trong vườn. Khi ánh trăng lần khuất, bóng của cụ hiện ra kỳ quái như một ngọn cây khô quắt.

“Không, không, ta với cái bóng kia không liên can gì với nhau hết!” Bà phi thầm gào lên trong lòng. Cơ sự xảy ra vượt ra ngoài tầm suy nghĩ của nàng. Có thể là điều hiếm có nhưng trong một thoáng như thế này, bà phi quên khuấy mình là một mỹ nhân. Bảo rằng lúc đó bà cố ý quên đi thì có vẻ đúng hơn.

Cuối cùng, bầu trời xen một vài vệt trắng. Trong cái lò mờ của buổi hừng đông, vị lão tăng vẫn còn đứng nguyên đấy.

Hoàng phi thua cuộc. Nàng đành lên tiếng gọi thị nữ ra ngoài vườn mời nhà sư đến trước rèm.

Vị lão tăng đã đạt đến mức độ vong ngã, không biết xác thịt mình hãy còn hay đã bị hủy diệt. Cụ hết phân biệt nỗi kẻ đang chờ đợi mình là bà Hoàng phi hay là kiếp lai sinh. Khi nhận ra bóng người thị nữ bước xuống khu vườn nửa sáng nửa tối để đến kề bên, cụ cũng không hình dung ra được những gì sẽ xảy ra tiếp đó.

Thị nữ truyền lại lời mời của Hoàng phi. Lão tăng đáp lại bằng một âm thanh giống như tiếng kêu kinh hãi, không phải tiếng người.

Phía trong bức rèm chỗ bà phi ngồi tối đen, người từ bên ngoài không thể nhìn được hình dáng của nàng. Vị lão tăng quỳ xuống trước nàng, hai tay bưng mặt khóc.

Cụ khóc một hồi lâu, không có lấy một lời. Khóc và chỉ biết khóc, tưởng như tiếng khóc sẽ không bao giờ dứt.

Trong lúc đó, bên dưới bức rèm và từ trong chỗ bóng tối lò mờ, một bàn tay trắng muốt như tuyết đang chìa ra phía ngoài.

Vị cao tăng chùa Shiga đưa hai tay ra đón nhận và áp ủ bàn tay của người mình yêu thương. Cụ áp bàn tay đó lên trán mình, rồi lên má.

Hoàng phi Kyôgoku cảm được cái lạnh từ bàn tay thô kệch đang chạm đến tay mình. Sau một lúc, bàn tay nàng bỗng nóng lên rồi dần dần ướt đầm. Nàng cảm thấy không chút thoải mái khi bàn tay của mình đang thấm ướt nước mắt của ai đó.

Thế nhưng bầu trời đã trắng bạch và khi Hoàng phi nhận ra ánh sáng bắt đầu len vào sau rèm, trong lòng người đàn bà có con tim mộ đạo này bỗng nhiên một linh cảm lạ lùng từ đâu đến xâm chiếm: không còn nghi ngờ gì nữa, cái bàn tay không quen biết đã áp ủ tay ta bên kia tấm rèm chỉ có thể là bàn tay của chính Đức Thế Tôn.

Một cảnh tượng huyền ảo như sống dậy trong lòng Hoàng phi. Đó là khung cảnh cõi Tịnh Độ với nền bằng lưu ly, với vô số lầu đài cung điện bằng thất bảo, với bóng dáng những vị thần tiên đang tấu nhạc, với những khu hồ hoàng kim trải cát thủy tinh có muôn nghìn đóa hoa sen lấp lánh ánh sáng, với lũ chim gia lăng tần la riu ra riu rít... tất cả đều như vừa được tái sinh. Nếu trên thực tế đó là quang cảnh của cõi Tịnh Độ mà Hoàng phi tin rằng mình sẽ thừa hưởng thì kể từ nay, nàng có thể sẵn sàng chấp nhận tình yêu của vị lão tăng. Hoàng phi chỉ còn đợi người đàn ông có bàn tay của Đức

Phật lên tiếng gọi: “Hãy vén rèm lên!” mà thôi. Vị lão tăng có thể cầu xin nàng điều đó. Có thể nàng sẽ vén rèm cho cụ. Cũng như trong buổi gặp gỡ bên bờ hồ Shiga, có thể Hoàng phi Kyôgoku sẽ cho phép nhà sư già được nhìn thấy khuôn mặt tuyệt mỹ của nàng. Và nàng cũng có thể mời cụ bước vào bên trong nữa...

Hoàng phi Kyôgoku chờ đợi.

Thế nhưng vị lão tăng chùa Shiga vẫn không thốt lên một lời. Cụ không cầu xin điều gì cả. Bàn tay già nua đang nắm chặt lấy bàn tay của người đẹp cuối cùng rồi cũng buông ra. Cụ để bàn tay trắng muốt như tuyết đó tro troi trong ánh sáng của buổi bình minh.

Vị cao tăng đi khuất. Hoàng phi cảm thấy tim mình buốt giá.

Vài ngày sau, có tin đưa đến cho biết vị cao tăng đã viên tịch trong thảo am của người. Từ ấy, Hoàng phi Kyôgoku bắt đầu ngồi nắn nót chép những trang kinh để tiến cúng nhà chùa. Đó là Vô Lượng Thọ Kinh, Pháp Hoa Kinh, Hoa Nghiêm Kinh, toàn những bản kinh quý hiếm.

Nguyễn Nam Trân dịch

BỒN PHUN NƯỚC GIỮA CƠN MƯA (Ame no naka no funsui)

Gã trai trẻ đã chán ngấy vì cuộc bộ dưới trời mưa mà còn phải mang theo vật nặng chình chịch như bịch cát: một cô gái nhỏ không ngưng tiếng khóc.

Vừa mới đây, trong cái quán cà phê tại một cao ốc ở khu Marunouchi, cậu ta vừa tuyên bố cắt đứt liên hệ với cô.

Lần đầu tiên cậu ta dứt tình với một người con gái.

Điều này cậu đã mơ ước từ lâu nhưng mãi hôm nay mới thực hiện được!

Cậu đã yêu cô bé với mục đích chỉ để đi đến hành động này, hay đúng hơn là cậu chỉ vờ yêu. Cậu đã dồn hết tâm lực tán tỉnh, lợi dụng được thời cơ nhằm kéo cô ấy lên giường và làm tình một cách dễ dàng để rồi đi đến kết cục này. Giờ đây, sau khi chuẩn bị kỹ lưỡng đường đi nước bước, cậu đã thành công để có thể nói lên một câu: “Giữa hai đứa mình, thế là hết!” Đó là một câu nói có uy lực như sắc lệnh của nhà vua mà cậu ta mong chờ được nghe từ chính cửa miệng của mình.

Những con chữ ấy! Cậu đã nghĩ rằng chỉ cần mình thốt ra ở đầu lưỡi là đủ để rạch được bầu trời xanh. Ít nhất phải là thế. Những con chữ mà cậu đã tưởng ra với tất cả say mê, cho dù có hơi lưỡng lự muốn cho nó nằm mãi trong trạng thái giả tưởng... Những con chữ hào hùng và vinh quang đó sẽ vụt phóng lên bầu trời xanh

sau khi được cậu bắn ra từ một cánh cung. Những con chữ bùa chú mà chỉ một người đàn ông đích thực, một kẻ đã trở thành người lớn, được phép thốt ra: Những con chữ “Thôi, chia tay nhau đi!”

Thực vậy, Akio sẽ luôn luôn nhớ lúc đó cậu đã bật ra câu nói ý nghĩa rõ ràng này bằng một giọng hơi khàn, bị vướng víu trong cổ họng như một người hen suyễn miệng đầy đờm dãi (cho dù một hộp soda hút vôi vàng bằng ống hút cũng không đủ làm thông cổ).

Lúc đó điều làm Akio lo lắng nhất là những chữ cậu thốt ra không được nghe một cách rõ ràng. Thà chết còn hơn là chấp nhận lời yêu cầu của người trước mặt để lặp lại nó thêm một lần nữa. Hỏi thử một con ngỗng, sau nhiều năm chờ đợi mới đẻ được một quả trứng vàng, nếu như quả trứng đó vỡ trước khi con đực có thời giờ nhận ra, có thể nào đẻ ra được một quả trứng thứ hai giống hệt như thế ngay tại chỗ không?

May cho cậu là câu nói đã được nghe. Nó đã được nghe một cách rõ ràng và cậu không bị người đó đòi nhắc lại. Cậu có thể nghĩ là mình vô cùng may mắn. Như thế cậu đã một mình lên tới đỉnh núi và vượt qua một quan ải nằm ở mãi xa. Cái bằng chứng là những chữ cậu thốt ra đã được nghe, đã hiện ra một cách rõ ràng, chẳng khác nào một thanh kẹo cao su bật ra từ chiếc máy bán hàng tự động. Âm thanh những cuộc nói chuyện ở các bàn bên cạnh, tiếng đĩa bát va chạm vào nhau và cả những tiếng chuông vang lên khi người ta mở két thối tiền... càng nghe rõ hơn bình thường vì lúc này các cửa sổ đã đóng cả do có mưa bên ngoài. Những âm thanh đó như đọng lại bên trong và tạo ra những tiếng vang tinh tế trong từng giọt hơi nước nóng đọng lại trên cửa kính và làm lan ra một khối âm hưởng khiến cho đầu óc mù mờ. Vừa khi những âm thanh

mà Akio thốt ra một cách khó khăn được cảm nhận trong một bầu không khí ồn ào của căn phòng, không biết đã đến tai Masako hay chưa mà thấy cô mở to thêm đôi mắt vốn đã quá to, đôi mắt hình như lúc nào cũng muốn tách bạch và khám phá thế giới bên ngoài cái khuôn mặt bằng phẳng của cô. Chúng không phải chỉ là đôi mắt mà là những dấu hiệu rõ ràng của sự thất bại, một sự thất bại không thể cứu vãn. Và từ khóe mắt của cô, bỗng nhiên tuôn ra những giọt nước mắt đổ xuống như thác.

Cậu không dự kiến sẽ thấy cảnh tượng như vậy: những giọt nước mắt kia không kèm theo một tiếng rên rỉ nào mà chảy ào ạt như có một sức mạnh làm cho vỡ òa, nhưng nó không kèm theo biểu hiện cảm tình nào.

Dĩ nhiên, với áp lực và lưu lượng của những dòng nước mắt đó, Akio nghĩ rằng trước sau gì nó cũng phải cạn đi thôi. Thế nhưng quang cảnh đó cũng đã đem đến cho lòng cậu một cảm giác hài lòng và mát rượi như hương vị của bạc hà. Đúng là điều mà cậu đã nhìn thấy trước đó, sắp đặt để nó có thể xảy ra trong thực tế. Kết quả này vượt ra ngoài sự mong ước của cậu, cho dù ở một khía cạnh nào đó, nó có phần giả tạo.

Mình đã ăn nằm với Masako chỉ nhằm được thấy cảnh tượng này... cậu con trai tự nhủ với mình thêm một lần nữa... Mình không bao giờ là nô lệ của lòng ham muốn đâu. Khuôn mặt đàn bà đầm nước mắt hiện ra trước mắt mình, nay đã trở thành một hiện thực! Cô nàng là hóa thân của “người đàn bà bị ruồng bỏ”. Tất cả điều đó xảy ra được là nhờ ở nơi mình!...

Thế nhưng dòng nước mắt đang tuôn dài trên khuôn mặt của Masako không cho biết đến bao giờ nó sẽ ngừng chảy, đến độ cậu

con trai bắt đầu lo ngại về ánh mắt của những người đang ngồi chung quanh.

Masako vẫn mặc trên người chiếc áo đi mưa màu trắng tẻ nhạt của cô và ngồi thật thẳng trên chiếc ghế làm người ta có thể phỏng đoán là bên trong chiếc áo sơ mi kiểu Scotland màu đỏ, có một lực không tưởng tượng nổi làm hai bàn tay của cô đang đặt bên thành bàn cứng đờ đi. Và cứ như thế mà cô giữ nguyên vị trí của mình.

Thực thế, cô đang nhìn thẳng ra phía trước, mặc cho dòng nước mắt tuôn trào, không nghĩ tới cả việc lấy chiếc khăn mùi soa để chấm nó. Hơi thở của cô như bị nghẽn ở chỗ hõm trên cái cổ thanh tú và toát ra một tiếng động máy móc như có ai đang mang một đôi giày mới đi trên lớp hắc ín trắng trên mặt đường. Hai bờ môi trần của cô, hơi cuộn lên, run rẩy vì không bằng lòng, đôi môi của một cô nữ sinh cứng đầu từ chối việc trang điểm.

Những người khách lớn tuổi hơn trong quán cà phê nhìn cảnh tượng với một vẻ thích thú. Những cái nhìn ấy đủ để gây rối cho Akio, người mới đây có được cái tình cảm là mình đã có thể nhập bọn vào thế giới của họ.

Không biết nước mắt của Masako ở đâu mà tuôn ra nhiều đến thế, đến độ Akio phải kinh ngạc. Lưu lượng và sức ép của nó không ngừng lại đâu là trong giây lát. Akio cúi xuống nhìn đầu mũi chiếc dù mà cậu đang chống tựa vào ghế. Trên mặt sàn lát gạch vuông theo lối xưa như một bức thổ cẩm, nước bắn chảy thành dòng và đã đọng lại một vũng nhỏ. Trong một thoáng, Akio tưởng như vũng nước ấy là do những giọt nước mắt của Masako tạo ra.

Bỗng nhiên Akio đứng phắt dậy và cầm theo phiếu thanh toán tiền nước.

Những trận mưa tháng Sáu kéo dài không ngớt từ ba hôm nay rồi. Akio bước ra khỏi cao ốc Marunouchi và giương dù. Cô gái dán sát đằng sau, không nói lấy một lời. Cô không có dù. Akio buộc lòng phải che cho cô ta và cậu chợt khám phá ra mình đang làm một cử chỉ đặc biệt quen thuộc của những người lớn, nghĩa là một mặt làm như bất cần mà kỳ thực là hết sức để ý về thái độ của người chung quanh. Đi dạo phố dưới vòm một chiếc dù sau khi đã dứt tình với nhau như họ đang làm, chẳng khác nào thực hiện một màn trình diễn trước công chúng. Đã cắt đứt thì phải cắt cho trọn vẹn chứ không nên che đậy dù dưới một hình thức nhỏ nhoi nào, cách lý luận như thế mới phù hợp với bản chất của Akio hơn!

Trong lúc tiến ra đại lộ dẫn về hướng khu vực Hoàng cung, trong đầu cậu chỉ nghĩ mỗi một điều: đến chỗ nào mình sẽ vứt bỏ được cái bịch chứa đầy nước mắt này? Và không hiểu những cái bồn phun nước có làm việc cả ngày lẫn đêm hay không nhỉ? Cậu đặt câu hỏi như thế nhưng không vì một lý do nào rõ ràng. Mà tại sao cậu lại nghĩ đến những cái bồn phun nước nhỉ? Bước thêm dăm ba bước nữa cậu mới ý thức được đến cái tính cách khoa học thú vị của câu hỏi vừa lướt qua trong trí mình.

Bên dưới khoảng không gian chật chội của chiếc dù, Akio vừa thử làm sao để khỏi phải va chạm vào tấm áo mưa lạnh và ướt át mà cô gái đang choàng. Lớp bên ngoài của chiếc áo mưa giống như một lớp da rắn khiến cậu rung mình mỗi khi chạm phải. Trong đầu, Akio tưởng tượng ra một câu nói giễu cợt và thấy vui vui khi nghĩ về hình ảnh ấy.

Phải rồi! Đó là những cái vòi nước phun lên giữa cơn mưa. Hãy thử để cho những cái vòi ấy và dòng nước mắt này thi nhau xem ai

hơn nào! Dù Masako có lấm nước mắt đến đâu, cô mình không thể thắng cuộc được. Trước tiên, theo nguyên tắc của bồn phun nước thì số nước phun ra lại trở về chỗ cũ y nguyên trong khi những giọt nước của Masako một khi đã tuôn ra sẽ bốc hơi và mất đi vĩnh viễn. Dù muốn dù không, cuộc chiến với cái vòi phun nước theo một chu kỳ như vậy, chắc chắn là sẽ thua. Đợi đến lúc cô mình quy hàng và ngưng tiếng khóc, mình sẽ vứt đi được cái gánh nặng này. Duy còn một vấn đề là phải biết vào những ngày mưa như hôm nay, các bồn phun nước có làm việc hay không mà thôi.

Akio đi trong im lặng. Masako vẫn sứt sùi và dán sát vào người cậu và chung một mái dù. Một mặt, Akio cảm thấy mình khó lòng dứt bỏ cô ấy, một mặt, cậu hoàn toàn thoải mái nếu chỉ để đưa cô ấy đi theo ý mình.

Akio hầu như ngấm đến tận xương thịt cả hai thứ, nước mưa và nước mắt. Bởi lẽ trong khi Masako đi một đôi bốt bằng cao su trắng, Akio chỉ có một đôi giày nhỏ, đế thấp, làm cho cậu có cảm tưởng thay vì đôi tất, chân cậu chỉ được bao quanh bằng một lớp rong biển xộp như chất xơ.

Chưa phải là giò tan tằm. Vệ đường vắng tanh, hai người vượt qua lối đi dành cho khách bộ hành để bước về phía cầu Wadakura. Họ dừng bước trên thành cầu, nơi có những cái cột bằng gỗ kiểu xưa với mấy chụp đèn hình tròn bằng kim loại như ai đem những viên ngọc đặt lên trên. Phía tay trái họ là hào thành đầy ắp nước với vài con thiên nga. Phía tay phải, bờ đối diện, qua đám sương mờ đọng trên mặt cửa kính, họ thấy hiện ra mờ hồ những dãy ghế màu đỏ và những tấm vải trắng phủ bàn ăn của cái quán nằm trong khuôn viên Khách sạn Đế Quốc (Teikoku Hoteru). Họ bèn băng qua

cầu. Khi qua khỏi hai bức tường thành bằng đá thì một khu vườn có bồn phun nước hiện ra bên tay trái của họ.

Vẫn như từ nãy đến giờ, Masako tiếp tục khóc một cách lặng lẽ.

Ở lối vào công viên có một viên đình nhỏ để nghỉ chân làm theo kiểu Âu. Dưới cái mái lợp bằng lau sậy khô, người ta đã đặt mấy băng ghế dài mà mưa vẫn chưa đủ tạt ướt. Akio ngồi xuống đó, cây dù trong tay vẫn mở. Masako, nước mắt đầm đìa, cũng bắt chước ngồi như thế nhưng vì quay ngang nên trước cánh mũi của mình, cậu chỉ thấy mỗi bờ vai khoác tấm áo mưa màu trắng và mái tóc ướt. Những giọt mưa như bị sáp chài tóc đẩy lùi, lan ra trên đó thành những giọt nước li ti đục màu sữa. Masako vẫn khóc trong khi mắt cô vẫn mở to như thể đang ở trong một trạng thái hôn mê. Đến độ Akio những muốn giạt mấy sợi tóc ướt đó để giúp cho cô tỉnh trí trở lại.

Người con gái vẫn tiếp tục không thốt lên một lời nào. Làm như thế cô đang đợi người con trai bắt chuyện, nhưng đối với Akio, giữ cho được sự im lặng trong lúc này là một vấn đề danh dự. Nhất là từ khi thốt ra câu nói quan trọng kia, miệng của cậu vẫn câm như hến. Ngoài xa, những vòi nước của bồn phun đang bắn những tia nước mạnh mẽ lên trên trời nhưng riêng Masako chẳng quan tâm đến việc đó chút nào.

Từ mái đình trú chân có thể thấy cả thấy ba vòi phun nước của cái bồn, hai nhỏ và một lớn, cùng tụ hội với nhau theo một đường thẳng đứng, trong khi tiếng nước bắn lên bị tiếng mưa che lấp và mất hút từ xa. Thế nhưng khi khối nước của chúng rơi xuống vào bốn bên thành bồn thì nó không chỉ giới hạn ở khu vực mờ mờ hơi

nước đó mà tỏa ra rất rõ nét chẳng khác nào những ống thủy tinh người ta đang uốn cho cong.

Nhìn mãi ra thật xa thì chung quanh không có bóng người. Thảm cỏ bao chung quanh bồn phun nước và những bờ rào kết bằng hoa bạch đồ quỳên như được mưa tắm gội nên ướt rượt và rạng rỡ.

Phía bên kia vườn thì những chiếc xe hàng mà bạt che còn đọng ngấn nước, những mái xe buýt màu đỏ, trắng, vàng vẫn không ngừng di động. Nếu như tín hiệu giao thông màu đỏ ở ngã tư đường hiện ra rõ mồn một, tín hiệu màu xanh tiếp sau lại bị che lấp bởi hơi nước của những tia nước đang phun nên không thể nào thấy được.

Cậu con trai vẫn ngồi y nguyên và không thốt lấy một lời. Cậu cảm thấy có một con giện đang trỗi dậy tràn ngập trong người mình. Và cậu nói giễu cợt cậu mới tưởng tượng ra mấy phút trước đây bỗng dung tan biến khỏi tâm trí.

Cậu không biết con giện dữ của mình đang chìa mũi dùi về phía ai đây. Chẳng là mới mấy phút trước thôi, cậu còn cảm thấy mình đang mọc cánh và bay lên chín tầng mây như một con ngựa thần. Thế nhưng giờ đây cậu đang phải nếm một nỗi thất vọng không tên và quá phũ phàng. Cái việc chẳng làm dứt được tiếng khóc của Masako không phải là tất cả nguyên nhân đã khiến cho cậu cảm thấy bức dọc như vậy.

Thế thì đẩy cô ta xuống hồ nước rồi bỏ chạy vậy! Chỉ cần muốn làm như thế thì mọi chuyện sẽ được dàn xếp ổn thỏa. Cậu con trai đầy tự hào kia nghĩ trong bụng. Chỉ tội cái là cơn mưa đang rơi tầm tã, những giọt nước mắt búa vây và bầu trời trên kia khép kín như

một bức tường... tất cả đã đưa cậu vào một thế kẹt. Bực bội vì bị bủa vây bốn bề, cậu cảm thấy sự tự do của mình đã thu nhỏ lại thành một miếng giẻ bùi nhùi đắm nước.

Cậu con trai đang tức tối không còn thèm muốn một điều gì khác ngoài việc xử sự một cách độc ác. Nếu con bé Masako này chưa ướt đến tận xương và đôi mắt của nó chưa ngập ngụa hình ảnh của cái bồn phun nước thì lòng cậu vẫn chưa thấy nguôi ngoai.

Đột nhiên cậu đứng dậy, bắt đầu chạy và không hề ném lại đằng sau một cái nhìn. Cậu chạy mãi miết trên con đường vòng rải sỏi vốn cao hơn con đường đi dạo bọc lấy bồn nước một bậc. Cuối cùng cậu đã đến một địa điểm chính xác mà từ đó, cậu có thể nhìn theo chiều ngang để ngắm rõ cả ba vòi nước.

Người con gái bắt đầu đuổi theo cậu dưới cơn mưa và suýt nữa đâm sầm vào lưng cậu khi cậu bất chợt dừng lại nên cô phải nắm lấy cái cán của chiếc dù cậu đang giăng ra để che. Khuôn mặt của cô ràn rụa nước mắt cùng nước mưa và tái nhợt dưới mắt cậu. Vừa thở dốc, cô lên tiếng hỏi cậu đang định đi đâu.

Akio nãy giờ vẫn thề rằng mình sẽ không nói gì, đã trả lời cô bằng một câu thật dễ dàng tưởng chừng như cậu đã chuẩn bị đối phó từ trước:

- Anh đang ngắm mấy cái vòi nước. Em cũng nên nhìn thử mà xem. Em có khóc đến mức nào cũng được nhưng không thể mạnh bằng chúng.

Thế rồi, với chiếc dù giương chếch ra phía sau, hai cô cậu thu tất cả hình ảnh của ba vòi nước vào trong tầm mắt và cảm thấy nhẹ người vì đỡ phải nhìn thẳng vào mắt nhau. Trong ba vòi nước, cái

vòi ở giữa trông đồ sộ nhất, bảo bọc chung quanh là hai cái vòi bé hơn như hai anh cận vệ đi theo.

Tiếng nước vang dội đổ xuống bồn làm họ không phân biệt được nó với tiếng mưa rơi xuống mặt nước. Những tiếng động khác mà họ có thể nghe thấy khi dừng chân lâu la ở một chỗ như thế này thì buồn cười thay, lại là tiếng động cơ lúc to lúc nhỏ của những chiếc xe hơi ở mãi đằng xa. Trong khi đó, tiếng ồn ào của bồn phun nước như đã hoàn toàn kết hợp với bầu không khí vây quanh. Nếu không lắng tai nghe thật kỹ thì ai cũng tưởng là mình đang bị bủa vây bằng một sự im lặng tuyệt đối.

Trước tiên, nước đã vỡ ra thành những giọt thật mịn xuống lòng hồ làm bằng cẩm thạch đen, men theo cái thành bồn màu đen thẫm để tuôn xuống đó những vệt nước thật lớn trông giống như tấm màn thêu.

Ở giữa lòng hồ, vòi nước chính phóng thẳng lên trên nền trời, được hỗ trợ bởi sáu cột nước nhỏ tỏa ra thành những hình vòng cung lan xa ra bên ngoài.

Nếu nhìn cho kỹ thì sẽ thấy vòi nước không phải lúc nào cũng phóng lên đến cùng một độ cao. Nhân vì trời hoàn toàn lặng gió, cột nước không bị lay động mà phóng thẳng lên bầu trời xám. Thế nhưng đỉnh cao của nó không hề giống nhau. Có lúc nó vọt đến một độ cao không ngờ, nhưng sau đó tháp nước ấy cũng bị phân nhánh rồi vỡ toang ra, rơi xuống như những đợt mưa phùn.

Trong khi cột nước chạm đến đỉnh cao, nó như hút cả bầu trời xám, nặng mây vào bên trong và xuyên qua đó, có một màu trắng như phấn mịn hòa vào trong màu xám. Không phải là màu của nước, có thể gọi là màu của phấn, một thứ phấn bột không ngừng

lan ra trong không gian. Trong khi đó, toàn thể cột nước được vây phủ bởi những cụm bọt giống như những cánh hoa mẫu đơn bằng tuyết trắng đang nhảy múa. Phải nói là có một thứ mưa trộn lẫn với tuyết đang tan.

Tuy nhiên, cái nhìn của Akio không bị lôi cuốn bởi hình ảnh ba vòi nước đang phun bằng hình ảnh những giọt nước đang chơi đùa theo cách tỏa ra khắp nơi và vẽ thành những đường cong chung quanh.

Và nhất là không phải chỉ có vòi nước ở chính giữa đang quay cái đầu bạc trắng của nó theo mọi hướng khi còn ở phía trên cái bồn nước cẩm thạch đen trước khi đổ ào ạt xuống lòng hồ. Lần hồi Akio bị thu hút bởi cái tốc độ không hề mạnh mẽ, không hề suy suyển của nước khi nó rơi xuống và tản ra bốn bên thành hồ. Cho đến lúc đó, Akio vẫn giữ nguyên được sự tỉnh táo, nhưng kể từ giờ, cậu bắt đầu cảm thấy mình bị lôi cuốn bởi hấp lực của dòng nước. Bằng sức mạnh và sự linh hoạt của nó, những giọt nước kia như đang đưa cậu vào trong một thế giới khác.

Cậu cũng có cùng chung một tâm cảnh đó khi nhìn mấy cột nước.

Trước tiên, cái vòi phun chính ở giữa trông giống như một tác phẩm điêu khắc bằng nước, bất động như đang đứng nghiêm. Tuy nhiên, khi chú ý nhìn vào bên trong cột nước, Akio đã có thể khám phá được cái linh hồn trong suốt của nó đang chuyển vận liên tục từ phía dưới lên trên với một vận tốc nhanh đến chóng mặt, không hờ tay bù đắp cho cái cột nước kia một lượng nước hình viên trụ, giúp cho nó luôn luôn được tràn trề. Akio vẫn biết là rất cuộc, ở trên cao kia trong bầu trời, nó sẽ thất bại thôi nhưng cậu vẫn thấy

kỳ diệu làm sao sức nước bền bỉ và mạnh mẽ đã nâng đỡ cho ước vọng vĩnh viễn bị phong tỏa này.

Khi dắt cô gái đến đây, Akio có chủ ý cho cô thấy, nhưng rốt cuộc, chính cậu là người bị những cái vòi phun kia thu hút. Trong khi thầm ngắm vẻ đẹp khôn tả này, mắt của cậu dần dần hướng lên cao để thấy những đám mây đang đổ xuống những khối nước mưa.

Mưa đã làm ướt hàng mi của cậu.

Dưới một bầu trời thấp sát ngang đầu và nặng mây, mưa vẫn rơi không ngừng. Bất cứ chỗ nào trong không gian, nhìn đi nhìn lại chỉ thấy nước. Những giọt mưa đang đập vào mặt cậu đây nào có khác gì với những giọt mưa đang đập trên mái ngói đỏ của những tòa cao ốc cũng như cái khách sạn ở đằng xa. Khuôn mặt trẻ trung hãy còn phơn phớt mấy sợi râu cằm như lông măng của cậu cũng như cái sân thượng đúc bằng bê tông vắng vẻ không bóng người bên trên ngôi nhà bên cạnh, cả hai đều đang đón nhận những giọt mưa rơi ướt. Chẳng có gì khác nhau cả. Đối với những giọt nước mưa kia thì đôi má trẻ trung của cậu hay mặt bằng bê tông nhóp nhép nào có gì khác đâu.

Chợt hình ảnh của cái bồn phun nước trước mắt Akio bị xóa mất khỏi dòng suy tưởng của cậu. Kể từ đây, đối với cậu, những vòi nước phun lên giữa cơn mưa chỉ làm mỗi cái việc lặp đi lặp lại một trò chơi vừa máy móc vừa ngu xuẩn.

Trong khi tâm trí của cậu lan man như thế, cậu đã quên cả câu nói đùa mà cậu vừa tưởng tượng ra cũng như cơn giận dữ sau đó đã đến với cậu. Đầu óc của cậu bỗng trở nên trống rỗng hoàn toàn.

Và trong khoảng hư vô ấy, chỉ còn có những giọt mưa mà thôi.

Người con trai bắt đầu bước đi nhưng chân không định hướng.

- Anh đi đâu vậy?

Cô gái lên tiếng hỏi. Cô vẫn thất thểu đằng sau cậu trong đôi boot bằng cao su màu trắng. Lần này, đã quyết tâm, cô không rời tay khỏi cái cán dù.

- Đi đâu à? Thích đi đâu thì đi. Chuyện này chỉ liên quan mỗi mình anh. Có phải anh vừa nói rõ với em như thế không?

- Sao? Anh vừa nói gì với em chứ?

Cậu con trai nhìn gương mặt của người đang đặt câu hỏi với một vẻ kinh hoàng. Khuôn mặt đầm nước nhưng mưa đã xóa đi tất cả vết nước mắt. Nếu đôi mắt hãy còn ươn ướt và đỏ hoe vì khóc nhiều, tiếng nói của cô không còn run rẩy như trước nữa.

- Em hỏi “Sao” là thế nào? Anh đã nói với em một cách khá rõ ràng rồi mà! Giữa hai chúng mình, không còn có gì nữa. Phải không?

Cũng vào lúc đang thốt ra lời ấy, đằng sau cái dáng đi của người con gái dưới cơn mưa, cậu nhận ra những khóm hoa đỗ quyên đang nở lác đác khắp nơi trên nền cỏ, làm thành những vệt hồng thắm nho nhỏ và ngạo nghễ.

- Ồ, anh nói như thế à? Sao em không nghe gì hết vậy?

Cô con gái đã trả lời với một giọng không thể nào bình thản hơn.

Như bị một cú sốc, cậu con trai thiếu điều ngã ngửa. Cậu bước thêm đôi ba bước nữa một cách khó nhọc và luống cuống kiểm được dăm ba chữ để chống chế:

- Thế chớ... tại sao... tại sao... em lại khóc? Có phải ngốc không nào?

Cô con gái không trả lời ngay. Bàn tay nhỏ nhắn và ướm át vẫn nắm chắc lấy cái cán dù.

- Em đâu có biết... Nước mắt nó tự nhiên ứa ra, không vì lý do nào cả.

Cậu trai muốn hét lên vì tức bực nhưng thay cho tiếng kêu, đó là một tiếng hắt hơi rõ lớn và cậu nghĩ nếu vẫn để tiếp tục kiểu này, thế nào mình cũng sẽ bị cảm lạnh.

Nguyễn Nam Trân *dịch*

Phụ lục

MISHIMA VÀ NÔ CẬN ĐẠI

Phải nói là sân khấu và màn bạc đóng một vai trò quan trọng trong sự nghiệp văn bút của Mishima Yukio. Nhưng làm sao có thể khác hơn đối với một con người uyên bác và đa tài như ông! Bài viết dưới đây được dành để phân tích mối liên quan giữa Mishima và sân khấu Nô, một lãnh vực nghệ thuật mà ông quan tâm hàng đầu.

Phần I: Đôi nét về sân khấu Nô

Nô có một lịch sử lâu dài. Tiền thân của nó, sarugaku (viên nhạc, hình thức tuồng chủ yếu dựa vào trò nhại người khác và tạp nghệ khéo tay) đã được nhắc đến trong cuốn *Nihon Shoki* (Nhật Bản Thư Kỷ, 720), bộ cổ sử của Nhật Bản, nhân khi có buổi diễn tuồng vào dịp lễ cúng đường Đức Phật của Thái tử nhiếp chính Shôtoku vào năm 603 dưới đời Nữ Thiên Hoàng Suiko. Nô đã có những giờ phút quang vinh dưới thời Mạc phủ Muromachi (1363-1573) với các nhà bảo trợ yêu sân khấu là những Shôgun họ Ashikaga yêu nghệ thuật và văn hóa như Yoshimitsu (1358-1408), Yoshimochi (1386-1428). Đó cũng là lúc mà hai nhân tài kiệt xuất của Nô, cha con soạn giả Kan.ami (còn đọc là Ka.nami, 1333-1384) và Zeami (1363?-1443) xuất hiện. Thế rồi dưới thời Tokugawa (1602-1868), Nô đã trở thành nghệ thuật chính thức của Mạc phủ. Nó được gọi một cách trịnh trọng là O-nô (o là một tính từ để trang trọng hóa danh từ theo sau nó), lớp lang trình diễn được gọi là O-nô-gumi, các diễn viên là O-nô-yakusha, sân khấu là O-nô-butai. Cuộc trình diễn đầu năm, Utai-zome, có một ý nghĩa nghi thức quan trọng đối với chính quyền.

Thế nhưng cùng với cuộc Minh Trị Duy Tân và sự sụp đổ của Mạc phủ. Nô bị rơi vào quên lãng và đứng trước nguy cơ diệt vong, các kếp Nô mất mối theo chủ về sống âm thầm ở Shizuoka, lãnh địa cũ của dòng họ Tokugawa. May là có những người đi sứ nước ngoài được chính phủ bên đó tiếp tân, cho xem sân khấu cổ điển Tây phương, khi trở về đã khuyên chính phủ Minh Trị nên bảo tồn

Nô để giới thiệu văn hóa nước nhà mỗi khi tiếp đón khách khứa ngoại quốc. D. Keene cho biết Tổng thống Mỹ Ulysses S. Grant đã thưởng thức một buổi trình diễn Nô vào năm 1879 nhân chuyến công du đến thủ đô Nhật Bản. Ngoài ra cũng là nhờ có những nghệ nhân đầy nhiệt huyết như Umekawa Minoru đã chiến đấu để xây dựng lại truyền thống Nô. Ezra Pound kể rằng: “Umekawa từng sống cảnh khó khăn, chỗ ở là căn nhà nhỏ trong một con phố nghèo, bán quần áo để mua mặt nạ và y trang từ những rạp bị phá sản, nhiều khi ăn cháo thay cơm”.

Tất cả đòi hỏi một sự đổi mới kể cả tuồng tích vì thời đại đã đổi thay. Sau 1868, người ta chỉ chuộng những gì của Tây phương. Thay vì đi xem Nô, giới thượng lưu thời đó chỉ - theo cách nói của D. Keene - đến tòa nhà Rokumeikan, nơi giới thượng lưu đi lại, để làm quen với muống nĩa và học nhảy waltz. Nếu Nô có sống sót thì chỉ đáng được đem vào viện bảo tàng. Sau khi bị lợi dụng trong thời chiến (Sở Văn hóa thời quân phiệt đã cho viết một vở Nô về định mệnh bi tráng của một chiếc tàu ngầm để vinh danh quân đội) và mất đi những nét đẹp trong ngôn ngữ cũng như không khí của Nô truyền thống. Nô hầu như bị quần chúng bỏ rơi. Chính lúc đó, một nhà văn tôn trọng truyền thống và yêu mến nghệ thuật cổ điển là Mishima Yukio (1925-1970) đã thử viết những vở Nô cận đại hòng làm sống lại một mảng nghệ thuật quý giá, tuy vẫn giữ những yếu tính của Nô (tính tượng trưng, tính giàu ẩn dụ...) nhưng với một hình thức thích hợp hơn với người đương thời (dĩ nhiên trong Nô của Mishima không có ban hợp xướng, y trang sắc sỡ hay mặt nạ).

Tuy là một hình thức sân khấu cổ điển bắt đầu từ thế kỷ thứ 7 và đạt đến đỉnh cao ở thế kỷ 14 tại Nhật Bản, Nô đã có những đặc

tính mới mẻ đến không ngờ. Ngoài tính cách quy ước và tượng trưng cao độ mà hát bộ và các hình thức tuồng cổ điển khác không thể sánh kịp, nó còn là một sân khấu hầu như độc diễn (*one-man-show*), trong đó người kể chuyện (*shite*) thủ rất nhiều vai khác nhau cùng một lúc như có khả năng phân thân. Đó là chưa kể tính “hồi tưởng” (*retrospection*) giúp cho kịch bản Nô không cần phải đi theo tuần tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại hay phải giữ luật tam nhất của sân khấu. Nó có thể từ hiện tại đi trở ngược lên quá khứ để sau đó lại quay về với hiện tại, hoặc chuyển đổi vị trí địa lý của câu chuyện, như thủ pháp *flashback* thấy trong *Citizen Kane* của đạo diễn Orson Welles mà giới điện ảnh thế kỷ 20 xem như là một sáng kiến tân kỳ. Những đặc tính trên là lợi thế đối với Mishima khi ông lấy cảm hứng từ Nô cổ điển để soạn Nô cận đại.

Mishima từng phóng tác các tác phẩm cổ điển ngoại quốc ra tiếng Nhật. *Tiếng sóng xao* (Shiosai) của ông dựa vào tác phẩm cổ điển Hy Lạp *Daphnis và Chloe*, *Sự diệt vong của dòng họ Suzaku* (Suzakuke no metsubô) dựa lên *Heracles* của Euripidês. Một cuốn tiểu thuyết khác đã dùng chất liệu của Maupassant trong *La Maison Tellier*, một vở kịch lại mượn chủ đề *Dì ghẻ Phèdre* của Racine (vốn có nguồn cội xa hơn với *Phedra* của Euripidês và Sénèque). Do đó, ông không gặp mấy khó khăn khi làm công việc phóng tác Nô cổ điển. Năm 1950, mới 25 tuổi (sinh năm 1925), ông đã bắt đầu làm công việc nói trên và đã thành công đưa lên sân khấu Tokyo năm vở, trong đó có *Cái trống gấm* (Aya no tsuzumi, 1955) và *Công nương Hoa Quỳ* (Aoi no Ue, 1956). Ba vở khác sẽ đến sau (*Dôjôji*, *Yoroboshi* và *Yuya*), tổng cộng tám vở, đều là những giai tác.

Đặc điểm ở đây là Mishima rất phóng túng trong việc cấu tứ và cho biết khung cảnh có thể thay đổi tùy theo địa điểm trình diễn và đặc điểm của khán giả. Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu hai vở Nô cận đại do Mishima sáng tác dựa theo chủ đề cổ điển nhưng triển khai theo lối độc đáo của ông. Vở thứ nhất là *Aoi* - (*Nàng Aoi*) và vở thứ hai là *Dôjôji* (*Đạo Thành Tự*), đều nói về sự hủy diệt đến từ đam mê và lòng ghen tuông, một hiện tượng tâm lý vượt không gian và thời gian.

Phần II: Hai vợ Nô cận đại của Mishima

NÀNG AOI (AOI)

Phân phối các vai:

- ROKUJÔ YASUKO: người yêu cũ của Hikaru, phụ nữ hơi lớn tuổi.
- WAKABAYASHI HIKARU: Tư chức.
- AOI: Vợ của Hikaru.
- NỮ KHÁN HỘ.

Kịch bản:

Cảnh bệnh viện, đêm đã khá khuya. Bên mặt sân khấu có cánh cửa sổ giăng màn cửa. Trong sân là cái giường, Aoi đang nằm. Bên trái sân khấu có cánh cửa lớn.

HIKARU: (Cô khán hộ đưa Hikaru vào bên trong, vẫn mang trên người chiếc áo đi mưa, anh đặt túi xách đi đường xuống. Một thanh niên hết sức điển trai. Thấp giọng hỏi.) Cô ấy ngủ ngon đấy nhỉ?

NỮ KHÁN HỘ: Vâng, bà nhà ngủ ngon lắm.

HIKARU: Nếu tôi nói giọng bình thường liệu có phá giấc cô ấy không?

NỮ KHÁN HỘ: Không đâu ạ. Thuốc ngấm rồi, ông nói lớn một chút cũng chẳng sao.

HIKARU: (Hikaru đưa mắt nhìn xuống khuôn mặt Aoi.) Cô ấy ngủ trông bình yên quá.

NỮ KHÁN HỘ: Bây giờ thì ngủ yên rồi đấy!

HIKARU: Cô bảo bây giờ, nghĩa là...?

NỮ KHÁN HỘ: Vâng, chứ cứ đến nửa đêm thì bà lại...

HIKARU: Khổ sở lắm sao?

NỮ KHÁN HỘ: Như chịu cực hình, ông ạ!

HIKARU: Hừmm. (Đọc tấm thiệp cá nhân đề tên họ bệnh nhân treo ở đầu giường.) Wakabayashi Aoi. Nhập viện hồi 9 giờ tối ngày 12. À! Cô khán hộ có chỗ nào cho tôi nằm tạm đêm nay ở đây không?

NỮ KHÁN HỘ: Có ạ! (Chỉ về phía tay trái.) Phòng sát cạnh đấy ông.

HIKARU: Có chặn đệm gì cho tôi không?

NỮ KHÁN HỘ: Thưa có chứ. Ông muốn đi nghỉ ngay bây giờ?

HIKARU: Không, ngồi đây thêm một chút đã. (Kéo chiếc ghế ngồi xuống và châm điếu thuốc...) Tôi đang đi xa vì công chuyện hăng thì nghe người ta báo tin cô ấy ốm. Hỏi ra mới biết không sao cả. Thế nhưng lạ quá, không có gì ai lại bắt nhập viện bao giờ, cô nhỉ?

NỮ KHÁN HỘ: Thế bà nhà thường ngày có hay lên con kiệu này không ông?

HIKARU: Chẳng phải lần đầu đâu cô ạ! Khổ cái, tôi đang bận đi một chuyến làm ăn rất quan trọng. Sáng nay rốt cuộc mới thu xếp xong chuyện hăng, vội vàng chạy về. Vì ở xa nên mình càng sốt ruột.

NỮ KHÁN HỘ: Dĩ nhiên là thế, tôi hiểu.

(Điện thoại trên bàn có tiếng chuông reo reng reng.)

HIKARU: (Hikari thử đưa ống nghe lên bên tai.) Không có tiếng ai đầu dây hết!

NỮ KHÁN HỘ: Cứ vào khoảng giờ này, hay có tiếng chuông kiểu đó!

HIKARU: Chắc máy hỏng. Thế nhưng ở phòng bệnh sao lại đặt điện thoại?

NỮ KHÁN HỘ: Dạ ở bệnh viện chúng tôi phòng nào cũng gắn điện thoại ông ạ!

HIKARU: Cần liên lạc với người bệnh à?

NỮ KHÁN HỘ: Thừa đặt cho bệnh nhân dùng đấy chứ. Chúng tôi không đủ nhân viên nên nhờ người bệnh có chuyện gấp, gọi theo đường dây bên trong viện thì chúng tôi sẽ có mặt ngay. Với lại khi họ cần sách báo chẳng hạn, có thể tự mình liên lạc với hiệu sách nhờ mang tới. Đó là đường dây gọi ra ngoài. Gọi ra phải qua tổng đài, có ba cô thay phiên nhau phụ trách hăm bốn giờ trên hăm bốn. Thế nhưng đối với những bệnh nhân cần tĩnh dưỡng thì chúng tôi tránh chuyển tin vào.

HIKARU: Nhà tôi không thuộc loại bệnh nhân tuyệt đối cần tĩnh dưỡng sao hở cô?

NỮ KHÁN HỘ: Vâng. Thế nhưng lúc nào vào giường nằm xuống ngủ, bà vẫn cứ loay hoay, lúc thì đưa tay đưa chân lên, lúc thì hát hổng, có lúc lại xoay trái xoay phải, cho nên khó có thể nói bà thuộc loại chịu tĩnh dưỡng hoàn toàn.

HIKARU: (Tức giận.) Sao cái bệnh viện này lại...

NỮ KHÁN HỘ: Bệnh viện chúng tôi làm sao có thể lãnh trách nhiệm cả lúc con bệnh nằm mơ hử ông.

(Một thoáng im lặng. Nữ khán hộ tỏ vẻ bức bối.)

HIKARU: Có gì làm cô phải bức mình?

NỮ KHÁN HỘ: Gì thì không biết nhưng chắc chắn không phải vì tôi thấy ông là người hấp dẫn đâu.

HIKARU: (Đành cười trừ.) Cái bệnh viện này mỗi phút càng ly kỳ.

NỮ KHÁN HỘ: Thật tình mà nói thì tướng ông thật điển trai, chẳng thua gì nhân vật Genji Hikaru đời xưa. Thế nhưng trong bệnh viện này, khán hộ chúng tôi đều đã được huấn luyện rất nghiêm khắc. Bọn chúng tôi ai nấy đều được chữa trị theo phương pháp phân tích tâm lý. Hoàn toàn được giải phóng khỏi mọi mặc cảm về tính dục. (Dang rộng tay.) Tất, tất! Khi chúng tôi có nhu cầu gì thì liền được thỏa mãn đầy đủ ngay. Ở điểm này thì từ ông giám đốc bệnh viện cho đến các bác sĩ, họ đều thấu đáo. Khi cần thiết thì ra toa cho thuốc ngay, thuốc gọi là Sex đó mà. Hai bên hoàn toàn thông suốt, chẳng hề có vấn đề.

HIKARU: (Có vẻ cảm phục) Ôi chà!

NỮ KHÁN HỘ: Vì vậy theo tôi, những giấc mộng của bà nhà, tất cả đều do vấn đề sinh lý cả đấy thôi. Không cần phải phân tích tâm lý chi cho tốn công, bọn chúng tôi đều biết tổng hết. Khỏi cần phải lo nữa đâu, cứ cho phân tích tâm lý đi rồi giải phóng cho bà ấy là xong ngay. Cách thức thì chỉ cần cho bà ấy ngủ theo phương pháp chữa bệnh bằng giấc ngủ.

HIKARU: Thế thì nhà tôi đang được chữa trị bằng phương pháp cho đi ngủ đấy à!

NỮ KHÁN HỘ: Phải! (Vẫn còn bực bội.) Do đó, theo tôi thì cả người bệnh - vô phép mà nói chứ - cả gia đình thân thích của họ, ngay cả khách đến thăm, chẳng có ai hiểu được vấn đề đến nơi đến chốn. Không phải thế sao ông? Ai mà không bị con ma tình dục nó ám ảnh. Ngay cả cái người khách lạ lòng mỗi tối cứ đến thăm bệnh bà nhà cũng thế.

HIKARU: Mỗi tối? Ai mà mỗi tối đến thăm nhà tôi?

NỮ KHÁN HỘ: Chết, và cái miệng. Từ hồi bà nhập viện tới nay, đêm nào mà người đó chẳng đến. Thường là đến trễ vào khoảng đêm hôm như thế này, chắc vì không được rảnh sớm hơn. Tôi ráng kín tiếng nhưng không ngờ lại lỡ buột miệng.

HIKARU: Đàn ông con trai à?

NỮ KHÁN HỘ: Xin ông yên tâm. Đó là một bà đứng tuổi. Đẹp lắm cơ... Chắc bà ấy sắp đến rồi đó. Mỗi bận bà ấy tới thì tôi lúc nào cũng lợi dụng lúc bà ấy có mặt để rút lui đi nằm một chút. Với lại, không hiểu sao khi ở bên cạnh bà ấy, tôi cứ cảm thấy người mình gầy gầy khó ở làm sao ấy!

HIKARU: Bà ta hình dáng thế nào?

NỮ KHÁN HỘ: Một mệnh phụ giàu sang. Như thế là dân đại tư sản. Nhưng coi bộ hể người ta thuộc gia đình tư sản ghê gớm chừng nào thì càng ần ỨC sinh lý chừng ấy, ông nhỉ... Chắc bà ấy sắp đến đó thôi. (Đi về phía tay phải, nâng tấm màn cửa sổ để dòm chừng)... Này, ông xem, nhà nào cũng tắt đèn hết rồi. Chỉ còn thấy mỗi hai dãy đèn đường xếp thành hàng. Bây giờ là lúc tình yêu xuất hiện đấy ông! Yêu nhau, chém giết nhau, hận thù nhau. Hết chiến tranh ban ngày lại chiến tranh ban đêm. Máu càng đổ ra bao nhiêu, càng điên cuồng chém giết loạn, không biết ngoi tay. Đêm đến là lúc kèn báo tin khai chiến vang lên, người đàn bà phải đổ máu, chết đi rồi sống lại bao lần. Lúc đó, để được sống, lúc nào họ cũng phải chịu chết một lần. Đàn ông hay đàn bà cũng vậy, trên vũ khí của họ đã treo sẵn phù điêu màu đen tang tóc. Cờ của bọn họ lúc nào cũng trắng toát. Thế nhưng lá cờ đó sẽ bị dẫm lên, bị giày xéo nhán nhúm và nhiều khi còn nhuộm máu nữa. Tay trống thì đánh ầm vang tiếng trống đại. Cái trống đại của trái tim. Cái trống lớn của danh dự và ô nhục. Họ là những kẻ sắp phải chết, không hiểu tại sao lại có thể còn thở ra hít vào một cách thoải mái như thế. Hoặc giả những con người ấy muốn trước khi chết, đi khoe cho người ta thấy cái miệng của vết thương trí mạng của mình. Có người đàn ông chết đi mà mặt cúi gục trong vũng bùn. Đó là tấm huy chương dành cho những người còn biết nhục nhã. Ông hãy nhìn xem. Nếu không thấy được ánh sáng ngọn đèn thì cũng là chuyện đương nhiên. Những gì đang đứng dàn thành hàng cho đến tận đầu kia không phải là những ngôi nhà mà chỉ là một vùng mộ địa thôi. Và không phải vầng trăng kia đang chiếu lấp lánh trên những phiến hoa cương kia đâu. Đó chỉ là những ngôi mộ đầy nhơ bẩn thối tha.

...Dem so sánh với họ thì bọn chúng tôi là những thiên sứ đấy. Thế giới tình yêu và thời khắc tình yêu của chúng tôi là những vật siêu nhiên. Chúng tôi đôi khi chỉ gây ra một vài phản ứng hóa học trên giường mà thôi. Phải chi trên thế giới có được nhiều bệnh viện kiểu này thì hay biết bao nhiêu. Ông giám đốc bệnh viện chúng tôi luôn luôn tuyên bố như vậy.

...Ấy, đến rồi, đến rồi kìa! Lúc nào bà ta cũng lái chiếc xe hơi ấy. Một chiếc xe lớn sơn màu bạc, phóng như bay đến và đỗ xích ngay bên bệnh viện. Này, ông xem. (Hikaru tiến gần cửa sổ.) Bây giờ xe bà ấy đang chạy trên cây cầu cao bắc ngang đường. Lúc nào bà ấy cũng đến từ hướng đó. Rồi bà mới quành lại ở quãng kia cơ... Thoáng cái, bà đã đến trước bệnh viện rồi. Cửa xe mở ra kìa. Thôi, tôi xin phép ông để đi nghỉ một chút.

(Cô khán hộ tắt tả rời căn phòng bằng cánh cửa bên trái. Một thoáng im lặng. Điện thoại lại rung lên reng reng rồi như nhỏ lại lúu quíu. Một thoáng im lặng. Từ cánh cửa bên trái, hồn oán của Rokujô Yasuko hiện ra với thân xác trong một bộ áo Nhật cổ truyền diêm dúa và mang găng tay màu đen.)

HIKARU: À, chào bà Rokujô.

ROKUJÔ:...Anh Hikaru, lâu quá hả anh!

HIKARU: Té ra người khách đến thăm con bệnh lúc nửa đêm là bà đấy!

ROKUJÔ: Ai bảo anh thế?

HIKARU:...

ROKUJÔ: Lại cô khán hộ phải không? Người sao mà bép xép... Em đâu có tới đây để thăm bệnh ai. Chỉ vì thấy anh bận đi xa bởi công chuyện, nên mỗi đêm, thay mặt anh đem một bó hoa đến cho cô ấy thôi.

HIKARU: Bó hoa nào?

ROKUJÔ: (Chìa bàn tay đang mang găng.) Anh thấy có gì trong tay em đâu. Bó hoa này là bó hoa vô hình, anh oi. Bó hoa của sự đau khổ. Bó hoa này (làm ra vẻ như đang cắm hoa trên chỗ đầu nằm của con bệnh), khi em cắm nó trên đầu nằm như thế thì nụ hoa sẽ nở thành những đóa màu tro xám. Dưới cành lá của chúng lờm chờm toàn những cái gai đáng sợ. Từ trong hoa tiết ra một mùi hương khó chịu. Hương hoa tỏa ra khắp gian phòng. Anh lại xem đây này! Người bệnh nay đã mất hết thần thái bình yên, đôi má run lên vì đầy sợ hãi. (Đưa bàn tay mang găng qua lại như ho trên mặt người bệnh.) Khuôn mặt Aoi bây giờ đang hãi hùng bởi vì cô ấy thấy những điều đó trong mơ. Cô ta đang nhìn ra gương mặt đẹp đẽ của mình mỗi khi soi trong gương từ trước đến nay, hiện ra đầy vết nhăn nheo. Và nếu bây giờ em đưa bàn tay mình phớt nhẹ vào chỗ vết hầu của cô ấy (cho tay chạm vào khoảng vết hầu bệnh nhân) thì trong chiêm bao, cô ấy sẽ thấy cảnh mình bị siết cổ. Mặt cô ấy sẽ căng phồng máu, hơi thở nghẽn, tay chân run bần bật một cách khổ sở.

HIKARU: (Lật đặt nắm tay Yasuko đẩy ra một bên.) Bà đang định giờ trò gì với Aoi đấy?

ROKUJÔ: (Đứng dang ra xa, dịu giọng.) Muốn cho cô ấy không chơi thôi mà.

HIKARU: Xin lỗi bà chứ Aoi là vợ tôi đấy nhé. Tôi không đòi nào để cho bà quấy phá cô ấy đâu. Bà về đi cho!

ROKUJÔ: (Càng lúc càng dịu dàng.) Em không về.

HIKARU: Bà thật là...

ROKUJÔ: (Tiến đến gần, nắm lấy tay Hikaru một cách trêu mến.) Đêm nay em tới là để gặp anh đó.

HIKARU: (Vội hất ra.) Tay gì mà lạnh như nước đá.

ROKUJÔ: Dĩ nhiên là phải thế thôi. Bên trong máu có chảy đâu anh.

HIKARU: Còn cái găng tay kia nữa!

ROKUJÔ: Nếu anh ghét đôi găng này, em sẽ cởi nó ra. Chuyện dễ dàng thôi mà. (Rồi vừa bước vừa tháo găng tay và đặt nó bên máy điện thoại)... Thật ra em có một việc rất quan trọng, phải giải quyết bằng mọi cách. Vì lý do đó mà em cất công chạy đôn chạy đáo tới đây đêm nay. Ngay giữa đêm hôm... (Đưa mắt nhìn đồng hồ.) Đã quá 1 giờ sáng. Khác với ban ngày, đêm đến, thân thể con người ta tự do. Con người cũng như mọi vật vô tri, tất cả đều cần được ngủ nghỉ. Bức tường này, cái tủ này, tấm kính cửa sổ này, cánh cửa ra vào này, tất cả đều ngủ. Khi ngủ như thế, chúng sẽ để lộ đầy kẽ hở vết nứt, muốn đi xuyên qua chúng cũng không khó gì. Muốn xuyên tường thì phải bắt kể nó là cái tường. Còn anh có biết đêm tối là gì không? Đêm tối là lúc mà mọi người giao hảo thân thiện với nhau. Trong lúc ban ngày thì ánh mặt trời và cái bóng phải đấu tranh kinh chống, chứ đến lúc đêm về thì bóng đêm trong nhà và bóng đêm ngoài ngõ đều nắm lấy tay nhau. Bởi vì chúng chỉ là một. Không khí ban đêm cũng trở thành kẻ đồng lõa. Ghét nào

khác gì yêu, đau khổ với khoái lạc cũng giống nhau thôi. Mọi vật đều tay bắt tay trong bầu không khí ban đêm. Ở giữa bóng tối, kẻ sát nhân nhất định cảm thấy gần gũi hơn với người con gái mà hắn tước đoạt mạng sống (cười). Có sao nào, làm gì nhìn em trừng trừng như thế! Hay là anh kinh ngạc khi thấy em đã biến thành một cụ già cần cỗi?

HIKARU: Không phải bà từng hứa suốt đời sẽ không tìm gặp lại tôi nữa sao!

ROKUJÔ: Em nhớ hình như lúc ấy anh rất mừng khi được nghe em hứa thế. Để mà sau đó anh đi cưới Aoi (hắn học ném một cái nhìn về phía giường người bệnh), cái con nhỏ yếu ớt e uột này. (Ngó mờn lung.) Rồi từ dạo ấy đến nay, có tối nào em chớp mắt được nữa đâu. Ngủ mà cũng như không, làm gì tròn giấc.

HIKARU: Có phải bà đến đây vì hã còn muốn được tôi yêu?

ROKUJÔ: Ôi chao, em nào có biết vì sao mình lại đến đây! Nhiều lúc em nuôi ý nghĩ muốn giết anh, có lẽ vì em tưởng chết đi rồi anh sẽ biết yêu em. Biết bao nhiêu tình cảm phức tạp dậy lên cùng lúc trong lòng em. Thật lạ lùng, làm sao trong thể xác em, đồng loạt lại có những con người khác nhau như thế cư ngụ.

HIKARU: Tôi không hiểu nổi những gì bà muốn bày tỏ.

ROKUJÔ: (Đưa mặt lại gần.) Nào, hôn em đi!

HIKARU: Thôi bà ơi!

ROKUJÔ: Hai hàng lông mày đẹp của anh, cặp mắt trong xanh kinh khủng của anh, cái mũi lạnh lùng của anh, đôi...

HIKARU: Bà cho tôi xin.

ROKUJÔ:...Đôi môi của anh. (Hôn nhẹ như gió thoảng.)

HIKARU: (Nhảy thối lui.) Đã bảo là tôi xin bà mà!

ROKUJÔ: Em nhớ lúc mình mới hôn nhau lần đầu, anh cũng nhảy lùi như con hoẵng nhỏ.

HIKARU: Có thể thật. Lúc đó tôi nào yêu thương gì bà tị nào đâu. Tôi chỉ là một đứa trẻ tò mò muốn biết sự đời. Bà đã lợi dụng sự tò mò của tôi. Đàn bà mà đi lợi dụng sự ngây thơ của đàn ông sẽ bị trừng phạt như thế nào, chắc bây giờ bà đã sáng mắt.

ROKUJÔ: Thì anh có yêu thương gì em đâu nào. Anh chỉ xem em như một đối tượng nghiên cứu. Ít nhất đó là điều anh tin chắc trong đầu. Nghe đáng yêu chưa! Thế anh cứ việc tiếp tục suy nghĩ kiểu đó đi nhé.

HIKARU: Tôi đâu còn con nít con nôi. Tôi là một người chủ gia đình. Bà không biết mắc cỡ sao. Người đang nằm trên giường trước mặt bà là vợ của tôi đấy.

ROKUJÔ: Em chỉ đến đây để thực hiện mục đích của mình thôi. Em không mắc cỡ với ai hết.

HIKARU: Thực hiện mục đích gì?

ROKUJÔ: Là được anh yêu!

HIKARU: Thế bà có điên chưa hở Rokujô?

ROKUJÔ: Em tên là Yasuko cơ mà!

HIKARU: Không ai cấm được tôi gọi tên bà theo cách của tôi.

ROKUJÔ: (Đột nhiên quỳ xuống, ôm lấy hai chân của Hikaru đang đứng thẳng. Lấy má dụi sát vào đầu gối Hikaru.) Em van anh.

Đừng lạnh nhạt với em như vậy.

HIKARU: Đây là lần đầu tiên tôi thấy bà không biết giữ thể diện. (Như nói một mình.) Mà lạ thật, mình không cảm thấy là có ai đó đang ôm. Vậy mà sao chân mình không cách chi động đây.

ROKUJÔ: Ngay từ đầu, có bao giờ em giữ thể diện đối với anh đâu!

HIKARU: Nếu bà cho tôi biết điều đó sớm một chút có phải tốt hơn không? Chuyện chúng mình biết đâu chẳng có thể đổi thay chút đỉnh.

ROKUJÔ: Mỗi điều đó mà cũng không nhận ra được, anh mới là người đáng trách. Chứ khi nhìn vào mắt em, anh chẳng thấy là em hết còn biết giữ thể diện rồi hay sao? Khi người đàn bà ăn nói một cách kênh kiệu là họ đã đánh mất tất cả thể diện của mình rồi đấy. Sở dĩ đàn bà chúng em muốn tỏ ra mình là một bà hoàng chỉ vì bà hoàng là người có nhiều danh dự để mất hơn cả... Ôi, đầu gối của anh! Hai đầu gối này sao nó lại giống như một chiếc gối lạnh và cứng ngắt!

HIKARU: Ô này, Yasuko...!

ROKUJÔ: Kê đầu vào chiếc gối này em mới ngủ được. Chiếc gối lạnh và cứng, nào có ấm áp mấy may. Thế nhưng kê đầu lên nó là em thấy nóng bừng. Hơi nóng từ chiếc gối tỏa khắp đầu em, xua tan cái lạnh lẽo và làm đêm tối sáng ra. Người dám dùng chân trần đi trên cát nóng của sa mạc chưa chắc đủ sức giẫm lên chiếc gối của em đây.

HIKARU: (Hơi dịu dàng thêm một tí.) Cô coi chừng đấy nghe. Tôi là thằng con trai nhạy cảm, dễ bị xiêu lòng.

ROKUJÔ: Thôi, em hiểu ra rồi. Thế anh lấy Aoi cũng chỉ vì tội nghiệp cô ấy.

HIKARU: (Đẩy lùi Yasuko.) Cái cô này, đừng tự tiện kết luận vội vã. (Ngồi xuống ghế. Rokujô lại càng đeo cứng đôi chân của Hikaru, dụi má lên đầu gối của chàng như một con mèo.)

ROKUJÔ: Đừng bỏ rơi em nghe anh!

HIKARU: (Hít một hơi thuốc.) Bỏ thì đã bỏ từ lâu rồi.

ROKUJÔ: Em biết anh vẫn còn yêu em.

HIKARU: Đến đây là để nói cho tôi nghe câu đó à? (Dần vật.) Không phải cô tới đây với chủ tâm hành hạ Aoi hay sao?

ROKUJÔ: (Buồn bã.) Thì em cũng định một công đôi việc. Cho em xin điều thuốc!

(Hikaru rút ra một điều thuốc lá nhưng Yasuko bất chợt giật lấy điều thuốc chàng đang hút dở trên môi mà hút. Hikaru đành lấy điều thuốc định cho nàng đưa lên miệng mình và châm lửa.)

HIKARU: Này nhé, lúc đó tôi còn sống đời lông bông, chưa an định. Nên mới tìm cái gì để khóa chân. Muốn được nhốt mình vào trong một cái lồng. Cô là cái lồng giam tôi. Thế rồi đến khi tôi muốn tìm lại tự do một lần nữa thì cô vẫn làm cái lồng khóa trái, không cho tôi ra.

ROKUJÔ: Niềm vui của em lúc đó là được nhìn anh khao khát tìm tự do khi bị em giam trong lồng và khóa chân lại. Chính khi ấy, lần đầu tiên em cảm thấy yêu anh thực sự. Dạo đó mùa thu có phải không anh? Đầu thu năm ấy, anh đến thăm em ở nhà nghỉ mát của em ven hồ. Em lấy du thuyền ra đón anh, anh nhỉ! Em đỗ thuyền

ngay trên bến cạnh nhà ga... Hôm đó trời thật quang, cánh buồm bay phàn phật. Ôi, chiếc chiếc du thuyền đó...

HIKARU: Cánh buồm à...

ROKUJÔ: (Đột nhiên sắc bén hơn.) Bộ anh thấy việc chia sẻ chung kỷ niệm với em có gì không ổn thỏa hay sao?

HIKARU: Hai chúng mình tình cờ có mặt bên nhau chứ có chung kỷ niệm nào đâu!

ROKUJÔ: Nhưng hai đứa đã cùng ở trên một con thuyền. Và trên đầu chúng ta là cánh buồm bay phàn phật. Mong sao cánh buồm đó hiện ra nơi đây lần nữa. Một lần nữa bên trên đầu chúng ta.

HIKARU: (Nhìn ra ngoài cửa sổ.) Nó không đến từ phía kia là gì!

ROKUJÔ: Ấy, nó đến thật!

(Một điệu nhạc quái dị cất lên. Từ bên tay phải, con thuyền chậm chậm lướt trôi vào giữa sân khấu như một con thiên nga. Con thuyền ngăn hai người với chiếc giường bệnh và làm ta có cảm tưởng như Yasuko và Hikaru đã lên thuyền.)

ROKUJÔ: Mình đang ở trên hồ!

HIKARU: Và trời lộng gió!

ROKUJÔ: Đây là lần đầu tiên anh đến nhà nghỉ mát của em, anh nhỉ? Cái nhà nằm ở ven hồ dưới chân rặng núi đằng kia kìa. Thấy được mái nhà rồi. Cái mái màu sứ xanh nằm ẩn sau tàng cây đó. Mỗi khi đêm về, lũ chồn vẫn thường đi ruồng quanh nhà. Có

thể nghe được tiếng chồn tru từ phía sau núi nữa. Anh có bao giờ nghe tiếng chồn tru chưa?

HIKARU: Chưa.

ROKUJÔ: Đêm nay anh sẽ được nghe. Và anh sẽ nghe cả tiếng con gà thất thanh giãy chết khi nó bị chồn cắn nát cổ họng, ngậm kéo lê đi.

HIKARU: Cái thứ tiếng đó chẳng ai muốn nghe đâu.

ROKUJÔ: Nhất định anh sẽ thích khu vườn nhà em cho coi. Ra khỏi thảm cỏ xanh là thấy đám rau cần mọc đầy, hương thơm lan tỏa khắp khu vườn. Đầu hè, khi mùa mưa đến, khu vườn chìm trong biển nước. Nước lặng lẽ dâng khỏi đám cỏ và từ từ ngập lên như muốn chìm mấy đám hoa tử dương chết đuối. Anh có thích ngắm cảnh những bụi tử dương đang chìm dần không? Còn vào mùa thu như bây giờ, từ đám lau trong vườn, sẽ có vô số chuồn chuồn bay ra. Chúng bay là là trên mặt hồ như những thanh ván lướt sóng.

HIKARU: Nhà cô đằng kia đấy à?

ROKUJÔ: Vâng, cái nhà mái màu sứ xanh. Buổi chiều, khi ánh mặt trời chiếu lên, dù ở tận đằng xa cũng thấy rõ mồn một. Cả mái nhà lẫn các cánh cửa sổ đều sáng lóa. Tia sáng của chúng phóng thật xa như ngọn hải đăng muốn soi đường cho người ta biết chỗ ngôi nhà xa mất bao nhiêu. (Dừng một chút.) Sao thế anh? Em không nghe anh phát biểu gì cả!

HIKARU: (Dịu dàng hơn.) Vì tôi có cần phải thêm bớt gì đâu.

ROKUJÔ: Ôi, lời anh nói như một liều thuốc. Nó hàn gắn được vết thương trong lòng em trong giây lát đó. Một liều thuốc tuyệt vời. Thế nhưng anh ơi, em hiểu rồi... Anh sinh ra là như thế mà. Lúc đầu anh cho thuốc rồi sau anh mới rạch vết thương. Anh không hề làm ngược lại điều đó bao giờ. Phải, cho thuốc rồi mới gây nên vết thương. Sau khi vết thương thành hình, anh bèn ngừng cho thuốc... Không, không, em biết rồi. Em đã thành một bà già. Giờ đây khi đã mang lấy vết thương, em không còn hồi phục nhanh chóng như một cô gái trẻ được nữa. Mỗi lần anh nói một lời dịu dàng là anh làm em run lên vì sợ hãi. Bởi sau khi nhận được một liều thuốc kiến hiệu, em cứ lo không biết mình phải đợi một vết thương nào nữa. Nên mấy lúc gần đây, khi nghe anh thốt lên một lời nào không tử tế thì ngược lại, em mừng ra.

HIKARU: Tại cô lúc nào cũng cứ nghĩ mình là nạn nhân.

ROKUJÔ: Như hết trưa rồi lại đến chiều, nỗi khổ tự nó cứ kéo đến.

HIKARU: Tôi không thể nào tin được mình là người đủ sức đi gieo khổ cho kẻ khác!

ROKUJÔ: Tại anh còn trẻ. Rồi mai đây, mỗi buổi sáng khi thức giấc, anh sẽ bình tâm một mình dắt chó đi tản bộ, không cần biết rằng, ở nơi nào đó, có hàng chục người đàn bà đang bị nỗi khổ tâm thiêu đốt. Chỉ một việc anh đang hiện hữu thôi đã trở thành mầm mống cho sự khổ đau của biết bao đàn bà. Mà anh có thể không nhìn thấy họ chứ họ thì cho dù muốn gạt đi hình ảnh của anh vẫn bị hình ảnh ấy ám ảnh. Giống như cái thành trấn trên đỉnh núi cao, người trong phố không muốn nhìn vẫn phải thấy.

HIKARU: Thôi dẹp chuyện đó đi.

ROKUJÔ: Ờ hớ. Nhưng mỗi lần nói lên được những điều như thế này là em cảm thấy hạnh phúc.

HIKARU: Nhà nghỉ mát của cô dần dần hiện rõ ra rồi kìa. Đã thấy khung cửa sổ lầu hai và hàng lan can gỗ. Thế nhưng sao chẳng có bóng người.

ROKUJÔ: Phải rồi, không có ai hết. Vì đó là nơi em muốn sống riêng bên anh cho đến chết.

HIKARU: Sống cho đến chết à, nói chi chuyện dở hơi. Có thể nay mai, vì một lý do nào đó, tôi với cô cũng có thể chết ngay. Ví dụ con thuyền này bị lật chẳng hạn...

ROKUJÔ: Thuyền bị lật! Em ngu gì mua một con thuyền có khả năng bị lật ngay để đưa anh đi. Lẽ nào có chuyện ngược đời như thế!

HIKARU: (Lay cột buồm.) Cho nó lật này!

(Yasuko bấu lấy Hikaru. Hai người ôm nhau.)

Tiếng của AOI: (Vọng lại từ phía xa.) Cứu tôi với! Cứu tôi với!

(Cùng với tiếng kêu này, có hình ảnh Aoi đang khở muện trên giường bệnh vươn tay ra cầu cứu in lên nền cánh buồm của con thuyền.)

HIKARU: Hình như có tiếng ai đang kêu gào ở đâu đấy, phải không?

ROKUJÔ: Không, chắc là tiếng chồn tru thôi. Ban ngày, khi trời thanh tĩnh như thế này thì tiếng chồn dù từ trong núi xa cũng có

thể lướt sóng tới, nghe được từ trên hồ.

HIKARU: Ừ nhỉ... Giờ thì không còn nghe gì nữa!

ROKUJÔ: Anh thiệt vô tình! Có lần nào anh mang ý nghĩ phải chi người đàn bà đang ở bên anh đây không phải là em?

HIKARU: Không, đâu bao giờ.

ROKUJÔ: Tại sao ở trong cuộc đời này lại có bên phải, bên trái và một sự vật có thể nhìn được cả từ bên phải hay bên trái. Bây giờ em đang ở bên phía tay phải của anh. Con tim của anh đã cách em một khoảng xa. Nhưng nếu như em đi qua bên tay trái thì mắt em lại không thể nhìn thấy phần mặt bên phải của anh nữa.

HIKARU: Nói kiểu đó thì tôi chỉ còn có cách là tan biến thành hơi nước.

ROKUJÔ: Đúng như thế. Bởi vì khi đứng bên tay phải anh thì em ghen cả với bên trái của anh. Em cảm thấy phía bên đó nhất định có ai đang chiếm giữ.

HIKARU: (Từ bên mạn thuyền, cho tay xuống làm ra vẻ đang nhúng tay trong nước hồ.) Bên trái của tôi giờ chỉ có cái hồ. Nước lạnh cóng cả tay... Này xem (cho xem bàn tay đang dầm nước) nó như muốn đông lại rồi này. Mới đầu thu thôi đấy nhé!

(Bên kia cánh buồm, có tiếng rên rỉ.)

HIKARU: Ô kìa?

ROKUJÔ: Hở?

HIKARU: Không nghe sao? Dường như tiếng ai đang rên rỉ!

ROKUJÔ: (Lắng tai nghe.) Không, đó chỉ là tiếng cột buồm kêu lách cách.

HIKARU: Gió đã đổi chiều rồi nhỉ? (Làm động tác như điều chỉnh cánh buồm)... Xem kia, đám lau bên bờ hồ rõ ràng đã bị gió thổi oằn. Gió cũng khiến mặt hồ dậy sóng.

ROKUJÔ: Có phải không nào!... Em vừa mới nghĩ là cho dù anh đi yêu một người đàn bà nào hết sức trẻ, đẹp hơn em nhiều và cười họ đi nữa...

HIKARU: Thì làm sao!

ROKUJÔ: Thì em cũng chẳng chết.

HIKARU: (Cười.) Thế còn gì hay bằng!

ROKUJÔ: Em không chết đâu và em sẽ tìm cách giết người đàn bà đó chứ. Em vẫn sống đấy nhưng hồn em lìa khỏi xác và sẽ đi làm khổ người ta. Hành hạ, trách móc, đay nghiến đủ điều, hồn sống của em sẽ không ngại tay cho đến lúc diệt xong kẻ địch. Tội nghiệp cô ta, hết đêm này tới đêm khác sẽ bị em hành, em ám đến kiệt lực mà chết.

Tiếng của AOI: (Vọng lại từ xa.) Cứu tôi với! Cứu tôi với!

HIKARU: Tiếng kêu lại nổi lên kia. Có gì đấy nhỉ?

ROKUJÔ: Gió đập vào cánh buồm chứ có chi đâu! Tiếng gió đấy.

(Trên cánh buồm lại hiện ra rõ ràng hình ảnh của Aoi trong con thống khố.)

Tiếng của AOI: (Càng lúc càng to.) Ối! Ối! Cứu tôi với! Cứu tôi với!

HIKARU: (Ngạc nhiên.) Đúng là có tiếng ai kêu!

ROKUJÔ: Tiếng gà bị chồn cắn đứt cổ đôi khi theo làn gió từ bờ bên kia vọng đến đó. Mình đâu còn cách bờ bao xa nữa.

HIKARU: Hay là ai đó đang bị chết đuối.

ROKUJÔ: Có ai ở đó mà chết đuối. Nếu chết đuối chắc chỉ có anh với em thôi.

Tiếng của AOI: (Rõ mồn một.) Cứu tôi với! Cứu tôi với!

HIKARU: Tiếng của Aoi!

ROKUJÔ: (Cười.) Tiếng gà đấy.

HIKARU: Rõ ràng là tiếng Aoi mà!

ROKUJÔ: Ôi anh, đừng bỏ em nghe.

HIKARU: Trách nhiệm ở bà hết. Vì bà mà Aoi...

ROKUJÔ: Không. Em không có trách nhiệm gì cả. Tất cả chỉ tại anh...

Tiếng của AOI: (Rên.) Hừ, hừ...

HIKARU: Aoi!

ROKUJÔ: Nhìn thẳng vào mặt em này! Aoi không phải là người anh yêu. Nhìn kỹ em đây! Chớ có nhầm. Em mới là người anh yêu. Chỉ mình em thôi.

HIKARU: (Lắc đầu) Không phải mà!

(Hai người im lặng đầu mặt với nhau. Một điệu nhạc kỳ lạ nổi lên. Yasuko quay người lại, định đi về phía sau cánh buồm. Hikaru kéo giữ. Yasuko giật tay ra và đi về phía sau cánh buồm. Hikaru chạy đuổi theo. Sân khấu tối sầm. Trong khi điệu nhạc kỳ quái vẫn trỗi, con thuyền từ từ lướt ra đi về phía trái sân khấu. Khi không còn thấy bóng con thuyền nữa, sân khấu sáng trở lại. Không thấy Yasuko đâu, mỗi một mình Hikaru đang đứng ngơ ngác.)

HIKARU: (Như chợt nhớ ra, Hikaru đưa tay nắm lấy ống nghe điện thoại đang đặt trên mặt bàn.) A lô! A lô!... A lô! A lô!... Phải rồi. Xin nối hộ đường dây ra bên ngoài. Đường điện thoại bên ngoài đấy hả? Đường bên ngoài... Khu Nakano, số 999. A lô!... A lô!... Có phải nhà bà Rokujô không đấy? Nhà gia đình Rokujô đấy hả? Cô Yasuko có nhà không? Vâng, tôi hỏi bà chủ... Thế bà đã đi nghỉ từ lâu rồi cơ à? Hở? Đang ở trong phòng ngủ? Không sao, cứ đánh thức hộ tôi. Hỏi tôi là ai à? Tên tôi là Wakabayashi. Wakabayashi Hikaru. Chuyện gấp lắm, chịu khó đánh thức cô ấy hộ tôi. Vâng, vâng...

(Một lúc sau. Hikaru mới để ý, nhìn lại giường người bệnh. Aoi nằm ngửa mặt lên, đang ngủ thiếp.) A lô! A lô!... Có phải cô Yasuko đấy không? Cái gì? Từ nãy giờ vẫn không ra khỏi nhà? Đang ngủ à? Cô chính là Yasuko đấy chứ? (Nói một mình.) Đúng là giọng nói của cô ta... Nếu thế thì người hồi nãy vừa đến chỉ là hồn phách thôi à... Vâng vâng... A lô! A lô!...

(Có ai gõ cánh cửa bên trái.)

Tiếng của ROKUJÔ YASUKO: (Giọng nghe rõ ràng từ ngoài cửa) Hikaru, em bỏ quên mất đồ, anh ạ. Em quên đôi găng. Nó nằm

bên cạnh điện thoại. Đôi găng tay màu đen đấy, thấy chưa. Lấy đưa lại hộ em.

(Hikaru sững sờ cầm lấy đôi găng đen đưa lên và vắn đề mặc ống điện thoại trên mặt bàn. Lững thững đi về cánh cửa lớn phía trái sân khấu, rồi mở cửa ra ngoài. Có tiếng của Yasuko vọng ra từ ống điện thoại. Tiếng đó đột ngột to lên, ngay cả khán giả cũng có thể nghe rõ.)

Tiếng ROKUJÔ YASUKO qua điện thoại: - A lô! A lô!... Có gì thế, Hikaru... Anh làm sao vậy? Có chuyện gì mà anh gọi cho em giữa đêm hôm khuya khoắt, rồi đột ngột lặng im không nói gì hết! Anh cần em gì đó? Sao không trả lời em?... Hikaru?... A lô! Alô!...

(Khi điện thoại vừa phát ra hai tiếng A lô! Alô! Cuối cùng thì Aoi, trong manh áo ngủ dài và trắng toát bất chợt vươn cánh tay về phía máy, thét lên một tiếng to khủng khiếp rồi ngã lăn đùng từ trên giường xuống đất và chết tức khắc. Ánh sáng tắt ngấm và bóng tối trùm lên sân khấu.)

(Hạ màn)

Nguyễn Nam Trân *dịch*

ĐẠO THÀNH TỰ (DOJOJI)

Nhân vật:

- KIYOKO: đào hát.

- NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ.
- QUẢN LÝ KHU CĂN HỘ.
- ÔNG A, C, E.
- BÀ B, D.

Một tiệm bán đồ nội thất đã qua sử dụng, nhưng được bày biện rất nhiều đồ cổ cả Á lẫn Âu nên gọi là viện bảo tàng thì chính xác hơn. Ở trung tâm, hơi lệch sang bên trái có một tủ đồ ngoại cỡ, án ngữ như một bóng ma to chình ình, lăm le nuốt chửng cả thế giới. Hai cánh cửa tủ khắc hình chuông chùa, toàn bộ bề mặt tủ chạm trổ kín hoa văn phong cách baroque. Dĩ nhiên các vật phẩm khác trong tiệm đều bị món đồ kỳ dị này làm cho lu mờ, có thể chỉ cần minh họa trên tấm phong nền là đủ.

Trên sân khấu bố trí rải rác năm cái ghế. Trên ghế là những người đàn ông hoặc đàn bà dáng vẻ sang trọng đang lắng nghe NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ mô tả chiếc tủ áo đặt trước mặt ông ta. Họ là năm vị khách có số có má được mời đến dự buổi đấu giá này.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Mời các vị nhìn sang phía này. Chúng tôi có một món đồ độc nhất vô nhị từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, một cái tủ đồ vượt lên mọi mục đích sử dụng thông thường của các vị. Các món hàng chào bán ở đây đều là tác phẩm vô tiền khoáng hậu của những nhà chế tác coi khinh nhu cầu thực dụng tầm thường, cái giá trị của chúng nằm ở chính quý bà quý ông đây, người có thể sử dụng những vật phẩm này cho việc có ích. Người bình dân thỏa mãn với hàng bình dân, hắt đi mua cái bàn cái ghế cũng không khác đi mua con mèo con chó, luôn luôn chọn thứ gì

tương xứng với địa vị xã hội và gần gũi với hần. Do đó, người bình dân tìm đến bàn ghế sản xuất hàng loạt, tìm đến tivi, máy giặt. Còn quý bà quý ông đều là người cao sang tinh tế không coi thị hiếu của dân đen ra gì, nên một con thú cưng tầm thường không thể lọt vào pháp nhãn, các vị phải mua một con mãnh thú kia. Trước mắt các vị là một vật phẩm nằm ngoài khả năng tư duy của người thường, chỉ có thẩm mỹ tinh tế và táo bạo của các vị mới cảm nhận được mà thôi. (Chỉ vào tủ đồ.) Đây thưa quý vị, chính là con mãnh thú mà tôi nói đến.

ÔNG A: Chất liệu gì thế?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ông bảo sao?

ÔNG A: Gỗ gì đây?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: (Gõ vào tủ đồ.) Thưa các vị, các vị đã nghe thấy rồi đấy. Đây là gỗ cẩm lai mười mười khối cần bàn cãi. Xin thứ lỗi cho câu hỏi đường đột này, nhưng liệu các vị có thể vui lòng cho tôi biết là các vị có bao nhiêu bộ quần áo không ạ?

ÔNG A: Trăm rưỡi.

BÀ B: Ba trăm... Ủ, có khi cũng đến ba trăm bảy.

ÔNG C: Tôi chẳng đếm bao giờ.

BÀ D: Ba trăm bảy mốt.

ÔNG E: Bảy trăm.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cái đó không lạ, tôi không ngạc nhiên về số quần áo mà các vị sở hữu. Song bất kể hàng trăm hay cả nghìn bộ thì cái tủ này cũng đựng được tất, không khó khăn gì. Các vị thử ngó vào đây (quay lại nhìn) sẽ thấy sức chứa khổng lồ của nó. To

như sân quần vợt thì không đến, nhưng cũng đủ để mấy vị vào đó mà tập thể dục đấy ạ. Bốn mặt bên trong đều gắn gương, rồi có cả đèn điện nữa. Các vị có thể chui vào tủ mà thay quần áo, làm dáng làm đóm tha hồ mà không cần ra ngoài. Các vị cứ tiến lên đừng ngại. Phải rồi, nhìn vào trong đó đi. Rồi ai cũng đến lượt, đừng chen lấn ạ, từng người một thôi.

(Năm vị khách xếp hàng một, nối đuôi nhau nhìn vào trong tủ.)

ÔNG A: (Quay ra người bán đồ cổ hỏi, vẻ mặt hồ hững.) Chủ trước là ai?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Sao cơ?

ÔNG A: Ý tôi là ông móc ở đâu ra thứ này?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Thưa ông, tôi chỉ được phép tiết lộ là món đồ này nằm trong một bộ sưu tập cá nhân. Có dòng họ nọ, trước chiến tranh thuộc hàng danh giá đếm trên đầu ngón tay của một bàn tay. Thật khốn khổ cho kẻ sa cơ lỡ vận quý vị ạ, chắc những trường hợp như thế chẳng xa lạ gì các ông các bà nhỉ? Dòng họ này gần đây gặp chút khó khăn nên đành...

ÔNG A: Hiểu rồi. Ông không cần nói nữa. (Trở về chỗ ngồi.)

BÀ B (nhìn vào trong, ré lên): Ối chu choa! Khéo nhét vừa cả cái giường đôi!

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Bà đây nói phải. Xoay xở một chút là kê được cái giường vào trong đấy ạ.

ÔNG C (nhòm vào): Nom giống cái nhà mồ dòng họ tôi ra phết. Có khi nhét được một, hai trăm hũ tro cốt ấy nhỉ?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (khó chịu): Ông cứ khéo đùa.

BÀ D: Chìa khóa này để làm gì?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Để bà có thể khóa cửa từ bên trong lẫn bên ngoài tùy thích ạ.

BÀ D: Khóa từ bên trong?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (bối rối): Tôi không biết tại sao họ lắp khóa như vậy nhưng đây bà cứ xem.

BÀ D: Sao lại muốn khóa từ bên trong nhỉ?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Dạ... ờ thì... (Mỉm cười đầy ẩn ý). Tôi chắc chắn người ta chế ra cái tủ như vậy có cái lý của nó. Bà xem, còn đặt vừa cả cái giường vào trong cơ mà.

ÔNG E (nhìn vào): Hừ. Hơi bé phải không?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Bé?

ÔNG E: Bé quá đi chứ.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ông nghĩ vậy ư? À vâng, có câu chín người mười ý mà. (Các vị khách quay về chỗ ngồi một lần nữa, quần áo sột soạt.) Nào thưa các vị, hàng các vị đã xem, tôi không muốn giục nhưng buổi đấu giá xin được bắt đầu ngay. Các vị trả giá bao nhiêu? Lên tiếng đi chứ. Có vị nào muốn ra giá không? (Tất cả im lặng) nào các vị có ai trả giá không?

ÔNG A: Năm mươi ngàn.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Tôi có năm mươi ngàn đây ạ.

BÀ B: Năm một.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Quý bà này trả năm một ngàn.

ÔNG C: Một trăm ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ông đây trả một trăm ngàn.

BÀ D: Một trăm năm mươi ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Vâng, một trăm năm mươi ngàn yên.

ÔNG E: Một trăm tám mươi ngàn.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Vâng, giờ là một trăm tám mươi ngàn yên.

GIỌNG NÓI: (Tiếng phụ nữ vang lên từ sân khấu bên phải.) Ba ngàn yên.

(Mọi người quay lại.)

ÔNG A: Ba ngàn năm trăm yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Hiện tại là ba ngàn năm trăm yên. Hả? Cái gì cơ? Tôi e là ông nghe nhầm rồi ạ. Giá bây giờ là một trăm tám chục ngàn, người cuối cùng trả giá một trăm tám chục cơ mà.

ÔNG A: Thôi được. Một trăm chín chục ngàn.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Một trăm chín chục ngàn yên thưa các vị.

ÔNG C: Hai trăm năm chục ngàn.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Giá lúc này là hai trăm năm mươi ngàn yên.

ÔNG E: Ba trăm ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ba trăm ngàn rồi ạ.

BÀ B: Ba trăm rưỡi.

BÀ D: Ba trăm sáu.

Bà B (cay cú): Thực tình! Năm trăm ngàn yên.

BÀ D: Năm trăm mốt.

BÀ B: Lại thế nữa! Một triệu.

BÀ D: Một triệu mười ngàn.

BÀ B: Quá đáng rồi đấy. Hai triệu yên.

BÀ D: Hai triệu mười ngàn yên.

BÀ B: Bà đừng có làm càn! Ba triệu.

BÀ D: Ba triệu mười ngàn.

BÀ B: Ô...

GIỌNG NÓI (vẫn là giọng phụ nữ từ bên phải): Ba ngàn yên!
Ba ngàn yên!

(Mọi người đồng loạt ngó ngang nhìn sang bên phải. Một cô gái trẻ đẹp bước vào. Đó là Kiyoko, một cô đào hát.)

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô là ai? Giỡn mặt nhau thế là đủ rồi nhé. Thừa cô, trò đùa vô duyên của cô đi quá xa rồi đấy. Cô là ai vậy hả?

KIYOKO: Ông muốn biết tên tôi ư? Tôi là Kiyoko, đào hát.

(Các ông A, C, E nhìn Kiyoko, vẻ thích thú.)

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Đào hát à! Tôi nhớ là có mời cô đào nào đâu. Buổi đấu giá này muốn tham dự phải được mời. Bộ cô không

thấy dòng chữ: “Chỉ dành cho khách mời” treo ngoài cửa hả?

KIYOKO: Cái biển của ông bị gió cuốn quăn queo rồi. Và lại tôi có quyền ở đây, kể cả khi không được mời.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô ăn nói khiêm nhường một chút! Nề mặt cô lần này tôi không gọi cảnh sát, nhưng xin cô đi ngay cho nhò!

ÔNG A: Sao không để cô ta lại? Cô ta hẳn có cái lý để đến đây. Ông đừng có to tiếng với phụ nữ.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Tôi biết nhưng thưa ông...

ÔNG A: Tiểu thư à, sao cô lại ở đây?

KIYOKO: Tôi không phải là tiểu thư. Tôi là đào hát.

ÔNG C: Được thôi. Cô bảo đào hát thì đào hát.

ÔNG E: Ca múa là một nghề rất đáng được trọng vọng vì đem lại cái đẹp, mà tiền thì không mua được niềm hân hoan khi thưởng thức cái đẹp.

BÀ B: Cô trả ba ngàn yên là có ý gì?

BÀ D: Tôi trả ba ngàn lẻ một.

BÀ B: Bà có thôi đi không hả? (nói với Kiyoko, giọng thối lợ.) Cô vừa nói tên cô là Kiyoko phải không? Cô trả giá ba ngàn yên là có ý gì? Mời cô lại đây ngồi nói chuyện với chúng tôi.

KIYOKO: Ba ngàn thôi... (Tiến vào trung tâm sân khấu.) Cái tủ áo này đáng giá có ba ngàn yên thôi.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (kinh hãi): Liệu hồn. Cô còn ăn nói như vậy là cảnh sát đến lôi đi bây giờ!

ÔNG A: Để yên cho cô ta nói!

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỖ im lặng.

KIYOKO: Tôi không tin các ông các bà còn muốn mua cái tủ không lồ kỳ dị này khi biết được quá khứ đằng sau đây.

ÔNG C: Quá khứ như thế nào?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỖ (gói một ít tiền vào mảnh giấy): Đây, cầm lấy rồi xéo đi. Đủ rồi đấy, xéo ngay tức khắc.

ÔNG A: Để cô ta nói. Nếu ông muốn cô ta im lặng, chúng tôi sẽ kết luận là ông biết quá khứ cái tủ này mà vẫn cố tình đem đấu giá. Ông định bán đồ phế thải à?

KIYOKO (gạt gói tiền đi): Tôi kể cho mà nghe. Cái tủ áo này thuộc về gia đình Sakurayama. (Tiếng xôn xao.) Bà Sakurayama ngày xưa giấu người tình trẻ của mình bên trong, tên gã là Yasushi. Một ngày nọ, đức lang quân hay ghen của bà, một người đàn ông tàn ác, nghe tiếng động phát ra từ cái tủ. Ông ta rút súng, chẳng nói chẳng rằng bắn lia lịa, cứ thế mà nã đạn đến khi tiếng thét tắt ngấm và máu tươi chảy ra từ dưới cánh tủ. Xem đi. (Chỉ vào cánh tủ.) Các ông các bà không thấy rõ vì hình điêu khắc đã che đi nhưng lỗ đạn ở đây này. Còn đây, đây nữa. Người ta đã ranh mãnh lấp đi bằng gỗ đồng màu nhưng nhìn kỹ thì vẫn thấy... Họ đã lau chùi hết vết máu bên trong cánh tủ, gỡ ra sơn sửa lại... Các ông bà đã đọc báo rồi phải không? (Mọi người im lặng.) Các ông bà còn dám bỏ từng ấy tiền cho cái tủ này không? Không, tôi đảm bảo bây giờ có cho các ông bà cũng không lấy. Ba ngàn yên là hơi rồi. Ngay cả với số tiền ấy thì ngoài tôi ra chẳng mấy ai dám mua đâu.

BÀ B: Khiếp! Rợn cả người! Đa tạ cô đã cho chúng tôi hay. Không có cô đây, dễ thường tôi đã bỏ ra một gia tài để rước cái đồ đồng nát xúi quẩy này về. Cô xưng tên là Hisako phải không?

KIYOKO: Không. KI-YO-KO ạ.

BÀ B: Ừ nhỉ, Hisako là tên con gái tôi. Cảm ơn cô Kiyoko rất nhiều. Trong hoàn cảnh này thì nên về sớm đi thôi. Không biết anh tài xế còn đợi ngoài đó không, tôi đã dặn anh ta đợi mà. (Bất chợt nhận ra bà D đã về.) Hừ, ai đòi lại bất lịch sự thế không? Về lúc nào mà không nói lấy một tiếng. Bà ta cứ thích tranh đua với tôi, ngay đến lúc về cũng muốn về trước một bước. Cái giống gì không biết! (Vừa nói vừa ra khỏi sân khấu bằng lối bên phải.)

(BA ông A, C và E tiếp cận KIYOKO và trao danh thiếp.)

ÔNG A: Cô đã giúp tôi tiết kiệm một ít tiền. Xin cảm ơn cô. Nhân đây tôi muốn mời cô đi ăn tối, cũng không có gì đặc biệt đâu, chỉ là để bày tỏ lòng biết ơn thôi.

ÔNG C: Tiểu thư, tôi sẽ đưa cô đến một nhà hàng Pháp ngon hết ý.

ÔNG E: Cô muốn đi khiêu vũ không? Sau bữa ăn tối của chúng ta ấy mà.

KIYOKO: Cảm ơn các vị, nhưng tôi có đôi điều cần trao đổi với ông chủ đây.

ÔNG A (ra vẻ quả quyết, cộc cằn rút từ ví ra mấy tờ tiền, dúi vào NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ): Hiểu chưa? Ông đừng đại dốt giờ trò. Ngồi yên mà nghe cô đây nói như con nghe bố ấy, cấm giờ giọng hăm dọa báo cảnh sát. Rõ rồi chứ? (Mở túi lấy một cây bút chì. Nói

với KIYOKO) Tiểu thư, nếu hấn dám nặng lời hay đòi đem cô đến chỗ cảnh sát thì hãy nói cho tôi biết. Cô làm ơn đưa tôi mấy cái danh thiếp ban nãy được không? (KIYOKO chìa ba tấm danh thiếp ra.) Đây rồi. (Lấy một tấm) Tấm này là của tôi, tôi đánh dấu vào để tiểu thư khỏi nhầm. (Đánh dấu bằng bút chì) Tôi sẽ đợi tiểu thư gọi điện khi nào xong việc. Cô có thể gọi vào số máy trên danh thiếp cho tôi sau hai tiếng nữa. (Trả lại tấm danh thiếp, hai ông C và E thấy vậy tỏ thái độ hậm hực) Chắc chắn cô sẽ gọi đúng không ạ? Tôi rất mong được mời cô bữa tối nay để cảm ơn.

KIYOKO: Giả sử tôi gọi ông...

ÔNG A: Sao cơ?

KIYOKO: Giả sử tôi gọi cho ông... Nhưng tôi mang một bộ mặt hoàn toàn khác thì sao?

ÔNG A: Tiểu thư thật là hóm hỉnh. Có điều tôi e là mình không hiểu ý cô cho lắm...

KIYOKO: Ngay cả khi tôi xấu như ma?

ÔNG A: Người đàn bà nào chẳng có vài bộ mặt khác nhau. Tôi từng này tuổi rồi, đâu có dễ ngạc nhiên. Hẹn gặp lại cô nhé.

(A đứng định bước ra. C và E miễn cưỡng theo sau.)

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cái cô ả trời đánh thánh vật này! (KIYOKO quay đi, định theo ông A. NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ hốt hoảng ngăn lại.) Đừng có đắc ý sớm thế. Tôi chịu đựng cô hơi lâu rồi đấy... Cô nói mình là đào hát. (Nói một mình) đào với chẳng kếp. Mình lạ gì cái hạng đào hát này.

KIYOKO: Xin ông hãy lắng nghe và đừng ngắt lời tôi.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (ngồi xuống một cái ghế): Được lắm, tôi sẽ lắng nghe, không ngắt lời cô. Nhưng một người trẻ trung xinh đẹp, khả ái như cô, ai đòi lại...

KIYOKO: Vâng, khuôn mặt khả ái xinh đẹp của tôi chính là chủ đề tôi muốn nói với ông.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (nói một mình): Đàn bà con gái thời buổi này đáo để thật!

KIYOKO: Yasushi từng là người yêu tôi.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cái anh chàng chết trong tủ áo ư?

KIYOKO: Vâng. Anh ta từng là người yêu tôi, nhưng anh ta đã ruồng bỏ tôi để cặp kè với phu nhân Sakurayama, một người đàn bà hơn anh ta mười tuổi đầu. Anh ta là hạng đàn ông thích được đàn bà cung phụng hơn là cung phụng đàn bà.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Thật tội nghiệp cho cô.

KIYOKO: Tôi tưởng ông bảo sẽ không ngắt lời tôi chứ... Đây, tôi không dám chắc nhưng có lẽ tình yêu của tôi đã khiến anh ta bỏ đi. Cũng có thể. Thay vì yêu đương hạnh phúc, công khai, tự do tự tại, anh ta lại mê đắm thứ ái tình vụng trộm, lén lút, nguy hiểm. Anh ta đẹp trai lắm, mỗi khi tôi và anh ta sánh bước, ai cũng phải trầm trồ là đẹp đôi. Khi tôi và Yasushi sánh bước trong công viên, trời đất, cỏ cây, chim chóc đều hân hoan chào đón. Bầu trời sáng lẫn bầu trời đêm đều rực rỡ ánh sao, những ngôi sao dành riêng cho chúng tôi. Vậy mà anh ta lại rúc vào tủ áo.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cái tủ áo lớn như vậy, biết đâu bên trong có cả trời, cả tinh tú, cả trăng mọc từ góc này và lặn xuống

góc kia không biết chừng.

KIYOKO: Phải, ở trong này anh ta đi ngủ, anh ta tỉnh giấc, đôi khi còn ăn uống nữa. Trong này không có cửa sổ, không có gió, không có tiếng cây cối rì rào, chẳng khác gì một cái quan tài chôn sống anh ta. Chưa chết mà anh ta đã tự chui vào hòm rồi. Cái hòm của chết chóc, của dục vọng nồng nàn hương thơm đàn bà và chính anh ta... Da thịt anh ta có mùi hoa nhài.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (bắt đầu cảm động): Không phải là được chôn cùng hoa mà là cùng những bộ trang phục của người tình.

KIYOKO: Hoa đăng ten, hoa xa tanh, những bông hoa lạnh lẽo, chết chóc, sức nức hương thơm.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (nói một mình): Tay này thông minh thật. Mình cũng muốn được chết như thế.

KIYOKO: Anh ta đã chết đúng như ý nguyện. Tôi hiểu điều đó, nhưng tại sao anh ta phải làm thế? Anh ta chạy trốn điều gì? Cái gì khiến anh ta kinh hãi đến nỗi thà chết còn hơn?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Sợ rằng tôi không thể giúp cô trả lời câu hỏi đó.

KIYOKO: Chắc là anh ta muốn thoát khỏi tôi. (Cả hai im lặng.) Ông xem, rốt cuộc vì sao? Anh ta muốn lẫn trốn khuôn mặt kiêu diễm, đáng yêu này. Lẽ nào anh ta chỉ muốn cái đẹp của mình là độc tôn.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô việc gì phải than thở. Biết bao người đàn bà dành cả cuộc đời oán hận khuôn mặt xấu xí của họ, cũng có bao nhiêu người đàn bà khác tiếc nuối thanh xuân. Cô vừa có tuổi

trẻ vừa có nhan sắc mà còn bày đặt than phiền, thật là không biết điều.

KIYOKO: Không một ai bỏ chạy trước nhan sắc và tuổi xuân của tôi, thế mà Yasushi lại hất hủi cả hai báu vật ấy.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Yasushi đâu phải thằng đàn ông duy nhất trên đời. Chắc thị hiếu đàn bà của hắn có vấn đề đấy, hay cô thử làm quen một người đàn ông thị hiếu lành mạnh như tôi xem... (Vươn một tay ra định chạm vào KIYOKO.)

KIYOKO (đánh mạnh vào bàn tay NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ): Dừng lại ngay. Ngoại trừ Yasushi ra, vẻ ham muốn trên khuôn mặt những người đàn ông khác chẳng khác nào con cóc ghẻ, làm tôi mắc ói... Ông nhìn tôi cho kỹ, tôi đã già phải không?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Đừng đùa, cô còn trẻ như thế...

KIYOKO: Nhưng tôi xấu xí lắm.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô em mà xấu thì trên đời đàn bà đẹp tuyệt chủng rồi.

KIYOKO: Cả hai câu hỏi ông đều trả lời sai bét. Nếu ông chê tôi già nua xấu xí, biết đâu tôi lại trao thân cho ông.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Tôi cũng biết một ít về tâm lý đàn bà nhé. Bây giờ tôi phải bảo: “Cô nói gì? Không bao giờ, dù dao kề cổ tôi cũng không thể nào thốt ra một lời dối trá ghê tởm rằng cô già nua xấu xí”, đúng không nào?

KIYOKO: Ông là đồ đê tiện. Cái gì trên mặt tôi đã quyến rũ bọn đàn ông mà tôi khinh bỉ thế? Tôi chỉ còn tham vọng duy nhất, mơ ước duy nhất là dùng chính đôi tay này lột bộ mặt mình ra. Đôi khi

tôi thắc mắc có bao giờ Yasushi yêu mình hơn nếu khuôn mặt tôi xấu xa ghê tởm.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Bọn trẻ đẹp toàn hảo huyền chuyện điên rồ! Từ lâu tôi đã miễn nhiễm với những ước mơ phi lý ấy rồi cô ạ. Thừa tiểu thư, bất mãn là liều thuốc độc làm đảo lộn lẽ thường tình và phá hoại hạnh phúc.

KIYOKO: Bất mãn! Ông tưởng có thể tóm gọn hoàn cảnh của tôi bằng một từ sao? Tôi không sống trong bất mãn, chỉ là còn thiếu cái gì đó... một cái bánh răng để cuộc tình này vào guồng êm ả, để tôi và anh ta trọn đời say đắm. Tôi biết cái bánh răng còn thiếu là gì rồi. Phải hủy hoại nhan sắc của tôi đi.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Thế gian này còn thiếu nhiều bánh răng lắm cô em ạ, cỗ máy của cô em thế nào thì tôi không biết chứ quả địa cầu này quay được đều là nhờ những bánh răng còn thiếu đấy.

KIYOKO: Chỉ cần ước mơ của tôi trở thành sự thật...

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Người chết không sống lại được đâu.

KIYOKO: Ông lầm rồi. Có thể anh ta sẽ sống lại.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô toàn đòi hỏi vô lý, suy nghĩ trái khoáy. Làm thế là đang chống lại lẽ trời đấy.

KIYOKO: Một lão già hà tiện như ông thỉnh thoảng cũng thốt ra được mấy lời trí tuệ góm. Ông nói đúng. Kẻ thù của tôi, tình địch của tôi vốn không phải bà Sakurayama. Đấy là lẽ trời, là khuôn mặt xinh đẹp của tôi, là tiếng xào xạc của cỏ cây xung quanh, là những cây tùng thanh tú và bầu trời xanh ngắt sau cơn mưa. Phải, kẻ thù của tình yêu là tất cả những gì mộc mạc, chân phương. Và thế là

anh ta ruồng bỏ tôi, nấp vào trong cái xó chật chội phủ véc-ni, không cửa sổ, chỉ được thắp sáng bởi bóng đèn kia.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Chắc hẳn đó là lý do cô quyết tâm mua bằng được cái tủ này... cô muốn tìm người tình quá cố trong đó.

KIYOKO: Phải, tôi sẽ kể quá khứ của cái tủ cho tất cả những ai có ý định mua, tôi sẽ làm họ vỡ mộng. Tôi phải chiếm được cái tủ này với giá ba ngàn yên.

(Kiyoko dứt lời, những tiếng thét ú ớ, cùng tiếng động nghe náo tiếng trống, tiếng sáo trong tuồng Nô vang lên từ phía bên trái. Hai nhân vật sẽ cựa cãi mặc cả trên nền âm thanh này để tạo hiệu ứng âm điệu của tuồng Nô.)

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Mẹ kiếp. Những tiếng vẳng đầu nhức óc lại vọng lên từ nhà máy rồi kia. Thình thoảng chúng nó cứ nhè lúc mình đang tiếp khách, thật là điên cả tiết. Bao giờ có tiền phải mua đứt khu đất rồi giải tán ngay cái nhà máy này... Các nhà công nghiệp gọi đó là âm thanh của sự kiến tạo. Bọn ngu độn này còn sống trên đời thì còn u mê lầm tưởng, đâu nắm bắt được chân lý giản đơn là thứ gì càng lạc hậu, lỗi thời, vô dụng mới càng có giá. Các người cứ sản xuất ra những công cụ rẻ tiền càng nhanh càng tốt rồi chết rục trong nghèo hèn với nhau đi.

KIYOKO: Tôi đã bảo ông bao nhiêu lần rồi, tôi sẽ chỉ mua với giá ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Ba triệu yên.

KIYOKO: Không, không thể nào. Ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Hai triệu.

KIYOKO (dậm chân theo nhịp): Không, không, ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Một triệu.

KIYOKO: Không, ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Năm trăm ngàn yên.

KIYOKO: Ba ngàn yên. Ba ngàn yên. Ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Bốn trăm ngàn.

KIYOKO: Tôi nói ba ngàn yên là ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ba trăm ngàn.

KIYOKO: Cố giảm nữa đi ông, một lần nữa thôi. Giảm xuống cái giá tôi đưa ra. Chỉ cần hạ tới mức ba ngàn yên thôi, ông sẽ sung sướng bao nhiêu. Đi mà, chỉ cần một lời của ông thôi. Ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Hai trăm ngàn yên.

KIYOKO: Không, không, ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Một trăm vậy.

KIYOKO: Không, không, ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Năm mươi ngàn.

KIYOKO: Không được, ba ngàn yên, ba ngàn yên, ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Năm mươi ngàn không kém một xu.

KIYOKO: Ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Năm mươi ngàn, năm mươi ngàn, năm mươi ngàn!

KIYOKO (hơi hạ giọng): Ba ngàn yên.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Năm mươi ngàn yên là giá thấp nhất rồi. Một xu cũng không giảm được đâu.

KIYOKO: Ông chắc không?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Tôi nói năm mươi ngàn yên là năm mươi ngàn yên.

KIYOKO (yếu đuối): Tôi không có đủ tiền.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Tôi đã chào giá gốc rồi đấy. Nếu cô không có đủ tiền không phải tại tôi nhé.

(Tiếng ồn chấm dứt.)

KIYOKO: Không gì làm ông đổi ý sao?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Năm mươi ngàn yên. Giá chót đấy. Năm mươi ngàn yên.

KIYOKO: Tôi không có đủ tiền. Tôi muốn mua cái tủ này, nhét nó vào trong căn hộ nhỏ bé của mình, ngồi trong đó và nghĩ về anh ta đến khi khuôn mặt mình trở nên xấu xí. Đây là mơ ước của tôi. Nhưng không sao, không có cái tủ này cũng được. (Chậm chậm lui về phía cánh tủ.) Phải rồi, không có cái tủ này thì đã sao. Hà tất phải tha nó về nhà để bao nhiêu mơ mộng, ghen tuông, bấy nhiêu đau khổ, phần uất tàn phá khuôn mặt tôi. Tôi có thể để nó lại đây, không cần đem đi đâu hết...

NGƯỜI BÁN ĐỒ CŨ: Cô làm gì thế hả?

KIYOKO: Được lắm, lần sau gặp tôi ông sẽ kinh hồn bạt vía cho mà xem!

(KIYOKO chui tọt vào tủ. Hai cánh tủ sập lại. NGƯỜI BÁN ĐỒ CỐ cố gắng mở nhưng vô hiệu.)

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỐ: Khốn nạn thật. Cô ta khóa trái rồi. (Điên cuồng đập cửa nhưng bên trong hoàn toàn yên lặng, không một tiếng động) Con ả trơ trên này đã kịp lợi dụng lúc mình sơ hở... Mà phá đám ông, khiến ông mất toi một món tiền to chưa thỏa hay sao, lại còn muốn phá luôn cái tủ nát này! Ông trời ơi, tôi đã đắc tội gì? Con mất dạy, có trời mới biết nó làm gì trong ấy. (Áp tai vào cánh tủ) nó đang làm gì không biết? Hôm nay là ngày gì mà xui xẻo thế... Chẳng nghe thấy gì sất. Không một động tĩnh gì. Cứ như áp tai vào chuông vậy. Mặt tủ thép đôi dày cỡ này khi thì vang lên những rung động chói tai, khi thì lại rất yên ắng, tịnh không một tiếng vang... Chắc chắn cô ta không dám hủy hoại nhan sắc đâu, chỉ là trò lừa đảo hòng làm mình mũi lòng đấy thôi. (Lại áp tai lên tủ áo) Cơ mà cô ả đang làm cái gì thế? Nghĩ mà rợn người. À... cô ả bật đèn rồi. Khuôn mặt cô ta đang phản chiếu trên những tấm gương xung quanh, cô ta im lặng không nói. Ờ... kể cũng hơi kinh dị... Không, cô ả dọa thế thôi. (NGƯỜI BÁN ĐỒ CỐ có linh cảm gì đó) Chỉ là hù dọa thôi. Chẳng có lý nào cô ta lại làm thật đâu.

(NGƯỜI QUẢN LÝ KHU CĂN HỘ nơi KIYOKO ở chạy ra từ bên phải sân khấu.)

NGƯỜI QUẢN LÝ: Có cô đào nào tên Kiyoko đến đây không? Một cô gái trẻ đẹp, tên là Kiyoko.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỐ: Kiyoko à? Ông là ai?

NGƯỜI QUẢN LÝ: Tôi là người quản lý khu căn hộ cô ta sinh sống. Ông có chắc là cô ta không đến chứ, nếu cô ta đến đây thì...

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Từ từ đã. Đừng có quỳnh lên thế. Nếu cô ta đến thì sao?

NGƯỜI QUẢN LÝ: Bạn cô ta, một dược sĩ nói cô ta vừa ăn trộm một chai axit sunfuric ở cửa tiệm của anh ta.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Axit sunfuric?

NGƯỜI QUẢN LÝ: Anh ta bảo cô ta đã chạy đi cùng một chai thuốc. Anh ta đã tìm cô ở khắp nơi. Một người đi đường nói đã trông thấy cô ta vào tiệm của ông.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ông bảo là... a-axit?

NGƯỜI QUẢN LÝ: Cách đây không lâu, người yêu Kiyoko bị giết hại. E rằng không thể lường được loại người bốc đồng như cô ta sẽ gây chuyện gì. Có khi cô ả định tạt vào mặt ai đó không biết chừng.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ông nghĩ cô ta tạt axit người khác ư? (Giật mình, ôm mặt kinh hãi)... Không, cô ta không đi tạt ai đâu. Cô ta tự tạt axit lên mặt mình đấy.

NGƯỜI QUẢN LÝ: Cái gì?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ý tôi là cô ta tự hủy hoại nhan sắc ấy. Trời ơi! Cô ta muốn tự tay giết chết khuôn mặt xinh đẹp của mình.

NGƯỜI QUẢN LÝ: Sao cô ta lại làm thế?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ông không hiểu ý tôi à? (Trở vào tủ áo.) Kiyoko ở trong ấy. Cô ả đã khóa trái rồi.

NGƯỜI QUẢN LÝ: Khủng khiếp quá. Phải lôi cô ả ra.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cánh cửa này vững như đá tảng ấy.

NGƯỜI QUẢN LÝ: Phải làm gì đó chứ. (Đập cửa.) Kiyoko!
Kiyoko!

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Khuôn mặt ấy sẽ trở thành quỷ dạ xoa!
Cái ngày gì mà xui xẻo thế này! (Cùng đập cửa với NGƯỜI QUẢN LÝ.) Ra ngoài ngay! Đừng gây rối nữa. Ra mau!

NGƯỜI QUẢN LÝ: Kiyoko, cô Kiyoko!

(Một tiếng thét kinh hoàng vang lên từ bên trong tủ áo. Hai người đàn ông bất lực bủn rủn cả chân tay. Sự im lặng đáng sợ. NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ bất giác chấp tay như đang khẩn, miệng run rẩy lắp bắp.)

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Tôi xin cô, ra ngay cho tôi nhờ. Cái tủ này không còn công dụng gì với tôi nữa. Cô có thể mua với giá ba ngàn yên. Tôi bán cho cô ba ngàn yên thôi. Ra ngoài này mau. (Cửa tủ mở ra ken két, nghe muốn đứng tim. NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ và NGƯỜI QUẢN LÝ nhảy lùi ra sau, KIYOKO bước ra, chai axit trong tay. Gương mặt cô không có gì thay đổi) Coi kìa... mặt cô vẫn thế mà!

NGƯỜI QUẢN LÝ: Tạ ơn trời đất.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Tạ Ơi trời đất. Ôi mắt tôi, không thể nào. Cô là đồ lừa đảo. Cô mà giỡn kiểu đó tôi trúng gió có ngày, không phải chuyện đáng cười đâu.

KIYOKO (bình thản): Tôi giỡn hồi nào. Tôi thực sự có ý định đổ axit lên mặt đấy chứ.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Sao cô lại hét lên?

KIYOKO: Tôi đã bật đèn trong tủ áo. Tôi thấy khuôn mặt tôi trên những tấm gương xung quanh mình, rồi cả những hình ảnh phản chiếu của những ảnh phản chiếu cứ hiện ra liên tiếp trong những tấm gương khác đến bất tận. Gương này chiếu lại hình ảnh trong gương kia khuôn mặt nhìn nghiêng của tôi sang một tấm gương khác nữa. Muôn vàn khuôn mặt tôi phản chiếu, kéo dài đến vô hạn... Trong tủ rất lạnh, tôi chờ đợi Yasushi, biết đâu khuôn mặt anh ta sẽ hiện ra giữa hàng hà sa số những khuôn mặt của tôi.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (lại nhún vai): Vậy anh ta có hiện ra không?

KIYOKO: Không. Ở nơi chân trời góc bể, tận cùng của thế gian chỉ có khuôn mặt của tôi. Tôi đã mở nắp chai, nhìn lăm lăm vào gương. Tôi trộm nghĩ, nếu mình đổ chai axit lên thì bộ mặt dị dạng kia có đi đến tận góc bể chân trời không? Thế là tôi tưởng tượng ra khuôn mặt sau khi bị hủy hoại của mình, khuôn mặt lở loét bị thiêu đốt của quý.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Vậy là cô hét lên?

KIYOKO: Đúng đấy.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Và rồi cô không còn đủ can đảm hủy hoại dung nhan nữa?

KIYOKO: Không. Không phải vì hèn nhát mà tôi đóng nắp chai lại, mà tôi đã tỉnh ngộ: tôi nhận ra rằng ngàn ấy khổ sở, ghen tuông, đau đớn, dằn vặt, điên loạn mà tôi phải chịu đựng vẫn không đủ để thay đổi khuôn mặt này, bất kể chuyện gì xảy ra đó vẫn là gương mặt của tôi.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Thấy chưa, cô chống lại lẽ trời chỉ hoài công.

KIYOKO: Tôi không khuất phục, chỉ là hòa giải với lẽ trời thôi.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Nhìn nhận như thế cho tiện.

KIYOKO: Tôi đã an phận. (Vứt chai axit xuống sàn nhà, NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ vội đá ngay sang một bên) Mùa xuân đến rồi phải không? Lần đầu tiên tôi nhận ra, bốn mùa với tôi từ rất lâu đã không còn ý nghĩa gì nữa, kể từ ngày anh ấy biến mất vào tử áo. (Hít thở không khí xung quanh) Ngay cả trong cửa tiệm mốc meo cũ kỹ này vẫn có thể ngửi thấy hương xuân thơm nồng, xuân từ đâu tới? Mùi đất, mùi cỏ cây, mùi hoa. Anh đào đang độ mãn khai thì phải, chen giữa muôn khóm anh đào là những cây tùng. Cây tùng xanh tốt, cứng cáp giữa muôn hoa vì cây tùng chưa bao giờ biết mơ mộng. Chim đang hót. (Tiếng chim líu lo.) Tiếng chim lanh lốt như ánh ban mai xuyên qua cả bức tường dày nhất. Trong lúc chúng ta đứng đây, mùa xuân đang không ngừng hối thúc chúng ta bằng hoa anh đào, bằng tiếng chim ca. Mỗi cành cây đều đang oằn mình đỡ trăm đóa vạn đóa, nhắm nghiền đôi mắt tận hưởng sức nặng ngon lành. Gió... Tôi ngửi thấy mùi sinh khí của anh ấy trong làn gió. Đó là mùa xuân tôi đã lãng quên!

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô em có làm phước mua cái tủ này rồi cuốn gói không thì bảo?

KIYOKO: Ban nãy ông nói là sẽ bán cho tôi với giá ba ngàn yên phải không?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô dờ hơi à. Gương mặt cô bị hủy hoại thì tôi mới bán với giá đó. Đúng giá là năm trăm ngàn. Không, sáu

trăm cơ.

KIYOKO: Tôi không muốn mua nữa.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Không mua nữa?

KIYOKO: Đúng vậy. Thực sự tôi hết muốn mua rồi. Đi mà bán cho thằng cha thừa tiền ngu ngốc nào đó. Đừng lo, tôi không phá đám ông nữa.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Tạ ơn trời đất.

NGƯỜI QUẢN LÝ: Quay lại khu căn hộ mau. Cô còn phải xin lỗi anh bạn ở tiệm thuốc đấy. Sau đó cô nên ngủ một giấc. Cô kiệt sức rồi.

KIYOKO (lấy ra một tấm danh thiếp trong túi xách): Không, lúc này tôi bận.

NGƯỜI QUẢN LÝ: Bận gì?

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ (nhìn thấy tấm danh thiếp KIYOKO cầm): Với ông bạn này? Bây giờ hả?

KIYOKO: Ngay bây giờ, với ông ta.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Cô đi với ông ta, ông ta sẽ cho cô nếm mùi.

KIYOKO: Tôi không lo lắng. Bất kể chuyện gì xảy ra cũng không làm tôi bận lòng nữa. Ông thử nghĩ xem, còn ai có thể làm tôi tổn thương?

NGƯỜI QUẢN LÝ: Mùa xuân rất nguy hiểm.

NGƯỜI BÁN ĐỒ CỔ: Ông ta sẽ hủy hoại cô. Trái tim cô sẽ tan nát thành trăm mảnh. Cô sẽ vô cảm với tất cả.

KIYOKO: Nhưng không gì thay đổi được gương mặt tôi.

(KIYOKO rút trong túi xách ra một thỏi son và tô lên môi. Nàng quay lưng về phía hai người đàn ông đang hò hững nhìn mình rồi như một làn gió, bất chợt nhanh chân đi về bên phải sân khấu.)

(Hạ màn)

Nam Tử dịch

Phần III: Hành trình từ Nô cổ điển đến Nô cận đại.

Từ tiểu thuyết đến kịch bản Nô

Trước tiên, chúng ta đã nhận ra rằng tính văn học của tuồng Nô khởi đầu ở việc kịch bản của chúng bắt nguồn từ truyện, thơ hay truyền thuyết. Chúng còn sử dụng nhiều kỹ xảo tu từ và liên kết chặt chẽ với những câu văn, lời thơ của những tác phẩm đi trước. Tuy vậy, kịch bản Nô không chỉ đơn thuần là tấm gương phản chiếu một tác phẩm văn học. Nó còn dựa vào những kỹ thuật đặc thù của kịch nghệ, chỉ chọn ra những chi tiết cần thiết, và nếu cần, cường điệu hơn, để phục vụ nhu cầu (đạt hưng phấn cao độ và giải tỏa cảm xúc) của người xem tuồng.

Thật vậy, nếu bỏ công đọc chương 9 của *Truyện Genji*, ta chỉ thấy có hai đoạn văn và một câu đối thoại là có dính líu đến vở tuồng. Đoạn văn đầu tiên tả vụ “tranh xe” giữa hai tình địch và ta thấy Rokujô tỏ ra là người nhẹ nhàng, tinh tế chứ không phải một kẻ lăng loàn để có thể trở thành ác quỷ. Đoạn thứ hai tả cảnh Genji đến thăm vợ đang bệnh nặng và gần ngày sinh nở. Trong lúc chuyện trò thì đáng điệu và những gì bày tỏ qua miệng Aoi lại không phải lời của nàng mà là của Rokujô như thể Rokujô đã nhập vào thân xác nàng. Thế nhưng đó là những câu hờn trách chứ không có gì dữ dằn. Ngoài ra, ở đầu chương, tác giả cho ta biết Hoàng đế Kiritsubo, cha của Genji, chỉ có một lời cảnh cáo nhưng

chỉ nhẹ nhàng đối với Genji về mối liên hệ giữa chàng và Rokujô mà chàng đã tỏ ra không khéo léo:

“Đừng bao giờ con để một người đàn bà cảm thấy mình bị khinh thường. Hãy đối xử khéo léo, chớ làm họ nổi giận”

Với chừng ấy chi tiết trong cuốn truyện, tác giả nào đó ở vùng Ômi hay chính Zeami đã dựng nên được một tấn tuồng nói về sức mạnh khốc liệt của lòng ghen tuông và trình bày cách giải thoát khỏi móng vuốt của nó. Hầu như mọi người đều cho rằng người ghen tuông là Rokujô và nàng đã nhập hồn vào xác Aoi để dẫn vật nàng cho đến chết. Thế nhưng nếu đứng ở vị trí con người hiện đại và với kiến thức về khoa tâm sinh lý học, ta sẽ dễ đồng ý với Fenellosa khi cho rằng chính Aoi mới là người mang tâm bệnh vì ghen tuông và nàng không phải là nạn nhân của ai khác trừ chính mình ra.

Aoi là con gái quan Tả Thừa tướng nhưng mẹ nàng lại là em ruột của Hoàng đế Kiritsubo nên nàng là em họ Genji, tuy rằng lớn hơn chàng mấy tuổi. Khi mới lấy nhau thì chàng còn quá trẻ (12, 13 tuổi) và đối xử lạnh lùng với nàng (lúc đó 15,16) vì trong đầu chàng đang đầy ắp hình ảnh của người mẹ kế mà chàng yêu tha thiết, Hoàng phi Fujitsubo. Kịp khi lớn lên, chàng đã nhảy từ người đàn bà này qua người đàn bà khác, từ Yuugao, Utsusemi, Rokujô, Oborozukiyo cho đến Murasaki no Ue... Đành rằng ăn chơi phóng đãng như Genji cũng là một cách thủ thân, để chứng tỏ mình đứng ngoài lề những cuộc tranh chấp quyền hành trong triều đình, nhưng ở vị trí một người vợ bị bỏ bê như Aoi thì nàng cần gì thông cảm chuyện đó. Nếu nàng có chua xót cũng là lẽ đương nhiên. Thế rồi, trong lúc thai nghén, tâm hồn nàng dễ bị xúc động. Tuy đã

chiến thắng trong vụ tranh xe nhưng cùng hôm đó, nàng cũng nếm mùi thất bại vì chồng nàng lại đi chơi riêng với Murasaki nên ngọn lửa hờn đã bùng lên trong nàng một cách mãnh liệt chứ Rokujô chẳng qua là cái cớ.

Trong vở Nô cổ điển, vai chính (shite) là Rokujô. Trong vở Nô hiện đại của Mishima, nhân vật chính cũng là Rokujô và Genji (Hikaru). Chưa bao giờ Aoi đóng vai chính. Trong vở cổ điển, nàng chỉ được tượng trưng bằng chiếc áo, trong vở hiện đại, nàng nằm mê man trên giường bệnh vì bị chích thuốc ngủ. Trong vở cổ điển, Rokujô thất bại trước pháp thuật của pháp sư, trong vở hiện đại thì ngược lại, Rokujô chiến thắng, kéo được anh tư chức Hikaru theo mình để mặc Aoi chết trong tuyệt vọng.

Zeami lạc quan khi cho rằng với lòng từ bi và sự nhẫn nhục, con người có thể thắng được sự ghen tuông khi ông để cho Rokujô chịu thua pháp thuật của tăng nhân Yokawa. Mishima thì giải quyết vấn đề một cách trái ngược. Trong tác phẩm của ông, lòng ghen tuông đã chiến thắng bằng cái chết của Aoi. Aoi tuyệt vọng ngã xuống khi đưa tay ra với lấy điện thoại để nghe trong lúc Genji mở cửa chạy theo tiếng gọi của Rokujô.

Như thế, từ một chủ đề về lòng ghen tuông, hai soạn giả đã trình bày cho chúng ta cách nhìn và cách giải quyết khác nhau của họ. Zeami đặt vấn đề đạo đức và giải quyết nó theo giáo lý nhà Phật. Mishima thì không. Ông không đề cập đến đạo lý và cũng chẳng tìm cách giải quyết vấn đề. Một điều khác cần phải nhắc lại là để bàn về một đề tài phổ quát của con người muôn thuở, Mishima đã mượn một hình thức diễn đạt mới với những nhân vật đặt trong hoàn cảnh mới để chuyên chở ý nghĩ của ông.

Ảnh hưởng của Nô trên các ngành nghệ thuật khác

Khi nhắc đến ảnh hưởng của Nô (và bộ phận Kyôgen của nó) trên các ngành nghệ thuật khác, trước hết người ta nghĩ ngay đến Kabuki^[43]. Ví dụ vở Kabuki diễn lần đầu năm 1841 là *Thầy chùa không biết đọc kinh* (Kanjinchô) đã phỏng theo tuồng Nô nhan đề *Ataka*, nói về cảnh thầy trò Yoshitsune và Benkei trong bước đào vong phải giả dạng thầy tu để vượt qua một cửa ải có trạm kiểm soát của chính quyền Kamakura.

Liên hệ giữa Nô và Kabuki cũng thấy trong vài ví dụ khác như trường hợp tuồng Nô nhan đề *Ông tiên một sừng* (Ikkakusennin) đã khởi hứng cho soạn giả vở Kabuki nhan đề *Thần sấm* (Narukami). Tuồng Nô *Dojôji* (*Đạo Thành Tự*) là tuồng gốc của kịch Kabuki có tên *Nàng thiếu nữ Kyôga ở chùa Dôjôji* (Kyôga no komusume Dôjôji). Chủ đề tình yêu cuồng nhiệt và hủy diệt gây nên tội lỗi như vậy đã được tiếp nối qua thời gian với bối cảnh là chùa Dôjôji. Không riêng chủ đề văn học mà những bộ phận như vũ đạo của Nô và Kyôgen cũng được Kabuki tái sử dụng.

Văn chương thời tiền cận đại như thơ haikai, tiểu thuyết hoạt kê (*kokkeibon*) và sân khấu múa rối Jôjuuri đều có hình bóng Nô. Ihara Saikaku, Matsuo Bashô đều lấy Nô làm đề tài cho tác phẩm, Chikamatsu Monzaemon từng sử dụng chi tiết của Nô. Tiểu thuyết gia thời Edo là Jippensha Ikku cũng lồng Nô vào tác phẩm nổi tiếng *Rong ruổi trên tuyến đường Tôkaidô* (Tôkaidôchuu Hikakurizu) của ông.

Vào thời cận đại thì đã có những tên tuổi lớn như Tanizaki Jun'ichirô và Mishima Yukio. Không khí trong *Người cắt lau* (Ashikari) hay *Sấn dây núi Yoshino* (Yoshino no kuzu) bàng bạc chất u huyền của Nô. Riêng Mishima đã vinh danh Nô bằng tám vở Nô hiện đại, mô phỏng những tác phẩm cổ điển như *Kantan*, *Aya no Tsuzumi*, *Sotoba Komachi*, *Hanjô*, *Aoi no Ue*, *Dôjôji*, *Yuya* và *Yoroboshi*. Nô cũng ảnh hưởng sâu sắc đến điện ảnh. Thủ pháp và kịch bản của Kurosawa Akira trong *La Sinh Môn* (Rashômon) và *Bảy người samurai nghĩa hiệp* (Shichinin no Samurai), của Mizoguchi Kenji trong *Truyện đêm trăng mưa* (Ugetsu Monogatari) chẳng hạn.

Tuồng Nô từ Zeami đến Mishima

Trong tuồng Nô cổ điển của Zeami và các soạn giả khác, đặc biệt trong loại Nô gọi là Mugennô (Nô u huyền), ta thấy có một mô típ đậm đà màu sắc Phật giáo, được lặp đi lặp lại như sau:

Ban đầu, vai *waki* (nhân chứng) thường là một thầy tăng vân du bước ra sân khấu giải thích về mục đích chuyến đi của mình, cho biết cái gì đưa đẩy mình tới địa phương đó. Sau vai *shite* (thường là *maeshite* tức vai chính hồi thứ nhất) bước ra với hình ảnh giả (con người bình thường như cô con gái vót rong, lão tiều, ngư phủ, người làm nghề lấy muối biển, anh chàng cắt cỏ...) giới thiệu về vùng đất mình đang sống. Tuy vậy, qua nội dung câu chuyện và vài cử chỉ đáng nghi, nhân vật giả hiệu ấy liền bị thầy tăng căn vặn mới thú thực mình là một hồn ma không được siêu sinh tịnh độ vì có nỗi niềm oan khuất. Hồn ma xin thầy tăng đọc

kinh cầu siêu cho mình. Thầy tăng làm xong bốn phận như đã được yêu cầu thì lần này *shite* (*nochijite*) tức là vai chính hồi thứ hai hiện ra với đầy đủ uy quang của con người thật (võ tướng, đại thần, công chúa...) kể lại cảnh ngộ bi đát của mình, cảm ơn nhà sư đã giúp mình giác ngộ và siêu sinh tịnh độ rồi biến mất vào trong bóng đêm. Khi ngày rạng ra thì cảnh vật vẫn hiện ra như cũ, thầy tăng có cảm tưởng mình vừa sống trong một giấc mộng.

Trước kia, trong Nô truyền thống đã có hình bóng thần linh vì Nô vốn có tính chất tôn giáo. Thế nhưng Nô chỉ bộc lộ rõ ràng tính u huyền với cha con Kan'ami và Zeami. Người cha đặt nền móng và người con hoàn thiện hình thức sân khấu gọi là Nô u huyền này. Nhìn chung, ta thấy lối giải quyết của Nô u huyền là dựa vào sức mạnh tinh thần của Phật giáo tượng trưng cho tiếng nói của lương tri, dẫn dắt oan hồn trút bỏ vọng niệm, thoát khỏi mê lầm để được thanh thản trong cõi vĩnh hằng. Khán giả khi xem tuồng nhờ ở sự hòa mình vào các nhân vật trung tâm của vở tuồng cũng có thể giải tỏa ảm ức và thăng hoa tình cảm trong cuộc đời này. Triết lý của Nô u huyền là dạy người ta nhận thức được tất cả những gì có hình danh sắc tướng đều là ảo ảnh, phải biết tha thứ và quên đi đau khổ để đạt được hạnh phúc. Có thể nói cách giải quyết của Nô u huyền kiểu Zeami là cách giải quyết có tính luân lý và thần bí.

Thế nhưng khi đọc *Công nương Hoa Quỳ* (Aoi no Ue) dưới nhãn quan của Mishima với những nhân vật đời thường: cặp vợ chồng tư chức Hikaru-Aoi và cô nhân tình cũ Rokujô, ta thấy ông không dùng lối giải quyết có tính luân lý và thần bí đó. Trong hồi chung cuộc, ta có cảm tưởng là đam mê và tội lỗi, nghĩa là cái ác, đã thắng. Rokujô không bao giờ biết phục thiện, Genji bỏ bê người vợ mà mới phút trước anh còn lo lắng cho sức khỏe, để đi theo Rokujô.

Aoi thì tuyệt vọng buông dây điện thoại và chết trong buồn khổ. Khán giả có giải tỏa được ẩn ức và thăng hoa tình cảm hay không, đó là một chuyện khác, chứ riêng Mishima không hề đưa ra giải pháp và không hề giúp đỡ họ thực hiện sự cứu rỗi trong tâm hồn. Hơn nữa, thử hỏi sự cứu rỗi ấy có thật cần thiết cho họ hay không?

Một điều khá lý thú là văn nghiệp một người Á Đông như Mishima lại hầu như gắn liền với văn học cổ điển phương Tây (chẳng khác gì Eugen O'Neill, Bertolt Brecht, Jean Cocteau... ở Âu Mỹ), trong đó có vai trò quan trọng của thi nhân và soạn giả bi kịch Hy Lạp Euripides. Mishima đã dùng chất liệu của Euripides để viết một truyện trung biên nhan đề *Shishi* (Sư tử cái). *Suzakuke no metsubô* (Sự diệt vong của dòng họ Suzaku) của ông, như đã nói ở trên, cũng dựa trên Heracles của văn nhân Hy Lạp này. Về Euripides, được biết ông là bạn của Socrates và là người đã viết 92 vở kịch tuy ngày nay chỉ còn giữ lại được 18. Tác phẩm của ông có *Medée* (431 TCN), *Hippolite - kẻ đội mào* (428 TCN), *Iphigenie ở Aulis* (405 TCN), *Heraclides* (khoảng 430 TCN), *Andromaque* (khoảng 426 TCN), *Người thành Troy* (415 TCN), *Heracles nổi giận* (khoảng 424 TCN), *Người thành Phenicie* (khoảng 410 TCN), *Oreste* (408 TCN). Ông chỉ nổi tiếng sau khi chết, còn lúc sinh thời bị buộc tội là người theo chủ nghĩa hoài nghi, báng bổ thần thánh và không kính trọng những sự tích anh hùng của quốc dân Hy Lạp. Ông đã sống và sáng tác trong một thời mà thành phố Athens bị suy yếu vì chiến tranh, mọi tầng lớp xã hội đứng lên chống đối những giá trị cũ. Euripides chỉ chú trọng đến việc trình bày cảnh đời thực của con người thời đại chứ không tìm cách suy tôn thần thánh và bám theo những huyền thoại các anh hùng. Nói chung,

ông là người đã bắt nhịp được với trào lưu của con người thời đại mình đang sống.

Tuy chưa hình dung Euripides đã ảnh hưởng Mishima đến mức độ nào nhưng cách giải quyết vấn đề trong Nô hiện đại của Mishima xem ra có phần giống như của Euripides trong bi kịch Hy Lạp ở chỗ nó không có tính luân lý và thần linh, mà gắn bó nhiều với hiện thực của đời sống con người đồng thời đại. Chẳng hạn trong *Nàng Ban* (Hanjô), một vở Nô hiện đại của ông, Hanako, người con gái bị tình phụ, không hề có một kết cuộc tốt đẹp, một *happy ending* để đoàn tụ với người yêu như trong Nô cổ điển, mà tiếp tục hóa rồ cho đến cuối vở. Cậu bé đáng thương của *Chú bé mù lòa* (Yoroboshi) chẳng bao giờ được người cha từng đuổi mình ra khỏi nhà đón về như soạn giả tuồng cổ điển mong muốn. Với Mishima, cậu ta phải ra trước tòa án thụ lý tranh chấp về quyền bảo hộ thiếu nhi rồi vĩnh viễn chịu cảnh cô đơn trong bóng tối khi cô nhân viên sở an sinh xã hội cũng lén bỏ ra đi. Mặt khác, trong *Tháp mộ nàng Komachi* (Sotoba Komachi), người con gái đẹp tuyệt trần từng làm điêu đứng bao nhiêu đàn ông đó sẽ không được tha thứ và siêu thoát như Nô cổ điển muốn mà phải tiếp tục sống cho hết cuộc đời tàn, lang thang nhặt những mẫu thuốc lá thừa trong công viên - có thể là Central Park ở New York, theo gợi ý của Mishima, nếu tuồng này được đem diễn cho khán giả Mỹ - để trả cái nghiệp chướng mình đã tạo ra.

Lời kết

Trong loại tuồng cổ điển, từ Opera, Comédie Française, Kinh Kịch (kịch Bắc Kinh), Việt Kịch (kịch Quảng Đông), hát bộ cho đến Nô, Kabuki, khi khán giả đi xem, họ hầu như đã biết rõ trước về tuồng tích và ca từ. Người Nhật đi xem những Onoe, Nakamura, Ichikawa... người Pháp đến rạp vì Gérard Philippe, Jean Poulain... nghĩa là họ chỉ đến xem ngón nghề trình diễn của một cô đào, một anh kép hay một bản kịch chứ không phải đến để tìm hiểu, gắp gổ một cái gì mới trong nội dung kịch bản. Họ thường thụ động và đắm mình vào trong thế giới tuồng, để cho mình bị nó mê hoặc. Khía cạnh thẩm mỹ đóng vai trò chủ yếu. Trong khi đó, các tuồng kịch có tính cận đại, người xem có sự khám phá, đối diện với một cảnh ngộ mới và có tâm cảnh đồng thời đại, muốn tham gia giải quyết vấn đề hơn. Sự cứu rỗi phải đến từ sức của mình chứ không phải nhờ ở sức người. Phải chăng đó là điều cơ bản chúng ta có thể nhận ra khi theo dõi quá trình biến thiên từ Nô cổ điển qua Nô cận đại?

Duy có một điều không thay đổi từ bao nhiêu thế kỷ mà chúng ta hãy còn tìm thấy cả trong Zeami lẫn Mishima. Đó là mỹ học về bóng đêm. Nếu trong Nô u huyền, không khí u huyền của ban đêm và cõi âm (Nô truyền thống thường được diễn ban đêm dưới ánh lửa đuốc) là tượng trưng cho mỹ học đó thì trong Nô cận đại, Mishima cũng đã làm sống lại không khí ấy qua lời đối thoại của nhân vật Rokujô: *“Đêm là lúc mọi vật có tri giác hay không đều giao hảo thân thiện, và ở trong trạng thái ngủ nghỉ nên lộ ra nhiều kẽ hở và vết nứt có thể xuyên qua không mấy khó khăn.”* Đó là mỹ học về bóng âm đặc biệt Nhật Bản mà Tanizaki Jun'ichirô đã bàn đến trong tập tiểu luận *Ca ngợi bóng âm* (In'ei reisan) của ông. Nó cũng cô đọng lại trong câu nói của nữ sĩ Shirasu Masako, một nhà

quyền uy về Nô: “Trong thế giới u linh thì hồn ma chính là những vật có thực”.

BAT

Như một cầu thủ thừa sức bao sân, Mishima lúc sinh thời đã bay nhảy trong nhiều lãnh vực nghệ thuật, từ truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, nghị luận, kịch nghệ đến điện ảnh. Tuyển tập truyện mà chúng tôi vừa gửi đến quý vị độc giả gồm 9 truyện và 2 vở kịch Nô cận đại, tất cả đều ngắn.

Phần lớn các truyện đều dịch từ nguyên tác Nhật ngữ nhưng đôi khi đã được dịch từ các bản dịch ngoại văn như Pháp và Anh. Cũng cần nói là ngay khi dịch từ nguyên tác, việc tham khảo các bản dịch ngoại văn nhiều khi còn là một điều cần thiết vì nó giúp các dịch giả tránh được những lỗi lầm vì sơ sót hay không quán triệt một văn mạch đa nghĩa.

1. Truyện *Ưu quốc* (Yuukoku) mở đường cho Tuyển tập có nhắc tới ngay trong phần đầu ngày 26 tháng Hai, một ngày máu đã đổ trên đất Phù Tang.

Biến cố 26 tháng Hai là cuộc đảo chính năm Chiêu Hòa 11 (1936) của một nhóm sĩ quan lục quân trẻ tuổi phái Bảo hoàng nhằm lật đổ Chính phủ (theo họ là một chính quyền thối nát, làm kinh tế suy sụp, gây nạn đói), để lập một Nội các mới. Nhóm sĩ quan này dẫn khoảng 1.400 người, phần lớn là tân binh, đi vây các dinh thự và giết chết năm Bộ trưởng phái Dân sự, nhưng lại để Thủ tướng thoát được. Tuy họ ủng hộ Thiên Hoàng, đòi ông ra thân chính, song Thiên Hoàng Chiêu Hòa (Shôwa hay Hirohito) lại không chấp nhận phiến loạn đã sát hại các đại thần do mình bổ

nhiệm, nên ra lệnh cho hải quân tiêu trừ. Điều này đưa đến nghịch cảnh là một số quân nhân phái Bảo hoàng được lệnh nổ súng vào những người cùng chung chí hướng. Sau đó, loạn quân đã phải quay về doanh trại, và các sĩ quan cầm đầu bị hành quyết ngay giữa Tokyo. Tuy thất bại kỳ đó, nhưng sau này thế lực quân phiệt càng ngày càng mạnh, dần dà họ nắm trọn chính quyền với tướng Tojo Hideki (1884-1948), và nhảy vào Thế chiến thứ hai.

Mishima rất ngưỡng mộ lý tưởng của cuộc binh biến ngày 26 tháng Hai này, mà ông cho là “biểu tượng của tình yêu nước trong trắng, không vụ lợi”. Năm 1970, ông cùng ba, bốn mươi người đồng chí trong Câu lạc bộ Cái Khiên (Tate No Kai, Club of Shield, một binh đội tư nhân do ông thành lập) đã gây một vụ “đảo chính” tương tự ngay doanh trại Bộ Quốc phòng Nhật, nhưng không ai theo mà còn chế nhạo, nên ông đã mổ bụng tự sát, lúc đó ông mới bốn mươi lăm tuổi.

Truyện ngắn này đã được dựng thành một cuốn phim ngắn, rất diễm tình, do Mishima đóng vai chính.

2. Đoạn thiên thứ hai *Đôi Cánh* (Tsubasa) được đăng tải lần đầu trên số báo tháng Năm năm 1951 của tạp chí *Bungakukai* (Văn học giới) trước khi in lại trong nhiều tuyển tập của nhà văn. “Một chuyện kể theo phong cách Gautier”, câu nói kèm theo tựa đề trên đây ngụ ý là khi sáng tác, ông đã lấy cảm hứng từ cách viết phi hiện thực của nhà văn lãng mạn Pháp, Théophile Gautier (1811- 1872).

3. Truyện ngắn thứ 3 *Dì Haruko* (Haruko) chỉ là một truyện ít người để ý, nằm mất hút trong số gần hai vạn trang tác phẩm (kể cả phê bình và thư tín) trong toàn tập 36 quyển do nhà xuất bản Shinchô cho ra đời năm 1974, gom góp trọn một phần tư thế kỷ

hoạt động văn học nghệ thuật vô cùng sung mãn của Mishima Yukio (1925-1970). Mới thoáng nhìn, nó chỉ là câu chuyện tình của một người đàn bà sống theo phong cách khác đời của nhà thơ nữ trữ tình và quý tộc Hy Lạp Sappho (610?-580? TCN) trên đảo Lesbos, nổi tiếng vì tình yêu của bà đối với người đồng giới tính. Tuy nhiên, bằng cách tiếp cận sâu sắc và độc đáo của mình, Mishima đã mô tả được một cái gì bàng bạc nuối tiếc ẩn giấu bên trong, nó “huy hoàng pha lẫn thương đau, tựa như những âm thanh xôn xao còn vang vọng khi cánh màn nhung hạ xuống và tấn tuồng đã vãn”, như chính tác giả định nghĩa. Nó còn là tiếng khóc trong hoan lạc và bi ai của những người yêu nhau muốn thoát ra khỏi sự hạn hẹp của xác thịt và giới tính, trong đó mình bị đóng khung để tìm về một tình yêu trọn vẹn và giải phóng bằng cách vay mượn thân xác người khác.

Tác phẩm này đã được đăng lần đầu tiên trong tạp phụ trang tiểu thuyết của tạp chí *Ningen* (Con Người) vào tháng Mười hai năm 1947, năm tác giả mới hai mươi hai tuổi. Truyện lấy bối cảnh là những ngày cuối cùng của cuộc thế chiến thứ hai (1944-1945), trước khi Nhật Bản đầu hàng đồng minh. Không khí chiến tranh đến hồi tàn cuộc bao trùm lên câu chuyện như muốn đóng vai một nhân vật thứ tư bên cạnh ba người trong đó.

4. *Onnagata* - tiêu đề được để nguyên văn không dịch là truyện thứ tư của tuyển tập này - đặt trong bối cảnh của một nhà hát Kabuki, nói về diễn biến tâm lý của một diễn viên nam chuyên đóng vai nữ (*Onnagata*) trong mối quan hệ của ông đối với một người cùng giới tính trong nghề. Truyện này đặt vấn đề về liên hệ của người đồng tính và những chuyển biến từ ngưỡng mộ, yêu đương, ghen tuông sang đến hận thù trong một khung cảnh đặc

thù là môi trường sân khấu để suy ra bản chất của con người nói chung.

5. *Chết giữa mùa hè* (Manatsu no shi, 1953), tác phẩm thứ năm, kể lại câu chuyện của Tomoko, vợ một tư chức, vì tai nạn đã mất hai đứa con và cô em chồng, họ chết đuối trong một chuyến đi nghỉ hè cùng nàng ở vùng biển Izu, làm cho lòng nàng tan nát và tràn đầy hối hận. Hai năm sau, vợ chồng nàng và hai đứa con, trong đó có một bé gái mới sinh, lòng đầy hy vọng vì đã khắc phục nghịch cảnh, trở lại bãi biển ngày xưa như để xóa đi quá khứ đau thương một lần cho trót. Thế nhưng chính trong lúc nhìn ra mặt biển mùa hè trải ra xanh ngắt, nàng thần thờ khi cảm thấy như có gì lôi cuốn, mời mọc mình. Đoạn kết của một câu chuyện tưởng đã trở thành tốt đẹp không ngờ lại dự báo cho những điều kinh khiếp có thể xảy ra cho gia đình nho nhỏ ấy trong tương lai.

Truyện này dài nhất trong tập, nơi đây Mishima huy động ngòi bút mô tả tâm lý tài tình của ông. Chúng tôi đã cố gắng dịch sát theo nguyên văn, cả những đoạn mà các dịch giả E. Seidensticker và D. Aury lược bỏ vì ngại rườm rà hay khó hiểu.

6. Tác phẩm thứ sáu *Hồn Bướm* (Chôchô) có một nguồn gốc ngoại quốc. Năm 1898, nhà văn Mỹ, John Luther Long, người chưa từng đặt chân lên đất Nhật, đã dựa vào thư tín và tài liệu của chị mình, vợ ông hiệu trưởng một trường đạo ở Nagasaki, để viết tiểu thuyết nhan đề *Madam Butterfly* (Hồn Điệp phu nhân). Truyện kể lại mối tình bi đát giữa một sĩ quan hải quân Mỹ tên Pinkerton và nàng con hát mới mười lăm tuổi có nghệ danh là Chôchô (Bướm Bướm) mà người chị nghe dân sở tại truyền tụng. Hình tượng nàng Chôchô ôm con đứng trên mỏm đất nhìn ra vịnh Nagasaki trông

ngóng người chồng bạc tình ra đi không bao giờ trở lại, buồn tuyệt vọng rồi tự sát trước Phật đài năm mười tám tuổi... đã là nguồn cảm hứng cho nhà soạn nhạc người Ý, Puccini viết vở nhạc kịch opera cùng tên, công diễn lần đầu tiên ở nhà hát Scala thành phố Milano năm 1904. Vở nhạc kịch cảm động này vẫn tiếp tục được trình diễn từ trên một trăm năm nay. Dù có thực hay không, truyện nàng Chôchô chỉ là một thảm cảnh điển hình của bao người con gái Nhật Bản, phải bán thân làm “vợ trên bến” (genchizuma) những chàng thủy thủ lang bạt thời Nhật Bản vừa mở cửa.

Nhân vật thứ hai cũng quan trọng không kém, được nhắc đến trong truyện này, là danh ca giọng nữ cao (soprano) Miura Tamaki (1884-1946). Bà là người Nhật Bản giữ trọng trách đào chính (prima donna) trên sân khấu Opera House ở London năm 1915 trong vai Madama Butterfly, cho đến lúc đó, chỉ có người ngoại quốc chủ diễn. Bà đã đi khắp thế giới và diễn vai này trên hai nghìn lần. Puccini gặp bà năm 1920 và cho rằng tài diễn xuất và tiếng hát của bà đã hoàn thiện nhân vật sân khấu mà ông trông đợi. Ở Nhật, Miura Tamaki đồng nghĩa với Madama Butterfly. Lúc đã ngoài năm mươi tuổi, tiếng hát của bà vẫn trong thanh như thuở đôi mươi. Bà mất năm 1946 sau khi diễn lần cuối cùng mới có hai tuần, và như ý nguyện, được chôn ở bên hồ Yamanaka, cạnh núi Fuji, nơi bà có thời đi sơ tán trong chiến tranh.

Tuy nhiên, ta thấy ở đây hình như Mishima chỉ mượn hai nhân vật trên để nêu một câu hỏi khác có tính cách triết học. Nó liên quan đến sự đối lập giữa ngăn cách/đợi chờ, hy vọng/tuyệt vọng của con người mọi thời đại. Khác với chàng Pinkerton vĩnh viễn bỏ đi và là đầu mối của bi kịch đời nàng Chôchô, người đàn ông trong truyện

này, Kiyohara, đã từ chiến trường trở về tìm lại người xưa nhưng chính điều đó lại là nguyên nhân của một bi kịch khác.

7. Mishima Yukio cho ra mắt *Chim Công* (Kujaku) - tác phẩm thứ bảy - lần đầu tiên trong Tạp chí *Bungakukai* vào tháng Hai năm 1965, và sau đó đã nhiều phen ghép nó vào các tuyển tập truyện ngắn của mình. Trong lời ghi chú của tác giả, ông từng định nghĩa *Chim Công* như một tác phẩm nói về “nỗi cô đơn của một người ở tuổi mới lớn”.

Mishima còn tỏ ra rất gắn bó với lối suy nghĩ xem “sự hủy hoại một vẻ đẹp đang ở giữa đỉnh cao là cách duy nhất để giữ cho nó được tồn tại vĩnh viễn”. Mô típ này từng được thấy nhiều lần trong văn chương Mishima, qua tác phẩm này cũng như trong *Uu quốc* hay *Kim Các Tự*. Trong thực tế, ông đã chứng tỏ điều đó lần cuối cùng vào năm 1970 qua hành động tự kết liễu đời mình ở cái tuổi bốn mươi lăm trung niên sắp sửa về chiều.

8. Tình yêu đóng vai trò then chốt trong tác phẩm thứ tám *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga* (Shigadera shōnin no koi) nhưng tình yêu nơi đây không phải là một thứ tình yêu phạm tục của đời thường.

Thực vậy, năm 1946, Jean Cocteau (1889-1963) dựng phim *Gai nhân và Ác Thú* (La Belle et La Bête). Năm 1954, Mishima Yukio cho đăng lần đầu tiên *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga*. Cả hai đều khai triển đề tài tình yêu tuyệt đối qua sự hòa điệu giữa những đối tượng mà bản chất vốn không thể hòa điệu nếu không nói là tương phản. Dựa trên một chi tiết nhỏ từ pho sách cũ, Mishima đã khéo dàn dựng rồi miêu tả biến chuyển bên trong tâm lý hai nhân vật chính, đúng ra là hai tượng trưng. Điều đó làm cho bối cảnh của

đoản thiên này được giản lược tối đa giống như thể giới quan niệm có tính phổ quát thấy trong một vở tuồng Nô hiện đại mà ông thường sáng tác.

Trong cuộc đời, có những mối tình ngắn ngủi thoáng đến thoáng đi, hoặc kéo dài “trong một tháng trong một năm” như cách nói của nhà văn nữ F. Sagan. Cũng có những mối tình lâu dài “tình trong giây phút mà thành thiên thu” hay “mối tình mang xuống tuyền đài chưa tan”. Nhưng tất cả không biết đáng kể hay không nếu đem đặt bên cạnh mối tình lạ lùng của vị cao tăng chùa Shiga.

9. Truyện ngắn thứ chín nhan đề *Bồn phun nước giữa cơn mưa* (Ame no naka no funsui) là một truyện không cốt truyện xảy ra giữa một đôi thiếu niên nam nữ mà tùy theo diễn tiến của nó, cái gọi là tình yêu được thể hiện một cách đáng yêu hay đáng ghét, dịu dàng hay ác độc, ngược đãi và bị ngược đãi. Tác giả cho biết đã lấy cảm hứng từ tác phẩm *Paul và Virginie* của nhà văn Pháp Villier L'Isle d'Adam mà ông xem như cây viết bậc thầy.

Trong phần **Phụ lục**, chúng tôi có dành chỗ cho hai vở tuồng Nô cận đại tiêu biểu của Mishima.

10. Vở Nô cận đại thứ nhất nhan đề *Nàng Aoi* (Aoi) vốn xuất phát từ tuồng *Vương phi Hoa Quỳ* (Aoi no Ue) trong tuồng Nô cổ điển và từ một nguồn gốc xa hơn nữa là chương 9 của tác phẩm cổ điển vĩ đại *Truyện Genji* (Genji Monogatari, 1010?) Của nữ sĩ cung đình thời Heian là bà Murasaki Shikibu. Nhân vì chúng tôi đã đề cập đến một cách khá kỹ lưỡng trong bài viết về *Mishima và Nô cận đại* trên đây nên chỉ xin nhắc sơ qua ở đây.

11. Vở Nô cận đại thứ hai *Đạo Thành Tự* (Dojoji) là truyện về một nhà sư trẻ vì sợ một người con gái si tình đeo đuổi, đã trốn vào

trong quả chuông lớn của chùa Dôjôji nhưng chuông lại đổ lên trùm kín anh. Tình yêu cuồng nhiệt biến cô thành rồng lửa. Rồng quần quanh chuông bảy vòng, dùng miệng phun lửa đốt và lấy đuôi định đập vỡ quả chuông cho anh phải ra nhưng rốt cuộc anh chết cháy trong đồng đông chảy lỏng. Dĩ nhiên trong Nô cận đại của Mishima, câu chuyện trên đây cũng như câu chuyện trước đó (Nàng Aoi) đã được cận đại hóa với một bối cảnh khác (tiệm bán đồ cổ thay vì ngôi chùa Đạo Thành), một không gian khép kín khác (cái tủ áo được đem ra đấu giá thay vì quả chuông chùa), một nhân vật khác (cô đào hát Kiyoko thay vì người đàn bà si tình hóa rồng) để dẫn đến một kết luận khác (không hủy diệt cả mình lẫn tình nhân trong cơn tuyệt vọng mà vui vẻ đi theo một người đàn ông lạ vừa mới trao cho mình tấm danh thiếp).

GIỚI THIỆU NHÀ VĂN MISHIMA

Mishima Yukio (Tam Đảo, Du Ký Phu) tên thật là Hiraoka Kimitake (Bình Cương, Công Uy) sinh ngày mùng 4 tháng Giêng năm 1925 tại Tokyo trong một gia đình quan chức, ông nội từng làm Phó Tổng trấn đảo Karafuto nay thuộc Nga. Mishima tuy rất tự hào về ông nội mình nhưng thường gắn bó với gia đình bà nội hơn vì bà vốn dòng dõi samurai đích thực chứ không phải gốc nhà nông như người ông. Bà nội Mishima là người có văn hóa cao nhưng tính tình thất thường, cứng rắn, khắt khe, và có lẽ vì có đó mà gia đình đã phải gả bà cho một người chồng có gốc gác xã hội thấp kém hơn. Thuở nhỏ, Mishima được gửi vào Gakushuuin (Học Tập Viện), một trường dành cho con nhà quý tộc nhưng nhận cả con em ngoài tầng lớp đó. Ở đây, ông được dạy dỗ theo truyền thống khắc kỷ như quân đội.

Lúc bấy giờ ông đã tỏ ra có khiếu văn chương và có chân trong một câu lạc bộ văn học của nhà trường. Học xong khoa Đức ngữ ở trung học Gakushuuin, ông vào học Luật ở Đại học Đông Kinh. Sau khi tốt nghiệp, dấn đồ vào ngành công chức cao cấp Bộ Tài chính, ông đã từ chức lúc vừa hết một năm sống đời “sáng vác ô đi tối vác về” để chọn con đường viết văn gian nan gai góc hơn. Tháng Hai năm 1945, lúc Nhật Bản sắp thua trận, ông tình nguyện nhập ngũ nhưng khi đi khám sức khỏe lại không đủ điều kiện nên phải quay về. Trung đoàn đáng lẽ ông tham dự đã bị tiêu diệt ở chiến trường Philippines. Vừa vặn ngày 15 tháng Tám năm ấy, chiến tranh kết thúc.

Ông lập gia đình với Sugiyama Yôko (Dao Tử), con gái một nhà danh họa, sinh được một trai, một gái. Tuy có cuộc sống gia đình có vẻ bình thường nhưng ngoài xã hội, ông hành động không giống những nhà văn khác như thích luyện cơ bắp, tập võ, đánh kiếm, lái máy bay, tranh luận trước công chúng, tham dự huấn luyện quân sự và thành lập một đội quân tư nhân với khoảng trên dưới bốn mươi thành viên, phần lớn là sinh viên trẻ và có ý thức hệ cực hữu.

Về mặt sáng tác, Mishima Yukio học hỏi phong cách và phương pháp viết của Âu Tây nhưng tin tưởng rằng có một nguyên lý Nhật Bản biểu hiện qua thần thoại và trật tự xã hội cổ truyền. Tín điều này làm phong phú sự nghiệp văn học nghệ thuật vốn rất đa dạng của ông (thi ca, luận thuyết, tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch hiện đại, tuồng Nô kiểu mới, tuồng Kabuki, nhiếp ảnh, đạo diễn và diễn xuất điện ảnh) nhưng tất cả cũng góp phần vào việc dẫn ông đến hành động quá khích và tự diệt.

Là người có lý tưởng tôn quân bảo hoàng, ông tôn sùng những sĩ quan trẻ mưu toan đảo chánh ngày 26/2/1936 (Chính Biến Niriroku) với mục đích trung hưng thế lực Hoàng gia, hòng đưa nước Nhật trở lại vị trí một quốc gia hùng cường. Theo gương họ nhưng chọn nhầm thời, ông đã cùng các bạn đồng chí hướng trong tổ chức Tate No Kai (Hội Cái Khiên) xâm nhập doanh trại của quân đội Nhật ở Ichigaya (Tokyo) trưa ngày 25/11/1970 kêu gọi binh lính ở đó hành động để gây áp lực trên dư luận nhằm sửa đổi hiến pháp cho phép Nhật Bản tái vũ trang. Giữa sự thờ ơ và chế nhạo của mọi người, ông đã mổ bụng tự sát.

Tác phẩm

Tuy có nhiều cách đánh giá một văn nghiệp, tác phẩm chính (dưới dạng trung hay trường biên) của Mishima có thể kể ra như sau:

- *Lời tự thú của mặt nạ* (Kamen no Kokuhaku, 1949)
- *Khát tình* (Ai no Kawaki, 1950)
- *Tình kiều cấm* (Kinjiki, 1951)
- *Tiếng sóng xao* (Shiosai, 1954)
- *Kim Các Tự* (Kinkakuji, 1956)
- *Sau bữa tiệc* (Utage no Ato, 1960)
- *Bể Phong Nhiêu* (Hôjô no Umi, khởi đăng từ 1965) gồm có 4 tập: *Tuyết mùa xuân* (Haru no Yuki, 1969), *Ngựa bon* (Honba, 1969); *Ngôi chùa trong bình minh* (Akatsuki no Tera, 1970) và *Người tiên bị đọa* (Tennin Gosui, 1970).

Phong cách trữ tình:

Lúc đầu, khi còn ở trên ghế nhà trường, ông làm thơ mới và haiku. Nhà thơ ông yêu thích, Tachihara Michizô (Lập Nguyên Đạo Tạo, 1914-39) đã ảnh hưởng đến phong cách trữ tình của thơ văn ông. Về văn xuôi, năm 1938, lúc mới có 13 tuổi, ông đã viết đoản thiên đầu tay *Một câu chuyện tọa thiền* (Zazen monogatari), tuy nhiên sử dụng bút hiệu Mishima lần đầu tiên với *Khu rừng kết hoa* (Hanazakari no mori) năm 16 tuổi (1941).

Biển cả và nắng ấm:

Sẵn tài thơ ca nên văn ông viết như thơ. *Khu rừng kết hoa* là một kho tàng về tu từ học vì đầy những ẩn dụ, so sánh và thể hiện phong cách văn học lãng mạn của ông về sau. Tác phẩm này đặt nặng vai trò của truyền thống trong lịch sử. Người kể chuyện trong đó (một lão già sống cô độc xa tổ quốc) có cảm tưởng tổ tiên lúc nào cũng hiện hữu bên cạnh ông ta tuy không can thiệp vào hành động của mình. Những vị tổ tiên này cùng chia sẻ với ông ta tình yêu đối với biển cả và một phương Nam đầy nắng ấm. Biển cả sẽ là trung tâm của tác phẩm Mishima, từ *Tiếng sóng xao*, *Lỡ chuyến tàu chiều* cho đến *Bể Phong Nhiêu*.

Kết nối Đông phương với Tây phương

Về các tác giả Tây phương, ông đặc biệt thích Oscar Wilde, sau đó đến các tác phẩm cổ điển Hi Lạp, rồi Raymond Radiguet, François Mauriac, Thomas Mann, Hofmanthal, Strindberg, Yeats và Baudelaire. Ông rất rành về cổ điển Nhật Bản. Khác với văn nhân đương thời vốn chủ trương đoạn tuyệt với văn chương thời Tiền Meiji, ông lại tìm nguồn cảm hứng từ các tác phẩm cổ điển ấy. *Tứ bộ tác* mà ông để lại như di chúc chịu ảnh hưởng các tác phẩm thời Heian (cuối thế kỷ thứ 8 đến giữa thế kỷ 12). *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga* (Shigadera shōnin no koi) cũng mượn bối cảnh thời này. *Trung thế* (Chuusei, 1945) nói về nỗi buồn mất con của Tướng quân Ashikaga Yoshimasa lồng trong không khí thời đại Muromachi (1333-1568). Những tác phẩm cổ điển như tập thần thoại *Cổ sự ký* (Kojiki), tập thơ *Cổ kim tập* (Kokin-shū), *Nhật ký của bà Izumi Shikibu*, tuồng Nô, *Diệp Ẩn* (Hagakure - tập sách về

giáo lý vũ sĩ đạo viết hồi thế kỷ thứ 18), truyện kinh dị thời Edo của Ueda Akinari... đều là nguồn cội của văn chương Mishima.

Bút danh Mishima do những người đỡ đầu (thầy học và nhà xuất bản) đặt cho khi họ họp với nhau trong một cái quán ở Mishima, một thành phố nghỉ mát vùng biển gần núi Fuji, để bàn về việc cho ra mắt một tác phẩm của ông khi còn là học sinh trung học. Mishima đã bắt đầu viết trong chiến tranh (1941) nên người viết văn học sử khó xếp ông hoàn toàn vào phái hậu chiến, nếu không nói phong cách văn chương ông còn là “phản hậu chiến” nữa. Nhưng đó cũng có thể là điểm son. Ông độc lập, không chạy theo thời cuộc, một phần cũng vì có sự tự tin ở tài nghệ của mình.

Ấm ảnh về cái chết:

Sau chiến tranh, ông cho ra mắt *Truyện ở đầu mũi đất* (Misaki nite no monogatari, 1945-1946) và tiểu thuyết dài *Bọn đạo tặc* (Tôzoku 1946-1948). Cái chết đã theo đuổi ông kể từ *Truyện ở đầu mũi đất* trong đó nhân vật xưng “tôi” hồi tưởng lại một lần chơi ú tim với hai người bạn nhỏ tình cờ gặp được vào năm anh mới 11 tuổi trên một bãi biển vùng Chiba. Hai người bạn ấy, một nam một nữ rất xinh đẹp, giữa cuộc chơi bỗng nhiên mất dạng sau một ghềnh đá. Nhân vật “tôi” chắc chắn là mình đã nghe những tiếng rú thảm thiết từ phía đó nhưng khi nhìn xuống dưới ghềnh thì chỉ thấy cát trắng chứ không có xác người. Từ đó cho đến tuổi trưởng thành, anh ta bị ám ảnh bởi việc mình đã chứng kiến hiện tượng lạ lùng ấy. Với *“Bọn đạo tặc”*, Mishima dù bước vào thời hậu chiến nhưng vẫn làm ngơ với thực tế hậu chiến. Đây là một cuốn tiểu thuyết dài

trình bày xã hội thượng lưu Nhật Bản của những năm 1930, cũng nói về ám ảnh muốn tự sát của một cặp vợ chồng quý tộc, cưới nhau sau khi mỗi bên đều đã trải qua một quan hệ đồng tính. Ông cho biết đã chịu ảnh hưởng của thiên tài yếu mệnh người pháp Raymond Radiguet (1903-1923) qua tác phẩm *Buổi dạ vũ của bá tước d'Orgel* (Le Bal du Comte d'Orgel), vốn đã được nhà thơ Nhật Horiguchi Daigaku (1892-1981) dịch sang tiếng Nhật. Tác phẩm này cũng bộc lộ ám ảnh về cái chết trong tâm trí Mishima mà ông xem là một hành động đẹp đẽ.

Lời tự thú của một nạ

Lời tự thú của mặt nạ (Kamen no kokuhaku) (1949), tập tự truyện (giả dối) của một tác giả mang mặt nạ xưng là “tôi”. Còn *Tình kiều cấm* (1951) “Tình kiều cấm” nói về thế giới những người kê-gian (*sodomite*) trong các quán rượu giữa Tokyo. Cả hai đều đề cập đến hiện tượng đồng tính luyến ái giữa nam giới (trong xã hội thời trung cổ, người ta gọi là “nam sắc” hay *danshoku*). Có lẽ Mishima là nhà văn Nhật thứ hai sau Ihara Saikaku (Tĩnh Nguyên, Tây Hạc, 1642-1693) thời Edo đã khai triển đề tài này một cách rõ ràng. Trong chương cuối của *Lời tự thú của mặt nạ*, người kể truyện tên Yuuichi (mang ít nhiều yếu tố có tính cách tự truyện của tác giả) nói đến một xung động không cưỡng nổi đã kéo mình ra khỏi ảnh hưởng của Sonoko, cô con gái anh ta tôn thờ, để hướng về phía “gã đàn ông thô lỗ mình mấy đêm mờ mờ”. Ở một đoạn khác, người ấy cho biết đã bị kích tình đến cực điểm (orgasm) lần đầu trong đời khi xem bức tranh *Thánh Sebastian tuần đạo* (với nét mặt u buồn nhưng hạnh phúc khi bị những mũi tên đâm đầy người) của Guido

Reni. Ta nhớ rằng lúc cuối đời, Mishima cũng làm mẫu cho người ta chụp ảnh trong tư thế của thánh Sébastien bị những mũi tên đâm như thế và đã chọn cái chết bằng mổ bụng, một cái chết rất đau đớn.

Kim Các tự

Kim Các tự (Kinkakuji, 1956) của Mishima cũng như Shinkuu Chitai tức “*Khoảng chân không*” của Noma Hiroshi (1915-1991) là hai quyển truyện nổi tiếng của hai nhà văn lớn cùng thời. Thế nhưng Kinkakuji đã đối chọi với Shinkuu Chitai về văn thể, phong cách lẫn đề tài.

Kim Các tự là một tiểu thuyết dài, lấy cảm hứng từ một sự thực: vụ phóng hỏa xảy ra năm Shôwa 25 (1950) thiêu hủy ngôi chùa vàng *Kim Các tự*. Chùa này vốn tên là Lộc Uyển Tự của phái thiền Rinzai (Lâm Tế) do Shôgun Ashikaga Yoshimichi (1358-1408) cho xây lên ở Kyoto. Tuy nhiên, truyện kể biến chuyển tâm lý đã đưa thủ phạm, chú tiểu có tật nói lắp Mizoguchi, đến việc đốt chùa và quy cho việc anh ta đã bị vẻ đẹp của ngôi chùa thu hút, làm mình không còn là mình nữa. Đối với anh ta, chỉ có việc phóng hỏa thiêu rụi ngôi chùa mới giúp anh sống lại một cuộc đời mới. Nội dung thiên về phân tích tâm lý. Văn thể trong sáng và tinh tế của Mishima trong *Kim Các tự* làm cho quyển truyện có một chỗ đứng độc lập đối với *Shinkuu Chitai* nhưng cả hai đều đáng gọi là tác phẩm tiêu biểu một thời của văn học hậu chiến.

Cho dù nó chỉ đến bất chợt trong đầu tôi nhưng cái ý nghĩ đốt chùa Kinkaku sao mà tôi cảm thấy nó vừa khít với tôi như một

bộ quần áo được thợ may đúng ni tắc. Làm như thế từ hồi mới sinh ra đời, tôi đã nuôi chí thực hiện chuyện đó rồi. Ít nhất là từ ngày đầu tiên đi theo cha đến ngắm chùa Kinkaku, ý tưởng đó thành hình dần dần để đợi ngày sinh hoa kết trái trong tôi. Kinkaku đã hiện ra trong cặp mắt trẻ thơ như một cái đẹp không thể nào tồn tại vĩnh viễn và điều đó là nguồn gốc của muôn ngàn lý do xui khiến tôi trở thành người phóng hỏa.

(Trích *Kim Các tự*, chương 8, NNT dịch)

Câu chuyện nói trên bắt đầu từ một sự kiện có thực nhưng ba mươi năm sau *Kim Các tự*, một nhà văn khác, Minakami Tsutomu đã viết cuốn truyện khác nhan đề *Kim Các tự trong biển lửa* thu thập rất nhiều tài liệu sống thực, đã đưa ra một cái nhìn khác hẳn với lối nhìn lãng mạn của Mishima.

Ưu quốc:

Không có một chữ tương đương trong Anh hoặc Pháp ngữ để dịch *Ưu quốc* (Yuukoku, 1961) “Ưu tư vận nước”, một truyện ngắn tiêu biểu của ông. Từ “Patriotism” mà Edward Seidensticker đã dùng trong bản tiếng Anh chỉ có thể dùng để dịch chữ Ái quốc. May thay, với vốn liếng Hán Việt ta có thể hiểu Ưu quốc theo một nghĩa năng động hơn là “lo lắng và hiến thân cho đất nước”. Như thế, ý nghĩa của Yuukoku trịnh trọng và u uẩn hơn là ái quốc. Tác phẩm này quan trọng trong sự nghiệp và cuộc đời Mishima vì nó kết tinh tư tưởng quốc gia cực đoan lãng mạn và cực kỳ nguy hiểm và đã dẫn đến hành động chiếm đóng doanh trại lực lượng quân đội phòng thủ của Nhật (Jieitai) và việc tự sát bằng mổ bụng của ông ngày

25/11/1970 cùng với các đồng chí trong Tate no Kai “Hội Cái Khiên”, một “đạo quân” vài chục người phần lớn là sinh viên. Ông đã làm rập khuôn như nhân vật trong truyện của ông, Trung úy Takeyama Shinji thuộc một đơn vị tên là Konoe sau khi cuộc nổi loạn của các bạn ông ta ngày 26/02/1936 bất thành. Chính biến này gọi là Ni.niroku (tức ngày 26/2) nhằm phục hồi lại uy quyền Thiên Hoàng và vinh quang Nhật Bản do một số sĩ quan trẻ gọi là “phái Hoàng đạo” (Kôdôha, chủ trương tôn quân) đề xướng. Nhóm người này đã tấn công các công thự và giết một số nhân vật trong chính quyền mà họ xem là “gian thần” trong ngày đầu nhưng đến ngày thứ tư, chính Thiên Hoàng Hirohito (1901-1989) đã ra lệnh bắt tất cả phái trở về doanh trại nếu không sẽ bị tiêu diệt. Với tội danh phiến loạn, các sĩ quan cầm đầu bị hành quyết giữa Tokyo và viên Trung úy Takeyama vì tình liên đới với những người đồng chí hướng đã mổ bụng chết theo sau một đêm ân ái tuyệt vời với người vợ mới cưới. Câu truyện tiểu thuyết hóa để tán dương tinh thần võ sĩ đạo của những quân nhân nổi loạn lồng khung trong một bối cảnh có đầy mỹ cảm và đam mê. Năm 1965, *Ưu quốc* đã được dựng thành một cuốn phim ngắn do Mishima sản xuất, đạo diễn, viết kịch bản.

Khát tình:

Khát tình (Ai no Kawaki, 1950)^[44] với bối cảnh vùng Osaka, kể chuyện một góa phụ, Etsuko, tình nhân của cha người chồng quá cố nhưng yêu thầm anh làm vườn trẻ tuổi Saburô. Cô mê Saburô nhưng khi anh ta biết và tìm đến để đáp lại thì cô lại cự tuyệt, hô hoán lên và giết anh ta. Đó là một thứ “tình yêu chỉ để cho mà

không chịu nhận” của “người đàn ông” nấp trong thân xác phụ nữ của Etsuko. Tác phẩm này có lẽ đã mô phỏng Thérèse Desqueyroux của nhà văn Pháp François Mauriac.

Các tác phẩm quan trọng khác, ngoài *Kim Các tự* tóm tắt ở trên, còn có: *Sau bữa tiệc* (Utage no ato) nói về đời tư của các chính trị gia, đã làm Mishima bị cựu Tổng trưởng Arita Hachirô (1884- 1965) đang là ứng cử viên chức thị Trưởng Tokyo đưa ra tòa vì tội xúc phạm đời tư (1960), *Tiếng sóng xao* (Shiosai, 1954) lấy cảm hứng từ tiểu thuyết cổ Hi Lạp nhan đề *Daphnis và Chloe*, lồng nó trong bối cảnh Nhật Bản bằng cách biến hai đứa bé chăn cừu thành hai đứa con làng chài Shiji và Hatsue, yêu nhau trong trắng và vượt qua nghịch cảnh, *Lỡ chuyến tàu chiều* (Gogo no eikô, 1963) nói về nỗi thất vọng của mấy gã trai trẻ không được người thuyền trưởng già cho ra khơi như đã hứa, đã quay lại giết con người sau khi đã dụ dỗ họ bằng những lời đẹp đẽ về biển cả mà lại bỏ rơi họ để trở về sống trên đất liền.

Bể phong nhiêu:

Tứ bộ tác *Bể phong nhiêu* (Hôjô no Umi), *Tuyết mùa xuân* (Haru no Yuki), *Ngựa bon* (Honba), *Ngôi chùa trong bình minh* (Akatsuki no Tera) và *Người tiên bị đọa* (Tennin gosui) được đăng từ tháng Chín năm 1965 cho đến lúc ông chết (1970) trên tạp chí Shinchô (Tân Trào). Nguồn cảm hứng chính của bốn tập truyện này là luân hồi chuyển sinh (*transmigration*) và mộng. Đó là cuộc hành trình của những nhân vật thuộc gia đình công tước Matsugae, một người có công mở nước thời Meiji qua nhiều kiếp không những trên đất

Nhật mà còn ở nhiều nơi trên thế giới như Ấn Độ, Thái Lan. Họ còn nhận được ra nhau nhờ cái dấu (ba nốt ruồi) còn in trên thân thể và tái diễn lại cái “nghiệp” của những kiếp trước.

Tuồng và kịch:

Ngoài những tác phẩm kể trên, Mishima còn viết và trình diễn các vở kịch *Tổ kiến trắng* (Shiraari, 1955, giải thưởng Kishida, theo tên nhà viết kịch Kishida Kunio), *Sân cung vua hải* (Raiô no terasu, 1965-69), *Nữ hầu tước de Sade* (Sado Kôshaku Fujin, 1966), *Hitler, bạn ta* (Wa ga tomo Hittora, 1968), các vở tuồng Nô theo lối hiện đại trong *Nôgaku-shuu* (Năng Nhạc Tập, 1956) tức *Tập tuồng Nô cận đại*. Về nghị luận, ông có *Mặt trời và thép* (Taiyô to Tetsu, 1968) bàn về mỹ học của thân xác, *Tìm hiểu Hagakure* (Hagakure nyuumon, 1967), một nghiên cứu về tư tưởng võ sĩ đạo của nhà quốc học thời Edo là Yamamoto Jôchô (Sơn Bản, Thường Triều, 1659-1719).

Di chúc văn học:

Trước khi tự mổ bụng theo nghi thức samurai ngày 25/11/1970, Mishima đã đem những trang cuối cùng của bản thảo *Người tiên bị đọa* (Tennin gosui), quyển cuối cùng của tứ bộ tác *Bể phong nhiêu* (Hôjô no Umi), tên một địa danh trên mặt trăng (*Sea of Fertility*, in từ 1965 đến 1971), giao cho nhà xuất bản.

Bản thân không theo đảng phái nào, không có hoạt động chính trị nhất quán và không có hệ thống có lý luận vững vàng, từ ngày

viết *Ưu quốc* (Yuukoku), hình như Mishima (có lúc ký tên Mishima là Mỹ Tử Ma, tức Kẻ Mê Cái Chết) không còn phân biệt tiểu thuyết và đời thường nữa.

Cái chết của Mishima thật ra gây ấn tượng cho người ngoại quốc hơn là cho người Nhật và từ đó, Tây phương không ngừng phân tích tâm lý ông, viện cớ một tuổi trẻ ốm yếu, một nền giáo dục gia đình quý tộc hà khắc, khuynh hướng đồng tính luyến ái để giải thích hành động bất thường của ông. Có lẽ vì quá yêu mến văn tài mà họ đã trở nên quá dễ dãi và dung thứ.

Mishima và Kawabata

Mishima có mối tình cảm thầy trò đặc biệt với Kawabata Yasunari, người đã giới thiệu tác phẩm *Thuốc lá* (Tabako) của ông trong tạp chí Ningen (*Con Người*) năm 1946 và đã tự sát bằng hơi ngạt hai năm sau ngày ông chết. Kawabata theo dõi văn nghiệp, làm chủ hôn cũng như chủ tang cho Mishima. Tính tình hai người hầu như đối lập, Kawabata kín đáo, điềm đạm trong khi Mishima sôi nổi, gây hấn. Học giả Donald Keene cho rằng tính nết của Mishima gần gũi với phong cách *masuoburi* (nam nhi) của Nhật Bản cổ xưa biểu hiện qua cái hùng tráng bạo tợn của những chiến sĩ thời Muromachi, khác với phong cách *taoayame* (nữ nhi) kín đáo và tinh tế như một thi nhân waka theo kiểu Kawabata. Chính vì thế mà Mishima xem *Nấp dưới lá* (Hagakure), một quyển kinh điển của người võ sĩ, như sách gối đầu giường, trong khi Kawabata tìm về cái đẹp cung đình của *Truyện Genji*.

Tuy nhiên, văn chương lãng mạn của họ có rất nhiều điểm chung. Do đó, nhiều nhà bình luận xếp họ vào cùng một khuynh hướng với Izumi Kyôka, Tanizaki Jun'ichirô và Satô Haruo. Những người này tượng trưng cho một khuynh hướng độc lập và có tính liên tục xuyên thời đại.

Mishima và Nhật Bản hậu chiến

Ngược với lập luận xem Mishima bám chặt những tư tưởng chính trị xã hội tiền chiến, nhà phê bình cánh tả Nishikawa cho rằng dù muốn dù không, Mishima vẫn là một sản phẩm của thời hậu chiến. Chính Mishima tự thú đã “ăn nằm với thời đại” qua tập văn nghị luận *Cuộc nghỉ hè của một tiểu thuyết gia* (Shôsetsuka no kyuuka, 1955). Trong một tác phẩm ít được biết tới nhan đề *Ngôi nhà của Kyôko* (Kyôko no ie, 1954-56), có đã động tới một nơi mà năm nhân vật “nuôi những vết thương của cảnh điêu tàn hậu chiến trong tim” và lui tới ngôi nhà vì đó là nơi họ dùng để “tiếp xúc với ý tưởng của thời đại”. Hơn nữa, nhiều nhân vật của Mishima là con người của thời đại: họ là giám đốc hãng buôn, sinh viên, võ sĩ quyền Anh, họa sĩ, diễn viên... (như thấy trong *Ngôi nhà của Kyôko* hay *Thời đại màu thiên thanh* (Ao no jidai, 1950)). Ngoài ra, ông lấy cả tài liệu viết truyện từ thời sự báo chí (*Kim Các tự, Khát Tình* chẳng hạn).

Mishima làm thơ, viết luận thuyết, viết văn, dịch tuồng Nô, làm phim, dựng kịch, ông là một người đa tài đa năng. Phải chăng vì tài năng của ông bị xem là chỉ làm nở ra những cái “hoa ác” cho nên dù được đề cử giải Nobel văn chương nhiều lần, tư tưởng cực đoan

của cá nhân ông đi ngược với tinh thần của Alfred Nobel đã là một cản trở không thể vượt nổi cho người muốn trao giải.

Theo tổng quan văn học sử Nhật Bản

Nguyễn Nam Trân *biên soạn*

Cập nhật 29 tháng Hai năm 2020

NIÊN BIỂU SÁNG TÁC CỦA MISHIMA YUKIO

- **1925:** Mishima ra đời trong khu Yotsuya, gần Shinjuku, trung tâm Tokyo. Tên thật là Hiraoka Kimitake. Con trai trưởng trong gia đình. Bố tên Azusa là một quan chức bộ Nông Lâm, mẹ là bà Shizue, xuất thân con gái nhà quyền quý. Thuở nhỏ ông hay đau yếu, được bà nội nuôi và nuôi dưỡng.
- **1931:** (6 tuổi) Học tiểu học ở Gakushuuin (Học Tập Viện, một trường dành cho con nhà gia thế). Tuổi thơ làm quen với truyện nhi đồng của Ogawa Mimei và Suzuki Miekichi.
- **1937:** (12 tuổi) Lên trung học ở Gakushuuin. Rời tay bà về ở với bố mẹ ở Shibuya. Đã bắt đầu làm thơ và tùy bút, được đăng trên báo nhà trường.
- **1938:** (13 tuổi) Truyện ngắn đầu tiên *Lá me chua* (Sukanbo) cũng trên báo nhà trường.
- **1940:** (15 tuổi) Viết truyện *Kính muôn màu* (Damie Garasu) và học làm thơ. Bắt đầu đọc các tác giả Radiguet, Wilde, Rilke và Tanizaki Jun'ichirô.
- **1941:** (16 tuổi) Được một vị thầy giới thiệu, cho đăng trên tạp chí Bungei Bunka (cơ quan của trường phái lãng mạn Nhật Bản) tác phẩm *Khu rừng kết hoa* (Hanazakari no mori).
- **1942:** (17 tuổi) Vào ban Cao trung trường Gakushuuin, chọn ngoại ngữ là tiếng Đức. Lúc này, yêu thích những vần thơ lãng mạn của Itô Shizuo (1906-53).

- **1944:** (19 tuổi) Vào học luật Đức ở phân khoa Luật Đại học Tokyo. In tập truyện ngắn đầu tiên (cũng nhan đề Hanazakari no mori). Viết *Thời trung cổ* (Chuuse), một chủ đề lịch sử.
- **1945:** (20 tuổi) Xin đăng lính nhưng bị quân y kiểm tra thấy sức khỏe kém bắt đi về. Xung vào đội dân công làm việc ở cơ xưởng của Hải quân vùng Yokohama. Viết *Truyện ở đầu mũi đất* (Misaki nite no monogatari). Em gái là Mizuko bị bệnh chết ở tuổi 17.
- **1946:** (21 tuổi) Viết lại *Thời trung cổ* (Chuuse) vì bản cũ đã bị hỏa tai thiêu rụi. Được Kawabata giới thiệu với tạp chí Con Người (Ningen) nên đăng đoản thiên *Thuốc lá* (Tabako) ở đây. Lần lượt các tác phẩm đã viết như *Truyện ở đầu mũi đất* và *Thời trung cổ* cũng được in trên các tạp chí Gunzô và Ningen.
- **1947:** (22 tuổi) *Bi kịch (Loạn luân) của Hoàng tử Karu và công chúa Sotôri* (Karu no miko to Sotôri hime) được đăng trên Gunzo, *Chuẩn bị cho đêm về* (Yoru no shitaku) trên Ningen. Tốt nghiệp cử nhân Luật và trúng tuyển kỳ thi công chức cao cấp Bộ Tài chánh, được giao phụ trách bộ phận kiểm soát ngân hàng. Lần lượt cho ra đời *Dì Haruko* (Haruko), *Kẻ âm mưu tự sát* (Jisatsu Kitosha), sẽ là một phần của *Bọn đạo tặc* (Tôzoku).
- **1948:** (23 tuổi) Tháng Giêng cho đăng *Gánh xiếc* (Sarukasu), tháng Ba đăng *Hồn bướm* (Chôchô), *Bắt đầu đoạn cuối một chuyện tình* (Koi no shuukyoku no monogata ri no hattan) (cũng là một phần của *Bọn đạo tặc* về sau), tháng Tư đăng *Cuộc họp mặt gia đình* (Kazoku awase) và *Tuần đạo* (Junshi), tháng Năm đăng *Đám cưới của pharaon Tutankhamen* (Tutankhamen no kekkonshiki), *Buổi dạ vũ của Bá tước*

d'Orgel (Dorugeru hasshaku no butôkai), và kịch bản *Hoa xương bồ* (Ayame), *Từ thiện* (Zizen), *Buôn bán châu ngọc* (Hôseki baibai) và *Một nhà nghệ thuật đi ngược thời đại* (Hanjidai tekina geijutsuka), *Những quý tộc sa sút* (Botsuraku suru kizokutachi)... Cùng tháng đó, từ chức công việc ở Bộ Tài chính để chuyên chú vào việc sáng tác. Tháng Mười, đăng *Người sống với cái đẹp* (Biteki seikatsusha), *Chiếc dù tây không có thực* (Fujitsu no yôsan), vở kịch *Kataku Ngôi nhà đang cháy*, *Cái đầu sơn dương* (Sanyô no kubi), *Sư tử cái* (Shishi)...

- **1949:** (24 tuổi) Cho ra mắt *Đại thần* (Daijijn), *Gánh nặng của tình yêu* (Koi no omoni), *Cách chữa một căn bệnh gọi là hạnh phúc* (Kôtuku to iu byôki no ryôhô), *Bàn về cách dùng thuốc độc cho xã hội* (Dokuyaku no shakaitekina tsukaikata ni tsuite), *Khi bọn ma quái đi ngang qua* (Magun no tsuuka), vở kịch *Âu lo trong tình yêu* (Ai no fuan). Tháng Ba đăng *Người hầu cận* (Jidô), tháng Tư đăng *Tranh tự họa của một người thích phản kháng và mạo hiểm* (Hankô to bôken: jigazô), vở kịch *Ngọn hải đăng* (Tôdai), xã luận văn học *Nhân bản về Radiguet và những người khác* (Radige sonota puchi puropo) cũng như *Truyện tối trăng mưa (của Ueda Akinari): tác phẩm cổ điển và tôi* (Ugetsu Monogatari ni tsuite: watashi to koten), tháng Mười đăng *Một gia đình chán mớ* (Taikutsu na kazoku), vở kịch *Thánh nữ* (Seijo), tháng Mười một đăng *Khi núi lửa nghỉ ngơi* (Kazan no kyuuka) và *Một cơ hội thân thiết* (Shinsetsuna kikai) và *Hiếu Kinh* (Kôkyô).
- **1950:** (25 tuổi) Tháng Giêng, đăng *Trái cây* (Kajitsu) trên tạp chí Shinchô và *Thái thượng hoàng Kazan* (Kazan-in) trên

Bungakukai, *Đêm thuần khiết* (Junpaku) trên Fujin Kôron. Tháng Hai trình diễn vở *Ngọn hải đăng* (Tôdai) ở kịch trường Haiyuuzo. Tháng Ba đăng *Chuyến đi tham quan với nhà trường* (Shuugaku Ryôkô) trên tuần san Asahi. Tháng Tư cho ra mắt *Bàn về Oscar Wilde* trên Kaizô Bungei. Tháng Sáu xuất bản *Ngọn hải đăng* (Tôdai), *Quái vật* (Kaibutsu) và tiểu thuyết trường thiên *Khát tình* (Ai no kawaki). Tháng Bảy, bắt đầu cho đăng *Thời đại màu thiên thanh* (Ao no jidai) trên Shinchô và *Một ngày Chủ nhật* (Nichiyôbi) trên Chuûô Kôron. Tháng Tám cho in *Chuyến du ngoạn* (Enjôkai) và *Cô đơn trong phòng khuê* (Kokei monmon). Cùng tháng đó, dọn về sống trong khu Meguro (cũng thuộc Tokyo). Tháng Mười cho đăng kịch Nô hiện đại mang tên *Hàm Đan* (Kantan), tháng Mười hai ra mắt *Chó cái* (Mesu no inu).

- **1951:** (26 tuổi): Tháng Giêng ra mắt *Tòa án gia đình* (Katei saipan), *Những người đàn bà có chí lớn* (Joryuu risshi) và đăng nhiều kỳ truyện dài *Tình kiều cảm* (Kinjiki) trên tạp chí Gunzô cũng như vở Nô kiều mới *Cái trống gấm* (Aya no tsutsumi) trên Chuûô Kôron. Tháng Ba lần lượt đăng *Những cặp chị em vĩ đại* (Idai na shimai), *Cái ghế* (Isu) và *Người thợ khéo ở Hakone* (Hakone saiku). Tháng Tư cho đăng *Đảo của sự chết* (Shi no shima) và in *Thánh nữ* (Seijo). Tháng Năm đăng *Đôi cánh* (Tsubasa), tháng Sáu đăng *Đi săn và con mồi* (Kari to emono), tháng Tám đăng truyện dài *Cuộc mạo hiểm của Natsuko* (Natsuko no boken). Cùng lúc, *Đêm thuần khiết* được đưa hăng phim Shôchiku đưa lên màn bạc. Tháng Chín đăng *Tanizaki Junichirô*, nhan đề một luận thuyết về nhà văn này. Tháng Mười, đăng *Món đồ mang theo người* (Keitaiyô). Tháng

Mười một, nhà xuất bản Shinchô in tập đầu của *Tình kiều cãm*, tháng Mười hai thì *Cuộc mạo hiểm của Natsuko* cũng được nhật báo Asahi in thành sách. Cùng trong tháng này, đăng *Cây tùng ở ly cung* (Rikyuu no matsu). Với tư cách đặc phái viên Nhật báo Asahi, Mishima bắt đầu làm một chuyến du hành thế giới.

- **1952:** (27 tuổi) Tháng Giêng, đăng vở Nô cận đại *Tháp bia mộ của Komachi* (Sotoba Komachi) trên tạp chí Gunzô và *Lắp ráp ô chữ* (Crosswords puzzle) trên tạp chí Bungei Shunjuu cũng như *Con người lịch sử* (Shinshi), một vở kịch không lời, trên chuyên san kịch nghệ Engeki. Cùng tháng đó đến Bắc Mỹ. Tháng Hai, cho đăng vở kịch *Không có gì cao hơn nó* (Tada hodo takai mono wa nai) trên Shinchô. Cho diễn hai vở Nô cận đại *Tháp bia mộ của Komachi* và *Cái trống gấm*. Cùng lúc đó, đặt chân đến Paris sau khi đã ghé Brazil. Ở đây, viết *Hoa hướng dương ban đêm* (Yoru no himawari). Tháng Tư, cho đăng *Nhật ký nước Mỹ* (Amerika nikki) trên Gunzô. Về nước vào tháng Năm sau khi đã ghé Anh, Hy Lạp và Ý. Tháng này, cho đăng các bài báo *Ký sự về Rio de Janiero*, *Đường chim bồ câu ở Sao Paulo*. Tháng Bảy cho ra mắt *Tự sự về chuyến đi miền đông nước Mỹ* (Tôbei Kikô) và tường thuật các chuyến đi Hy Lạp và La Mã. Tháng Chín, *Khát tình* và *Lời thú thực của mặt nạ* được cơ sở xuất bản Chikuma phát hành. Tháng Mười, cho đăng *Chết giữa mùa hè* (Manatsu no shi) trên Shinchô. Tháng Mười một đăng *Mác đồ Nhật* (Nipponsei) nhiều kỳ trên báo Asahi.
- **1953:** (28 tuổi) Tháng Sáu cho đăng *Trứng* (Tamago), *Mộ bia của những chuyến đi* (Ryôkô no bohimei), *Dừng xe đột ngột*

(Kyuuteisha) và bài bình luận *Jean Cocteau và điện ảnh* (Jan Kokutô to eiga). Cho diễn vở kịch *Hoa hướng dương ban đêm* với nữ diễn viên Nagaoka Teruko ở Osaka và Kyoto. Tháng Bảy, ra mắt *Những người đàn bà bất mãn* (Fuman na onnatachi) và một xã thuyết về nhà thơ Itô Shizuo. Vào lúc này, nhà xuất bản Shinchô in một toàn tập sáu quyển gồm các tác phẩm ông đã viết đến thời điểm đó. Tháng Tám, đăng một bài bình luận về Jean Genet và *Thủ phủ của tình yêu* (Koi no Miyako). Tháng Chín, đăng *Pháo hoa* (Hanabi) trên tờ Kaizô, *Cái chết của Radiguet* (Radige no shi) trên Chunô Kôron cũng như một xã thuyết nhan đề *Đạo đức và cô độc* (Dôtoku to kodoku) trên Bungakukai. *Mác đồ Nhật* được dựng phim với đạo diễn Shima Kôji.

- **1954:** (29 tuổi). Tháng Giêng, cho đăng vở Nô cận đại *Nàng Aoi* (Aoi) trên tạp chí Shinchô và xã luận *Bàn về lối hành văn hạ cấp* (Hizoku na buntai ni tsuite) trên Gunzô. Tháng Sáu, đăng vở kịch *Hỡi người trẻ tuổi, hãy hồi sinh!* Wakahito yo, yomigaere) và *Cuộc triển lãm* (Hakurankai). Tiểu thuyết trường thiên *Tiếng sóng xao* (Shiosai) được nhà xuất bản Shinchô in thành sách. Tháng Bảy cho đăng *Căn phòng bị khóa* (Kagi kakaru heya), *Phục thù* (Fukushuu). Tháng Tám đăng *Nàng tiên tan biến* (Toketa tenjo), *Nữ thần* (Megami) và *Gã thiếu niên làm thơ* (Shi wo kaku shônen). Tháng Mười, cho đăng trên Bungei Shunjuu *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga* (Shigadera shônin no koi). Cùng lúc, *Tiếng sóng xao* được hãng Tôhô dựng thành phim. Tháng Mười một, đăng *Tiếng nước* (Mizuoto), *Cứu tôi với* (SOS) và dựng một vở Kabuki với đoàn kịch Kichimon. Tháng Mười hai, đăng *Bàn về Akutagawa*

(Akutagawa ni tsuite) trên tờ Bungei. Đoạt giải văn chương Shinchô phát lần thứ nhất nhờ sự thành công của *Tiếng sóng xao*.

- **1955:** (30 tuổi). Tháng Giêng đăng *Biển và hoàng hôn* (Umi to yuuyake) trên tạp chí Gunzô và *Ngọn thác bị chìm* (Shizumeru taki) trên Chuûô Kôron, vở Nô cận đại *Nàng Ban* (Hanjô) trên Shinchô. Tháng Hai có diễn vở Kabuki nhan đề *Nàng Yuya* (Yuya) và đăng *Tờ nhật báo* (Shimbunshi) trên Bungei. Tháng Tư cho đăng *Con buôn* (Akindo), *Quý núi* (Yama no oni). Tháng Bảy đăng các luận thuyết *Eros có cần cho văn nghệ không?* (Bungei ni Erosu hitsuyô ka?), *Vai trò của sự hư không - Vai trò của thanh niên* (Kuuhaku no yakuwari - Seinen no yakuwari) và đăng liên tục *Con tàu tên Hạnh phúc ra khơi* (Kôfukugô shuppan) trên Nhật báo Yomiuri đến tháng Mười một. Tháng Bảy cho đăng *Hoa mẫu đơn* (Botan) trên Bungei. Nhà xuất bản Shinchô in và phát hành *Cái chết của Radiguet* (Radige no shi). Tháng Tám, ông bắt đầu chuyên chú luyện tập thể hình. Tháng Chín, cho đăng vở kịch *Tổ kiến trắng* (Shiraari no su) trên tạp chí Bungei. Tháng Mười, kịch trường Haiyuuzo dựng lại vở kịch ấy trên sân khấu. Tháng Mười một, nhà xuất bản Kôdansha phát hành *Cuộc nghỉ hè của một tiểu thuyết gia* (Shôsetsuka no kyuuka), ban kịch Kabukiza trình diễn vở *Truyện thực chép về Fuyuu no Tsuyu Ôuchi* (Fuyuu no tsuyu Ôuchi jikki). Được biết vở này được phỏng theo tác phẩm *Dì ghê Phèdre* (Phèdre) của Jean Racine (Pháp). Tháng Mười hai, cho diễn vở Nô cận đại *Cái trống gấm*. Cùng lúc, vở *Tổ kiến trắng* đoạt giải kịch nghệ Kishida, một giải thưởng vinh danh kịch sĩ kiêm đạo diễn Kishida Kunio (1890-1954).

- **1956:** (31 tuổi). Từ tháng Giêng đến tháng Mười, đăng tải liên tục *Kim Các tự* (Kinkakuji) trên tạp chí Shinchô. Cũng cho đăng *Một mùa xuân quá dài* (Nagasugita haru) cho đến tháng Mười hai trên Fujin Kurabu. Tháng Ba đăng *Tuổi 19* (Juukyuusai) trên Bungei, tháng Bảy đăng *Chòm sao bàn chân* (Ashi no seiza) trên Ô-ru Yomimono, tháng Chín đăng xã luận *Liệu rùa có đuổi kịp thỏ? Những vấn đề của các nước chậm tiến* (Kame wa usagi ni oitsuku ka? Koshinkoku no shômondai) trên Chuûô Kôron. Tháng Chín, đăng *Con thuyền bố thí ngựa quý* (Segaki no fune) trên Gunzô. Tháng Mười một đăng *Bàn về cảm giác say sưa* (Tôsui ni tsuite) trên Shinchô. Lúc này, ban kịch Bungakuza đang diễn vở kịch *Tòa nhà Lộc Minh Quán* (Rokumeikan) của ông ở Tokyo, còn văn bản đã được đăng trên tạp chí Bungakukai. Tháng Mười hai đăng đoạn thiên *Đi hết bảy cây cầu* (Hashizukushi) trên Bungei Shunjuu. Trong năm này *Tiếng sóng xao* được dịch qua Anh ngữ và phát hành.
- **1957:** (32 tuổi) Tháng Giêng, ra mắt *Onnagata* trên tờ Sekai và vở Nô cận đại *Đạo Thành Tự* (Dôjôji) trên tờ Shinchô. Tiểu thuyết *Kim Các Tự* được trao Giải văn học lần thứ 8 của báo Yomiuri. Tháng Ba đăng liên tục đến tháng Sáu *Khi đạo đức sa chân* (Bitoku no yoromeki) trên Gunzô. Tháng Sáu cho đến tháng Tám đăng bài nghiên cứu *Liệu tiểu thuyết hiện đại đã có được tác phẩm sáng giá nào chưa?* (Gendai shôsetsu wa koten tariuruka?) Tháng Bảy, đăng vở kịch *Hoa đỗ quỳên ban mai* (Asa no tsutsuji) trên tạp chí Bungakukai. Vở kịch này sẽ được nhóm kịch Shinsei Shimpa trình diễn ở rạp Shimbashi vào tháng sau. Được nhà xuất bản Knopp mời sang Mỹ. Tháng Tám, đăng truyện ngắn *Bạn Takaakira* (Takaakira). Tháng Chín

nói chuyện ở Đại học Chicago về “Hiện trạng văn đàn Nhật Bản, ảnh hưởng đến từ Tây phương” và đăng nguyên văn bài ấy trên tờ Shinchô. Sau khi rời Mỹ, đi các đảo Tây Ấn, Mexico và miền Mam nước Mỹ. *Khi đạo đức sa chân* được hãng Nikkatsu dựng thành phim. Tháng Mười một và Mười hai, toàn tập 19 quyển tác phẩm của ông được nhà Shinchô thu thập và xuất bản. Cùng năm, *Tuyển tập Nô cận đại* (Kindai Nôgakushuu) được dịch sang tiếng Anh (Nxb Knopp phát hành).

- **1958:** (33 tuổi) Tháng Giêng, về nước sau khi ghé Tây Ban Nha và Ý. Tháng Ba đăng *Quyển sách bằng tranh về một chuyến đi* (Tabi no ehon) trên Shinchô và *Bàn về chết chung vì tình* (Shinjuuron) trên tạp chí phụ nữ Fujin Kôron. Tháng Tư cho đăng *Nhật ký* (Nikki), tháng Năm đăng vở kịch *Hoa hồng và cướp biển* (Bara to kaizoku). *Kim Các tự* lại được nhóm kịch Shimpa trình diễn ở rạp Shimbashi (Tokyo). Tháng Sáu, cưới cô sinh viên ban Anh văn Sugiyama Yôko - con gái nhà danh họa Sugiyama Yasushi - qua sự mai mối của Kawabata Yasunari. Tháng Bảy, công bố *Bài giảng về giáo dục vô đạo đức* (Fudotoku kyôiku no kôza). Vở Nô cận đại *Hàm Đan* được diễn ở Hawaii. Tháng Mười, *Ngôi nhà của Kyôko* được Kôdansha xuất bản. Các vở Nô cận đại lại được đem đi lưu diễn ở Hamburg và 24 tỉnh thành Đức. Trong tháng Mười hai, xuất hiện bản dịch sang Anh văn của *Lời tự thú của mặt nạ* và *Hoa hướng dương ban đêm*.
- **1959:** (34 tuổi) Tháng Giêng đăng *Tập đọc văn* (Bunshô Tokuhon) trên Fujin Kôron. Các vở Nô hiện đại của ông được diễn ở San Francisco. Ông bắt đầu tập đánh kiếm (Kendô).

Tháng Năm, đăng tập tự truyện *Chân dung tự họa năm 18 và 34 tuổi* (Juuhachi to sanjuuyonsai no shôzôga). Dọn về ngôi nhà mới trong khu Umagome (Tokyo), con gái lớn là Nagako ra đời. Tháng Mười đăng vở kịch *Đàn bà không thể bị chiếm đoạt* (Onna wa senryô sarenai) trên tờ Koe. Tháng Mười một, cho đăng *Cái bóng* (Kage) rồi *Khỏa thân và áo quần* (Katai to ishô). Trong năm này, *Kim Các tự* và *Tập Nô cận đại* được dịch ra tiếng Tây Ban Nha từ Anh văn (do Nxb Knopp).

- **1960:** (35 tuổi). Tháng Giêng, đăng vở kịch *Cây nhiệt đới* (Nettaijuu) trên tạp chí Koe. Cho đến tháng Mười, đăng nhiều kỳ trên tạp chí Chuûô Kôron truyện dài *Sau bữa tiệc* (Utage no ato). Tháng Ba, đóng vai chính trong *Kẻ rỗng tuếch* (Karappô Yarô), một phim của hãng Daiei. Từ tháng Ba đến tháng Mười một, các vở Nô cận đại được diễn ở Mexico City (Mexico), Kerang (Úc) và Newport, New York (Mỹ). Tháng Bảy, vở Nô cận đại *Chú tiểu mù* (Yorobôshi) được đăng trên Koe. Tháng Chín đăng *Cái phích nước triệu Yen* (Hyakumanen no terumosu) trên Shinchô. Tháng Mười một đăng *Ngôi sao* (Sutaa) trên Gunzô. Bắt đầu chuyến du hành vòng quanh thế giới với vợ mình (đến tháng Giêng năm sau). Tháng Mười hai, đăng *Ưu quốc* (Yuukoku) trên chuyên san Shôsetsu Chuûô Kôron.
- **1961:** (36 tuổi) Tháng Giêng, vở kịch *Cây nhiệt đới* được nhóm kịch Bungakuza trình diễn. Tháng Hai, các vở Nô cận đại của ông được diễn ở New York suốt 50 hôm. Tháng Ba, có vấn đề pháp lý với tác phẩm *Sau bữa tiệc* vì chính trị gia Arita Hachirô (1884-1965) - ứng cử viên Thị trưởng Tokyo lúc đó - đã đưa ông ra tòa với tội danh “dùng tin tức cá nhân để viết tiểu thuyết có

tính phỉ báng”. Tháng Tư, đăng *Thi tuyển Tân Cổ Kim Tập* hay *Mỹ học về những sự vật không tồn tại* (Shin Kokinshuu: Sonzaishinai mono no bigaku) và *Những gì đi ngược với cái Đẹp* (Bi ni sakarau mono). Tháng Sáu đến tháng Chín, đăng *Trò chơi của bầy thú* (Kedamono no tawamure) trên Shuukan Shinchô. Tháng Bảy đăng *Ma quỷ: cấu trúc về thời hiện đại* (Ma: gendai jôkyô no shôchôteki kôzu) và *Venise mùa đông: Du lịch thế giới* (Fuyu no Benisu: sekai no tabi). Tháng Chín, đăng *Quả dâu tây* (Ichigo). Tháng Mười, sang Mỹ, ở lại San Francisco độ nửa tháng và tham dự hội thảo về Nhật Bản... Tháng Mười một, nhóm kịch Bungakuza diễn vở *Hoa cúc ngày thứ 10* (Tôka no kiku). Tháng Mười hai, *Chết giữa mùa hè* và *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga* được dịch sang tiếng Anh, *Kim Các tự* được dịch sang tiếng Pháp và Đức, *Tiếng sóng xao* được dịch sang tiếng Ý.

- **1962:** (37 tuổi) Tháng Giêng, đăng *Hoa cài trên nón* (Bôshi no hana) trên tạp chí Gunzô, *Cái bình thủy* (Mahôbin) trên Bungei Shunjuu, truyện dài *Ngôi sao xinh đẹp* (Utsukushii Hoshi) liên tục đến tháng Mười một trên Shinchô. *Tình yêu chạy hụt hơi* (Ai no shisso) liên tục đến tháng Mười hai trên Fujin Kurabu. Tháng Hai, vở *Hoa cúc ngày thứ 10* nhận giải kịch nghệ Nhật báo Yomiuri lần thứ 13. Tháng Ba, đăng vở Nô cận đại *Cúng dường chàng Genji* (Genji Kuyô) trên Bungei. Tháng Tư *Con kỳ nhông đen* (Kuroi tokage) được bà Yoshida Fumiko chuyển thành kịch bản và cho trình diễn. Tháng Tư, vở kịch *Ba màu cơ bản* (Sangenshoku) được trình diễn. Tháng Năm, đến lượt vở Nô cận đại *Cái trống gấm* được đưa lên sân khấu. Con trai cả là I.ichirô (Uy nhất lang) ra đời. Tháng Tám, đăng *Trăng* (Tsuki)

trên tờ Sekai. Tháng Mười cho đăng hai xã luận về văn học là *Bàn về Tanizaki Jun.ichirô* (Tanizaki Jun.ichirô-ron) và *Viết tiểu thuyết như viết lịch sử hiện đại* (Gendaishi to shite no shôsetsu). Tháng Mười một, vở *Tòa nhà Rokumeikan* được nhóm kịch Shimpa đưa lên sân khấu. Tháng Mười hai biên tập *Quyển tập đọc văn Kawabata Yasunari* (Bungei Tokuhon: Kawabata Yasunari). Cùng trong năm này, *Tiếng sóng xao* được dịch sang tiếng Đức, *Lời tự thú của mặt nạ* được dịch sang tiếng Tây Ban Nha, *Kim Các tự* và *Tiếng sóng xao* được dịch sang tiếng Thụy Điển, *Kim Các tự* được dịch sang tiếng Ý.

- **1963:** (38 tuổi) Tháng Giêng, đăng *Bánh nho* (Budôpan) trên tờ Sekai, *Ngọc trai* (Shinjuu) trên Bungei, *Xe hơi* (Jidosha) trên Ô-ru Yomimono và đăng nhiều kỳ (đến tháng Mười hai) trường biên *Trường học của thân xác* (Nikutai no Gakkô) trên tạp chí Madomouzeru (Mademoiselle) cũng như *Thời lang bạt của tôi* (Watashi no henreki jidai) cho đến tháng Năm trên nhật báo Tokyo Shimbun. Tháng Hai đăng *Bàn về Hayashi Fusao* (1903-1975) trên Shinchô và *Ông bố đáng thương* (Kawaisôna Papa) trên Shôsetsu Shinchô. Đóng vai người mẫu trong bộ ảnh *Hình phạt hoa hồng* (Barakei) của nhiếp ảnh gia Hosokawa Hidekimi. Tháng Sáu, dịch vở nhạc kịch *La Tosca* của Ý chung với Andô Shinya và đưa lên sân khấu. Tháng Bảy, viết xong vở Opera *Cô Minoko* (Minoko). Tháng Tám, đăng *Bồn phun nước giữa con mưa* (Ame no naka no funsui) trên Shinchô, *Tấm vé* (Kippu) trên Chunô Kôron và *Vài ý kiến về nghệ thuật* (Geijutsu dansô) nhiều kỳ trên Geijutsu Shinchô. Tháng Chín, tiểu thuyết trường thiên *Lỡ chuyến tàu chiều* (Gogo no eikô) được Kôdansha xuất bản. Tháng Mười, đăng *Lưỡi kiếm* (Ken)

trên Shinchô và *Phương pháp sáng tác của tôi* - *Mấy vấn đề về phương pháp sáng tác* (Waga sôsakû hôhō - Sôsakû hôhō no mondai) trên Bungaku. vở kịch *Tiếng đàn vui* (Yorokobi no koto) viết cho đoàn kịch Bungakuza bị nội bộ họ phản đối không chịu diễn nên ông rút ra không hợp tác. Cũng trong năm này *Sau bữa tiệc* được dịch sang tiếng Anh, *Tập tồng Nô cận đại* được dịch sang tiếng Thụy Điển, *Kim Các tự* được dịch sang tiếng Na Uy và *Lời chào của chiếc tàu* (Fune no aisatsu) được dịch sang tiếng Tiệp.

- **1964:** (39 tuổi) Tháng Giêng, đăng *Lựa và thăm định* (Kinu to meisatsu) đến tháng Mười trên Gunzô và *Âm nhạc* (Ongaku) trên Fujin Kôron (đến tháng Mười hai). Cho đăng vở kịch *Tiếng đàn vui* (Yorokobi no koto) trên Bungei. Tháng Năm, đăng *Mỉm cười* (Hohoemi) vốn dịch từ thơ của James Merryl cũng trên Bungei. Từ hạ tuần tháng Sáu lại sang New York. Tháng Tám, trình làng *Đường về Kumano* (Kumanoji). Tháng Chín, nhà Tôgensha xuất bản *Con thuyền tên Hạnh phúc ra khơi* (Kôfuku go shuppan). Thua trong vụ tranh tụng về cuốn *Sau bữa tiệc* tại tòa án Tokyo. Tháng Mười đăng vở kịch *Mất bóng thuyền tình* (Koi no hokage) trên Bungakukai và đăng *Kháng nghị về phán quyết của Sau bữa tiệc: Không chỉ là vấn đề của riêng tôi* (Watashi dake no mondai dewa nai: Utage no ato no hanketsu wo kôgi suru) trên tuần san Asahi. *Lựa và thăm định* được Giải văn nghệ của báo Mainichi lần thứ 6. Tháng Mười hai, nhà Shuueisha xuất bản *Giới tính thứ nhất: những nghiên cứu về nam tính* (Daiichisei: Dansei kenkyû kôza). Trong năm này *Lời tự thú của mặt nạ* được dịch sang tiếng Ý, *Sau bữa tiệc*

và *Tập tồng Nô cận đại* được dịch sang tiếng Đan Mạch, *Lỡ chuyến tàu chiều* được dịch sang tiếng Na Uy.

- **1965:** (40 tuổi) Tháng Giêng, đăng *Chuyện lạ ở trang viên Gekkan* (Gekkansô kitan) trên Bungei Shunjuu, *Hành hương vùng Tam Sơn* (Mi Kumano Môde) trên Shinchô, *Ba hướng đi của văn học* (Bungaku no mitsu hôkô) trên Tembô. Tháng Hai đăng *Chim công* (Kuujaku) trên Bungakukai. Tháng Ba được mời sang London và ở lại đó một tháng. Tháng Tư đăng trên tờ Hihyô vở kịch thần bí *Thánh Sebastian tuần đạo* (Sei Sebasuchan no junshi) vốn dịch chung với Ikeda Kôtarô từ nguyên tác của Gabriele d'Annunzio. Dựng phim *Ưu quốc* do tác giả đạo diễn và thủ vai chính, tác phẩm dự thi liên hoan phim ngắn ở Tours (Pháp), được giải nhì. Tháng Năm, cho trình diễn hai vở Nô cận đại *Chú tiểu mù* và *Nàng Ban* ở Shinjuku (Tokyo). Tháng Sáu đăng *Buổi sáng của tình yêu trong trắng* (Asa no jun.ai) trên tờ Nihon. Tháng Tám, đăng *Đôi mắt: vài ý kiến về nghệ thuật* (Me: aru geijutsu dansô). Tháng Chín cho đăng liên tục trên Shinchô *Tuyết mùa xuân* (Haru no Yuki), quyển đầu trong tứ bộ tác *Bể Phong Nhiêu* (Hôjô no umi). Tháng mười một, cùng phu nhân Yôko đi thăm Mỹ, Âu châu và Đông Nam Á nhằm thu thập nguồn tài liệu để sáng tác. Cùng lúc vở kịch *Nữ hầu tước de Sade* (Sado kôshaku fujin) được đăng trên Bungei và *Mặt trời và thép* (Taiyô to tetsu) trên Hihyô. Trong năm này, nhà xuất bản Knopp đã cho in *Lỡ chuyến tàu chiều* bản tiếng Anh. Ngoài ra, trong năm đó còn thấy sự xuất hiện của *Sau bữa tiệc* bản dịch tiếng Pháp do nhà Gallimard xuất bản, *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga* bằng tiếng Đức, *Kim Các tự* bằng tiếng Đan Mạch.

- **1966:** (41 tuổi) Tháng Một đăng *Đồng bọn* (Nakama) trên tạp chí Bungei, *Người đàn ông phức tạp* (Fukuzatsu na kare) trên Josei Seibun. *Nữ hầu tước de Sade* được Giải thưởng về bộ môn kịch của Bộ Giáo Dục lần thứ 20. Tháng Hai, đăng *Một nghệ sĩ nguy hiểm* (Kikenna geijutsuka) trên Bungakukai, *Mỹ học về sự kết thúc* (Owari no bigaku) nhiều kỳ trên tờ Josei Jishin. Tháng Ba đăng *Đại học chống các cô đồng trinh* (Hanteijo Daigaku) trên Shinchô và *Chủ nghĩa quốc gia kiểu ăn nhanh* (Ochazuke nashionarizumu) trên Bungei Shunjuu. Tháng Sáu đăng *Tiếng nói của những hồn thiêng* (Eirei no koe) trên Bungei. Từ tháng Chín, đăng nhiều kỳ *Lớp dạy viết thư của Mishima* (Mishima no letta kyôshitsu) trên tờ báo phụ nữ Josei Jishin và *Bộ đồ dạ hội* (Yakaifuku) trên tạp chí Moadomoazeru. Tháng Mười, đăng *Từ nơi hoang dã* (Kôya yori) trên Gunzô. Tháng Mười một, đi đến hòa giải với gia đình Arita trong vụ án về cuốn *Sau bữa tiệc*. Cùng lúc, vở kịch *Đêm Á Rập (Nghìn lẻ một đêm - Arabian naito)* được diễn trên sân khấu Nissei với diễn viên trẻ Kitaôji Kin.ya. Tháng Mười hai đăng phần thứ tư cũng là phần chót của *Mặt trời và thép* trên tờ Hihyô và *Bàn về thơ Itô Shizuo* (Itô Shizuo no shi) trên Shinchô. Trong năm này *Chết giữa mùa hè và các truyện ngắn khác* được Nhà xuất bản New Direction cho in bằng tiếng Anh.
- **1967:** (42 tuổi) Tháng Giêng, đăng *Đêm Á Rập* trên mặt báo Bungakukai và *Cái đồng hồ* trên Bungei Shunjuu. Từ tháng Hai đăng liên tục *Ngựa bon* (Honba) tức phần hai của tứ bộ tác *Bế phong nhiều* trên Shinchô và *Hình ảnh người thanh niên* (Seinenzô) trên Geijutsu Shinchô. Tháng Tư, theo khóa huấn luyện quân sự ở nhiều đơn vị thuộc Lực lượng tự vệ Nhật Bản

(Jieitai) trong một tháng rưỡi, viết và đăng trên Sande Mainichi *Kinh nghiệm huấn luyện với Iteitai* vào tháng Sáu. Đến tháng Bảy, cho in *Những khuôn mặt nghệ thuật* (Geijutsu no kao) rồi *Tìm hiểu sơ khởi về tác phẩm Hagakure* (Hagakure nyuumon) và *Bộ đồ dạ hội* vào tháng Chín. Được chính phủ Ấn Độ mời sang tham quan độ một tháng rưỡi. Cùng đi với phu nhân Yôko, khi về còn ghé Lào, Thái Lan. Tháng Mười, cho đăng vở kịch *Sự tiêu vong của gia đình Suzaku* (Suzakuke no metsubô). Tháng Mười một, nhà xuất bản Chikuma ghép các truyện ngắn của Mishima, Tanizaki và Kawabata vào chung một tuyển tập. Hai vở *Nàng Yuya*, *Nàng Aoi* của ông lại được diễn trên sân khấu Art Theater ở Shinjuku (Tokyo). Tháng Mười hai, một toàn tập với các tác phẩm tiểu thuyết trường thiên của Mishima được nhà Shinchô thu thập và xuất bản. Cũng trong năm này, bản tiếng Anh của *Nữ hầu tước de Sade* (nhà xuất bản Goble Press) và bản tiếng Tiệp của *Mối tình của vị cao tăng chùa Shiga* đã được ra mắt.

- **1968:** (43 tuổi) Tháng Giêng đăng *Trung úy Maruya tự vẫn* (Maruya ni.i no jinin) trên nhật báo Sankei. Tháng Ba, đưa 20 đồng chí trẻ đến doanh trại lục quân của Jieitai để thụ huấn quân sự. Tháng Tư, nhà xuất bản Knopp phát hành bản dịch tiếng Anh của *Tình kiều cấm*. Lại cho diễn *Con kỳ nhông đen* ở rạp kịch Tôyoko với nghệ sĩ chuyên giới Maruyama Akihiro. Tháng Năm, ký lục về cuộc tọa đàm trao đổi về chủ đề “Con người và văn học” (Ningen to bungaku) với nhà phê bình Nakamura Mitsuo được in thành sách. Tháng Sáu đăng *Quốc phòng bằng văn hóa* (Bunka bôeiron) trên Chunô Kôron. Các bạn của Mishima soạn *Tuyển tập về văn học đời phế*

(Decadensu Tokushuu). Tháng Bảy, nhà xuất bản Gallimard in *Lỡ chuyến tàu chiều* bản tiếng Pháp. Lại đưa 30 thành viên của nhóm bán quân sự của mình đi học quân sự. Tháng Tám, đối thoại với nhà văn Ishikawa Jun (1899-1987) trên báo Bungakukai và bắt đầu cho in nhiều kỳ *Ngôi chùa trong bình minh* (Aakatsuki no tera) tức quyển ba của tứ bộ tác *Bể phong nhiều* trên mặt báo Shinchô. Trở thành một nhân viên điều hành Hội nghị các nhà văn hóa Nhật Bản. Tháng Chín, thành lập Tate no kai (Hội Cái Khiên) chủ yếu với các đồng chí đã được đưa đi huấn luyện quân sự. Tháng Mười, đóng góp tranh ảnh và xã luận trên báo *Máu và hoa hồng* (Chi to bara) số ra mắt và viết bài nhận định về việc nhà văn Kawabata được giải Nobel văn chương. Nhân năm đó kỷ niệm 100 năm Minh Trị Duy Tân (1868-1968), cho diễn vở múa ba-lê *Vua Miranda* (Miranda) trên sân khấu Nissei (Tokyo). Tháng Mười một, đăng vở kịch phúng thích *Hitler, bạn ta* (Hitora, wa ga tomo) trên Bungakukai. Có mặt ở bàn tròn do báo Bungei Shunjuu tổ chức thảo luận về cuộc tranh chấp đang xảy ra ở Đại học Tokyo giữa sinh viên và chính quyền.

- **1969:** (44 tuổi) Tháng Giêng, nhà Shinchô xuất bản *Tuyết mùa xuân* (Haru no yuki) và kịch đoàn Roman diễn *Hitler, bạn ta* ở Tokyo. Tháng Hai, Shinchô lại xuất bản *Ngựa bon*. Tháng Ba, Mishima đi thăm thành phố Gotemba gần núi Phú Sĩ để thu thập tài liệu viết tiếp *Ngôi chùa trong bình minh*. Tháng Tư, nhận một vai trong phim *Chém người* (Hitogiri). Tháng Năm, *Nữ hầu tước Sado* được in thành sách. Cùng lúc đó, tham gia buổi thảo luận với các sinh viên Đại học Đông Kinh. Tháng Sáu, phim *Chém người* ra mắt.

- **1970:** (45 tuổi) Tháng Giêng, đăng *Cánh cung căng nửa vầng trăng* (Chinsetsu Yumiharuzuki) trên Chuuo Kôron. Tháng Ba, được Tạp chí Mỹ Esquire liệt vào 100 nhân vật quan trọng trên thế giới. Tháng Năm, đi thăm vùng Shimizu và Tsuruga để thu thập thêm tài liệu viết *Người tiên bị đọa* (Tennin gosui), quyển cuối cùng trong tứ bộ tác *Bể phong nhiêu*. Sang tháng Sáu thì dù chưa xong đã bắt đầu đăng thành nhiều kỳ trên tờ Shinchô (cho đến tháng một năm 1971). Tháng Bảy, đi Shimizu, Shimoda và Ôshima để ngắm cảnh hoàng hôn trên biển. Đến tháng Tám, lại đi thực địa ở Enshôji (Viên Chiếu Tự), đều với mục đích thu thập tài liệu để viết những phần sau của *Người tiên bị đọa*. Tháng Mười một, tiệm bách hóa Tôbu ở khu Ikebukuro (Tokyo) mở cuộc triển lãm về Mishima Yukio cho đến ngày 17, có đến một vạn người xem mỗi ngày. Sau khi trao những trang bản thảo cuối cùng cho nhà xuất bản, ngày 25 tháng Mười một, ông đã cùng bốn đồng chí xâm nhập doanh trại lực lượng Jieitai ở Ichigaya, trối gô viên chỉ huy và kêu gọi binh lính nổi loạn để phục hồi vương quyền nhưng trước sự lãnh đạm và nhạo báng của mọi người, đã mổ bụng tự sát.
- **1971:** Tháng Giêng, được mai táng trong nghĩa trang Tama ở Fuchuu, ngoại ô Tokyo. *Người tiên bị đọa* được báo Shinchô cho đăng trọn vẹn và sau đó in thành sách.

Khác với một số định kiến, nhìn vào niên biểu sáng tác, ta thấy Mishima Yukio đã sống một cuộc đời trọn vẹn hiến thân cho văn học và nghệ thuật chứ không phải cho chính trị (mà phải nói là trong lãnh vực này, ông đã quá không tương). Cũng có thể là qua

những hoạt động văn học và nghệ thuật vừa kể, Mishima đã bày tỏ một nhân sinh quan mấp mé bên lề thời đại (*marginal* - phản chủ lưu) nhưng thử hỏi đã ai có được một niềm đam mê mãnh liệt đối với văn học và nghệ thuật, lại sáng tác hết sức đều tay bằng ông. Chưa có cơ hội tổng kết văn nghiệp của Mishima, chúng tôi chỉ ghi nhận một ấn tượng là từ năm 1941 - lúc mới đầu viết - cho đến năm 1970 là khi ông mất, trong vòng gần 30 năm, trung bình ông để lại mỗi năm ít nhất trên năm tác phẩm, dài có ngắn có, gồm truyện, ký sự, phiên dịch, xã thuyết, bình luận và kịch bản... Một bản tóm tắt sơ lược in trên mạng cho biết ông đã viết 40 tiểu thuyết và 18 vở kịch, cho in khoảng 20 tập truyện ngắn và 20 tập tiểu luận. Không những thế, Mishima đã tham gia hội thảo, phỏng vấn, nhất là lên sân khấu hay đến phim trường nhiều lần để đóng vai trò đạo diễn hay diễn viên. Tính đến nay, đã có 17 tác phẩm của ông đã được các hãng điện ảnh hàng đầu quay thành 18 bộ phim (có một phim quay hai lần), trong đó ông có mặt ít nhất trong năm bộ phim với sự tham gia của nhiều tài tử gạo cội như Mifune Toshirô, Katsu Shintarô, Ichikawa Raizô, Nakadai Tatsuya, Kyô Machiko, Wakao Ayako, Yoshinaga Sayuri, Asaoka Ruriko v.v... Theo thứ tự thời gian ra đời như sau:

* *Đêm thuần khiết* (Junpaku no yoru), 1951, do hãng Shôchiku, đạo diễn: Ôba Hideo, diễn viên chính: Mishima Yukio.

* *Cuộc mạo hiểm của Natsuko* (Natsuko no bôken), 1953, Shôchiku, đạo diễn: Nakamura Noboru.

* *Hàng mác Nhật* (Nipponsei), 1953, do hãng Daiei, đạo diễn: Shima Kôji, diễn viên chính: YamamotoFujiko.

- * *Tiếng sóng xao* (Shiosai) (bộ phim thứ nhất), 1954, do hãng Tôhô, đạo diễn: Yaguchi Senkichi. Có sự góp mặt của Mifune Toshirô.
- * *Mùa xuân quá dài* (Nagasugita haru), 1957, Daiei, đạo diễn: Tanaka Shigeo.
- * *Khi đạo đức sa chân* (Bitoku no yoromeki), 1957, Nikkatsu, đạo diễn: Nakahira Kô.
- * *Kim Các tự* (Kinkakuji), 1958, Daiei, đạo diễn: Ichikawa Kon, diễn viên chính Ichikawa Raizô và Nakadai Tatsuya.
- * *Bài giảng về giáo dục vô đạo đức* (Fudôtoku kyôiku kôza), 1959, Nikkatsu, đạo diễn: Nishikawa Katsumi, diễn viên chính: Mishima Yukio.
- * *Ngọn hải đăng* (Tôdai), 1959, Tôhô, đạo diễn: Suzuki Hideo.
- * *Cô nương* (Ojôsan), 1961, Daiei, đạo diễn: Yumi Sakutarô, diễn viên chính: Wakao Ayako.
- * *Con kỳ nhông đen* (Kuroi tokage), 1962, Daiei, đạo diễn: Inoue Umeji, diễn viên chính Kyô Machiko.
- * *Lưỡi kiếm* (Ken), 1964, Daiei, đạo diễn: Misumi Kenji, diễn viên chính: Ichikawa Raizô.
- * *Tiếng sóng xao* (Shiosai) (bộ phim thứ hai), 1964, Nikkatsu, đạo diễn: Morinaga, Kenjirô, diễn viên chính: Yoshinaga Sayuri.
- * *Trò chơi của loài thú* (Kedamono no tawamure), 1964, Daiei, đạo diễn: Tomimoto Shôkichi, diễn viên chính: Wakao Ayako.

- * *Trường học của thân xác* (Nittai no Gakkô), 1965, Tôhô, đạo diễn Kinoshita Ryô.
- * *Uu quốc* (Yuukoku), 1966, Tôhô hợp tác với Mishima, đạo diễn Mishima Yukio.
- * *Gã đàn ông phức tạp* (Fukuzatsuna kare), 1966, Daiei, đạo diễn: Shima Kôji.
- * *Khát tình* (Ai no kawaki), 1967, Nikkatsu, đạo diễn: Kurahara Koremochi, diễn viên chính: Asaoka Ruriko.

Nguồn:

- Gendai Nihon Bungaku Taikei (Toàn tập văn học hiện đại, quyển 85 nói về Mishima Yukio và Ôoka Shôhei (Chikuma Shôbô 1969).
- Website <http://www.MishimaYukio.jp/history.html>

Chú Thích

[1] Ở Nhật, có lẽ vì lý do an toàn, trong nhà con trai hay gái đều đi tắm trong bồn nước o-furo chung với cha hay mẹ cho đến một lứa tuổi nào đó.

[2] Izumi Kyôka (1873-1939): Nhà văn khuynh hướng duy mỹ, chuyên viết truyện kinh dị huyền ảo.

[3] Maurice de Vlaminck (1876-1958): Họa sĩ người Pháp thuộc phái Dã thú (fauvism) nổi tiếng cùng với Derain và Matisse.

[4] Tên thân mật để gọi Hiroshi.

[5] Koiso Kuniaki (1880-1950): Đại tướng Lục quân, Thủ tướng Nhật giai đoạn cuối chiến tranh Thái Bình Dương.

[6] Tiếng gọi yêu Michiko.

[7] Tiết Tiểu xuân (koharu): Khoảng thời gian ngắn vào cuối thu, trời bỗng ấm trở lại một cách đặc biệt.

[8] Lối nhuộm với mô hình và màu sắc tinh vi dưới thời Genroku (1688-1704) được nghệ nhân Miyazaki Yuuzensai hoàn thành.

[9] Onnagata (Nữ hình): Nam diễn viên chuyên thủ vai nữ trong tuồng Kabuki.

[10] Đường hoa (hanamichi): Phần đường chạy từ bên trái trung tâm nhà hát xuyên qua chỗ ngồi của khán giả và nối với sân khấu chính, được sử dụng làm lối ra vào của nhân vật, nơi nhân vật độc thoại trước khán giả, hoặc thể hiện các cảnh ngoài diễn biến chính.

[11] Thần Inari hay còn gọi là thần Cáo, là vị thần bảo hộ cho nông nghiệp, thương nghiệp, các thợ rèn, gạo, rượu sake và trà. Thần Inari thường được mô tả là bán nam bán nữ.

[12] Nịt bụng (haramaki): Nịt bọc quanh bụng làm bằng vải hay len để cho ấm và còn dùng như túi đựng đồ (tiền lẻ, thuốc lá...), đi chung với kimono hay quần áo ta.

[13] Đồng lương khá lớn trong bối cảnh thập niên 1950.

[14] Một tsubo bằng khoảng chừng $3,3\text{m}^2$.

[15] Tức bài *Un bel di vedremo*, ca từ đại ý: Vào một ngày nắng đẹp. Bên kia chân trời có vệt khói hiện ra. Có phải con thuyền của người ấy đã về? Con thuyền với cánh buồm thật trắng. Tiếng súng chào mừng vọng lại từ xa. Có thấy chăng người ấy đã về?

[16] Tức bà Cát Tường Thiên Nữ hay Sri-Mahadevi, nữ thần trong thần thoại Ấn Độ, vợ của Vishnu, dung nghi diễm lệ, đoan trang. Cũng được xem như một nữ thần trong Phật Giáo.

[17] Ignacy Jan Paderwski (1860-1941): Nguyên Thủ tướng, nhà soạn nhạc và nhạc sĩ dương cầm người Ba Lan. Làm Thủ tướng được mười tháng thì từ chức để theo đuổi nghệ thuật.

[18] Enrico Caruso (1873-1921): Ca sĩ giọng nam cao (tenor) người Ý trên sân khấu opera.

[19] Fyodor Ivanovich Chaliapin (1873-1938): Ca sĩ giọng nam trầm (bass) người Nga trên sân khấu opera.

[20] Beniamino Gigli (1890-1957): Ca sĩ giọng nam cao người Ý trên sân khấu opera.

[21] Lối nói “thế hệ Meiji” để chỉ những người còn giữ đạo đức truyền thống, so với lớp người theo mới của thời Taisho đến sau.

[22] Hoa văn vuông vẫn hai màu xanh và trắng như ô bàn cờ. Tương truyền đó là hoa văn trên quần áo mà kép hát nổi tiếng Sonokawa Ichimatsu (1722-1762) mặc trên sân khấu Kabuki vào khoảng năm 1741.

[23] Nguyên văn “o-mamagoto no toshi”, cái tuổi thơ ngây còn nấu cơm với lò bếp, chén bát bằng đồ chơi.

[24] Sandro Botticelli (1445-1510): Danh họa Ý thời Phục Hưng sống ở Firenze, được gia đình Medicis bảo trợ. Nổi tiếng vì các bức tranh có chủ đề thần thoại.

[25] Madonna: Ban đầu dùng để chỉ riêng Thánh mẫu Maria, sau chỉ chung những người đàn bà đẹp (nguyên văn tiếng Ý).

[26] Venus: Nữ thần tượng trưng cho tình yêu và nhan sắc của La Mã, tương đương với nữ thần Ái tình Aphrodite của Hy Lạp. “Dáng dấp ngoại đạo” khi đem so sánh với Thánh mẫu Maria.

[27] Walter Horatio Pater (1839-1894): Nhà phê bình và viết tiểu luận người Anh, người có uy tín về mỹ thuật sử thời Phục Hưng.

[28] Tsuyu (mai vũ): Mùa mưa dầm ở Nhật vào tháng Năm âm lịch.

[29] Thành phố biển và trung tâm du lịch nằm gần Yokohama, phía nam Kyoto.

[30] *Thái Bình Ký* (Taiheiki): Tiểu thuyết lịch sử Nhật Bản ghi lại giai đoạn biến loạn tranh giành vào thời trung cổ Nhật Bản. Gồm 40

quyển, tương truyền do nhà sư Kojima Hôshi viết khoảng 1368-1375 hay 1375-1379.

[31] Ikkaku Sennin (Nhất Giác Tiên Nhân), còn gọi là Ikkasen (Nhất Giác Tiên) hay Dokkakusen (Độc Giác Tiên): Người được xem như là một tiền thân của Đức Phật. Người nước Bà La Nại bên Ấn Độ, vốn do nai sinh ra trong rừng, đầu có một sừng. Tu thiền định lâu năm nên có pháp thuật. Vì oán hận nhà vua nên vị này làm cho trời hạn hán. Sau bị một dân nữ do nhà vua gửi đến quyến rũ làm mất phép thần thông. Từ đấy mưa lại chan hòa. Sự tích này đã thành đề tài cho vở tuồng Nô của Konparu Zenchiku (1405- khoảng 1470).

[32] Còn gọi là Suufukuji (Sùng Phúc Tự): Một ngôi chùa cổ xây từ năm 668 bên cạnh kinh đô khi đó còn là Nara. Một trong mười ngôi chùa lớn đương thời nhưng nay không còn dấu tích.

[33] Triều đại Trung cổ Nhật Bản dài khoảng 400 năm.

[34] Tư tưởng cho rằng có một thế giới thanh tịnh cực lạc thiên biến vạn hóa ở Tây phương, nơi có Phật A Di Đà và chư Phật. Con người nếu tu hành có thể thác sinh về đấy. Bắt đầu ở Trung Quốc, sau trở thành một phái tôn giáo ở Nhật với giáo tổ là tăng Hônen (Pháp Nhiên, 1133- 1212).

[35] Ôjô Yôshuu: Sách nhà Phật, gồm ba quyển do tăng Genshin (Nguyên Tín, 942-1017) trứ tác, hoàn thành năm 986, khuyên người niệm Phật để được vãng sinh cực lạc.

[36] Hay Eshin Sôzu, tên thường dùng để gọi tăng Genshin, cao tăng phái Tendai (Thiên Thai), từng du học bên Trung Quốc.

[37] Già lăng tần gia (âm Phạn ngữ Kalavinka): Là thú đầu người mình chim, có giọng hát ngọt ngào, sống ở trên đỉnh Tuyết Sơn hay cõi cực lạc.

[38] Do Tuần (âm Phạn ngữ Yojana): Đơn vị đo lường thời cổ Ấn Độ. Một do tuần rộng từ 7 đến 9 dặm Anh.

[39] Túc Tu Di Sơn (Shumisen - âm Phạn ngữ: Sumeru): Là đỉnh núi ở trung tâm thế giới của nhà Phật, có Đế Thích và Tứ Thiên Vương cai trị, vây xung quanh bởi bát sơn bát hải. Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao lại quay vòng bên ngoài.

[40] Thủy Quán Tưởng: Chữ nhà Phật dùng để chỉ sự tập trung tinh thần để suy nghĩ về dòng nước trong trên cõi Tịnh Độ. Đây là phép quán tưởng thứ 2 trong số 16 phép (thập lục quán) được giảng trong *Quán Vô Lượng Thọ Kinh*.

[41] Kyôgoku (Kinh Cực): Tên một khu vực và cung điện trong thành Kyoto. Thường ám chỉ gia đình quyền thần và ngoại thích Fujiwara no Michinaga, đời đời có nhiều con gái gả cho các Thiên Hoàng.

[42] Trượng có hình đầu chim bồ câu (câu trượng) để mừng người trên 80 tuổi vì bồ câu là giống chim ăn không bị hóc.

[43] Kabuki: Tên một loại hình biểu diễn nghệ thuật sân khấu của Nhật Bản.

[44] Quyển này đã được Tao Đàn xuất bản năm 2020 với tựa *Khao khát yêu đương*.